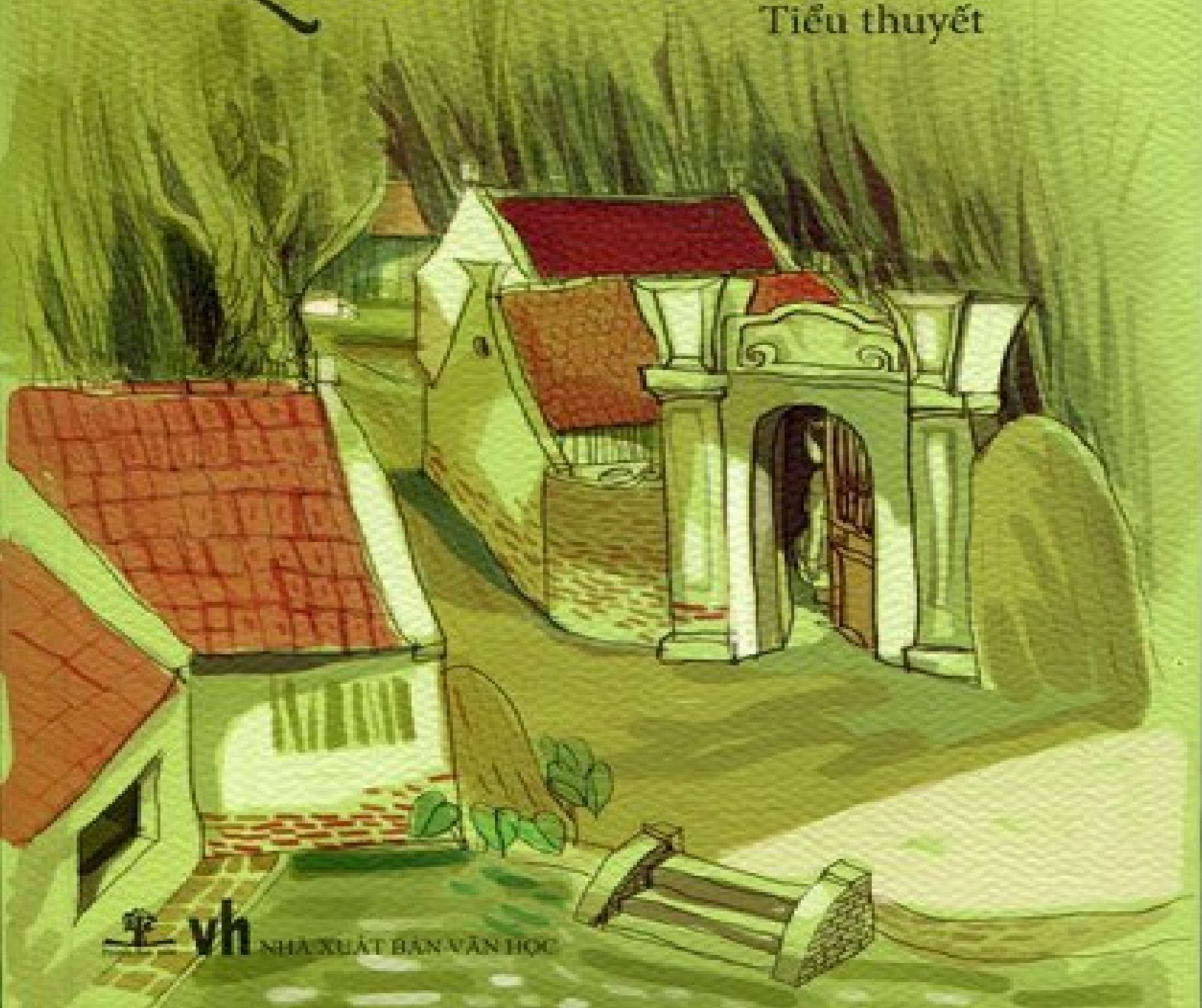


TÔ HOÀI

QUÊ NHÀ

Tiểu thuyết



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Giới thiệu

Quê Nhà: Nhà văn Tô Hoài đã viết một bộ tiểu thuyết gồm ba tác phẩm: tiểu thuyết “Quê người”, tiểu thuyết “Mười năm”, tiểu thuyết “Quê nhà.” Mỗi tiểu thuyết, câu chuyện, hoàn cảnh và nhân vật đều khác nhau, nhưng tất cả được nối tiếp có hệ thống về các sự kiện lịch sử và xã hội của một vùng nhất định. Câu chuyện về một địa phương, đây là các làng mạc ở Hà Đông và Sơn Tây, vùng tây bắc thành phố Hà Nội xưa kia, nơi nhà văn Tô Hoài sinh ra và lớn lên. Ở cả ba tiểu thuyết trên đều in dấu vết những nhân vật trong đó có tác giả và gia đình, bè bạn ở sự việc, ở hoàn cảnh, ở những kỷ niệm hồi thơ ấu và đương thời. Bộ ba tiểu thuyết này đã được liệt kê trong danh sách các tác phẩm của Tô Hoài vinh dự được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học đợt 1 (1996).

Tiểu thuyết Quê nhà (viết 1985) nói về sự việc hai lần quân Pháp tấn công chiếm Hà Nội cách nay đã hơn một thế kỷ. Tuy nhiên, những nhân vật lịch sử của các trận đánh: Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, các tướng tá Pháp như Phơ răng xi Gácniê, Hăng ri Rivie không phải là các nhân vật chủ yếu. Mà ở đây tác giả đã miêu tả tình hình các phường xóm và làng quê trong thành ngoại nội mà nhân dân - các anh hùng vô danh, đã dũng cảm nổi lên chống quân xâm lược như thế nào.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Nhà văn Tô Hoài đã viết một bộ tiểu thuyết gồm ba tác phẩm: **Quê người, Mười năm, Quê nhà**. Mỗi tiểu thuyết, câu chuyện, hoàn cảnh và nhân vật đều khác nhau, nhưng tất cả được nối tiếp có hệ thống về các sự kiện lịch sử và xã hội của một vùng nhất định.

Câu chuyện về một địa phương, đây là các làng mạc ở Hà Đông và Sơn Tây, vùng Tây Bắc thành phố Hà Nội xưa kia, nơi nhà văn Tô Hoài sinh ra và lớn lên. Ở cả ba tiểu thuyết trên đều in dấu vết những nhân vật trong đó có tác giả và gia đình, bè bạn ở sự việc, ở hoàn cảnh, ở những kỷ niệm hồi thơ ấu và đương thời. Bộ ba tiểu thuyết này đã được liệt kê trong danh sách các tác phẩm của Tô Hoài vinh dự được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học đợt 1 (1996).

Tiểu thuyết **Quê nhà** (viết 1978) nói về sự việc hai lần quân Pháp tấn công chiếm Hà Nội cách nay đã hơn một thế kỷ. Tuy nhiên, những nhân vật lịch sử của các trận đánh: Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hoàng Kế Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, các tướng tá Pháp như Phơ-răng-xi Gác-niê, Hăng-ri Rivie không phải là các nhân vật chủ yếu. Mà ở đây tác giả đã miêu tả tình hình các phường xóm và làng quê trong thành ngoại nội mà nhân dân - các anh hùng vô danh đã dũng cảm nổi lên chống quân xâm lược như thế nào.

Tiểu thuyết **Quê người** (viết 1941) cũng một khung cảnh ấy, những vùng Hà Nội đã bị chiếm đóng. Cảnh điêu linh và khốn cùng diễn ra, biết bao nhiêu người đã phải tha hương. Đi phu, đi làm đường, vào Nam, sang Tân Đảo và các thuộc địa Pháp ở ngoài châu Đại Dương, làm cu li đồn điền. Trong cảnh khốn đốn, phải đi "đất khách quê người". Tiểu thuyết **Quê người** đã được tác giả viết trước nhất, cách đây nửa thế kỷ, từ khi nhà văn Tô Hoài mới bắt đầu cầm bút. Điều đó chứng tỏ đề tài của vấn đề đã nung nấu lâu dài trong tâm tư và tình cảm tác giả theo bước với sự phát triển của số phận cuộc sống và lịch sử.

Tiểu thuyết **Mười năm** (viết 1957) cũng vẫn quang cảnh và tình hình ở vùng ấy, nhưng bước sang một giai đoạn quyết liệt nhất, mười năm 1935 - 1945. Nước Pháp đã bại trận ngay khi bắt đầu cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Phát xít Nhật can thiệp vào Đông Dương. Đất nước ta bị hai trùng áp bức và bóc lột, nạn đói vô cùng thảm khốc đã xảy ra mà mỗi con người chỉ còn có con đường một sống một chết.

Trong khốn cùng ấy, lá cờ nghĩa đánh Pháp đuổi Nhật cứu nước do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo giương cao đã tung bay khắp nước, từ rừng núi xuống đồng bằng. Tiểu thuyết **Mười năm** ấy là thời gian mười năm toàn dân chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, tiến tới Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

Đến nay, hơn năm mươi năm đã qua, để thấy được nguyên nhân sâu xa những điều tâm huyết của Tô Hoài với một vùng đất ông từng gắn bó. Trải ba mươi năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ngày nay đương bước vào giai đoạn xây dựng đất nước hùng vĩ chưa bao giờ từng có, xin được in lại trọn bộ cả ba tiểu thuyết: **Quê nhà, Quê người và Mười năm**.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

KHÔNG AI CÒN NHỚ TỪ NĂM NÀO - loạn lạc lâu quá rồi, con đường quan từ trấn Sơn^[1] xuống Kẻ Chợ vắng ngắt vắng ngơ đến đổi cả các làng ven đồng xưa rày có lối ra đường cái cũng như không biết có nữa. Những ngày phiên chợ Gạch, chợ Nhồn, chợ Phùng, không thấy một bóng qua đường về chợ.

Lại cho đến cái năm quan ba Ngạc Nhe^[2] sang bị chết trận ở đầu làng Thủ Lệ thì đường cái từ Sơn Tây xuống tưởng như tuyệt nhiên không còn ai dám qua lại. Đến mùa cỏ may, chỉ thấy từng quãng trắng mờ hút mắt. Thỉnh thoảng, giữa đám cỏ hoang ấy, một cuộn bụi đỏ bốc lên, cuộn dài, như những tổ mối đương đùn. Biết đấy là có ngựa trạm chạy thư lên ngược. Chỉ có thế, rồi đồng đất càng vắng lặng hơn.

Nhưng không phải như thế. Ở trong những khoanh tre kín mít các làng cuối cánh đồng xa tít kia, chợ nào cũng vẫn đông. Người tự xa cũng về chứ chẳng phải chỉ có làng xóm gồng gánh quanh. Thế mới lạ. Chỉ vì người qua lại, người đi chợ ngại ra đường quan gặp giặc, gặp kẻ cướp. Làng nào cũng đi tắt đồng. Từ Sơn xuống toàn đường tắt. Cả sang bên kia sông Cái cũng đi quanh co xó xỉnh, lên đê ra Vân, ra Cốc, xuống Bồng Lai, Bá Giang rồi mới trở ra, sang đò ở một bến lẻ nào đấy.

Bởi vậy, cái cảnh quen thuộc người ta thường gặp bấy giờ, đôi khi chợt tới đầu đồng, chân đê, dưới bóng một cây đề, một cây trôi tán lá tròn xoe, xanh mướt, cứ tưởng đến chỗ khuất nẻo quá như thế này mà nhớ độ đường thì chỉ còn cách ba chân bốn cẳng chạy thực mạng thêm một thôi nữa, bỗng nhiên lại thấy lúp xúp một quang cảnh yên vui, đôi ba chiếc lều chợ, một quán nước, có khi có cả hàng cơm chứa trọ.

Qua sông Đáy đến Phùng, tạt xuống cánh đồng Gối, đi một đổi, theo đường bờ ruộng vào đầu ô Cầu Giấy, hay tạt ngang sang sông Cái. Nhưng dù sang sông hay vào Kẻ Chợ cũng không ai dám đi thẳng đường Phùng. Chỉ ở những chỗ không ngờ mới có đò ngang sang sông. Có lối tắt vòng sau lưng phủ Hoài ra đầu ô. Và có hàng quán. Người đi đường dừng chân lại ở chỗ khuất nẻo, làm hóp nước, hoặc nếu nhìn ra thấy đã vàng mặt trời thì nghỉ lại. Trước mặt, chỉ thấy lũy tre và bãi ngô vàng thẫm thẫm, xa làng xóm quá. Người đi đã rờn rã mấy ngày đường lại càng ngại.

Chỗ ấy kín đáo đầu đồng, tựa lưng vào mấy gò đất cao, bên cạnh một dãy ba cây đề cổ thụ. Từ cuối đồng đằng kia đã trông thấy những cành lá đề lưa thưa đan lên khoảng trời.

Có một cái cầu ngói, nơi người đi làm đồng sâu đến nghỉ trưa. Không biết rồi mùa hạ tới, mấy quán kia có còn đứng được ở chỗ chợ vơ này không. Bấy giờ mới chớm gió heo mà đã thấy mái rá tơi tả, như những mái lều phải chúi vào gốc cây và lưng gò đất mới tránh được những làn gió giạt từ cuối đồng lên lùa vào vòm lá đề cứ reo à à suốt đêm.

Người xuống Kẻ Chợ hay sang sông qua đây đã quen gọi nơi dừng chân này là chỗ Ba Cây Đề đầu lối xuống bãi Cốc.

Bấy giờ, mặt trời đã khuất lưng núi Ba Vì. Chỉ còn thấy một vùng hừng trên đầu lũy tre xanh đen giăng ngang cuối đồng. Có hai người đương tắt tả đi lên. Từ bờ tre cuối làng qua một dải đồng cao rồi lại xuống đồng sâu, men theo bờ đìa - những lối kín qua làng. Đàn chim chơi chơi, chập tối rồi mà còn bay như vãi thóc, vụt lên vụt xuống, ở từng quãng chợt có người đi qua.

Lên tới được đầu đồng, đã nhọ mặt người. Bấy giờ mới trông rõ đấy là một ông già và một người trẻ tuổi - dáng như hai bố con. Cái nón bừa cũ kỹ - cả tàu lá cọ uốn khum, để nguyên đầu vấu, cũng khiến người ta đoán được ông con nhà này hẳn từ vùng chân núi Ba Vì ra thăm ai hay có việc về Kẻ Chợ. Ông già đeo khăn gói và người trẻ tuổi gánh hai tay nải nhỏ, trông chừng như bên trong đựng mấy lẻ gạo và chiếc mền để tiện ngủ đêm đầu sẵn có cái đắp.

Lều hàng cơm anh Đề Cut ở ngay gốc đề ngoài cùng. Thoạt trông như một cây rơm to được đánh đồng lại. Hay bảo đấy là cái lều ép mía cũng được. Những lều cây rơm, lều ép mía như thế

cứ vào cứ gặt ba giảng xong thường thấy được dựng tùm hum lên ngoài đồng. Những lều hàng cơm ấy thật sự là một cây rơm rỗng ruột, có cửa tò vò vào qua cái màn những cuộn rạ lượm tước xuống. Người vừa bước chân vào đã cảm thấy ấm áp mùi rơm, bỏ lại ngoài kia một cánh đồng ào ạt gió.

Mới chập tối mà nhiều người các ngả đường đã đến rồi. Không phải vì nghe tiếng ào xào trong nhà hàng và thấy ánh lửa các nhà trọ phía trong, mà chỉ mới trông trước cửa các quán thấy ngổn ngang từng cuộn những gánh song mây gác bếp ám khói, đã lên nước cánh gián sẫm bóng, người ta cứ để nguyên cả chiếc đòn ống như vừa lắng xuống. Các phường Hàng Tre, Hàng Mây dưới Kê Chợ vẫn ăn hàng song mây của lái chợ Nghệ. Những sọt củ nâu lóc nhóc chất ngập hai đầu đòn xóc, chắc mai gánh vào Hàng Vải Thâm hay các lò nhuộm ở Đồng Lầm. Những vò rượu Kê Sáu trát bùn ngoài giả như thùng sơn để che mắt kẻ trộm, cũng bỏ lặn lóc cả đấy. Rượu Sáu Giá vào Kê Chợ đường ô Cầu Rền. Rượu Thụy Chương, Vọng Thị qua đàng trại Hàng Hòa đương được khách hơn. Cả những gánh đĩa bát buôn ở Bát Tràng bên kia sông đem lên ngược, xếp ngay ngắn như những gồng cổ khô. Rồi lại những thùng tre ghép to gấp đôi thùng gánh nước, chít kín nắp, đấy là thùng dầu sỏ, dầu lạc mang vào các thổ mua buôn ở phường Đồng Xuân, phường Đình Ngang, phường Đông Tác - những nhà ở phường này lại quảy dần đi bán lẻ rao khắp các phố. Những thứ hàng cồng kênh ấy để ngoài cửa, cả trên những vè rế đề. Riêng những dây tơ Phùng mang vào Sài Bái, Nghĩa Đô hay chợ tơ đình hàng Đào, những thúng cau khô, những buộc trầu vỏ đỏ chóc bọc lá chuối khô, những cửa hàng hoa ấy được người ta đem vào chất cẩn thận sát vách cuối ổ rơm.

Ấy đấy, thời buổi loạn lạc, khó khăn, đường quan ngáp cỏ mọc, mà cửa quê của rừng cứ ùn ùn vào phường phố. Thế nào thì ai cũng vẫn phải ăn phải làm, cuộc sinh sống của con người lúc nào cũng đâm chiêu mê mải. Nhưng nói vụng với nhau đây thôi - đứng có mạch, vách có tai, có tài thánh mà biết được đấy là lái buôn hay đấy là tay chân các ông lãnh, ông võ, ông xuất ở đâu về quanh Kê Chợ để nghe ngóng, rình rập. Ai biết trong đồng gồng gánh chổng chất ấy là củ nâu hay là súng, là giáo mác...

Ông già dừng lại, bỏ nón ra, quạt lên khuôn mặt hốc hác đen sạm vì bụi, vì mệt nhọc hơn là vì nhớp nháp mồ hôi.

Rồi nói:

- Nghỉ lại đây thôi, con ơi!

Một quang đèn dầu trấu giữa nhà treo bằng cả cái chảo mây thông trên mặt chõng hàng. Ánh sáng đỏ đục, khói ngùn ngụt, soi nhếch nhoáng xuống cái lưng bóng nhẫy một con cây luộc xóc cả con trên chiếc móc tre, ngay cạnh bóng đợi đèn. Anh chủ hàng cứ chốc lại nhồm lên, giơ con dao mỡ nhoáng, xẻo ngọt từng miếng thịt xuống. Trên mặt mâm chõng, dài có đến ba sải tay, thôi thì la liệt, chỗ bát tương, chỗ cái vỉ, chỗ lá chuối tươi mở ra, những tảng thịt cầy, miếng nằm, miếng đùi lẫn lộn, tú ụ cả một lùm rau ngổ ba lá với từng tảng riêng gần như để cả củ, chỉ xắt đôi xắt ba to bằng quả cau, bằng nắm tay một. Đầu chõng đàng này đặt một chính tương. Bên kia, xếp ngất ngưỡng chõng bong bóng rượu, như đàn lợn tháu ăn no rồi nằm đè lên nhau mà ngủ. Những bong bóng lợn đựng rượu - các làng Bồng Lai, Bá Giang bên sông vẫn có thói quen xưa nay chỉ đựng rượu chơ bằng bong bóng lợn. Bọn lái vừa đem đến lúc chiều, chưa kịp trút vào hũ. Bây giờ cứ mở nút lá chuối khô, đóng thẳng từng be. Uống suông sã thế càng thích.

Người ngồi chen chúc hai bên hàng ghế. Ai cũng như quen nhau mà kỳ tình chẳng biết ai quen ai, chốn hàng quán bốc bãi tứ chiếng thường như thế. Khói muội đèn, khói rơm bếp, hơi người, hơi rượu thịt, cái lều rơm ấm sức hân lên.

Ông già vừa nhô đầu vào, hai hàng ghế đương ăn uống, cứ nhồm nhoàm cất tiếng như đã gặp nhau ở đâu rồi.

- Ấy kìa cố, chúng tôi vô phép rượu cố.

- Không dám, chur ông cứ tự nhiên.

- Cậu cả nữa kìa, mời cậu xơi rượu.

Một bác ngồi gần đấy, lừ con mắt đỏ ngầu, cầm bát rượu đưa lên mời người trẻ tuổi vừa bước vào sau lưng ông lão:

- Rượu đây, uống rồi mới được đặt khăn gói xuống. Lệ quán anh Đề này thế. Con trai mà như con gái thế, à mà má lúm đồng tiền nữa kìa. Cái nhà cậu cả này, hì hì...

Một người khác không nhìn lên, cứ gật gù lẩm bẩm một mình với bát rượu:

- Ủ, cười má lúm đồng tiền, khéo mà là con gái cũng nên. Ấy ấy, chẳng là nhà bố tôi hiểm, bố tôi cho cô em út cất váy đi bắt mặc quần con trai lấy khước đấy, anh em ạ!

Ông già râu hăn nét mặt rồi gườm mắt nhìn mấy người đương vừa nói vừa đùa cười hô hố:

- Đừng trêu cợt người già mà phải tội, chừ ông ạ. Bố con tôi đi đường xa mỏi chân quá rồi.

- Cố bỏ lỗi cho chúng cháu.

Một người phân trần:

- Nói thật với cố chứ, người thiên hạ bây giờ mà còn đi đó đi đây thì đến cái mồm cũng phải có võ mới dám bước chân ra đường cái.

Thế là mấy người lại nhao nhao hỏi: “Võ gì thế? Võ mồm à? Cái gì thế?”.

Một người nói:

- Cố ạ, mắt tôi đã trông thấy con gái Kẻ Sấu chuyên buôn rượu ra Kẻ Chợ toàn mặc giả đàn ông. Gánh rượu bằng đòn càn, gập Tây đánh Tây, gập cướp đánh cướp. Đám giặc cái ấy đã có lần nào nghỉ đêm ở hàng ta chưa, hả anh Đề?

- Dễ thường chưa đâu, ông anh ạ.

- Ủ mà giá các cô giặc cái ấy qua đây, người điển trai mà lại sức võ như anh Đề thế nào mà chẳng nắm được vài cô.

- Thời buổi này chán vạn cái lo, không dung lại đeo thêm cái lo nặng nợ vợ con nữa, sống làm sao?

Anh chủ hàng vừa xẻo miếng thịt, vừa nói. Cái bác uống rượu, cứ ngấm bát rượu của mình từ lúc nãy lại lẩm nhẩm nói:

- Đã bảo thời loạn, con người cứ phải lặn lội đầu hôm sớm mai thế này thì đến đàn bà rồi cũng hóa ra đàn ông, hà... hà...

Ở góc trong hàng, phía cửa đun bếp có tiếng đàn bà nói ra:

- Ơ kìa, em vẫn có hôm đi cất hàng đấy chứ.

Cả mấy bợm rượu lại nhao nhao:

- Cô ấy à, buôn ngồi như cô thế này thì ai chẳng buôn được.

- Đố cô dám mai đi chợ Canh mua chó về làm nào?

- Hay là vẫn đầu sai ông anh!

Anh Đề vào bếp, bước chen giữa đám khách đông bây giờ ngồi cả sang ổ rạ, vừa đi vừa cười hề hề:

- Không, không, cô nó nhà cháu vẫn đi chợ Canh, cả chợ Trôi, có khi sang tận chợ Đầm đấy ạ.

- Không phải mặc giả trai chứ?

- Không ạ.

- Thế thì giỏi, giỏi!

Bác cầm bát rượu lúc nãy bây giờ đặt bát xuống, nói:

- Hãy còn chuyện lạ hơn nữa kia, từ nãy là chuyện đàn bà hóa đàn ông, bây giờ chuyện đàn ông giả đàn bà. Vẫn bọn lái rượu Sấu Giá đấy thôi. Các tướng ấy muốn đi thông dong, ngại bọn cướp đường quấy rầy. Thế là, váy đụp, khăn mỏ quạ xùm xụp và đôi quang gánh tênh toàng như những bà lão trong làng đi chợ bán thúng khoai. Ấy thế mà cả trong ngực yếm cũng nhét hai cái bong bóng rượu phồng to tướng như hai quả dưa!

Người ta cười như hét lên.

- Chẳng biết thế nào, ông hóa bà, bà hóa ông... Ha, ha...

- Này thôi hãy hượm bông phèng. Cô em vào đong cho anh bát rượu nữa nào.

Người con gái đứng dậy, bước ra. Tiếng ù ù nhẹ nhẹ ở xó bếp bỗng dứt đi. Bấy giờ mọi người mới để ý từ nãy ở xế phía cửa nách cô Gái ngồi xay bột làm bún trong ấy. Thót đá nghiêng vào nhau, dấm dứt, lẫn tiếng gió xào xạc ngoài mái rạ, làm cho không ai nghe ra.

Gái bước vào quầng sáng đèn, nhắc cổ chiếc bong bóng để rót rượu và bấy giờ ai cũng trông rõ mặt. Cứ kể bộ dạng cô này thì đêm hôm cô đi chợ nào cũng được mà cả đến cho cô vào đánh nhau lột váy Tây đen trong Đồn Thủy cô cũng dám vào như bỡn. Mặt vuông chữ điền, dáng chắc mẫm, nhanh thoăn thoắt. Trong làn khăn vuông đen, chỉ thấy đôi mắt sắc như dao lúng liếng.

Gái lễ phép chào ông già vừa vào.

- Lạy cụ ạ.

Rồi quay sang người trẻ tuổi, khẽ nói:

- Chào bác ạ.

Anh chàng đã hạ đôi tay nải xuống từ nãy, ngồi ngang lên cái đòn gánh, ngượng nghịu, lí nhí đáp lại câu chào có vẻ tinh nghịch của cô gái hàng cơm. Rồi, lại như sợ sệt, anh nhắc cái đòn lên, ngồi lúi sút vào trong.

Gái nhanh mắt đã nhận thấy những cử chỉ nhút nhát của anh trai đường ngược.

Lúc ấy, chui từ trong bếp ra giữa làn khói thơm nồng nức có ánh đèn tỏa trên quang dầu xuống, mọi người mới trông tỏ mặt anh Đề chủ hàng cơm. Anh Đề còn trẻ, chỉ trong ngoài ba mươi. Mặt cũng vuông chạnh chạnh như cô em gái, thoạt trông biết ngay là anh em. Và bây giờ mọi người mới để ý, anh Đề mặc tấm áo kếp năm thân vải nâu da bò lửng ngang đầu gối, một bên ống thông, tay trái cụt hết nửa khuỷu dưới.

Chủ hàng vờn vờ làm như bây giờ mới nhìn thấy bố con ông già vào. Có lẽ cũng là do thói quen nhà hàng chuộng vui vẻ. Bởi một tay anh Đề đương xách ra một xâu lòng gan luộc vừa chín tới, khói lên nghi ngút.

- Lạy cụ ạ. Kia chú, ngồi ra mâm này, còn đánh chén nữa chứ. Xin cụ xơi tạm. Các vị đằng kia ngồi đẹp một tí. Rộng chán. Mà cho nó ấm. Hàng cháu là thượng hạng thịt cầy chỗ Ba Cây Đề này. Chỉ độc món luộc với món hầm, toàn kén chợ Canh cả. Chỗ chợ Canh ngon nức tiếng ra tận Kẻ Chợ đấy. Rượu thì có cái Quế Dương bây giờ là nhất. Rồi bún xáo, cô cháu kia vừa xay vừa rót khuôn làm bún, bún nóng. Ngà ngà rồi mời cụ với chú nghỉ trong ổ rơm. Khấp lều, chỗ nào cũng ngả lưng được, đấy ổ rơm suốt vào đến trong vách. Tối nay hàng cháu vui quá. Thưa cụ ở trên ngược xuống ạ?

- Phải.

- Cụ về Kẻ Chợ à?

- Phải ạ.

- Còn một thôi đường nữa thôi. Đây tới đầu ô chỉ rào chân một nhát. Mà ấy chứ, cụ đừng ra đường quan. Cứ ven đề lên rồi tắt cánh đồng trước mặt ra sau lưng phủ Hoài, lội qua đồng Noi mà sang Bưởi, cụ ạ. Các ông đây mai cũng đi tắt đồng thế cả. Bây giờ chẳng ai dại mà dẫm đầu

ra đường quan cho phải vác thêm cái hốt hoảng vào người.

Ông lão thủng thẳng nói:

- Đội ơn bác mách cho. Bố con tôi ở đồng rừng về, không sỏi đường sá thế nào.

Một người nói:

- Cụ cứ yên tâm xơi rượu. Bà con trong làng trong nước cả, có gì ta phải bảo nhau.

- Xin đội ơn ông.

Đề Cụt lại nói:

- A, khách nhớ nhà hàng, bận sau cụ có về cứ vào đây. Hàng cháu là hàng Đề Cụt.

Ông già ra vẻ lúng túng, nhưng đã nhác mắt nhìn rất nhanh chủ quán, rồi rụt rè:

- Vâng, cụ... cụ đề...

Đề Cụt cười lớn, trong khi đẩy bát tương và đĩa thịt vừa thái về phía trước mặt ông già.

- Cháu không phải đề với lãnh gì đâu, bố già ạ. Hàng cháu ở gốc cây đề, cái tay cháu cụt, khách quen gọi luôn thành tên cho dễ nhớ. Từ đấy thành tên là hàng thịt cây thẳng Đề Cụt. Có thể thôi ạ. Mời cụ nhấp rượu.

Một bác khách ngồi đằng cuối mâm chõng lè nhè nói chõ lên:

- Nhưng mà này anh cụt, bây giờ mà anh là đề đốc, lãnh binh thì em cũng xin khăn gói theo anh ngay. Tướng anh trông cũng phải đấy.

- Ới ông ời, hàng cơm quán trọ, đứng mạch vách tai, đừng có trống mồm mà oan gia. Đây cũng chẳng xa đường quan lắm, ông có muốn cho ông còn lần sau được về hàng em nghỉ chân mà khề khà thế này không?

Ông già bây giờ mới cười xuề xòa, hai tay nâng bát rượu cúi xuống húp một hơi cạn rồi chép chép miệng.

- À thế thì đề là cái gốc đề, thế cũng được.

Mấy người đã đổi chỗ xuống ổ rơm, nhường cho ông già ngồi bên cái ghế bằng mảnh tre úp đóng trên đôi chân mề gộc tre uốn khum. Ông già nhấc cái bát đàn rượu của anh quán vừa đóng, lại uống một hớp vơi hẳn đến lưng bát rồi mới gấp thức nhắm - một miếng gan thái pha to bằng ba đốt ngón tay.

Trong khi ấy, cậu con trai ông già xếp cái tay nải tựa gọn bên chân vách rơm sau lưng rồi ngồi tựa vào, thờ thẩn nhìn ra, hai tay ôm đầu gối, vẽ mỗi chân.

Mấy người ngồi gần ông già kêu:

- Ấy kìa cậu cả ra đây... ra đây...

Ông già đỡ lời:

- Vô phép chư ông, cháu nó không thời được thịt chó. Gói cơm muối vùng trong tay nải bố ấy, con lấy ra đây mà thời cho vui.

Tất cả lại cười vánh lên:

- Thế thì cậu cả lại là đàn bà rồi. Đàn bà mới không biết ăn thịt chó.

Từ trong chỗ xay bột bún góc lều lại có tiếng léo nhéo nói ra:

- Các ông anh ời, vuốt mặt phải nể mũi, còn có em đây chứ.

- Cô Gái thì cũng là đàn ông thôi, thịt hùm cô cũng nhá được, cô còn quá đàn ông nữa, không kể, không kể.

Ông già tộp một ngụm rồi cười khà:

- À cái rượu đậm đấy. Nguyên vì cháu nó có số thờ, phải kiêng từ thuở bé, lâu rồi đâm ra sợ, sợ cả mùi rượu. Chỉ vì cái số thờ mà đành chịu hèn, chứ ông ạ.

- Bố cứ cho cậu cả xuống đây chạy hàng cho anh Đề ít lâu, bén mùi rồi thì có mà lại tì tì chén đủ hai mươi món thịt chó trên đời cho mà xem.

- Thật đấy nhỉ?

Nhưng rồi mọi người lại ồn ào cười nói, không ai chú ý đến anh con trai không biết ăn thịt cầy ấy nữa.

Bây giờ, đến lúc đã ngời tay, anh chủ quán cũng ra đóng một vai ngồi vào đám rượu. Cho thêm vui. Cái quán Đề Cụt này có lẽ tối nào khách qua lại cũng đông đen đầu bởi anh chủ quán để tính thế vậy.

Anh Đề ngồi xồm xuống ổ rá đầu chõng kê bên chõng bong bóng rượu cũng đen xỉn như hai bàn chân to bè của anh. Anh vừa nhắm nháp, vừa đong rượu cho mọi người.

Ông già nói:

- Anh để dành cho tôi cái thủ này.

Anh chủ hàng kêu lên:

- Ôi, bố già đòi xơi đầu thẳng Ngạc Nhe kia, ghê chưa?

Ông lão gật gật:

- Trong con cầy thích nhất cái thịt thủ. Chả là cái răng mình còn khớ khớ.

Anh chủ quán bây giờ mới thật thông thả, cứ cười hê hê.

- Bố già đường rừng mà cũng biết cái thú xơi thịt cái sỏ Ngạc Nhe thì hay thật. Này cụ, trông cái đầu con chó kia có hết thủ cấp thẳng Ngạc Nhe không? Đấy đấy, hai hàm răng nó chìa hết ra trắng tênh hơn răng lợn luộc, Tây Ngạc Nhe răng trắng mà. Một ngày tôi được cắt tiết mấy thẳng Ngạc Nhe, tối nay lại ngồi hầu rượu thịt thủ Ngạc Nhe với bố già, bố già ơi. Nhắm một mình cái thủ Ngạc Nhe mới thật đích đáng ở đời, có phải không, chứ ông?

Cái bác nâng bát rượu cứ nhìn như soi mặt xuống bát lúc nãy, bây giờ lấy tay làm hiệu che miệng, trong khi đảo mắt nhấp nháy nhìn mọi người, giả vờ nói khẽ:

- Này ông Đề Cụt, đây gần đường cái quan lắm.

- Thằng Đề Cụt này sợ gì đường cái quan.

- Hàng cơm quán trọ chó có trống mồm, ông ơi!

- Đây không phải hàng cơm, đây là nhà tở.

- Nhưng mà ông vừa quát chúng tôi đừng có trống mồm mà. Việc quốc sự, mất đầu như chơi, có phải không, ông Đề Cụt?

Anh quán lại cười hê hê, biết đấy là mấy ông giỡn mình lúc nãy đã làm hiệu bảo người ta phải giữ mồm miệng.

Nhưng rồi Đề Cụt vẫn cãi gượng:

- Thế tở bảo chém đầu thẳng Ngạc Nhe thì có đúng không? Cái đầu lâu hoa cái nó chẳng đã lăn lông lốc ở cổng làng Thủ Lệ đấy à. Nó chả chết đồng tử ra ở đấy à? Ai vu cho nó mất đầu nào? Ai vu cho nó nào?

Mọi người lại cười râm ran. Những câu chuyện quốc sự như thế, ở mọi hàng quán hẻo lánh trên ngã ba, ngã năm đường tắt quanh Kẻ Chợ, mặc dầu nơi quán xá nào cũng vô khối bọn chó săn chim mồi được các quan trong tỉnh thả cho đi la cà rình mò, nhưng cái lo giặc dã từ đâu đâu

tới, nạn nước nổi nhà đang trải cảnh lầm than vẫn là câu cửa miệng, không mấy ai e ngại trò chuyện, than thở. Vả chăng, nếu có mặt thám của Tây, của chánh lý đi nghe ngóng thì ở những ngã ba, ngã bảy người người hay tụ hội này, lại cũng là nơi những kẻ đi lo quốc sự thường hẹn bắt mối, giao quân và có khi còn giăng bày thịt bọ chim mồi ấy.

Đề Cụt dương hăng:

- Mà ai biết được nhỉ, bố già tôi đây biết đâu lại chẳng là ông thống trên đường ngược về lấy quân. Anh em chúng tôi có ai được lọt mắt bố, bố cho đi theo làm chân giữ ngựa được không?

Ông già lơ lơ xua tay:

- Ấy chết, chừ ông tha cho, đừng nói thế mà buộc người già phạm vào quốc sự. Chúng em ở nơi rừng thiêng nước độc, chỉ biết xưa nay yên phận thủ thường.

- Nay bố ạ, ở những nơi rừng xanh núi đỏ ấy bây giờ mới ghê gớm đấy.

- Thôi thôi, hãy biết ta đương nhắm thịt cầy. Cứ kể lần này lão mới được nếm cái chó chợ Canh, quả là ngon có tiếng thật.

- Chưa chưa, bố già lời đời lắm, bố đòi ăn thịt thú. Trong con chó, đến cái thú thẳng Ngạc Nhe này mà ngon thì mới là chó ngon.

Vừa nói, Đề Cụt vừa nhắc con dao, lấy cùi tay đỡ rồi khoanh lượn một vòng, xẻo ngọt cái sỏ chó trên móc xuống đặt trên thớt. Rồi mũi dao khía luôn đường ngang dưới tai và một viền suốt sống mũi. Sau tỳ cùi tay giữ một bên, tay kia bẻ ngược hai cái, mới nghe răng rắc mà đã “roách” một tiếng, cả vòng cùi xương sỏ chó với hai hàm răng trắng hếu đã bật rời khỏi nạm da, vành tai, thịt cổ và cả cái lưỡi lòng thòng uốn cong. Tiện tay, Đề Cụt vút luôn đám xương sỏ ra qua lỗ cửa sau nhà. Rồi con dao lại thông thả khía vào vùng thịt thú giòn ngon, thái gọn từng miếng.

Ông già từ nãy bưng bát rượu ngang miệng quên cả uống, mãi xem Đề Cụt, chỉ bằng một tay mà lột gọn chiếc sỏ chó, tài tình quá. Bây giờ mới thốt lên:

- Hay! Hay!

Cô Gái ngồi trong xó nhà đã làm nốt mẻ bún cuối, hong lên vủ, thành bốn lon bún rối to tướng. Ấng chừng phải có thêm khách nửa đêm nữa mới có thể hết được chỗ bún ấy và thế là đã xong. Gái đứng dậy, đến trước mặt chàng trẻ tuổi vẫn đương ngồi thừ, mà từ nãy ngồi làm trong cửa bếp Gái vẫn nhìn trộm ra.

Gái cất tiếng hỏi:

- Bác không ăn được thịt chó thật ạ?

Anh chàng ấp úng:

- Mình còn... mình còn non tuổi, đừng gọi thế.

Không ngờ anh chàng xưng với Gái là mình. Cái tiếng mình êm quá khiến Gái đương mạnh dạn lại hóa ra lúng túng chưa biết trả lời thế nào. Lát sau, Gái mới dịu dàng, thì thào, nói trống không:

- Chốc nữa ăn bún. Bún nóng chấm tương, đậm lắm.

Anh chàng trẻ tuổi tùm tùm cười. Gái ngáy nhìn, như muốn lịm người đi. Nhưng anh chàng dường như cũng nhận ra mình vừa ăn nói có vẻ tự nhiên quá. Anh đáp cộc lốc:

- Tôi ăn cơm rồi.

- Ăn bao giờ?

- Lúc nãy.

- Không phải.

- Từ lúc nghỉ giữa đường kia.

- Bỏ vừa bảo còn nắm cơm trong tay nải lấy ra ăn cơm mà.

Thấy cô ả để ý mình kỹ quá, lại ăn nói trống trênh như người nhà, anh chàng đâm bực:

- Đã bảo ăn rồi mà.

Gái cười, lại nói trống không:

- Ăn thêm. Bún nóng chấm tương nếp ngon đáo để.

Anh chàng thoáng nhìn cô gái dạn dĩ. Có lẽ cũng trạc tuổi mình. Trai ở trại, gái hàng cơm. Gái hàng cơm có khác, cứ sẵn số vào người ta.

Phải rồi, mới đấy mà cô Gái đã ra bề đường như phải lòng anh chàng đường ngược.

Kể thì nom anh chàng có vẻ lam lũ nhưng khác người ta ở đây. Cái áo năm thân vải nâu da bò, quần nâu bạc, tóc búi tròn tròn trong vòng khăn vải gốc mộc thô đen như nước xáo chó. Nhưng sao mà làn da trắng mịn như con gái, mà cái miệng tươi quá, hai con mắt lơ lơ nhìn nòng nân như đuôi mắt muốn mắc vào nhau cho đến phải lòng nhau rồi.

Gái đã để ý anh chàng từ lúc Gái ngồi xay bột làm bún mà chàng ta không biết. Cũng không thể biết đâu mà để ý được, cái anh chàng từ núi Ba Vì về đây còn mãi ngồi bóp hai bàn chân đi đất đã sưng vù lên. Mà thật, người ta nói ở núi quen leo dốc ngược bàn chân bây giờ đi chân phẳng đường bờ ruộng cũng đâm ra đau chân sinh bệnh. Nhưng, sức trai trẻ thế ấy, chỉ nghỉ một đêm, mai khỏi thôi. Chắc lẽ cái nhà anh chàng này có nếp khuôn phép, bố còn thức, con chưa dám đi ngủ. Mấy lần ngáp vụng rồi mà chỉ thấy vẫn ngồi tựa lưng vào tay nải.

Đến khuya, các quán bên cạnh cũng im ắng cả. Chỉ nghe gió từ đồng sâu hun hút lên. Giá ai nhờ độ đường mà còn qua đây vào đêm hôm khuya khoắt thế này chợt đến có thể không biết trong chỗ lộn xộn ngổn ngang ấy là quán hàng mà tưởng như đây đương cuộc chén chú chén anh trong nhà - hay là một bọn cướp vừa đi làm ăn về, đương mãi vừa đánh chén vừa chia của, vừa ngủ ngay giữa cuộc cãi cọ.

Quang đèn cầy treo giữa nhà, đã mấy lần Gái bê hũ dầu trấu ra đổ rồi chốc lại kéo bắc lên. Các ổ rơm cũng được dần dần lôi đến quanh chân chiếc mâm chõng còn la liệt thức nhắm và những phạng nước xáo. Có mấy người cứ nguyên cả quần áo lấm láp thế lẫn ra, đã ngáy khò khò từ lúc nào không biết.

Giữa lúc ấy, cái bác suốt từ chập tối cứ gật gương vừa uống vừa ngắm bát rượu, chốc lại dấm vào dấm đánh chén một câu nhúng nhằng đôi khi chẳng đâu vào đâu, bây giờ lồm cồm đến ngồi trước mặt Đèn Cụt, cời chiếc hầu bao vải nâu nặng cộp đặt lên chõng, như đặt cọc.

- Tỉnh rồi đấy nhé. Tính tiền đây này. Rượu hai đấu một lẻ. Ba khoanh thịt, một bát xáo thôi.

- Bây giờ đã đi đấy à?

- Ừ, đi cho kịp độ đường.

Bác ta đếm ra một đồng tiền kẽm để trên mặt chõng, lại buộc lại hầu bao vào lưng rồi đến bên vách xốc ra cái dây to, - đã đứng lên mà người cứ lom khom như công cây rơm.

Một anh lè nhè hỏi:

- Đây gì thế?

Người khác ngồi cạnh vỗ vào lưng anh nọ vừa nói:

- Đây đựng thùng đem vào trới Tây ở Đồn Thủy đấy, mày hỏi làm gì! Nhưng mà bác ấy ọ, giờ khuya quá rồi, đừng đi. Đồng đất này không biết chừng thế nào đâu.

Người đeo dây rút trong thắt lưng ra con dao găm lưỡi sáng trắng, cười khê:

- Tao chẳng chặt cổ đũa nào thì thôi.

Rồi lom khom vác dây trên lưng, đi xuống cánh đồng trăng suông mờ mờ.

Đề Cụt vẫn ngồi im giữa mấy hũ rượu - cũng im lặng như những hũ rượu. Có hũ đã cạn, nằm lẩn chĩnh. Đám bong bóng đựng rượu đã xẹp hết, được xếp lại như đồng áo rách. Những ông khách ngủ lại, những ông khách thỉnh thoảng đi nửa đêm hay đi canh ba canh tư, cũng là thường. Người ta chỉ hỏi nhau thế thôi, không tò mò, không quan tâm lắm - ngộ như có người có ý tứ gì thì cũng chỉ để ý khéo, khó ai biết được.

Gái vừa ra bưng hũ dầu cất vào trong vách, Đề Cụt nói:

- Vãn hàng rồi, giập mấy cây nứa làm đóm mà về đi.

- Anh bảo em về bây giờ ấy a?

- Hai con chó mua chợ Canh vẫn còn để ngoài sân nhà. Khéo kéo phoir sương chết mất. Mày phải về cất đi.

- Em không về đâu.

- Xà... cái con này...

Gái cười.

- Em ở đây để chốc nữa nghe anh lại kể chuyện mà.

- Chuyện với trò gì!

- Chuyện đánh Tây ở Thủ Lệ...

- Mày nói như trẻ con đòi ăn kẹo, làm tao bật cười.

Một ông khách nói chen vào:

- Anh Đề ạ, khuya rồi, đừng bắt cô ấy về, từ đây vào làng phải qua cả một cánh đồng trống...

- Nó ấy à, có nửa đêm cho nó lên trời bắt voi nó cũng lên được. Nhưng thà mày cứ nói toạc ngay cái bụng ra thì tao còn nghe.

Gái ngúng nguẩy:

- Cái anh này rõ hay!

Đề Cụt vẫn cười, thông thả lắc lại xem vò nào còn rượu thì chiết dần rồi nút lại, bê gọn vào một chỗ.

- Lại còn mỉa tặc. Cứ nói thẳng là mày ăn phải bả cái anh ả xứ Đoài kia rồi thì tao nghe ra, tao cho ngủ lại đây ngay thôi.

Có người khúc khích cười. Một người bật cười khơ khớ. Cả những người đương gà mắt cũng bừng thức, ngóc cổ, nhìn quanh, khi thấy mọi người cười, cũng cười ngẩn ngơ. Gái thì ngồi chúi vào vách rơm và lặng im, không ai trông thấy nữa.

Có người sốt sắng và ngơ ngẩn hỏi:

- Anh ả nào xứ Đoài?

- Dở hơi nhà ông này! Cái thằng không biết ăn thịt chó ấy mà.

- Người đào hoa cũng có khác, đi giữa đường mà số đào hoa cứ quàng vào cổ thôi.

- Có phải thế không?

- Thằng con trai nào lúc mới để cú tràng hoa quần đầy hai vai, cái số đào hoa mà, ngày sau lớn, đi đến đâu gái theo đến đấy.

- À à...

Ông già đã ngả lưng rồi lại trở dậy tìm điệu cày, cũng gật gù vỗ miệng điệu.

- Cháu nó ngủ rồi. Hôm nay phải bữa đi quá độ đường sung cả chân.

Rồi cái quán lại lặng im. Mọi người ngủ yên và những đám lửa phía trong vách rơm đã tắt. Nửa đêm rồi, đầu đầu cũng chỉ nghe trong cánh đồng không tiếng gió bắc miên man lên, dào dạt qua ánh trăng sông nhờ nhếch, tưởng như cả thế gian bây giờ chỗ nào cũng chỉ là một cánh đồng bàng bạc gió bắc thổi rợn qua.

Đề Cụt vẫn ngồi trầm ngâm nhìn tùm bấc đèn bốc ngọn lửa đỏ ngòn quanh hai cái tai đèn làm bằng hai tảng gộc tre đã bám đầy những nạm muối đen nhánh cứ rơi xuống từng mảng.

Không phải anh Đề Cụt thường hay chuyện đánh Tây ở Thủ Lệ như Gái nói lúc nãy. Cũng có khi anh vui, có khi nói giỡn. Lúc nào hàng đông khách, anh vẫn thế. Chỉ đôi khi, đêm có những đám khách xa ở đâu về không biết, Đề Cụt mới lại kể chuyện cái trận ta đánh Tây ở đầu làng Thủ Lệ năm trước. Cô gái đã được nghe chuyện đến có phần thuộc, và có những đêm Gái thấy anh vừa kể vừa đưa ống tay áo lên quạt nước mắt xong rồi lại cười - cái cười nhột nhạt.

Khách hỏi:

- Thế trận ấy anh có đi với bố con ông Xuất Vấn à?

Đề Cụt nhìn ông khách, không nói. Khách lại thì thào:

- Cánh tay này anh bỏ lại ở trận ấy à?

Đề Cụt chỉ nhìn người hỏi mà không trả lời. Gái đã biết không bao giờ anh đáp những câu hỏi ấy. Anh chỉ lặng im. Rồi lại tiếp tục kể chuyện.

Câu chuyện còn sôi nổi cả vùng đến tận bây giờ, trận ta giết được quan ba Ngạc Nhe ở cổng làng Thủ Lệ. Bọn lính Cờ Vàng của thằng Đu Bi^[3] ở phố Mới đã biết kiêng mặt anh em quân ta, chúng nó sợ mất mặt, chẳng đứa nào dám thò ra đầu ô này đâu. Nhưng thằng quan ba Ngạc Nhe mới ở Sài Gòn ra. Nghe nói nó đã đi suốt các nước Lào, nước Xiêm cho nên nó hung hăng lắm. Nó nhả cả nước Nam ai có giỏi muốn đánh nhau với nó thì cứ ra Cổng Vị. Rồi Ngạc Nhe ra Cổng Vị, ra Cầu Giấy thật. Râu xồm đen kín mặt, nó đi hàng đầu.

Có lúc như thằng cuồng, cứ chạy tít lên trước, tay cầm súng, bắn vấy vào bụi cây, bắn mô đất, bắn con trâu. Cho đến hôm nghe có các quan trong Kinh ra xin giảng hòa, nó mới nguôi cơn điên được mấy hôm. Nhưng rồi bên ta lại có cánh quân nghĩa làng nào không biết, thách nó ra Cầu Giấy đánh nhau. Nó lại phát rồ lên. Nó đe lần này nó ra tận phủ Hoài, quyết phá đốt các làng từ ô Cầu Giấy đến tận Phùng. Nó biết tin bên ta đương sửa soạn đánh nó thật. Tin tức hai bên cứ thông tỏ như réo nhau ra mà thách. Bởi vì người ta vào thành hàng ngày. Ở trong thành, thằng Tây buôn Đu Bi sắp mở cả một khu phố mới trên bờ sông, nó làm như cái Kẽ Chợ riêng của nó. Cho nên, bọn Tây đi đứng thế nào ai cũng biết.

Thế là một vùng ngoài thành phía bắc lại dậy lên tin Tây sắp đánh ra. Nhiều làng nghe ngóng rồi rộn rịch chạy. Bao năm loạn lạc, chẳng mấy khi được ở yên. Cả tổng Trung, cả vùng phủ Hoài chạy loạn đồn lên Giày Kẽ, Núi Cáo. Giày Kẽ lại kéo sang ở đầu tận Bắc Bối bên kia sông Cái.

Nhưng chỉ vẫn chỉ các ông già bà lão và trẻ con đi, chứ trai tráng thì không mấy ai chạy loạn. Ai cũng nghĩ vừa đau vừa buồn cười, vừa căm giận đến phải chửi lên một câu. Bởi vì mỗi lúc thời buổi nháo nhác, lại vẫn lên biết bao chuyện bắn thủ, hèn hạ. Cứ gì giặc Tây, lắm khi chỉ nghe mơ hồ bên kia sông có bọn cướp to sắp tràn sang, mới thế mà các quan giữ thành Hà Nội đã mặt xanh như tàu lá. Đến bây giờ người ta còn kháo nhau như chuyện trò hề. Chỉ có quan thấy kiện thì bỏ đến như kiến thấy mỡ, còn từ hôm Tây chiếm thành, đến cả tháng sau cũng vẫn chưa ai lòi ra được mặt ông quan nào ở đâu. Người ta lại vừa mỉa, vừa đùa: "Để thường các quan đã chạy loạn về rồi, người gặp ngoài đường, mà không nhận được mặt. Sợ quá cái mặt cũng khác đi đấy".

Phen này mà Tây ra phủ Hoài, chắc làng nào cũng có người đi đánh. Cũng lại là thường thôi. Có năm, đề Văn Giang võ, chẳng mấy năm đề Văn Giang không võ, thế mà người các vùng đã dựng lên xưng danh làm ông xuất, ông đề, ông ngũ kéo quân đi hỏi tội các quan làm sao để cho thiên hạ đói, làm sao để điều võ mãi. Vận hội đất nước và con người cứ có khi, có lúc bồng bột thế.

Đâu cũng đồn quân Tụ So tận Kẻ Mây ra. Còn thì Quận Chũ trên làng Hồ, trong Núi có Lãnh Trú, trong Đám có Đề Kiên. Thế nào các tay khét tiếng tụ nghĩa ấy cũng nổi quân ra rồi.

Ông Xuất Vấn ở Nha đã được đích thực các ông ấy cho người ra đưa tin như thế. Ông Xuất mấy lần vào Cổ Nhuế. Tây Tựu, Mễ Trì, các nơi ông cũng đã đi cả. Rồi về, ông Xuất cho gọi anh em thủ hạ lại. Việc cứ thế, cứ thế mà làm. Có gì báo cho nhau biết thêm. Ngày ngày, các làng lại cho người vào dò la trong thành.

Có độ nghe tin quân ông Tán Dương[4], ông Khâm[5], ông Đề Lưu[6], lúc Sơn Tây, lúc Hưng Hóa, khi Tuyên Quang, quan quân mới xuống, đã đóng đen nghịt suốt dọc sông Tô Lịch rồi. Nghe thế, ai cũng phấn khởi. Nhưng cũng phấp phỏng lắm. Quan quân triều đình kéo về kéo đi, ai biết đâu chừng. Chỉ có làng nước, có bờ tre, có ao đình thì bao giờ cũng vẫn ở mãi một chỗ không đi đâu được cả. Không có quân quan, không có cơ Chấn, cơ Định, cơ Hùng, cơ Dũng[7] thì ta lập quân lên mà đánh. Vua quan không biết đến mà phong thành ông thống, ông vệ, thì người ta cứ đặt chức tước lên mà hội quân. Thằng Tây ra, nhất định thịt thôi. Nó ra lối nào cũng có người của ta chặn.

Quân ông Tụ So tận Mễ Trì cũng đã về la liệt ở Vòng. Chiều chiều, ông Tụ So cầm cái tay thước đi tắt cánh đồng Núi ra Nha đánh chén với ông Xuất Vấn, đến khuya mới cùng thủ túc về.

Ông Xuất, hôm ấy, gọi anh em lại.

- Ta mới được tin Tây cận ngày ra lắm rồi. Anh em đừng ai đi đâu nữa, kéo lúc có việc động dụng không kịp. Không ai ra khỏi cổng làng. Nội bắt xuất, ngoại bắt nhập.

Một người lắc đầu nói:

- Mấy hôm nay nhiều người vào thành lắm.

- Chúng nó vào thành làm gì?

- Bẩm ông lớn, đi khuân gạch.

Có những chỗ tường thành loang lổ trống trải từ mấy năm nay, không ai trông nom đến, người các làng xung quanh thường lên vào khuân về. Lính phòng thành gác trên chòi cứ làm ngơ. Làng nào cũng xô nhau đi khuân gạch vồ tường thành. Những người túng đói lấy từng viên gạch vồ, gạch hòm sớ về bán cho người ta xây tường, bán cho nhà chùa, cho làng xây cổng, ngõ xóm.

Một người nói:

- Phải cho người của ta đi xem có phải thế không. Nếu là vào thành lấy gạch như mọi khi thì không nên cắt miếng cơm người đói. Nhưng không cho bố con thằng Vạn đi.

- Bố con nhà Vạn làm sao?

- Người của ta để ý thấy hôm nào bố con nó cũng đi, nhưng không thấy khuân gạch về.

- Nó đi đâu?

- Bẩm ông lớn, không biết ạ.

- Thế mới rầy!

Ông Xuất Vấn nói:

- Việc này phải nghĩ đấy. Lúc nãy ai nói thẳng lý trưởng ô Chợ Dừa đã vào ở trong Trường Thi với Tây rồi. Có đích xác không?

- Cả chánh lý mấy làng ngoài Mai Dịch cũng rục rịch chạy.

- Chúng nó nói thế nào mà là chạy?

- Có người đến lay van thẳng với ông tị, ông quận, ông đề quân ta thưa xin đội ơn quan lớn con thề không bao giờ làm mật thám, không bao giờ theo Tây, con chỉ tham sống sợ chết thôi. Bây

giờ hai bên sắp đem nhau ra quyết liệt sống mái ở đây, con phải tránh đi để khỏi tai vạ.

- Bọn cua cáy ấy thì giết làm gì cho bẩn dao, nhưng cái lũ vào thành theo Tây mà ta vớ được thì cứ việc chặt chân, chúng mày nghe không.

- Có đưa còn về khoe Tây mới chiếm thành mà bây giờ cái gì Tây cũng có, đông vui hơn chợ Cầu Dừa, chợ Hàng Bè nữa. Hôm nào Tây cũng đón phường về hát tuồng rồi đi rao gọi người trong phường vào xem.

Ông Xuất Vấn gật đầu:

- Được, để tao cho hỏi tội thằng Vạn.

Ông Xuất Vấn gọi lão Vạn đến.

Lão Vạn gốc người ngoài Kẻ Sở bên hồ Tây, nhưng cứ phiêu bạt, có khi lên Phú Gia, mấy năm nay xuống làm ăn dưới Nha, ở đâu cũng loi thoi nheo nhóc không kiếm đủ miếng. Nhà không có, ở ghé mái ngoài, khi cửa đình, cửa đền và cứ bố con một mình một tính. Cả vùng người ta, làng trên chạ dưới, nghề giấy, nghề canh cửi, trồng dâu nuôi tằm, làm ruộng trồng ngô đất bãi, đồng này, lão không. Vẫn lối đông dài quan viên Kẻ Sở, cái giỏ đeo dít, suốt ngày quanh năm lúi húi, lang thang như con cuốc lúi kiếm con nhái, con lươn ngoài đồng. Không vào làng, không hàng phe, hàng giáp, không biết đến ai. Mà giá ông thủ từ ngoài đền có đuổi không cho lão trú chân lão cũng đi ngay. Sống bằng con cáy cái tôm theo bờ ruộng, đi đâu, ở đâu cũng đến vậy thôi.

Vừa thấy ông Xuất Vấn, lão Vạn đã bước đến tận nơi chấp tay vái rồi thì thào:

- Ông ơi, ông nghe tin gì chưa?

- Tin gì?

- Thằng lý trưởng trại Đại Ôn theo Tây rồi.

- Tao biết. Nó còn đem lính về Đại Ôn bắt người nữa chứ gì!

Rồi ông Xuất cười nhạt, vuốt vãnh một bên ria mép, chăm chăm nhìn lão Vạn, trong khi lão đương lơ láo vì những chuyện ghê gớm đến như thế vừa xảy ra mà ông Xuất cũng đã rõ.

Ông Xuất nói:

- Làng người ta có việc người ta, làng mình có việc làng mình. Làng mình khác làng người ta, nghe không.

- Vâng ạ.

- Ông lý làng ta đương ốm. Nhưng mà giá có khỏe, ông ấy cũng không đi theo Tây như thằng nào đâu.

Lão Vạn kể lẽ tự nhiên:

- Ông ấy tiếc cái nhà ngói cửa bức bàn, ông ấy còn hồng có khi về mà giữ. Cả mười mẫu ruộng chân liền nữa. Đi với Tây, biết còn gì ăn, lại biết bao giờ về.

- Không phải ai cũng dễ theo Tây đâu. Bọn chánh lý cũng tùy đứa. Ừ, đi theo Tây cũng còn có lúc phải về làng nước, về thì biết cắt cái đầu đi đâu.

Rồi ông Xuất nghiêm mặt, nói:

- Thằng Tây chứ thằng giặc trời cũng không đặt chân được vào khoanh tre làng này. Tao nhất quyết thế. Mày cũng biết đấy. Tao không phải lý trưởng.

- Dạ, vâng.

- Nhưng bây giờ tao trông nom cả làng.

- Vâng ạ.

- Quân tướng làng này đủ.
- Bẩm lạy ông lớn.
- Tao ra quân lúc nào cũng được.
- Bẩm ông lớn, ra quân ngay bây giờ ạ, để con xin...
- Cho mày đi báo Tây à?
- Ông lớn đừng chặt đầu con, con...
- Có phải bố con mày vẫn vào thành lấy gạch?
- Vâng ạ.
- Sao không thấy mang về hòn nào?
- Được hòn nào con đã mang vào bán ngay cho Nhà Chung ở ngoài làng Chân Cầm. Ngoài ấy lính đạo nó mua được giá hơn.
- Được rồi, nếu phải là thế thì tao giải cái oan cho mày. Nhưng mà từ hôm nay tao cấm không được ra khỏi cổng xóm.
- Bố con con chỉ đi dỡ gạch bán kiếm ăn, cũng như người ta.
- Không được.
- Ai có trông thấy con vào thành, con xin chịu tội bêu đầu tể cò. Thế thì con không bán gạch cho lính đạo Nhà Chung nữa, con đem về bán cho người làng Hồ xây tường vậy.
- Ông đã bảo không được đi đâu cả.
- Bẩm vâng.

Có tin gà gáy mai các làng hội quân ở Cống Vị. Ông Xuất Vấn làng Nha, ông lãnh Trứ trong Noi đều được báo gấp như thế.

Đề Cụt kể đến quãng các ông đi hội quân ở Cống Vị, không biết chuyện đã sang canh mấy rồi. Ngoài kia tối đen, không còn trăng mờ như lúc nãy. Khi sắp tàn canh, cái lúc ngày đêm giao nhau, bao giờ trời đất cũng có một khoảnh khắc sẫm lại như thế. Chẳng nghe một tiếng gà, chỉ có gió hú lên như hàng nghìn con cú con chồn cùng một lúc về kêu trong cánh đồng. Lại bỗng nhiên chợt lặng im. Rồi nghe rì rào rơi xuống một tiếng vạc rải rác đi ăn đêm bay qua.

Đề Cụt bảo ông già:

- Khuya lắm rồi. Cố nghỉ đi. Mai còn độ đường nữa mà.

Ông già nhắc điều cày, rồi mới hỏi. Nét mặt nhăn nheo bỗng căng thẳng, hai mắt chăm chăm nhìn như đợi từng tiếng Đề Cụt nói. Trong khuya, lúc ấy chỉ còn một người kể, một người nghe ngồi đấy. Phía cửa bếp, Gái ngả mình duỗi chân tựa vào vách, không biết thức hay ngủ.

Ông lão hỏi:

- Thế rồi hai bên đánh nhau to?
- Vâng, đánh nhau to.
- Có phải có một thằng quan Tây phóng ngựa ra Cầu Giấy, mới đến cửa đền Trại đã bay mất đầu.
- Quân ta hạ đấy ạ.
- Còn thằng Ngạc Nhe thì chết thế nào?

Đề Cụt mỉm cười:

- Thằng Ngạc Nhe thế nào ạ? Thằng Ngạc Nhe đánh thành cửa Bắc bắt được ông Kinh lược

Khâm sai, nó tưởng thế là nó tài hơn thiên hạ rồi. Mới nghe có quân ta lăm le đánh lấy lại thành, nó đã tức đỏ máu mắt, xông ra, chỉ đem theo mười tám thằng vừa quan vừa lính và một cái xe súng thần công. Đến ô Kim Mã, thấy súng trong bụi tre bắn ra, nó mới giật mình. Nó cho quan hai Ban-ny^[8] đi thẳng Cầu Giấy, nó lên Thủ Lệ. Thằng Ban-ny đến cửa đền Trại bị ta bắn chết đấy. Thằng Ngạc Nhe lên được một quãng đê, đương chạy xông xộc thì bị sụt hầm. Cả nó, cả thông ngôn, cả thằng lính hầu chết tươi ngay. Chặt đầu rồi khiêng cái sỏ nó đi rồi, lột lon quan ba của nó đem theo rồi mà lục mãi không thấy khẩu súng lục. Ra cái thằng ngông quá, đi đánh nhau chỉ đem rượu, quên cả đem súng.

Đề Cụt im một lúc rồi trợn mắt, nghiêng răng nói:

- Người ta đồn dăng dăng là ông Tán Dương hội quân với ông Đề Lưu ở Hạ Yên Quyết, ngay đêm ấy lên Sơn bàn với ông Thống^[9] cùng nhau cho quân đem cả súng thần công, cả voi chiến về đánh chiếm lại thành Hà Nội. Nhưng cái lão Hoàng này lại co vòi, lắc đầu. Thế có cay đắng không?

Cái bác hay nói đùa đã ngủ từ nãy, bây giờ bỗng thức, nghe thế rồi thông thả góp vào chuyện:

- Chư ông ạ, cái năm tôi còn trẻ, đã có lần tôi phải ba năm đăng lính phòng thành^[10], tôi đã nhẵn chân đi tuần khắp bốn mặt thành Hà Nội đấy. Vọng canh san sát, một khóa lính tuần đi suốt đêm liền ba năm mới mãn mà cũng không thuộc hết mặt nhau. Cứ tám thước^[11] một tầm mà đường vòng bốn cửa thành trên hai nghìn tầm chứ có ít đâu. Cái hào bọc quanh thành sâu ngập con sào, rộng năm chục tầm, thuyền đánh lưới ngoài sông Tô Lịch vào được mà. Trời, lại còn mỗi mặt thành ngồi năm khẩu thần công oai vệ trong pháo đài, ngày rằm, mừng một chúng tôi phải khói hương cúng các ông súng. Nào chỉ có thể thôi, bên trong còn có hoàng thành, cấm thành, tường cao đến nỗi chập tối đàn dơi bắt muỗi cũng chỉ chập choang bay đung ngang vòm cửa. Rồi nào dinh tổng đốc, đề đốc, tuần phủ, bố chánh, án sát, mỗi dinh là một cái thành con, đồn ngũ sẵn sàng, cả thủy binh, tàu ngựa, trường đức tiền, trường đức đạn, đồn tượng binh, xung quanh lại có hàng chục cái ao cho voi tắm... Nhiều khê quá. Ấy thế mà một tay thằng Ngạc Nhe với thằng lái buôn Đu Bi với dăm chục khẩu súng mà vua quan chạy táo tác. Đến đổi các làng hội quân ra chặt được đầu thằng Ngạc Nhe rồi mà các quan vẫn còn hoảng hốt chạy loạn chưa một ai dám về. Nhục thật.

- Thằng Ngạc Nhe cụt đầu rồi mà quan quân cũng chưa dám vào lấy lại thành!

- Chó má nhỉ!

Mọi người lại lặng im. Cái im lặng ngấm xuống, như cơn đau.

Đề Cụt ngựa cổ phả một hơi thuốc lào, tần ngần lúc lâu rồi thở dài.

- Không ai ngờ giữa lúc ở đầu ô ta được to như thế thì đảng Cống Vị cũng có đánh nhau. Quân ta nấp cả xung quanh gốc đa chỗ Đẩu Đông, chặn lối nó ra đảng ấy. Trời còn chưa sáng. Ai cũng ngóng sao chưa thấy quân ông Lãnh Trứ đến. Mãi mới nom như có bóng người đi phía miếu Đồi lên, rồi thấp thoáng nhiều người qua sông. Đúng quân lãnh Trứ rồi. Giữa lúc nghe phía Cầu Giấy có tiếng súng, một bọn Tây từ phía trong trại Liễu Giai kéo ra Cống Vị. Bên ta và anh em bên ông Lãnh Trứ chạy ra đón nhau, trời rét như cắt, sương mù mịt, ta không biết gì cả. Thế là chúng nó bắn vào tận nơi.

Đến đấy, ông già không hỏi nữa. Mà Đề Cụt cũng ngồi lặng, lò dò mắt, tay khều cái điếu, xoa lòng bàn tay trên đầu ống. Câu chuyện buồn bã rồi sẽ như thế nào, hình như cả người kể và người nghe chuyện cũng đều đã biết.

Khói thuốc lào lại mờ mịt trên mặt Đề Cụt. Tiếng Đề Cụt khao khao như tiếng người nói ở đâu.

- Trận ấy, hai bố con ông Xuất tôi đều chết trận.

Ông già thở dài, thốt ra một câu khó hiểu:

- Một mặt người bằng mười mặt cửa, chư ông ạ.

Hai người im một lúc thật lâu. Im lặng sâu thẳm. Bỗng thồm một tiếng vạc kêu trong vòm sương ngang trời, hết tiếng nước quệt xuống mặt nước.

- Sáng hôm ấy, làng kéo quân về, đi lòng bố con nhà Vạn để hỏi tội. Nhiều người vẫn ngờ bố con nhà này lắm. Làm sao Tây bắt thẳng được ngay vào chỗ gốc đa. Phải có đũa phản phúc thế nào nó mới biết được quân ta đã đến đây. Ai cũng tưởng có lẽ bố con nhà nó trốn rồi. Nhưng mà đến lúc thấy lão vẫn ngồi hun chuột ở giữa cánh đồng. Bảo lão là ông Xuất chết trận rồi, lão ôm mặt khóc hu hu. Cũng không aiỡ giết. Biết nó thế nào, có khi cũng là cái số con người ta thôi, cố ả.

Đề Cụt mở mắt nhìn và nghe ra tiếng ông già thở dài, như tiếng nảo nuốt từ lúc nầy chưa dứt.

Lát sau, Đề Cụt hỏi ông già:

- Mai bố đi còn xa không?

- Tôi cũng xuống Nha đây thôi.

- Bố về Nha ả?

- Chẳng nói giấu anh, tôi về viếng ông Xuất.

Đề Cụt đứng phắt dậy, một cánh tay ôm chặt vai ông già, nước mắt giàn giụa.

- Giờ ời, ông, có phải ông là ông Tư ở Ba Trại đấy không?.

Ông già nói khẽ:

- Tôi đây.

Đề Cụt cứ một tay ôm ông Tư như thế, nước mắt ròng ròng.

- Ông Tư ời, không ngờ mà anh cả Vẩn cũng chết trận sáng hôm ấy ở Cống Vị.

Một lát sau, ông Tư nói:

- Mãi đến đầu năm nay tôi mới biết. Tháng Ba năm ngoái, không thấy người lên tảo mộ tổ, tôi đã ngờ ngợ. Nhưng cũng không ngờ. Thôi thì nghĩa tử là nghĩa tận, bố con tôi xuống viếng ông Xuất, viếng cháu cho phải đạo, dầu rằng một ngày cũng nên nghĩa...

- Cậu cả cùng đi với ông đây là...

- Nó là thằng út nhà tôi.

Không ai biết lúc ấy anh chàng con út nọ vẫn nằm thức, hai mắt mở chong. Đến khi Đề Cụt ôm vai áo ông Tư kêu lên, nước mắt anh cũng ứa ra giàn giụa ướt xuống thẳm cả mặt cái tay nải gối đầu.

Trời dần dần rạng sáng...

Từ canh ba trở đi, các quán trọ dưới gốc đề đã rộn rịch người sửa soạn gồng gánh, rồi lần lượt đi. Hầu như cho đến sáng bạch, chẳng nhà nào còn khách nữa. Ai cũng muốn mãi miết đi từ lúc tối đất cho qua nhanh được độ đường một ngày khó khăn trước mặt.

Những cây đề chơ vơ giờ cành khẳng khiu lên nền trời đục sáng sớm. Cái quán hàng ban ngày trông như những đồng rạ mọc thối. Cả bốn phía, những con đường tắt thấp thoáng từng quãng trong cỏ cao ngang đầu người. Phía nào cũng vắng ngơ vắng ngắt như mọi ngày thường. Không ai có thể tưởng tượng ở nơi quạnh hiu ấy lại có lúc đầm ấm, ồn ả, có những đêm người ta lo nghĩ gần xa như đêm qua.

Bố con ông Tư đã sắp sẵn khăn gói.

Đề Cụt giữ lại mời cơm sáng thế nào cũng không được: - “Thế thì tùy ông...”

Đề Cụt bao giờ cũng là người kỹ tính. Ông Tư vẫn thường xuống nhà ông Xuất, Đề Cụt biết thế, nhưng Đề Cụt chưa được gặp ông Tư lần nào. Mặc dầu, Đề Cụt trước nay đã biết cả Vẩn sắp làm

rể ông Tư, hai nhà đã có chạm ngõ, ăn hỏi. Nhưng Đề Cụt cứ chột lại nghĩ: Có phải ông Tư đây không... hay là thế nào... Cứ cẩn thận vẫn hơn.

Ông Xuất Vốn mất đã ngót hai năm rồi mà Đề Cụt vẫn nhớ như sinh thời ông Xuất. Cái hàng cơm chứa trọ của Đề Cụt chẳng qua chỉ là nơi che mắt thế gian, chỗ này là trạm gặp gỡ của nhiều hội nghĩa các vùng. Đón hẹn, rủ đi hội, có khi tải giáo mác, tải súng, có khi đưa đường. Đề Cụt vẫn được các nơi giao làm việc ấy. Người mất rồi mà Đề Cụt vẫn nhớ lệ, vẫn coi đây như trạm gác, vẫn cẩn thận.

Đề Cụt gọi em gái ra sau nhà, dặn vội mấy câu, rồi ra nói với khách:

- Hôm nào về ông lại qua đây nghỉ, bây giờ tôi cũng không dám giữ. Tôi chỉ xin cho em tôi nó đưa hai ông con về dưới Nha.

Ông Tư thoái thác:

- Tôi thuộc đường rồi mà.

Đề Cụt cười, nói:

- Đành là ông thuộc đường, mà tôi không biết thì chẳng nói làm gì nhưng đã biết ông đã về qua đất ông Xuất tôi, chúng tôi phải lo lắng tươm tất, đây là bốn phận của con cháu, xin hai ông con cứ cho tự nhiên thế.

Hai người ngồi nhấp chén rượu sớm rồi mới đi. Chỉ có Gái, cứ vừa hí hửng vừa lạ lòng và ngỡ ngàng không hiểu sao hôm nay anh lại bảo đưa hai người khách đường ngược chu đáo đến thế về Nha.

Có lúc Gái chột nhìn tấm áo năm thân rộng thùng thình của anh chàng. Rõ ra người đường ngược về đất tỉnh. Nhưng trong cái vẻ chân quê vẫn thấy sao ở đâu mà có người điển trai đến thế. Gái cứ nhìn anh chàng, đôi lúc dăm dăm, con mắt có tình với ai như không rời ra được.

Gái mỉm cười, lại hỏi trống không:

- Đã hết đau chân chưa?

Anh chàng chỉ lắc đầu không nói.

II

TỪ SƠN TÂY, đi vào núi Ba Vì, cả ngày đường vẫn chỉ qua một vùng đồi cỏ tranh xõa suốt tận chân núi. Tưởng đến quãng trước mặt thì cạn lối nhưng gạt cỏ ra lại thấy vết chân người đi. Từ bao nhiêu đời, đã có người qua lại rồi lâu dần, thành đường.

Những ai cả đời ro ró không ra khỏi chỗ đường cái chốt Nghệ đầu tỉnh, tưởng đâu có làng xóm trên ấy, đến khi thấy người phía trên xuống chợ mới biết trong chân núi cũng có người ở từ bao giờ.

Quãng này, một phía núi nghiêng lên trước mặt, đến mùa lũ đi xa trông lại còn thấy làn nước thác trắng xóa đổ xuống, lẫn vào khoảng trời xanh trong và dưới kia, triển miên những cánh đồi hoang tràn ra, hầu như đến tận sông Cái ngoài bến Phú Nhi.

Ven các bờ suối trong thung lũng, người Mường ở Lương Sơn về. Từ các cánh rừng lưng núi xuống, người Dao bên Tuyên, Thái mấy ngày đường trèo núi sang. Đầu tiên, đi tìm đất đốt nương, lâu dần, người đến ở hẳn với đồi với ruộng. Phía ngoài Sơn vào, từ ngã ba Suối Hai tới, có nhiều người vùng xuôi lên. Vài năm lại thấy nhấp nhô một quãng đất mới đỏ khé. Trước kia, còn ở rải rác, ruộng đâu nhà đấy, sau các nhà cứ ở gom dần lại trong những khoanh tre quanh từng cánh đồng nhỏ, cạnh những quả đồi trồng chè. Có khi giữa nương sẵn lại thấy chon von một nóc nhà. Từ đấy được đặt tên là Ba Trại - cũng không biết thành tên bấy giờ là từ bao giờ.

Gốc gác nhà ông Tư lên Ba Trại dễ thường từ khi vùng này chưa có tên là Ba Trại, cũng như nhiều nhà lưu lạc đến đây. Chẳng ai để ý là Mường, là Dao hay người đường xuôi tới, chỉ biết mỗi con người ở đâu đã phải đưa nhau tới chốn này - đều cùng một cảnh ngộ tha hương, người vì đói khổ, người phải trốn tránh tù tội, biết bao nỗi éo le, bao nhiêu tình cảnh.

Đến đời nhà ông Tư ở Ba Trại đã là đời thứ năm, thứ sáu, không rõ. Con đàn cháu đống sinh sôi thành hai chòm một xóm nhỏ ở sát đầu cánh đồng.

Đất ẩm hơi người đã ra nền nếp. Những vườn mít cây to một người ôm, trồng đã mấy mươi năm, lặc lè quả bằng cái chõ đại. Hàng cau liên phòng trước nhà như màn幔 buông. Cau tốt chẳng khác những vườn cau xóm nhà sàn người Mường bên kia đồi. Rồi cũng giống mấy làng ở xuôi, trong những khoanh tre âm u che khuất mỗi chòm xóm cũng có đình thờ thần như dưới xuôi. Không có thánh hóa tại chỗ thì thờ vọng. Có chỗ thờ ông bắt ếch núi phải rắn cắn, có nơi thờ người thất cổ được giờ linh. Cũng không biết từ đời nào truyền lại như thế. Lại có chùa, có đền, có văn chỉ, có miếu thần đất, ngoài đồng xa có mái cầu cho người làm đồng nghỉ trưa trong bóng mát những cây đề, cây trôi cổ thụ.

Ở đâu có đất sống, người ta cũng dựng được cơ ngơi và một tấc đất cũng tần tảo nên miếng cơm ăn. Nhưng dù ở đâu, các cụ đều có một điều mà đời nào cũng đình ninh. Những người già, trước khi nằm xuống, dặn lại cho con cháu biết quê gốc nhà ta ngày xưa ở xuôi lên. Lời dặn ấy, đã truyền miệng, bây giờ trước khi “đi” lại trời trắng nữa. Người tha hương chỉ có hai bàn tay chịu khó, chí thú làm ăn, không ai biết đến chữ nghĩa và gia phả. (Có lần, làng cũng kén được thầy đồ lên ngồi bảo học. Nhưng chỉ vài tháng, thầy đồ sợ con hùm, sợ nước độc, bỏ về xuôi. Từ đấy thôi).

Lời dặn đã khắc sâu, con cháu phải biết, phải nhớ, phải nói lại. Các cụ quy tiên ngày trước có thể còn dặn dò kỹ lưỡng nữa, họ nhà ta cụ tổ ở mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi xã, mỗi thôn. Nhưng trải bao đời cho đến bây giờ, các chi họ ở xuôi lên Ba Trại chỉ còn nghe để lại có một câu: gốc họ Lê nhà ta ở phủ Hoài.

Nhà ta ngày trước... Họ ta xưa kia... Cụ tổ nhà ta quê gốc ở...

Cả mấy đời cũng chỉ biết thế. Nhưng thật cũng chưa ai đã lần nào cất công đi tìm. Chưa ai biết phủ Hoài ở đâu dưới xuôi. Chỉ bởi tối ngày, đời cha hết đời con, chẳng cất đầu ra khỏi được cửa rừng. Vẫn chỉ vì miếng ăn. Có điều khác, ở xuôi nhà nào không có tấc đất thì có cơ chết đói, đây của rừng không thiếu, người ta cố nai sức ra cũng kiếm được cái sống trợ thời qua ngày.

Bây giờ, đến vùng Ba Trại, thấy được làng mạc quanh cánh đồng, những nhà Mường gác cao, khách nằm hóng mát kê gối lên cửa sổ trông xuống mảnh ruộng lúa thả cá trước cột sào, rõ nghĩa câu ví phong lưu: cơm trên, cá dưới. Những nhà Kinh, buổi sớm buổi tối, gà quanh chuồng chen chúc táo tác như ngôi hàng gà giữa buổi chợ.

Không ai ngờ được xưa kia, đất hoang xơ xác, người đến ở lẫn với hổ gấu hươu nai, thế mà con người ta chỉ thú nên được cơ ngơi như thế này. Khác nào, nhà ông Tư bây giờ đã có bát ăn - nhà ông Tư và nhiều nhà trong làng cũng chỉ còn nghe kể lại đời các cụ vì đói khó mà phải lìa quê.

Kể từ đời các cụ mò mẫm lên tới đây, không ai biết, không bao giờ con cháu biết rõ ràng được tại sao. Chỉ đoán bởi tội nghèo. Có thể nghèo vì ốm đau, có thể vì cờ bạc. Không đủ vốn để nổi khung cửi hoặc có sào ruộng đã cầm cố đi rồi. Đành trông vào cái đơm cái đó, cái mai đào rần, bắt chuột - kể sinh nhai cuối cùng của con người. Cũng vẫn chưa yên. Có năm vỡ đê, trôi mất cả lều vó. Rồi lại giặc dã đâu đâu kéo đến, không biết chỗ nào mà tránh. Con cháu cũng chỉ tưởng đến những nỗi niềm cha ông phải tha phương cầu thực vì thế.

Vài ba năm lại có người lưu lạc đến đây ở làm dân ngụ cư mới. Cái chuyện kể đi kể lại người nào cũng vẫn chỉ chồng chất những giày vò, những đau khổ đói khó đến cùng cực, phải bỏ lên đường rừng thoi.

Ông cụ tổ chi họ Lê phiêu bạt lên đây, xưa kia phải ra đi rồi khuất núi ở Ba Trại đã không bao giờ kể lại chuyện cụ phải bỏ làng như thế nào. Bởi nông nổi ấy đã là cái khổ, lại còn khổ còn nhục hơn cả cái đói. Không bao giờ muốn kể lể, muốn nhớ.

Đây là cái hèn, còn nhục hơn cả cái đói, cái hèn chỉ vì đói khó quá không gánh vác được lệ làng mà phải bán xói. Lệ làng! Lệ làng! Đất có thổ công, sông có hà bá, làng có quan làng, có lệ làng... Cả đời người ta no đói cũng chỉ vì lệ làng. Đời cha đời con đời cháu xoay vần, còn lệ làng thì không hề biết đến đời người, vẫn cứ trơ ra như thế.

Trai làng mười tám tuổi bạch đình, bắt đầu làm tuần phiên hầu làng rồi chạy tiền lên chân cai cò, cai kiệu được trông coi cai quản đô tùy, khởi nổi phu phen. Rồi phải bắt lính, tiếng là lương lính một tháng Hai quan tiền, một phương gạo, nhưng tiền gạo ấy của xóm, của nhà đổ ra nuôi. Lấy đâu mà bù được. Đến khi được tuổi tam tứ tuần, dù cho có rớt mùng tơi cũng phải biết dành dụm, vay mượn, bán sống bán chết lo bữa cỗ trình làng cho lên linh. Rồi năm sáu mươi tuổi chạy lên lão, bảy mươi tuổi lên thượng thọ.

Khi được phúc, có tuổi cao, lại làm thủ từ, làm ông chùm, làm tế chủ. Việc gì cũng phải đắp tiền ra lo khao vọng, tuổi nào cũng đầy những lo. Lệ trọng ấy với tất cả mọi người.

Kể chi những nhà giàu, người chữ nghĩa đỗ đạt được vào hàng tư văn, làm thủ bạ, làm chánh lý - các quan làng đặt ra lệ làng. Lại kể chi những người một chữ cấn đôi không biết nhưng nhà ruộng cả ao liền, được mua hương hào, lý hào, vừa đến tuổi bước chân vào đình đã ngồi chiếu cặp điều. Lệ làng thật nghiêm. Những người nghèo khó cứ cả đời vừa điều đứng lo sợ cũng vừa ao ước, vừa áy náy, dăm chiêu.

Mới chỉ lo lên linh, lo được ghé dít vào ngồi chiếu mộc ngoài cột đình bắt đầu vào hàng lão ông, nào đã “câu đương” chúc dịch gì. Làm sao, chạy đâu tiền nuôi được con bò thờ. Con bò mộng ấy tha hồ lộng hành, lệ như thế.

Bò ăn lúa ruộng nhà ai cũng không dám kêu. Bò vào vườn nhà người ta cứ đi thông dong, không ai đuổi, quơ gì cũng được. Con bò béo mướt, tròn khoáy mộng. Đến tháng Một qua Tết cơm mới, bò được ngả thịt mời làng. Các quan viên, các cụ linh lão, các ông “câu đương” chúc dịch đi ăn cỗ lên linh. Từ hôm ấy, cả làng không được gọi trống không ông cả, ông hai, mà ai nấy cũng kính gọi ông ấy là ông linh Giáp, ông linh Ất..

Ông nghĩ mà sướng, ông nghĩ mà lo. Không lo được vọng, thì cả đời như con chuồn chuồn lang thang vật vờ ở bờ ao chẳng dám bén mảng chốn đình trung, đi đường không ngẩng được mặt.

Ông tổ chi họ Lê này ngoài bốn mươi tuổi rồi đã nghĩ, biết lo từ thuở trẻ mà bây giờ cũng

không đào đâu ra tiền tậu được con bê, con bò. Không biết trông vào ai. Dù có trong họ ngoài hàng, nhưng đã là người nghèo khó thì chỉ có trông vào vợ. Ông cũng không nuôi nổi con lợn thờ. Con lợn thờ phải kén giống ăn cám trộn cháo gạo nếp, nước mía - người cũng chẳng có của ấy đổ vào mồm, nữa là lợn. Quanh năm, ông đóng khố một, kéo vó đánh tôm. Ông chẳng có gì cả. Mà lệ làng như quả núi dựng đứng trước mặt. *Hương đẳng chi hữu sự lệ. Do triều đình chi hữu pháp kỷ.* Làng nước có sự lệ. Cũng như triều đình có luật pháp... Các quan làng hét thế kia mà.

Không biết làm thế nào. Nghìn đời nay làng nước khinh rẻ những người không gánh nổi lệ làng, đến bạc đầu vẫn phải đeo cái tên bố cu, bố hĩm. Sống tủi hổ trong sự khinh bỏ, không thể sống. Chỉ có thất cổ hay là bỏ làng đi. Bỏ làng! Bỏ làng! Hai tiếng bỏ làng bao nhiêu đau đớn. Làm thế nào bây giờ. Đã sinh ra ở trong làng, làm thế nào thoát được cái sung sướng mà chết người ấy. Trời cho sống được nửa đời người, phải chạy trâu chạy bò chạy lợn cho làng ăn để được lên linh, rồi lên lão, rồi thượng thọ, rồi còn được làm cụ thủ từ giữ đền, giữ đình - đời con người ở làng, ai cũng phải lo để được trải qua. Hết thời trai tráng đứng ngoài giải vũ, thu vén đủ lệ làng, được bước vào trong đình, được ăn “một miếng giữa làng”. Bây giờ đến tuổi vào bậc lên linh, không bước nổi thì làm thế nào. Lại còn đóng góp hàng phe hàng giáp, lại còn chịu phần việc họ lễ chi trên chi dưới. Người nghèo cứ bối rối trong nông nổi tơ vò ấy đến chết.

Không, ông nghĩ cái lo truyền kiếp ấy đã lâu rồi. Ông sợ. Nhưng ông không buồn phiền phải đến nỗi trăm mình, phải thất cổ bờ bụi nào. Rồi ông không sợ nữa. Ông đã định rồi.

Gà gáy một đêm kia, cái ông họ Lê không thể lo được bò lợn trình làng lên linh năm ấy lủi thủi dắt vợ con ra khỏi lũy tre cổng làng. Chẳng một ai trông thấy.

Không biết đã nghe ai mách bảo hay cứ liều bước, cả nhà lênh đênh những đâu rồi trôi dạt lên Sơn, rồi lần mò vào sinh sống ở chân núi Ba Vì.

Đã mấy đời rồi. Bao nhiêu cay đắng vì cái làng ngày trước, thế mà đời nào các cụ cũng dặn lại con cháu: nhà ta xưa kia là người phủ Hoài lên lập nghiệp ở đây. Cả mấy đời cũng chẳng có người biết cầm cái bút lông, chỉ nghe truyền miệng lại thế.

Cũng có người nhớ các cụ đời trước bảo dưới xuôi họ ta làm nghề canh cửi. Còn câu chuyện đói khổ không kham nổi lệ làng, phải bỏ làng thì không ai biết. Cụ tổ đầu tiên lên đất này không giới giảng lại chuyện xấu hổ ấy. Thế là quê gốc nhà ta ngày trước ở dưới kia. Khắc khoải, thiết tha thế, nhưng cũng chưa đời nào con cháu đã lần mò đi tìm được.

Cho đến đời bố ông Tư.

Bấy giờ vừa qua vụ gặt tháng Mười, việc đồng áng còn thông thả. Làng xóm chỉ còn đi rừng vác củi về lo sưởi Tết. Cụ cố và ông Tư là người con cả xuống tỉnh Sơn.

Năm trước, nhân trong ngày giỗ tổ ở nhà thờ họ, ông cố có nói với các cụ đến góp giỗ nhà chi trưởng:

- Lạy tổ phù hộ, thế nào tôi cũng cất công một lần.

Cả xóm đến bàn đi bàn lại. Có khi cả đêm, câu chuyện càng thắm thía về nơi làng quê ở đâu, chưa ai được trông thấy. Làm như ngày mai bố con ông đã về dưới xuôi ngay không bằng.

Thế rồi chuyện ấy, đi ba ngày đường rờn rã, quanh co rồi bố con hỏi thăm được về phủ Hoài. Đến đâu cũng kể lể như van: “Nghe tổ chúng tôi nói lại làng có nghề dệt lĩnh. Chúng tôi cũng như con cháu các cụ. Con chim lạc đàn, bây giờ tìm về tổ. Các cụ phúc đức bảo cho...”. Lặn lội lần mò rồi cũng về tới được.

Người ngày trước phải bỏ làng đi vì đói, vì không chịu được lệ làng. Bây giờ con cháu chưa hề biết mặt mũi cái làng của cha ông xưa ra sao, thế mà hỏi thăm người ta bảo đến đây là làng Nha, làng này có họ Lê, có nghề dệt lĩnh, ô hay, đã cảm thấy ngay đây là nơi chôn nhau cắt rốn thân thiết dường như đã biết từ lâu rồi.

Bố con ông Tư đứng lại, nhìn lên cây đa bên bờ ao làng. Cây đa cổ quái. Những vè rể xù xì vắt

ngang vin hai gốc cây to thành một, bành ra những tảng rễ cao lỏm nhôm.

Bố bảo con:

- Dễ thường cây đa này có từ thời cụ tổ nhà ta còn ở làng. Có khi còn trước nữa. Tốt tươi quá. Thế mà bây giờ vẫn còn. Đất tụ thế này là làng xóm thịnh vượng đây.

Rồi hai mắt ông bố rung rung.

Ở làng, cũng chẳng ma nào biết họ ấy ngày xưa ngày xưa lại có một chi lạc lên tận chân núi Ba Vì. Bây giờ, bỗng nhiên thấy có người ở đâu vào hỏi thăm. Những chiếc nón quả bứa lá gồi tết cả nùm, chắc chắn, ôm khư khư trước mặt như cái khiên. Cậu con đi theo ông già mặc áo năm thân nhuộm chàm. Tiếng nói lạ tai, nặng trịch. Nghe đến mấy lần mới tường.

Hai ông con hạ xuống hai gánh nặng, những sọt sắn mới dỡ và những quả bầu lọ đựng mật ong. Lại túi mật gấu, túi lá gồi bọc miếng cao hồ - quà đường ngược, của rừng. Chưa ai được rõ ràng những người này ở đâu, câu chuyện còn đang tíu tít dở dang, nhưng cứ nghe nói đây là người làng ta đời trước lạc lên ngược, ai cũng mừng. Hầu như mọi người hôm ấy đều tạt đến nhà thờ họ. Họ Lê không phải là họ to. Lại càng náo nức đổ đến xem mặt “bà con tận đường rừng về nhận họ”.

Không có gia phả ghi lại, nhưng đã có trí nhớ. Các cụ ông, các cụ bà, mỗi người nhớ một ít, chấp lại. Ngày xưa, nghe ông bà kể, nghe cụ cố kể. Họ ta thường có người đi lang bạt. Đời nào cũng có người phải bỏ làng không biết đi những đâu. Chẳng ai biết được ông tổ lên ngược này thuộc chi cánh nào. Mặc dầu, rậm người hơn rậm cỏ, người tìm tông chim tìm tổ, thế này là quý rồi.

Nhà thờ họ làm cái lễ cho bố con ông họ Lê trên đường rừng về được nhận họ. Mười hôm sau, mấy cụ trong họ cùng lên ngược với bố con ông. Các cụ ra mua bó hương đèn ở chợ Bưởi, gói lá chuối khô cẩn thận, đeo vào tay nải.

Nửa tháng sau, các cụ từ Ba Trại về, kể cả năm cũng không biết những chuyện làm ăn xa lạ mà làng Nha chưa ai được biết bao giờ.

Người Mường, người Mán ra chợ, váy áo xanh đỏ, vòng tay vòng cổ lóng lánh như người động tiền đi chơi. Người trên ấy làm đồi làm nương gieo lúa mỗ không phải cấy mà có cơm ăn, lại kiếm được của rừng, ruộng cũng như ao, thả cá bơi vào đến cổng ngõ, quanh năm no đủ, với tay ra có cá, có gà, có hươu nai, thịt luộc, thịt nướng ê hề, không như dưới ta chỉ trông vào mảnh ruộng chó ỉa với thước cử đi chợ. Của rừng tha hồ chẳng bao giờ cạn thật. Củ nâu, bó song, mây lần lóc vứt đi như cục đất, nhưng khuôn được về đến Ô Quan Chưởng ngoài Kẻ Chợ nó đã hóa thành đồng tiền, thành của. Người trong làng nghe chuyện nơi khác phong lưu, bao giờ cũng thở dài. Dầu thế nào, thân phận mình vẫn là nghèo hèn, hình như thiên hạ ở đâu cũng hơn mình.

Từ năm ấy, thành lệ, cánh họ Lê làng Nha cứ tháng cuối năm thông thả lên Ba Trại ăn giỗ tổ chi trên ấy rồi năm sau, bà con trên ấy lại về Nha tảo mộ.

Đến đời ông xuất Ván và ông Tư vẫn đi lại như thế, có phần càng thân hơn. Có năm, cả đám trai trẻ trong xóm không phải người họ cũng nô nức đi. Về kể chuyện uống rượu từng vò, hút rượu bằng cái xe làm bằng sợi mây uốn cong như xe điều ống. Rồi lại cũng đã quen như thường, cứ tháng Ba tới dịp hội làng, một đám người đường ngược về, cách ăn mặc loi thôi khác người là lượt đất canh cửi, nhưng ai nấy đều quảy nặng trĩu gánh gà trống thiến đuôi dài, mào đỏ rực, rõ ra gà rừng. Có khi hai người khiêng theo một con lợn nái.

Một năm kia, ông Tư về chơi vào vụ gặt tháng Mười vừa xong. Nhà làm ruộng, công việc đồng áng ung dung thông thả từ giờ đến Tết. Ông Tư đi có một mình. Ông quảy một gánh nếp cẩm và đôi gà về làm quà đường ngược. Ông Tư nói nhà bây giờ còn rỗi rãi, ông xuống chơi Kẻ Chợ, có gì sắm Tết nhân thế.

Mấy hôm ông ra Kẻ Chợ rồi về nhà ông Xuất. Có những hôm cả hai ông cùng khăn gói đi Kẻ Chợ. Ông Tư vốn vui chuyện, mỗi lần ông ở trên ngược về, người đến trò chuyện có khi khuya rồi vẫn nghe trong vách tiếng nữ điệu ran tanh tách.

Nửa đêm, trăng đã lặn, càng rét căm căm, mọi người đến chơi từ chập tối đã lản tản ra về. Hai ông vẫn ngồi gật giường hút thuốc lảo vạt.

Ông Tư bấy giờ mới hỏi ông Xuất:

- Em ở trên kia nghe dưới Kẻ Chợ ta nhộn nhạo lắm mà về dưới này em thấy chợ búa vẫn đông vui...

Dù đã có tuổi, nhưng khi nói chuyện, ông Tư có thói quen xưng “em” nhún nhường như vậy.

Ông Xuất thở dài:

- Bề ngoài yên đấy thôi.

- Cướp à?

- Thỉnh thoảng, mấy cái tàu Tây ở đâu bơi về đậu ngoài bãi Cờ Xá thả lính Cờ Vàng lên bến kiếm ăn. Nó mua thì ít, mà chỉ thấy đánh người cướp của. Người ta còn đồn là quân nó là quân dò la muốn dắt Tây về cướp cả vùng Kẻ Chợ này. Chẳng biết có thật hay không. Bọn giặc khách Cờ Vàng chẳng là quân thẳng Tây Đu Bi nuôi ăn mà. Nhộn nhạo là thế, ông ạ.

- Em nghĩ đưa nào thò lên cướp của hàng phố, ta hè nhau đánh què cẳng cho nó chừa làm càn đi chứ.

- Bác ở trên rừng, bác làm chúa sơn lâm, bác thét thế nào cũng ra lửa chứ bác không biết tình cảnh nông nổi chúng tôi ở đây. Các quan bên mình thì trăm người cũng như một con cáy, cả lũ ăn hại, chẳng dám làm trò trống gì. Chỉ khi thằng Tây, thằng Cờ Vàng bước đi rồi mới lại cong đuôi lên, còn lúc nó đến thì cụp đuôi xuống, thế thôi.

- Quan hèn, đã có dân, sợ gì ạ.

- Ừ quan hèn thì đành làng nước ta ta phải giữ lấy. Chúng tôi cũng biết như thế. Nhà nào cũng sắp sẵn vài ba thứ phòng thân rồi.

- Cũng như ở trên rừng chúng em đánh con hổ hay đi đuổi con hươu vào lưới, cứ đông người cùng đuổi cùng bắn, hổ hay hươu cũng không thoát được.

Ông Xuất cười:

- Kể ra thì có vài ba cái tàu, mấy thằng Tây, mấy thằng Cờ Vàng, mà mình hàng huyện người thế này, chẳng khác cả xóm các ông ra đuổi con hổ, con hươu thật. Tôi đã nghĩ cứ cả trăm, cả nghìn cái thuyền cùng tủa ra, mỗi thuyền chỉ lao vào xĩa một nhát đinh ba, thì có đến mấy chục tàu Tây cũng phải đắm, hướng hồ vài cái... Ngẫm nghĩ các quan bên mình đón thật.

Câu chuyện lại nói về các vua các quan ươn hèn. Dân nghĩ như thế, vậy một cái người ta theo lên cả trăm, thế nhưng vua quan còn chạy chọt thậm thọt ký giấy má bán đất. Bán ba tỉnh, bán sáu tỉnh, làm như bán mớ tôm ở chợ Hôm không bằng. Dễ thường có người còn được chấm mút vào đấy. Mà nào nó có để cho yên, vẫn phải chạy loạn thất điên bát đảo. Chưa thấy vua quan thời nào mà chạy như cò lông công thế.

Hai người bỗng cười ha hả. Tiếng cười rộ lên, rồi ngắt giữa đêm. Không biết cười thật hay cười đời.

Một lúc, ông Tư vào vách, lấy trong tay nải ra một gói dài bọc mấy lần lá dong khô lại buộc lạt chắc chắn như cái bánh tét. Ông Xuất ngồi nhìn ông Tư lạng lẽ bóc mấy lần lá dong giữa chiếu. Thì ra đấy là một thanh mã tấu chuôi gỗ lim hun, dẹt dày mà lưỡi suốt mỏng như nước lã lạnh trong ánh đèn nhấp nháy. Các lò dưới xuôi chẳng thể rèn được loại mã tấu tốt thế này. Chắc chém ngọt lắm!

Ông Xuất gãi ngón tay vào lưỡi dao rồi áp con dao lên một bên má, lên trán, cười hê hê, khoái trá.

- Cái này một nhát ngang lưng cũng đứt bằng hai người.

- Vâng, em nghĩ có thuyền ta ra đánh tàu Tây phải có cái này trên tay mới được. Chỉ vung lên một cái, nó cũng đủ hoa mắt. Có cái này thì lúc giáp lá cà, súng Tây cũng bằng vút đi.

- Bác nói chí phải.

Ông Tư thì thào:

- Bác Xuất à, trên chúng em sẵn giống này lắm. Xưa nay dân người ta vốn có phong tục thế, nhà nào cũng phải có đôi ba thứ gác mái bếp để giữ nhà, để kiếm ăn. Cứ độ rồi rồi mùa màng, chòm xóm lại đụng con bò, đánh cày cuốc, từng hội một, rèn mã tấu, đinh ba xĩa cá, làm dao đi rừng.

- Ở dưới này, các quan tỉnh có lệnh sức cấm nhà nào tàng trữ, cả dao bẫy, thùng lũng cũng không được.

- Trên kia thì rừng núi của người ta, cấm chẳng ăn thua.

- Ừ nhỉ!

- Em xin thưa thực với bác, chuyện này em về chơi thăm hai bác, nhân thể em mang về món này bác xem thử. Khi nào động dụng đến, bác cho người lên bảo em một tiếng. Cả trăm con cũng có. Em dám hẹn với bác thế.

- Các cụ linh thiêng run rủi thế nào mà bác lại khéo nghĩ ra vậy?

- Chúng em ở chỗ thâm sơn cùng cốc mà cũng thấy được tình thế nó đã rồi như canh hẹ rồi. Thỉnh thoảng em về đây, nghe qua ý tứ câu chuyện, bác chẳng nói với em em cũng hiểu, em cũng vọc vạch những điều bác tính đếm. Không biết có phải thế không, bác bỏ qua cho. Ở đâu bây giờ cũng phải lo nghĩ cả việc của trời đất loạn lạc, bác ạ.

- Trên ấy cũng thế a?

- Ngày ngày chúng em trông về Kẻ Chợ cả thôi.

Bấy giờ ông Xuất mới nói:

- Nghe chừng còn loạn chứ chẳng đã yên được: Trông vào vua quan thì vua hèn quan hèn, còn bọn giặc khách vốn nó là nòi kẻ cướp xưa nay. Cho nên chúng tôi bảo nhau các làng thì biết chạy đi đâu, dầu trời cho được đồ da thắm thịt hay lúc trời làm tao loạn, làng xóm nào cũng vẫn một chỗ, cho nên bây giờ chỉ còn có cách làng nào giữ làng ấy, trăm làng như một, mình trông vào thân mình chứ nhờ cậy ai. Chúng tôi bảo nhau mỗi làng mỗi xóm một khoanh tre, sắm mã tấu, giáo mác, người già cho trai tráng chịu khó tập tành, giặc Tây giặc khách mà bén mảng đến à. Làng mình mình thông thuộc chứ ai bằng. Nhất quyết phải làm chúng nó chưa lọt vào được bờ tre cổng làng, đã phải để đầu lại rồi. Nói có bác là anh em trong nhà, làng nào người ta cũng sắp sẵn như thế đấy.

- Thế ra đâu đâu thiên hạ cũng như thế. Lòng trời xui khiến rồi. Cần đến bao nhiêu cái này, bác cứ bảo em.

- Vâng, xin vâng.

Ông Xuất ung dung cầm thanh mã tấu đứng dậy bắt tay phải sang tay trái, xắn hai tay áo rồi xuống tấn, vung lên một đường dao. Trong ánh đèn quang dầu nhập nhòa, lưỡi dao hoa nhuang nhoáng. Con dao nặng mà ông cảm thấy nhẹ thênh. Ngồi xuống, ông Xuất lại gại ngón tay vào mé lưỡi, vỗ vào dọng dao, nói một câu, vẻ mặt thật phớn phở.

- Phúc đức quá! Phúc đức quá!

Ông Tư trầm ngâm một lát, rồi nói:

- Cái chí của ta bây giờ em nghĩ cũng tựa như các cụ ngày xưa đã thế. Ở trên ấy em được nghe trước kia làng Đường Lâm gần Sơn Tây có nhà họ Phùng đánh giặc Đường, khi thắng trận xuống bao vây đến tận hồ Tây. Thời gần đây có cụ giáo thụ phủ Quốc [\[12\]](#) nổi lên, cũng bốn ba khi Kẻ Chợ, khi Lương Sơn, khi Ba Vì, đời nào thì xuôi ngược cũng một chí ấy cả.

Thế rồi ông Xuất Vấn lên Ba Trại tảo mộ năm ấy, cùng đi có đông trai họ và nhiều cụ có tuổi.

Người đường xuôi, đốt ngọn đèn trên quang treo cũng phải mua mất vài tiền, bây giờ lên đây mới được thấy thế nào là tiền rừng bạc bể. Cái Tết đường ngược rả rích từ khi gặt hái xong, tiếng trâu kéo kệt kéo mật suốt từ tháng Mười trở đi. Lá gai mọc hoang trong đồi, bánh gai đen nhánh hạt na, nhà nào cũng dựng hàng chum bánh, ăn qua tháng Giêng chưa hết. Rượu chung nhau nấu cả thập, đêm đông ngồi đợi uống rượu nóng nước đầu ngay cạnh lò than củi cây đồ rục...

Người ở đây không mấy khi biết mặt đồng tiền, thế mà cái gì cũng đủ. Có đi chợ la cà chơi thì đi, chứ cả đời không cần chợ, trong nhà vẫn sẵn mọi thứ.

Đúng như ông Tư kể, mỗi chòm vài ba nhà cũng có một lò rèn. Thường ngày, chữa cày, đánh cuốc, làm vòng chân lưới, làm đinh đĩa, chẳng mấy lúc ngót việc.

Trong bữa rượu đầu năm ở nhà ông Tư, cả xóm la đà, nghiêng ngả.

Ông Tư chắp tay nói:

- Em xin thưa một điều, bà con thể tất cho, cũng thật bụng chúng em như thế từ lâu. Người đồng rừng chúng em nghĩ sao cứ nói vậy. Đi xa rồi phải về gần, đời con người ta là như vậy, chúng em đã xin cho một cháu gái được về làm dâu con nhà bác Xuất đấy ạ.

Một cụ vuốt râu, cười ha hả:

- Các bác đã ăn lời với nhau rồi bây giờ lại để nhà gái trình làng, nhà gái mà trình làng à!

Ông Xuất tùm tùm cười:

- Bẩm cụ, bác cháu đã thưa là xin các cụ thể tất cho mà... Có nhẽ thế đấy ạ.

Cả mấy cụ cùng cười to:

- Lại còn có nhẽ không nhẽ gì, nhưng mà phải nhà trai có lời trình làng trình họ cả làng cả họ mới bằng lòng.

- Vâng ạ, vâng ạ.

- Ai lại chỉ có nhà gái ngỏ lời, mà lại nói trước. Thời buổi này lắm cái lạ thật.

Một cụ nói to:

- Được, thế là được, làng nước bảo thế là được. Đã vui càng vui.

Thế là hôm ấy cũng như hai họ ăn cỗ chạm ngõ. Rồi còn lễ dạm mặt, lễ hỏi. Thế là việc cưới xin đất Ba Trại đã giản tiện nhiều lắm.

Ông Xuất Vấn tính vốn chu đáo. Nhưng điều ông ưa trước nhất là thấy được trên đất này cơ ngơi nền nếp. Người tứ xứ đến đây lập nghiệp mà xem ra ai cũng sung bụng. Việc quân mà được chỗ này dựa không còn gì phải lo. Trước tiên, ông thật quý cái thể thủ hiểm. Từ việc ấy mới nghĩ ra đường đi lại. Ở dưới làng, cũng có người gièm: dù cách bao nhiêu đời rồi cũng vẫn họ đồng tông. Nhưng cả hai ông đều nói: Xa lâu, bây giờ gần lại, sum họp càng vui. Nhiều cụ cũng bằng lòng, đã bảo họ mạc "lại càng vui" đấy mà.

Ông Tư Ba Trại có cô con gái út cũng trạc tuổi Vấn - cô lanh lợi, xốc vác lắm, ông Xuất lên đây chơi đã để ý. Làng nước ở nơi bóng núi rừng xanh, người ta khó nhọc phá trời dựng đất mới được miếng ăn, xem ra con người nào cũng khoát đạt, không so đo quanh quẩn như người phùng gạo chợ nước sông dưới ta. Ông Xuất càng thiết tha hơn từ khi được ông Tư đưa xem chiếc mã tấu rồi lại cùng nhau than thở nạn nước. Đến hôm lên Ba Trại, vào nhà nào chơi cũng nghe nói chuyện đánh cướp đánh Tây. Ở đây người ta đem việc quốc sự ra bàn cả ở hàng chòm, ở đình cũng được. Có lúc ông hỏi: Không sợ mật thám đi báo Tây à? Người nào cũng cười, nói: Mật thám mà mò được đến đây thì chẳng còn xác mà về được với vợ con... Cả cái ông Tư nhà mình cũng cứ tính chuyện dẹp giặc như chuyện buổi sáng đi làm đồng mà thôi. Ông Tư mà bàn quốc sự, dù cho việc đương rắc rối đến thế nào, ông tính gỡ ra cũng cứ như ngon ơ. Giặc Tây,

giặc khách ông ví nó cũng bằng con hươu, con hổ ẩn nấp ở cánh rừng sau nhà. Để yên sinh phúc cho nó được sống thì thôi, nếu muốn bắt, chỉ việc cấp cái sừng hay rử anh em vác lưới đi quây là được ăn. Nghĩ thế, lại càng thấy đất Ba Trại thật nơi dụng võ. Vả chăng, xa cũng là gần, được làm dâu gia thế này, bây giờ thế là đôi nơi một nhà rồi.

Bà Xuất không nói ra, nhưng thoát đầu cũng có ý không bằng lòng. Bởi ông bà nhà chỉ có một mình cậu Vấn là đầu con trai. Bà vẫn ước được đũa con dâu gần gự, làng trên chợ dưới. Nhưng bà không nói ra. Rồi về sau nghe ông bàn bạc xa gần thế, bà lại thấy ông định liệu như vậy là phải, mặc dầu trong bụng bà cũng không cắt nghĩa được. Xưa nay, ở trong nhà bao giờ ông cũng quyết đoán, bà chỉ thấy ông phải và khi nào bà cũng làm như ông bảo thế và như thế đã thành thói quen.

Ông Xuất đã ngỏ lời trước với ông Tư rồi. Ông Tư mừng hơn được của, bây giờ có các cụ dưới làng lên đông đủ thế, ông Tư bỗng bột hả hê ra mặt. Gả bán con gái đấy mà ông tưởng như chính ông được trở về quê cha đất tổ từ đây.

Tháng Ba năm ấy, hai bố con ông Xuất lên chơi Ba Trại. Đánh tiếng đi chơi, nhưng là ông Xuất đem con trai đi xem mặt vợ. Hai họ tỏ tường cả rồi, chạm ngõ rồi, chú rể mới đi xem mặt. Không sao, Vấn cũng chỉ biết nghe lời bố.

Ở mấy hôm mà Vấn cũng chưa biết vợ là cô nào. Mỗi hôm, từ gà gáy, dưới bếp đã bập bùng ngọn lửa thối cơm. Rồi trời chưa rạng, trong khi hai ông và cậu cả Vấn ngồi nhà trên, uống cạn nồi nước chè tươi vò nóng sủi lên, thì dưới nhà ngang người nhà đã thấp đuốc ăn cơm sớm, rồi ngoài cổng ngán tiếng gọi nhau ới ới, các đôi chuồng trâu buông xuống, người đánh trâu ra đồng đi làm trong làn sương sớm lùa vào trắng mờ chưa trông rõ cổng đồng đâu. Đến lúc đã tang tảng sáng, Vấn theo anh con trai thứ ông Tư ra đầu xóm đốt tổ ong trên cây tràm. Ong kéo đàn đến làm tổ từng dãy như những cái thúng cái trên ngọn cây. Những ngọn bụi nhùi hương lên, ong về thấy lửa thì sợ, hốt hoảng bay đi. Thế là mọi người trèo tốt lên gõ những miếng khoái đầy mật xuống.

Vấn ở dưới xuôi chưa được biết cái thú bắt ong thế bao giờ, cứ mặc cho những con ong bầu đến đốt sưng vù cả trán mà vẫn leo lên. Đêm hôm ấy, nghe tiếng hươu ở rừng xa gộ trong rừng trám ngay nơi vừa bắt tổ ong ban ngày. Có hươu mới về tìm ăn quả trám rụng. Sáng hôm sau, thế là Vấn lại theo cả xóm vào rừng săn hươu. Lưới chằng chịt các ngả. Người đi sục bờ bụi, lên tận nguồn nước, khua mõ cho hươu ở đâu hoảng chạy ra, đâm quàng vào lưới. Con hươu mắc lưới được xả thịt ngay, chia đều cho tất cả những người có mặt trong buổi săn, người gõ mõ, người xua bụi cây, người chằng lưới, người hò reo... Vấn đi theo xem mà cũng được phần một miếng. Đến tận chập tối mới về.

Bấy giờ khói bếp đã tỏa đầu bụi tre. Ở ngõ, một đám mấy cô làm đồng, đi hái dâu về, người gánh lá, người quảy gong cỏ, tíu tíu chẳng khác ban sáng. Các cô vào đứng trong cửa nhà ngang, cô áo nâu, cô áo chàm, cô áo hoa cà, cô mặc váy Mùng, khăn vuông trắng. Cứ tíu tíu lên, cả những cô trong xóm cũng đến ngó nghiêng anh trai đường xuôi đi với bố lên xem mặt vợ. Thế thì làm thế nào Vấn biết được cô nào cô nào.

Tối đến, nhà trong xóm đã lên đèn. Những hàng cau thân trắng kẻ đều như buồng mành. Nghe xa có tiếng cồng nổi. Bọn con trai trong xóm lại đến rủ Vấn sang chòm Mùng xem đánh cồng ở các xóm Nghê, xóm Úp Bát, xóm Che Tai, mỗi đêm đi nghe cồng lại biết thêm một tên xóm mới.

Cho đến hôm về Vấn cũng chỉ loáng thoáng trông thấy những người con gái đi vào trong sân, xếp quang gánh, vác ống vầu cao như cột nhà, đựng đầy nước, dựng trước cửa bếp - chẳng biết ai là ai.

Ông Xuất cũng không hỏi Vấn thế nào. Mà Vấn cũng thật chưa biết mặt người nào đi ngoài sân là vợ mình. Nhưng Vấn cũng không băn khoăn. Vấn yên tâm một cách bình thản thế là bố mẹ đã hỏi vợ cho. Mai kia, Vấn làm rể trên Ba Trại - Vấn có số lấy vợ người thiên hạ, bọn trai gái làng Nha nói thế và càng chế giễu tợn.

Mỗi năm, tháng Tám tháng Mười, nhà trai sêu Tết nhà gái. Đường xa, đôi bên cùng châm chước, chỉ đi mỗi lần vào dịp cơm mới. Đôi ngỗng, có khi chục chim ngói, mấy vĩ cốm Vòng gói lá sen, hai chục hồng chín bày vừa mâm ngũ quả. Có năm, thằng trưởng con nhà thím hai quảy lên, cùng đi với một lũ trai làng, như đi chơi, như các cậu ấy cũng đi xem mặt, các cậu ấy cũng muốn nhóm ngó tìm vợ ở Ba Trại.

Đến hôm sêu Tết về, mỗi người một gánh nặng. Đôi sọt mới đan xếp lưạ thưa một hàng củ nâu. Không người đi đường nào biết được ở dưới lưng sọt, đặt khít từng bọc mã tấu. Trời đã sang thu, mát mẻ. Họ đi như chạy, một ngày đã về qua tỉnh Sơn. Thối cơm ăn giữa cánh đồng, nghỉ đến lúc trăng lên, lại cất gánh. Vừa sáng về đến làng. Một chuyến lên ngược, được hai công việc.

Năm ấy qua tháng Mười rồi mà không thấy người nhà ông Xuất lên. Mà cả năm cũng không thấy ai lên lần nào. Mọi khi ngày dung, có khi ông Xuất cũng thường lên. Người làng trên chạ dưới cho là hai ông ấy hợp nhau, vừa dâu gia, vừa tri kỷ, mà không mấy ai để ý, vì ông Xuất vốn giao du rộng. Còn một nhẽ nữa khiến ông Xuất hay lên Ba Trại, ông mê cái lò rèn. Đất này rèn khéo, đủ các thứ mã tấu, đinh ba, giáo mác...

Ông Tư lại đã đưa ông Xuất xuống chơi các lò rèn ở Thừa Lệnh, dưới Bất Bạt. Đất Thừa Lệnh có tiếng làm cày, cả tỉnh Sơn chỉ kén cày Thừa Lệnh. Nhưng Thừa Lệnh còn đánh đại đao khéo không đâu bì. Quân nghĩa tận bên Bắc cũng sang thừa đao Thừa Lệnh.

Ông Xuất cũng đã rao tiếng cho nhiều nơi biết. Mỗi khi có người đến tìm mối, ông lại lên Ba Trại rồi xuống Thừa Lệnh đặt làm hàng “quốc cấm”. Ông già đeo tay nải con con, áo lưạ nâu, quần xắn móng lợn, tay cầm chiếc quạt dài bằng tay thước, vừa quạt vừa che nắng, vừa làm gây phồng thân. Ai không biết ngõ là được khi thông thả, ông lên chơi nhà dâu gia.

Cho đến cuối năm, cũng không thấy ai dưới Nha lên.

Ngày phiên, ông Tư ra chợ, phiên nào cũng đi. Sốt ruột, đi ngóng. Có bọn gánh dầu dưới tỉnh lên bán, hay kể chuyện dưới ấy.

Ít lâu, nghe đồn dập chuyện đồn Tây hạ thành Hà Nội, lại có tin quan Tây đem quân ra đánh nhau ở ô Cầu Giấy bị quân ta chặt đầu thẳng quan ba giữa cổng làng Thủ Lệ.

Phiên nào những người đi chợ đường núi cũng xúm đến dãy hàng dầu dưới Sơn lên, nghe có tin gì mới. Lại chuyện dưới Kẻ Chợ Tây hạ thành, chuyện đánh Tây, nhốn nháo không hiểu thế nào. Ông Tư thật phấp phỏng. Nếu thật có đánh nhau dưới ấy, thế nào mã tấu Ba Trại, đại đao Thừa Lệnh chắc là đã được ra quân trận này.

Nhưng mà không biết ông Xuất thế nào.

Thế là ông Tư đeo khăn gói xuống Nha.

Ông Tư ở Nha về được ít lâu thì một hôm, nhà ông Tư có đông người đến. Như mọi khi nhà có giỗ chạp gì. Trẻ con trong xóm chơi quanh cửa, xúm vào đám mỡ lợn ngoài ao xem người lớn ngã mấy cái nia lót lá chuối tươi. Thế mà chỉ một lát đã làm lòng, pha xong cả con lợn nhỡ rồi nổi ba mươi bắc luộc luôn trên bờ nước.

Người ra vào chật ba gian nhà. Các cụ bà áo nâu dài, có cụ bên chòm Mường sang, váy chàm mới, ngồi ngoài phản hè, vừa tằm tràu vừa thì thào kể lại những chuyện nghe ngoài chợ: dưới Kẻ Chợ đánh Tây. Mùi hương đèn, mùi tràu cau và khói bếp ấm nồng nhà trên nhà dưới. Các cụ ông ngồi tương phản giữa, chưa rượu mà đã nói choang choác. Vẫn lại chuyện đánh Tây dưới Kẻ Chợ.

Cơm cúng đã sửa xong, ông Tư thắp thêm tuần nhang, cầm bầu rót chén rượu cúng rồi đặt cả cái be bên thành mâm, mở sẵn nút lá chuối.

Ngoài rạp, cỗ xong, những chồng mâm gỗ được dỡ ra. Đám con trai và những người đến làm giúp bùng lần lượt từng mâm lên bày suốt ba gian. Từ lúc thắp hương cúng, ông Tư đã thay áo năm thân, mặc tằm áo dài nâu nhuộm vỏ xó, chít khăn lượt. Ông nghiêm nghị ra quỳ giữa phản giữa, chắp hai tay nâng lên ngang trán, mắt đăm đăm, miệng lẩm nhẩm khấn, rồi lẳng lặng một

lúc thật lâu mới đứng dậy. Cả nhà im nhìn vào ông Tư. Mặt ông ngược lên. Trong làn khói hương ngào ngạt, ông Tư thì thầm thưa chuyện với ông bà ông vải. Như ông đang khóc trong lòng mà người trần mắt thịt không thể thấy. Như ông đang cầu xin, đương van lạy. Cái lúc lặng im thành kính thiêng liêng ấy, trong nhà chỉ còn có ông với tổ tiên mà thôi.

Rồi ông Tư bước xuống cạnh phản, quay ra, thông thả nói. Ông nghen ngào, người ta nghĩ như ông Tư ở đường âm với các cụ vừa về đây, tiếng còn lạc đi, chưa thật.

- Trên có các cụ dưới có bà con anh em, hôm nay tôi có sửa chén rượu nhạt, các cụ đến mừng cho cháu. Tôi đã khấn tổ tiên nội ngoại cho được trình gia tiên, ngày mai tôi cho cháu Trại nó về ở riêng dưới làng.

Ba gian nhà càng im phăng phắc. Nghe thoáng buồng trái bên có tiếng thút thít, tiếng thì thảo. Thường ở mọi đám cưới, trong vách buồng cô dâu, đương giữa cổ bàn đông vui ồn ào, vẫn nghe tiếng thốn thức, trong đám cưới nước mắt cũng như tiếng cười, ai cũng ngỡ là như nhau. Nhưng hôm nay, ở đám cưới cô Trại, nghe tiếng khóc của cô dâu, nhiều bà lấy dải yếm lau nước mắt. Một cụ nhấp chén rượu. Nghe rõ tiếng chôn chén đặt xuống cạnh thành mâm gỗ.

Ông Tư nói:

- Việc vui mừng của con Trại nhà tôi cũng lắm nỗi éo le. Thế nào thì các cụ đã rõ mọi nông nổi cả. Quê cha đất tổ dưới Nha kia, nhờ phúc tổ mà vợ chồng tôi được làm dâu gia với ông bà Xuất cháu dưới ấy, mấy năm nay đã sâu hoi, họ hàng đã biết cho, đã mừng cho. Phải khi trời làm đất nước lắm tai nạn, giặc Tây kéo đến nhiều nhưng, chẳng giấu gì các cụ, giấu các cụ thì các cụ đã biết cả rồi, cái hôm Tây đánh ra ô Cầu Giấy, ông con ông Xuất tôi kéo quân đến Cổng Vĩ vào trận, hai ông con ông Xuất đều quy tiên.

Đến đây, ông Tư mắt môi, như giữ tiếng nức lại, nét mặt vạc xuống. Ba gian người ngồi bàng hoàng thở dài - mặc dầu tin bố con ông Xuất chết trận, ai cũng đã biết rõ từ lâu rồi, thế mà bấy giờ có người đứng lên, hai tay ôm cột nhà, cứ im thế, ngẩn ngơ như lo lắng, như sững sốt.

Ông Tư vẫn nhợt nhạt nói:

- Thôi thì bố con ông ấy đi việc vua việc nước đành một nhẽ. Còn vợ chồng tôi bây giờ ở trên đời này chúng tôi đem chữ tín mà ăn ở cho thuận nghĩa. Ngày mai, tôi cho cháu Trại xuống Nha. Chúng tôi cho cháu về hầu hạ, lo toan gánh vác nhà chồng nó. Việc dựng vợ gả chồng, nhân gian ở đâu cũng vậy, chúng tôi sửa mâm cơm cúng, có chén rượu nhạt, xin các cụ với bà con đánh chữ đại xá, mừng cho chúng tôi.

Mặc nhiên nghe lời ông Tư nói là phải, họ hàng làng xóm đã đến góp mặt chứng kiến. Hoàn cảnh có khác, nhưng đám cưới nào xưa nay vẫn một tục lệ cha mẹ gả bán. Cả làng ái ngại thay cho cảnh cô Trại. Song ai cũng khen ông Tư là người tín nghĩa.

Nửa đêm qua, nửa đêm kia, mấy đêm, ông Tư bảo con gái:

- Con về dưới làng, hầu hạ mẹ chồng, trông nom công việc nhà chồng. Nhà chồng con xưa nay đã tiếng tăm trọng nghĩa khinh tài. Con là gái, nhưng bây giờ con là trai, thời loạn gái cũng là trai, bốn phận con phải nối chí cha ông nhà chồng con.

Ông Tư bỗng nghiêm mặt, nói xa vắng, từng tiếng:

- Con ơi! Bố đã nghĩ kỹ lắm rồi. Con phải là đưa con trai, con là con trai đi gánh vác, đi rửa thù cho nhà chồng con.

Đã mấy đêm, mẹ lủi thủi bên cạnh con như bóng con. Nước mắt lúc nào cũng ướt đầm dải yếm. Hai chị của Trại lấy chồng làng bên, cả ngày về quần quít với em. Mẹ sắm cho con tấm quần nái nâu. Trại quần ngược mái tóc lẩn vào trong làn khăn chàm của người anh mọi khi vẫn đi rừng. Chiếc áo nằm thân, Trại mặc vừa vặn.

Ông Tư cười nhếch nhếch như mếu, nói:

- Con ơi! Ăn ở lấy cái nghĩa thủy chung, từ giờ bố đặt tên cho con là Nghĩa, thằng Nghĩa, cái

nghĩa thủy chung. Con nhớ lấy.

Trại cúi mặt:

- Vâng, con nhớ.

Rồi hai mẹ con ôm nhau, thổn thức.

Tiếng gà gáy eo óc.

Ông Tư bước ra sân. Trời còn tối đen kịt. Phía chân núi, ngôi sao mai vẫn sáng rời rọi.

- Trời rạng rồi. Ta đi cho được đường, con ạ.

Hai bố con ra khỏi cổng làng. Cả xóm không ai trông thấy. Nhưng các anh các chị trong nhà đã đưa em ra tận ngoài cửa ngõ.

Trại ơi Trại, thế là Trại về nhà chồng. Mẹ đứng đầu ngõ, tay cầm vốc muối, ném theo vào sương mù. Mẹ gửi diễm lành đưa chân con. Rồi mẹ lại chạy theo, nắm chặt tay đưa con gái từ thuở lọt lòng chưa đi xa bao giờ. Cả nhà bịn rịn quanh con bé út nhất. Nhưng không ai khóc.

Con gái lớn thì về nhà chồng. Nỗi niềm thân phận người con gái mỗi người mỗi cuộc đời. Trại đã hiểu từ khi cha mẹ nhận lễ chạ ngõ. Trại biết mình sẽ đi lấy chồng xa. Xóm giềng bảo dưới ấy mới là quê gốc, xa mà gần. Dù sao, cũng là người con gái đi lấy chồng xa. Trại chưa tường mặt chồng thế nào. Cái lần người ta lên “xem mặt”, Trại vẫn đi hái dâu, chiều tối về, không dám bước chân lên nhà trên, cúi mặt đi lẫn lộn với chị em vào nhà ngang trong tiếng cười rúc rích xung quanh rồi chúi vào bếp.

Bố nói rằng bây giờ vì nạn nước mà chồng Trại đã ra đi vì việc nước rồi. Nhưng lời ước hẹn thì bao giờ cũng đĩnh ninh như vàng như đá. Trại về nhà chồng, lo toan, cho phải đạo vợ chồng, Trại đi gánh vác việc nhà chồng, thay chồng. Trại nghĩ hết như lời bố dặn. Trại chỉ nghĩ như lời bố dặn.

Những người trong làng, từ ngày trước đã tin vào cái số. Số Trại có khi rồi vất vả. Con gái mà tính gan góc, ương bướng, thường phải mua cái khó nhọc vào mình. Ấy là mọi người nghiệm thế. Chẳng hay hóm dâu thứ đàn bà con gái ngang ngược tai quái. Người ta lại nói thế. Đến bây giờ, làng nước càng đổ cho cái đời cô Trại rồi ra đúng là như vậy.

Chỉ vì một câu chuyện đã xảy ra, độ ấy Trại mới trạc lên mười hai, mười ba. Trại vốn chịu khó, xốc vác, hay làm. Tính mơ mẹ gọi, vừa trời, chỉ quần xong cái tóc, Trại đã nhào vào việc rồi. Khi mùa cạ, Trại ra mò cá ngoài suối. Hôm ấy cũng thế, trời ít mưa, sông suối đã hiếm nước.

Đêm trước, có hai con hổ ở rừng sâu ra vờn nhau, tay đôi vui chân thế nào đồn nhau ra cửa rừng, quá bước đến sáng rồi vẫn còn luẩn quẩn dưới cánh đồng. Ban ngày, hổ không dám đi qua chỗ đồng trống. Hổ men theo bờ suối, tìm chỗ ẩn.

Trại ngẩng lên, thấy hai con hổ nối đuôi nhau đương đi tới. Trại buộc giỏ vào lưng, rảo bước núp vào bụi rậm cạnh tảng đá.

Hai con hổ cũng chui vào trú chân nép vào chỗ bụi cây có tảng đá ấy.

Suốt ngày, cả nhà, cả xóm đổ đi tìm Trại. Dò khắp các vực sâu xem nó có ngã chết đuối ở đấy. Lúc thấy trong ruộng lỗ chỗ vết chân hổ, ai cũng kêu lên: thế là hổ ra vồ cái Trại, hổ tha vào rừng mất rồi.

Đến lúc trời chạng vạng tối, người đứng trong xóm trông ra chột thấy hai con hổ chạy ngang ngoài đầu đồng. Cả xóm gõ ninh rồi vác dao vác hỏa mai đổ ra đuổi hổ.

Nhưng chỉ thấy cái Trại lủi thủi đi ra từ phía hai con hổ vừa chạy qua. Chiếc giỏ vẫn đeo đẳng lưng. Mấy con cá trong giỏ đã chết khô cong từ bao giờ.

Người ta hỏi mày ở đâu từ sáng?

- Tôi ngồi trên ngạch đá có hai con hổ ngồi dưới hang.

- Mày sợ không?
- Tôi chỉ buồn ngủ!
- Hai con hổ lên ăn thịt mày thì mày làm thế nào?
- Xóm Mường bên kia có người đã biết mẹo bóp chết hổ rồi, tôi không sợ.

Ai cũng lè lưỡi lắc đầu:

- Con bé này gan chín mề...

Nhưng người ta lại chép miệng:

- Xưa rày đàn bà con gái to gan lớn mật, dẫu có làm nên công lênh gì cũng không qua khỏi cái gian truân.

Mấy lâu, mẹ Trại cũng thở dài âm thầm mường tượng như thế.

Hai bố con mãi miết đi trong đường sương buông mù mịt chân núi. Mãi tới lúc mặt trời lên quá ngọn tre đến một con sào mà sương vẫn còn lan đầy chưa tỏ hẳn mặt người và bố con ông Tư chưa ra đến đường cái quan.

III

TRONG BỜ LŨY, tiếng chặt tre đương chí chát. Có mấy người dưới ruộng sâu, lội bùn đến đầu gố đi lên, lưng giắt lủng liểng bó lạt.

Trông thấy người lạ, ngẩng đầu nhìn, rồi tíu tíu kêu:

- Ơi giời ôi, ông Tư!
- Ông xuống chơi, lạy ông ạ!

Ông Tư chẳng thuộc mặt ai, nhưng đoán đấy là người trong làng.

Ông Tư hỏi to:

- Các chú đi đâu sớm thế?
- Chúng cháu ra rào lũy ngoài ạ.
- Bà Xuất tôi có nhà không?
- Chúng cháu đi vớt lạt từ tờ mờ sáng không biết. Ông về nhà bà cháu, chốc nữa chúng cháu vào chơi.

Rồi cả bọn đi về phía bờ tre đang có tiếng người cười nói, tiếng dao chặt.

Đến đây, Gái trở lại. Cứ kể, Gái còn muốn đi nữa, Gái đi nữa cũng được. Bây giờ Gái đã biết anh ấy tên là Nghĩa. Nhưng có mấy lúc, Gái đòi gánh hộ đôi tay nải mà Nghĩa không nghe, lại văng đi. Trông thấy bước tập tễnh, khoeo chân sưng húp, người ta thương tình, lại còn lên mặt. Có lúc nghĩ tức anh ách, có lúc lại ái ngại. Chân đau thế kia, lại làm bộ vẻ nghiêm hơn. Rõ khéo, chỉ khi quay mặt đi mới dám nhả nhó. Đau quá, tưởng người ta không biết đấy.

Bây giờ người trong làng ra thế là đã biết có ông Tư ở Ba Trại về chơi. Gái dùng dằng muốn trở về, lại ngại. Vì có ý, nên ngại. Lại cũng không muốn để bỏ lỡ buổi chợ. Thế là đích ông Tư rồi. Vả chẳng, việc anh giao cho chỉ có thế. Bởi Đề Cụt cũng chưa có dịp nào được tường mặt ông Tư ở Ba Trại. Tin thì có tin, nhưng cứ phải cẩn thận, biết thế nào. Nhưng chẳng phải đến tận cổng làng gặp người quen mới rõ ông Tư mà chỉ một thôi đường Gái đã biết cả chuyện ông Tư chuyện thật thà như đếm. Ông Tư ở Ba Trại dâu gia với nhà ông Xuất Vắn, anh Nghĩa là con trai út ông Tư. Nghe tin chẳng lành, ở xa mới biết, bây giờ ông Tư mới xuống được.

Men qua cái cầu chênh vênh một gióng, sang sông rồi, Gái dừng lại, chấp tay, nói:

- Cháu xin ông cho cháu về. Cháu còn phải đi chợ Canh bây giờ. Lạy ông ạ, lạy anh ạ.
- Cô không vào trong nhà được với bố con tôi a?
- Lạy ông...

Gái nhìn Nghĩa, cười ranh mãnh:

- Sắp đến nhà, anh Nghĩa cũng khỏi đau chân rồi.

Nghĩa nửa ngượng, nửa tức, mặt đỏ gấc. Nhưng chỉ biết cúi xuống, không nói lại được một câu.

Gái đã trở lại bên kia sông. Chợt nhớ, Gái hốt hải quay lại, hỏi to:

- Anh Nghĩa ơi anh Nghĩa, anh ở chơi dưới này còn lâu không?

Không thấy Nghĩa đáp, chỉ có ông Tư nói vọng sang:

- Bảo anh Đề lúc nào thông thả xuống chơi.

Đi lên tận cầu trên, thỉnh thoảng Gái còn dùng bước trông lại. Nhưng ông con ông Tư đã khuất vào bóng tre từ lúc nào. Gái đi, chốc vắn quay nhìn rồi hình như mỉm mỉm cười một mình, rồi lại bước nhanh.

Bố con ông Tư vào đến đầu xóm còn thấy lỗ nhổ người quanh lũy tre. Làng nào, xóm nào cũng đương rào ráp lại cổng rong, bờ lũy - đông như đám chơi gà. Các cụ lợm khòm cũng mải mê ra làm. Việc vua việc quan chẳng bao giờ được người ta giống giả như thế, chỉ việc làng mới có nhất loạt vậy.

Người trèo lên, hạ những cây tre chết róc đổ nghiêng trên bụi xuống. Những cành tre lòa xòa ngang hào nước đã bị dẫn quang hẳn - dù kẻ cướp có lọt được qua lũy cũng không cách vượt nổi hào. Hào sâu, chỉ có cái thúng đi tuần bơi vòng hào, xóm ngoài vun vút vào xóm trong. Cả những lỗ chó chui cũng được ráp lại kỹ lưỡng.

Ông Tư ngả vành nón to tùm hụp, đứng lại, ngắm nghía lũy tre xóm.

Một người nói to:

- Ông Tư xuống chơi kìa. Cái Ngát đâu! Ra đưa ông về!

Có tiếng nói như quát lại:

- Cái Ngát đằng lũy ngoài bờ kia mà.

Quanh lũy tre làng, có một cổng chính, mỗi xóm lại một cổng đồng. Cổng làng Nha xây gạch vồ, trên có chòi gác. Hai cối cánh cửa lim chõng lên hai tầng đá to bằng chân cột đình. Gạch vồ và cánh cổng lim ấy chỉ những dinh thự nhà cao cửa rộng trong thành mới có. Không biết làng này kiếm đâu được cái gỗ quý thế hay đã đi khuôn trộm trong thành về. Trộm từ bao giờ, có lẽ từ năm loạn Ngạc Nhe đánh thành Hà Nội.

Hôm Tây hạ thành, vùng ven nội xô vào hôi của, đông kìn kịt. Các làng bên trại lấy được không biết bao nhiêu các thứ. Trong Kẻ Noi khiêng về nguyên cả cỗ kiệu bát cống. Người ta bây giờ còn kể một chuyện thương tâm: một ông ở làng Nha suốt năm suốt đời chỉ có cái khổ một, cứ lưỡng lự không biết có nên đóng khổ một thế mà vào thành lấy của. Cũng chẳng biết làm thế nào. Sau thấy người ta đi nhiều quá, đâm ngốt, thế là cứ cời trần đóng khổ thế mà đi. Đến lúc vào nhà một ông quan, vợ được chiếc nón chóp bạc và cái áo gấm, đóng luôn bộ áo gấm nón chóp đi ra xúng xính. Qua cửa Bắc, Tây trên thành trông thấy, tướng quan ta đem quân quan vào đánh nhau, bèn giương súng đồm một phát. Ông ấy thành người chết đường.

Khuôn tiệt đồ ăn thức đựng rồi, người ta vác đến gạch, gỗ và đá tảng. Làng Nha cũng như các làng Yên Thái, làng Hồ, cả vùng Bưởi trèo vào thành dỡ gạch các dinh cơ công sở, về xây cổng, xây lũy.

Ông Tư vào làng Nha thường không hay đi cổng chính, - vốn tính kín đáo đã thành thói quen. Cổng đồng mỗi xóm cũng ba lần cánh cổng tán kín bung. Cổng đồng này để phòng việc gấp vừa đường người và trâu ra làm đồng. Mọi việc vào cổng chính, đám ma cũng từ đầu làng đưa ra qua lũy xuống gốc gạo. Chỉ có trẻ con chết phải chôn lúc chập tối mới chỉ đi đằng cổng đồng.

Từ Phụng xuống, liền những cánh đồng, những khoanh tre, lại cánh đồng, lại khoanh tre khít tít tận đầu ô, làng làng trông ngoài cũng như làng Nha, khó phân biệt được. Như buổi chiều nào cũng giống nhau, trong một vùng ấy, lại thấy từng đàn cò trắng từ dưới địa bay lên trắng xóa, kêu táo tác trên lũy rồi im dần theo mặt trời lặn, tờ mờ sáng hôm sau cả đàn lại tỏa đi kiếm ăn dưới địa xa. Đã quen mắt quá, cũng không ai để ý.

Những khoanh tre rì rào lá lướt, nhưng giữa bụi tre gai xù ra như đàn chim tua lông như bó chông chà. Cả đến những ngày hanh hao, trông vào vườn chuối chỉ thấy xò xạc vàng mượt, lũy tre vẫn xanh đen. Lũy tre và cánh đồng đi cùng đời sống con người. Người ở đâu trồng tre đấy, người đến đâu đến với cây tre. Cái lều dưới bờ tre đánh dấu chỗ ở. Bờ tre để dấp mọi thứ tre pheo cho người ta được sang năm dựng nhà khang trang hơn.

Cánh đồng, lũy tre, làng này qua làng khác... Đứng ngoài trông vào chỉ thấy rậm rì. Nhưng bên trong chen chúc những đình chùa, xóm mạc, đôi khi, cả cái chợ đổi vai bán con cá mớ tôm ở bờ đầm, ngoài đầu bến. Trong khoanh tre, giảng sơn mỗi làng, giặc cướp khó lọt vào được.

Bố con ông Tư đã đến chân tre đầu xóm.

Mọi khi, đây là cổng đồng, trông thông thoáng ra bờ ruộng đồng cao bên lối đi. Bây giờ bờ tre đã tỏa kín, nhìn kỹ mới nhận ra cổng rong lẩn bờ lũy, cũng đã vàng úa như cả loạt tre đương chết dóc giữa mùa hanh hao.

Không trông thấy ai, chỉ nghe tiếng giạt giọng hỏi ra:

- Những người kia đi đâu?

Liền đấy có tiếng hỏi to, mừng rỡ:

- Ông Tư trên Ba Trại đấy phải không?

- Ấu, Tư đây.

Tiếng cười hê hê:

- Đích ông Tư rồi.

- Ông xuống chơi ạ.

Cánh cổng rong bật chốt, mở ra một lối vào vuông gọn như đục dựng ra đứng giữa bức tường xanh. Hai bên làng lũy bây giờ nhộn nhịp tiếng người mà lúc nãy ở ngoài cứ nghe vắng vắng, không biết đích đâu. Bởi thấy người lạ, tất cả đã lặng phắc, giờ mới lại cười nói vang động.

Ông Tư đứng lại.

- Các quan viên xóm ta ra dọn lũy a?

- Thừa ông, vâng.

- Trên kia chúng tôi không làm lũy xóm thế này.

- Thế trên ấy không phải làm lũy?

- Nhà nào cũng có rào, chúng tôi có lũy từng nhà rồi.

Một người, vẻ hiểu biết:

- Trên rừng chả lắm cướp mà.

Ông Tư nói:

- Ngăn con hổ, con trăn, con cáo vào quấy nữa.

- Ồi giời ôi nhỉ!

Có người hỏi:

- Nhà nào cũng có lũy, ngộ thẳng Tây mà lên trên ấy thì nó phải đánh nhau với từng nhà a?

- Phải thế chứ!

Mấy anh con trai từ trong bờ tre bước ra, chấp tay cung kính:

- Mời ông vào nhà bà cháu ạ.

Có người nhìn quanh quất rồi nói:

- Quái, vừa thấy cái Ngát đây mà. Rõ ràng tao trông thấy nó từ ngoài lũy làng vào.

Rồi gọi:

- Ới Ngát, ra đưa ông Tư về nhà.

Chẳng thấy cô Ngát thưa. Ông Tư đã thuộc đường cứ bước xăm xăm đi. Nghĩa gánh đôi tay nải, lưng thừng theo. Đến chỗ đông người ra làm lũy đứng nhìn, Nghĩa cố bước không khập khiễng.

Lại những bụi tre, những bụi tre không biết từ đời nào, không ai đánh gộc bao giờ, gốc tre cứ xù xì ra như đồng rạ. Lệ làng cấm đào măng ngoài lũy, đến như nhà nào trồng tre bờ rào mà cũng chỉ được bẻ những cái măng lác. Mỗi năm, vào những ngày đầu hè, tre non tua lên như

chông chà, xanh rộp mắt. Gốc tre từng vùng năm này sang năm khác, chồng lên nhau, cao thành bờ lũy tự nhiên, rìu bổ cũng khó vỡ.

Vẫn thấy những tre là tre. Người đi dưới bóng tre xao xác gió hanh trong bụi tre chết dóc đồ khé cả chòm. Qua đến ba rặng liền nhau mới vào đến đầu xóm. Mỗi lũy tỏa thành một bờ tre quanh xóm. Lại cũng như ngoài lũy làng, cách mỗi bờ tre, có một hào nước rộng nửa con sào, tre lòa xòa xuống mặt nước tù xanh đen. Hai lũy nữa, lớp hào nữa mới tới ao đình. Trên bờ ao có một cây đa cổ thụ. Mỗi ngày, những con trâu đi làm đồng về xuống đầm trong ao rồi lên đứng âm thầm cọ mình, mài nhẵn cả bốn phía những chùm rễ đa xù xì lòng thòng xuống như những mắt võng.

Nhà trong xóm, chỗ sùm sụp, chỗ lác đác. Cũng không khác năm trước. Con đường đi ngang, hai bên mặt ao, đồng đánh chiếc cầu tre. Thấp thoáng làn nước bình yên, nhịp cầu ao dưới bóng cây táo nắng lẩn tẩn trong lá. Cô gái giơ tay vúi cành ổi lả xuống che mặt, ý tứ đưa mắt ra đường nhìn khách lạ, chân hờ hững khóa đám bèo cái giã loăng mặt nước xanh trong.

Những khoảng vườn có cổng tán kín đáo bên bụi tre. Qua vườn tre đến vườn xoan. Bên cổng vào nhà bà Xuất nhô lên bức tường đất thấp, chằng chịt lớp xương rồng già, gai nở lẩn hoa li ti tán vàng như xôi đỗ.

Trong gian nhà ngang, tiếng khung cửi đương có người dệt. Nghe ào ào thoi qua mặt cửi và tiếng chân đòn trong lỗ đập kêu lạch xạch. Dưới nhà ngang, mấy người đàn bà nà dòng ngồi quay tơ. Ngoài hiên, hai đứa trẻ đánh “suốt”, ống tơ dầm nước vỗ bắn quanh như đám mưa bụi.

Cả hai cây cau lùn trước nhà đương ộp bùng. Tàu cau rung xuống, hoa cau trở nhánh vàng rươi, thơm ngậy ngất một khoảng sân. Khách đến chơi nghĩ giống cau liên phòng này tứ thời, chiêm cũng đậm bùng như cau mùa, quý thật - phải xin cho được giống ấy về ươm. Lại phảng phất đâu mùi hương đen đầm ấm. Vào mùa lạnh lẽo này chắc chỉ hương đen rấm chuối.

Nhưng bước chân lên thềm, trông thấy giữa giường thờ, hai cánh vải sô trắng bùng, khói hương tỏa trong màn ra. Bên trong, đặt hai bát hương, một bát chính giữa, một bát cạnh. Hai nải chuối xanh trên đôi mâm bằng gỗ sơn thên. Lại cảm ngay thấy mùi hương đen bây giờ chỉ có lạnh lẽo.

Ông Tư bước tới trước bàn thờ, không cần để ý biết có ai trong nhà. Tưởng như nếu ông không đến ngay thế, thật là thất lễ với vong linh người chết đương ngồi trên kia. Ông Tư buông cái tay nải nhỏ xuống bên chân cột, xếp bó hương đen lên góc mâm bằng, đứng lùi ra, chắp hai tay, lẩm nhẩm khấn.

Rồi ông Tư bưng một tay lên miệng, cúi mặt, kêu mấy tiếng thật to, hai mắt đỏ hoe:

- Ô hô! Ông ơi! Ô hô! Con ơi!

Nghĩa cũng đặt gánh, ngồi sụp xuống chắp tay vái lên bàn thờ. Bối rối, buồn thương, lo sợ, Nghĩa quên cả chỉ có đàn bà mới ngồi lễ như thế. Bao nhiêu nông nổi trước sau, Nghĩa không muốn mở hai bàn tay đã úp chặt lên mặt.

Ông Tư lại bưng miệng ô hô khóc viếng lần nữa. Nghĩa ngỡ như tiếng bố gọi mình. Nghĩa cứ ngồi gục mặt, nước nớc.

Ở dưới nhà ngang, Ngát chạy lên.

Ngát đến trước mặt ông Tư, Ngát òa khóc. Bấy giờ mọi người trong nhà cũng bỏ khung cửi, bước ra. Ai ở nhà dưới lên cả nhà trên đứng quanh Ngát và bố con ông Tư.

Đầy toàn con cháu trong nhà. Ông em ông Xuất cũng đã mất năm trước. Người em dâu và các con, hai đứa lớn đã có vợ có con nhưng vẫn ở quây quần cùng nhà. Nhiều nhà khác trong xóm cũng ở với nhau tam đại đồng đường như thế. Người ta lấy việc hòa thuận mấy đời một nhà là tốt đẹp.

Ông Tư nhìn ra, rồi nói:

- Đùng khóc nữa, các con ạ.

Nhưng rồi ông Tư nâng ống tay áo lên, lau nước mắt. Ngát mũi lòng, vẫn khóc to.

Từ lúc Ngát và mọi người trong nhà lên trước bàn thờ, Nghĩa chợt nhớ mình bây giờ không phải người vợ về đây khóc chồng, mà cô Trại đương là anh Nghĩa rồi. Nghĩ thế, Nghĩa ngượng. Không dám nhìn lại quần áo, quên cả đau chân, Nghĩa đứng vội dậy, lấy vạt áo chùi mắt.

Ông Tư quay lại, bảo Nghĩa:

- Con đỡ em nín đi.

Ngát ngược mắt, thấy người cầm tay mình là một anh con trai. Ngát im khóc và rút tay lại.

Ông Tư hỏi:

- Mẹ đi đâu, con?

- Mẹ cháu đi chợ tơ.

- À hôm nay phiên tơ.

Ngát vẫn thút thít khóc, nói:

- Bây giờ đã đứng bóng, chắc mẹ cháu cũng sắp về.

Ngát trạc mười bốn tuổi. Từ khi bố và anh mất, nhà tuy đông, nhưng thực sự chỉ hai mẹ con quanh quẩn với nhau. Tự nhiên, Ngát cảm thấy mình xóc vác khác mọi khi. Mẹ vắng nhà, Ngát biết lo toan, điều mà trước kia chưa bao giờ Ngát nghĩ tới, bây giờ Ngát làm được.

Ngát rụt rè, khẽ hỏi:

- Thưa ông, ông đã thổi cơm chưa để cháu đi thổi.

- Khoan, con ạ. Ông với anh ăn cơm sáng sớm rồi. Ông còn ở chơi, đợi mẹ con về hãy hay.

- Cháu cứ đi thổi cơm đây.

- Khoan đã mà, mặc ông con tao.

Chợt nhớ, ông Tư bảo Ngát:

- Anh Nghĩa này là con trai tao. Tao cho anh Nghĩa xuống ở nhà ta cho vui nhà. Con đương quay tơ, cứ xuống làm đi. Cả nhà ai làm gì cứ làm, để tao đưa anh nó dạo quanh cho biết thông thổ.

Ông Tư và Nghĩa ra sân. Trước mặt, một cái chuôm ao nhỏ có cầu xuống bên gốc khế. Nhà trên năm gian hai chái, hai bên đặt khung cửi. Dưới nhà ngang, gian làm hồ. Đầu bếp đằng kia có cái chuồng trâu cạnh một góc gác lửng để cày bừa. Quanh nhà, um tùm mấy bụi tre, lại còn vây kín những cây xương rồng ông làm tường rào dọc bờ ao.

Ông Tư nói:

- Dưới này không nhiều cướp như trên ta. Nhưng ở đây thằng Tây còn ác hơn kẻ cướp. Làng nào cũng phải hào lũy phòng nó, chắc chắn thế đấy. Thằng Tây ở đâu đến ngồi trên cái tàu lênh đênh ngoài sông Cái, mặt mũi xám ngắt, ngô ngọng nói không biết nghe, làm sao nó vào được từng làng từng nhà thế này. Những hào nước ngoài lũy sâu ngập con sào chứ không vừa đâu.

Ông Tư vừa đi vừa giảng giải cho Nghĩa. Nhưng Nghĩa không nhìn, cũng không nghe thấy gì. Nghĩa đương có cảm tưởng chập chờn thật thấy như thế, ở đâu, cạnh gốc cau, dưới nhà ngang, sau bếp, hay vừa ở ngoài cổng tán bước vào, đằng sau bàn thờ che hai cánh màn sô, trước bài vị quán lá bùa vàng rợn, có một người đàn ông chít khăn lượt thấp thoáng. Không kịp trông rõ mặt, người ấy nhẩn nha ngoài cổng tán lại thoáng sang chỗ tường, bờ rào, lại thoáng đi như từ hôm ở trên Ba Trại. Nước mắt mong trong mắt, chỗ nào Nghĩa cũng thấy cái bóng ấy. Lạy anh, anh sống khôn chết thiêng, phù hộ độ trì cho cửa nhà được bình yên.

Từ nãy Ngát vào nhà ngang. Thấy ông Tư bảo xuống quay tơ, Ngát cũng không nghĩ ra việc gì

khác, Ngát ngồi bên rổ tơ. Dù cố học cho ra người tháo vát, Ngát vẫn còn nguyên cái tính dễ bảo ấy của trẻ con.

Những chiếc rổ tơ đặt đầu hè, cạnh gốc cây táo. Mặt đất loáng thoáng nắng.

Táo còn xanh, nhưng quả đã mẩy, đã tròn mẫm bóng nằm bày trên từng tùm trên lá.

Tiếng cái vầy tơ nhảy lóc cóc. Con tơ ở chiếc vầy ánh vàng lên. Công việc nhẹ nhàng như ngồi chơi. Nghĩa ở nơi rừng sâu ruộng trằm, nghề thổ mộc nặng nhọc. Hai bàn chân ruỗi ra dưới gấu váy và bàn tay, khuôn mặt trắng xanh của người quanh năm ở trong nhà không thể tưởng đấy lại là người làm.

Chốc Ngát lại nhìn ra sân. Ngát vẫn chưa hiểu ông Tư nói cái anh ấy về ở dưới này là thế nào. Anh ấy chỉ phải cái ăn mặc đường ngược, áo dài bê chèo lưng thụng, quần nâu da bò chó cắn gãy răng, còn trông mẽ người ra đáng hơn cả con trai vùng này.

Ngát lại cười thầm mình. Thật thì không phải Ngát mới trông thấy anh ấy từ lúc vào nhà. Ngát đã nhìn ra ông Tư và anh ấy từ lúc hai người mới qua sông ở đầu làng. Lúc ấy, Ngát đang theo người ta ra rào lũy làng ngoài. Nghĩ thế nào, Ngát lén chạy trước về nhà.

Nhưng lại chợt nhớ ra một việc - việc chào hỏi mời đón của người lớn, Ngát đứng dậy, vào bếp, đem cái ấm đất, súc bã chè cũ rồi ra chum múc nước.

Ngát lại lên nhà lấy âu trà. Chỉ một lát, Ngát đã tề chỉnh bày ra giữa chõng tre, bốn chiếc bát đàn uống nước. Nồi chè tươi khói thơm nghi ngút. Trên coi đặt mấy miếng trà mới tằm và lá trà không vừa ngắt ngoài dàn vào xếp ngay ngắn với miếng rế đỏ cắt xếp khéo như vảy cá cạnh quả cau tươi tiện chũm bồ tử.

Ngát ra chấp tay, kính cẩn:

- Mời ông, mời anh xơi trà.

Ngát rón rén bước theo sau hai người vào nhà.

Rồi Ngát bỗng hỏi Nghĩa, tưởng như câu hỏi băng quơ.

- Thế còn chị ấy đâu, hả anh?

Nghĩa giật mình, quay lại, nhìn đôi mắt óng ánh tò mò, tinh nghịch của Ngát.

- Chị nào?

- Cái chị lúc qua cầu ngoài đầu làng ấy thôi.

Nghĩa còn đương lúng túng chưa biết đáp thế nào, ông Tư đã nói to:

- À cái Gái em chú Đề Cụt. Nó về đi chợ Canh rồi.

Kỳ tình, Ngát đã biết tổng đấy là cô Gái.

Bà Xuất về đến ngoài ngõ.

Ngát gọi mẹ, như trẻ con reo:

- Mẹ ơi! Có ông Tư xuống...

Ông Tư ngơ ngàng nhìn ra.

Thoạt trông, không thể tưởng người đương đi vào, ngả chiếc nón chóp lá đã thâm trên đầu xuống lại là bà Xuất. Nếu không nghe cô Ngát gọi mẹ, cũng chẳng thể đoán nổi. Bà mặc xống áo đàn ông. Bà Xuất cũng ra tướng đàn ông.

Vai đeo cái dây to, bà bước xăm xăm. Quần xắn đến gối, bụi đường đỏ bay bùn đã khô bám lên ngang bắp chân. Nếu trông dáng mà phỏng chừng, cũng chỉ biết đấy là người đàn ông đứng tuổi. Cái áo kếp bạc, một bên vai vá đổi miếng chồi nâu non. Lăn khăn đầu rìu bằng vải thâm lộn với mớ tóc bơ phờ hoa râu nhưng vẫn còn đủ lộn để búi chon chỏn một núm sau gáy. Chiếc

quần chồi nhuộm vỏ dả đã nhờ nhệch, đũng quần không rách mà đụp thêm một miếng vuông bằng cái quạt nan.

Nhưng đến khi trông nét quai hàm và miệng ăn trầu cắn chỉ, ông Tư nhận ngay ra bà Xuất.

Bà Xuất đặt đây tờ ngoài đầu hè.

- Ông mới xuống, mời ông ngồi chơi...

Chỉ nói được một câu, nước mắt đã lã chã.

Thế rồi, bà Xuất cứ vừa nghẹn ngào, vừa mời, vừa hỏi: ông ngồi chơi... ông xuống bao giờ... tối hôm qua hai ông con ngủ đâu, đã cơm nước chưa...

Ngát đứng cạnh mẹ. Như để khoe khéo mình vừa tằm trầu, đun nước, tươm tất mời khách. Bà Xuất hỏi con gái: trầu mảy tằm đấy à? Đem bình vôi vào đây. Bà mắng yêu: Tằm trầu bao giờ cũng nhạt vôi. Rồi bà lại nói: mời ông xơi miếng trầu... Có lớn mà chẳng có khôn... Cháu chưa biết làm gì đâu... Ông xơi tạm... mời ông... Này... chú...

Hai người đã ngồi vào chõng tre trên thềm.

- Tôi xuống được một lúc lâu rồi. Cháu đã có giàu nước đủ cả. Ngoan quá, chóng nhón quá.

- Ấy, bé người mà đã biết việc mình phải lo. Lắm lúc nghĩ cũng thương. Tôi thì chạy ngoài, hôm tối đi về không biết thế nào. Đàn bà con gái bây giờ, một bước cũng dễ giẫm phải gai, tôi cứ đem xống áo của ông cháu ra mặc lấy cái vía. Ông đừng cười.

Ông Tư khoát tay lên, nói to:

- Thời tao loạn, cốt sao cho được việc. Bà thế là giỏi.

Không phải là câu ông Tư khen lấy lòng, mà sự thật trong nhà này bấy lâu ông Tư đã biết, làng xóm cũng biết.

Từ xưa tới nay, khi còn sống, ông Xuất quanh năm chỉ có giao du đây đó. Một tay bà Xuất cáng đáng mọi việc nhà. Bà em dâu quá hiền, người trong xóm còn nói bà ấy có hơi đụn. Bà Xuất phải trông nóm cả đến các cháu. Có khi ông Xuất đưa về hàng chục người làm khách trong nhà suốt tháng. Ban ngày các ông rủ nhau đi đâu không biết, tối về họp bọn quần thảo luyện võ suốt đêm, bàn bạc suốt đêm đến sang canh, cơm rượu xong vừa tảng sáng, lại kéo đi. Các ông đi đâu, những đâu, bà Xuất không biết, bà Xuất không bao giờ hỏi. Thật thì bà cũng mang máng nhưng cũng cứ như không. Bà chỉ biết chịu thương chịu khó lo toan mọi việc trong nhà cho chồng con. Bà chỉ biết chồng con, nhà cửa.

Bà Xuất kể:

- Dưới này tôi bây giờ ngốn ngang quá, ông ạ. Bố con ông nó thế là đi việc nước cả rồi. Trong nhà chỉ còn hai mẹ con với thím nó và một lũ cháu dại, có nhón chưa có khôn. Nhà thì vừa việc ruộng vườn vừa canh củi, đằng nào cũng phải có người chạy chợ, người hồ cháo. Việc trong nhà không như việc đồng còn mùa bận mùa nhàn, lúc nào cũng tối mịt tối ngày. Từ khi thẳng cả nó đi việc nước với bố nó, khung củi đành để trống đấy. Buổi đực buổi cái, nhà đã neo càng neo. Mà trời còn làm tao loạn thế này...

Ông Tư nói:

- Vừa hay, tôi cũng định thưa chuyện với bà. Trước kia cũng như bây giờ, một lời đã dao chém đá. Vợ chồng tôi xin cho thằng cháu út này được về làm dâu con ông bà. Ông đi việc nước thì cũng như ông ở nhà, lúc nào cũng có hai ông con vẫn ngồi kia, trông nhà trông cửa, với con cháu, ông chứng giám cho, xin ông bà nhận cho nó là con ông bà. Nghĩa ời! Con lại đây. Con lạy bố mẹ đi.

Nghĩa bước lại, thông thả, trang nghiêm, quỳ gối, lạy bà Xuất hai lạy. Quay ra bàn thờ, lại quỳ xuống, cúi lạy. Rồi Nghĩa lùi lại đằng sau, đứng chấp hai tay, im lặng. Bà Xuất ngược nhìn Nghĩa.

Tay bà Xuất run run sờ lên cánh tay Nghĩa mà bà không nhìn ra được. Bà có một cảm tượng lạ

lòng, bà không biết đây là con trai bà hay đây là con dâu bà. Tấm lòng thủy chung như nhất của ông dâu gia khiến bà xúc động. Bà Xuất gục mặt vào vai Nghĩa. Bà nắm tay Nghĩa, bà gọi: “Con ơi!” Rồi bà kéo Nghĩa bước lại trước giường thờ, bà ngồi sụp xuống, mếu máo vừa vái vừa khấn. “Ông sống khôn chết thiêng, bố con ông sống khôn chết thiêng, phù hộ cho mẹ con tôi”.

Bà Xuất đứng lên, quay lại, gọi Ngát. Tiếng mừng rỡ mà nước mắt cứ lăn chã.

- Con ơi! Con ra nhận anh, anh con đây.

Nghĩa bước lại, đặt tay lên cánh tay Ngát, như bà Xuất vừa nắm cánh tay Nghĩa. Bây giờ Ngát không nguẩy đi như lúc này, Ngát để yên và rơm rớm nước mắt. Bà Xuất nhìn Ngát và Nghĩa, thấy như tự bao giờ, hai đứa ấy là con mình.

Bà Xuất ngắm nghĩa. Cái áo cái quần thô cũ, nhưng nét mặt hiền hậu. Bà Xuất cũng nghĩ như Ngát lúc này: người vùng này khó lòng ăn đứt được. Răng đen rưng rức hạt na. Nước da mịn, cười má lúm đồng tiền, như con gái. Chỉ mỗi đôi mày rậm mới thật đáng con trai.

Bà Xuất càng cảm kích tấm lòng vợ chồng ông Tư ăn ở chửn chu. Dầu cho sự thể đã thế này, người ta nghĩ thế nào cũng được, nhưng ông vẫn đưa con về. Nó về đây, ừ thì con trai hay con dâu cũng một đầu con. Càng nghĩ, lại thương lại mừng. Chửn tín nghĩa trên đồng rừng còn tròn vành vạnh, không như lòng dạ đưa đẩy lèo lá đầu đường xó chợ như dưới này. Từ khi người Tây đến nhiều nhường, bọn khách buôn coi đồng tiền phân bạc nặng hơn lời nói, tâm địa con người ta bây giờ cũng xoay như con chong chóng.

Mấy hôm sau, một hôm, nhà bà Xuất cho người đi mời họ. Thoạt tiên không ai đoán ra việc gì. Giỗ đầu ông Xuất và anh cả Vấn đã qua, nhưng chưa tới kỳ giỗ hết. Sau mới biết là bà Xuất sửa lễ mời họ nhận con ông Tư trên Ba Trại về làm đầu con.

Bà Xuất chỉ phàn nàn không đưa nào lên Ba Cây Đề gọi anh em nhà Đề Cụt về “cho anh em nó mừng”. Chỉ bởi đã xem được ngày tốt, phải làm lễ gia tiên cho được ngày.

Ông Tư nói:

- Hôm về thế nào tôi cũng ghé nghỉ Ba Cây Đề, tôi bảo cho.

Bà Xuất lại tự nói cho mình yên tâm:

- Chúng nó là con cháu trong nhà, vậy cũng được.

Ông Tư nhớ lại đêm ở hàng Đề Cụt:

- Ngày sinh thời ông nhà, tôi có nghe ông nói đến thằng ấy, mà cũng chưa gặp nó. Xem ra cũng tay đão để.

Bà Xuất vẫn cầm cúi bồ cau.

- Ông cháu quý anh em nó chẳng khác con để.

Mới đánh tiếng mời họ mà mấy chi đã góp nhau khiêng con lợn hơn mười tháng đang được thịt đến hạ xuống giữa sân. Tiếng lợn eng éc khua trể con nháo nhác chạy tới

Từ gà gáy đã có người về làm giúp. Phải treo quang đèn ra đầu giải phía cổng ngăn vào cho tỏ đường xuống bờ ao. Đến sáng ngày ra, ở phản chõng đã có các bà ngồi tằm trâu. Các chị đi rút cây rơm, gánh gộc tre về, bắc chỗ thổi xôi giữa sân, nhộn nhịp như ngày giỗ họ.

Xế trưa, được chừng chục mâm đã bung trước lên đặt suốt tầng giá cổ ngoài hè. Người mang rượu, trâu cau, hương và tiền đến đông nghịt. Khói hương, khói bếp ngào ngạt, mù mịt.

Bà Xuất thay váy áo chồi nâu, ra thắp tuần hương mới.

Ông Tư đứng chấp tay cạnh phản giữa. Các cụ cao tuổi trong họ ngồi một loạt từ gian giữa trở ra, liền mấy mạch chiếu.

Ông Tư lúng túng, cảm động:

- Trình các cụ, ông Xuất cháu với anh cả nó chẳng may thất lộc. Nhưng đi việc nước thì dầu đi đâu cũng vẫn về nhà về đình về miếu, các cụ ta đã bao đời nay lưu truyền thế. Chúng tôi đã có lời trước xin với ông bà Xuất cháu, thế nào chúng tôi cũng đưa một đứa con về làm đầu con ông bà. Bây giờ, việc dữ mà hóa lành, chúng tôi cho cháu về đây. Từ nay cháu nó là con cái trong nhà, trong họ, mọi điều ăn nhẽ ở nhờ các cụ bảo ban cho.

Cả những người đến làm giúp đương hái rau trên bè gỗ ngoài hào cũng bỏ đấy, chạy lên xem mặt anh con nuôi bà Xuất. Bà Xuất ngồi có Nghĩa và cái Ngát đứng bên. Nhiều người nói nhỏ với nhau: “Chẳng phải mang nặng đẻ đau, thế kia là sướng rồi”. Nghĩa cúi mặt. Đôi lúc chợt ngẩng lên, lần nào cũng tự dưng nhìn vào cái mâm bông con bày ngũ quả trước bàn thờ. Những nén hương đen, khói lượn trên bát hương. Lá bùa giấy bản chữ son nhạt tó ngoằn ngoèo quấn quanh chiếc đĩa tre trước bài vị - bài vị anh ấy. Nghĩ thế, Nghĩa lại bặm môi, cổ cầm nước mắt.

Nghe ông Tư nói, nhiều người lạng ngó trân trân rồi, không bận gì mà nước mắt ai cũng cứ rơi xuống.

Mãi sau mới có tiếng thì thảo.

- Bụng nghĩ được như ông Tư ở đời chưa dễ đã có mấy ai.

- Trên đường ngược người ta không biết chợ búa, không biết nói hai lời.

- Quý thật.

- Nay, con giai mà bộ tịch ngược nghịu như con gái.

- Hay là con gái?

- Trông tay chân thầy đồ thế mà không phải vừa đâu. Lúc nãy ra làm lợn, mổ đầu gọn đấy, nhanh lắm!

- Chắc cắt tiết Tây phải thạo.

- Còn nói!

Đến khuya, đã vãn khách, chỉ còn những bà con gần đã đến làm giúp cả ngày, bà Xuất dọn hai mâm - có nồi mười cháo nước xuyết, tất cả bắc lên giữa nhà. Ở mâm cỗ vét, ai nấy mới ăn uống cật lực, sau một ngày vất vả.

Ông Tư nhấp ngụm rượu rồi ngồi im lúc lâu. Như định nói gì, lại thôi. Ông Tư nhớ lại lúc náo nhiệt ban ngày. Khác nào cái cảnh đó các lần ông Xuất hội quân các nơi về Ba Trại lấy “hàng” đi, cũng đông thế. Anh em toàn người dưới Thái Bình. Tiếng Sơn Tây đã khó nghe, thế mà giọng Quần Anh, Quần Tín còn nặng hơn. Lần ấy, ông Tư đón về cả mấy tay thợ rèn giỏi ở Thừa Lệnh. Suốt vụ rét, các lò Thừa Lệnh đánh được đến mấy trăm thanh mã tấu. Khách cất hàng và thợ lò gặp nhau, bàn chuyện rèn gươm cả đêm.

Ông Tư hỏi bà Xuất:

- Mấy lâu nay có ai về ta không?

- Ông hỏi thế nào nhỉ?

- Người của ta có thường qua lại như trước kia...

- Vưỡn, ông ạ.

Ông Tư uống cạn chén ấy, rồi mới nói:

- Tôi đã dặn cháu đủ nhẽ. Các con bây giờ nổi chí cha anh. Các con phải nổi cho được chí của cha anh.

Khuya rồi, nghe tiếng gió ào ào trên lũy tre như sóng đánh.

IV

BA NĂM SAU.

Con người chân chỉ cày cuốc xứ Đoài đã thành chàng trai canh cửi đất Kẻ Chợ. Chiếc áo nhuộm vỏ dả quế ketch sạm đen đã được đút nút vào vỏ từ lâu. Cái quần nâu bạc mới khi bây giờ là tấm quần chồi cặp buồng lá tọa nhuộm vỏ xó màu hoa hiên. Tết đến, Nghĩa chít khăn lượt. Tóc tốt như tóc con gái, búi tó đen nhánh. Chiếc thắt lưng nhiều hoa lý bỏ giọt lửa tỏa bốn múi. Thật đây người đẹp trai nhất làng.

Nhưng có điều ý nhị mà không ai để ý. Nghĩa không mặc áo khách chiết tà như con trai trong làng bây giờ đương đua nhau sấm. Tứ thời, Nghĩa đánh chiếc áo năm thân rộng thùng thình, dải tết bê chèo. Nghĩa bảo quen mặc áo này từ bé. Kệ cho Ngát chế giễu. Bà Xuất cũng chiều, chỉ may toàn một kiểu áo cũ kỹ ấy cho Nghĩa. Bà bênh Nghĩa: “Thời tao còn con gái, đàn ông người ta quần áo chỉnh tề như thằng Nghĩa ấy. Bây giờ mới đua đòi nhố nhăng, khuy áo cài đườn bụng ra như chú khách phố Mới. Ấy như thằng Nghĩa thế mà hóa ra nèn”.

Tấm áo năm thân tà vuông, dài rộng của Nghĩa, trai tráng vùng này chê kiểu áo ấy cổ. Nhưng Nghĩa mặc cái áo cũ kỹ ấy nom vẫn nổi. Áo chồi không chuội võ mịn nền hoa cau, hợp với khổ người hơi đậm của Nghĩa.

Nghĩa đi qua bờ ao, bước vào cổng tán. Vòm tre mát rượi suốt mùa hè. Cành ngả xòa mặt nước, cành vươn lên xanh mỏng mảnh như làn khói.

Nghĩa đi khoan thai. Vành khăn lượt đỡ búi tóc cao lên. Cái dải áo lĩnh mỡ gà năm thân, gió bay bay. Người đi vào giữa đường tre, nét mặt nhẹ nhõm như chú học trò đi nghe giảng ở nhà thầy đồ về, - chứ không ra dáng anh thợ cửi.

Ngát đứng bên cổng ngăn, tủm tủm cười, hỏi Nghĩa:

- Ngoài xóm đương đồn anh Nghĩa sắp về đường ngược rồi.

- Ai mà nói điều thế?

- Người ta bảo anh đòi mẹ may một lúc những mấy cái áo năm thân để anh đem về trên ấy anh mặc dần.

Nghĩa biết cô em nói trêu.

- Cái áo khách xẻ tà cũn cỡn, tôi trông đã ghét rồi.

- Đàn ông bây giờ không ai người ta mặc như anh.

- Mình có mặc áo hộ ai đâu mà lo.

- Nhưng chúng nó cười.

- Ai cười người ấy hở mườì cái răng.

- Em cũng không thích.

- Mẹ có bắt cô mặc áo này đâu.

- Rồi có lúc em giấu hết áo anh đi cho mà xem.

- Đố cô đấy?

Ngát trả lời Nghĩa bằng nụ cười mỉm rồi Ngát nói “được rồi, được rồi, nhớ đấy, thách rồi đấy” xong lại cười rình rích đi theo Nghĩa vào sân.

Giàn thiên lý mọc lẫn trong dây đỗ ván cứ đến chập tối mùi hoa lý tỏa khắp xóm, càng khuya càng ngát.

Thế là sắp đến Tết mừng năm tháng năm.

Tết đến nơi, vậy mà các chợ Canh, chợ Cáo, chợ Diễn, chợ Bưởi bấy lâu họp lán vào chân tre trong làng, ngày chợ vẫn còn lẻ tẻ, mặc dầu có nhiều người chạy loạn đã trở về. Người ta khao nhau đã yên rồi. Nhưng thật hay không, bình yên sâu nông thế nào, chẳng ai biết. Những tin đồn thổi bối rối, trái ngược, khó hiểu. Thấy nói ngoài Kẻ Chợ, Tây không ở Trường Thi, cũng không còn đóng trong thành. Nhưng các người cổ đạo lại ra chiếm đất làm nhà, lấy hẳn địa phận hai thôn Minh Cầm, thôn Tiên Nhi. Trên cánh đồng làng Chân Cầm bây giờ đương xây cho bên đạo từng dãy nhà tường đá mái ngói, nhà nào cũng có chữ thập ác trên nóc.

Tây đã xuống ở hết trong Đồn Thủy. Nghe nói dưới ấy bây giờ bỗng dưng vui nhất Kẻ Chợ. Tây muốn xóa tiếng ác, đến chỗ nào cũng bày trò giảng đạo, phát không các thuốc nhức đầu, đau bụng, tháo dạ, lại hay gọi phường tuồng chèo về hát ngay ở cuối chợ.

Nhưng đêm đến, có khi không chỉ có im vắng cũng bắn súng suốt sáng.

Bởi vậy người ta vẫn ngại tụ tập. Thằng Tây đương cười đùa múa may tử tế, nhưng bụng nó thế nào, nó trở mặt lúc nào, ai mà biết. Cho nên các chợ to cũng vắng người như những chợ hôm chợ mai rúc ráy đầu làng bến sông chốc lát.

Tết đến cũng thế.

Nhưng Tết cả trong từng nhà vẫn ảm cúng. Nhà bà Xuất đã sửa soạn hũ rượu nếp cẩm từ tháng trước. Lại giữ lệ, giết con gà, thổi nồi xôi, không bày vẽ thêm nữa. Cái Tết mừng năm tháng năm, náo nức nhất đám trẻ con. Sáng sớm, chúng đã tíu tít đi kiếm vôi vẽ vòng khoanh rốn. Rồi ăn mặn, bồ dừa uống. Xuống ao làng, ra sông lội mấy sải, làm được những việc ấy, ăn như thế, người lớn bảo thế là cả năm, sâu bọ không dám vật đứa nào đau bụng được.

Trai gái đi tìm phèn, cánh kiến làm thuốc nhuộm răng. Tết mừng năm ai cũng lo nhuộm răng mới, nhuộm lại răng.

Nghĩa đương ngồi trong khung cửi.

Nghĩa đã trở nên người thợ giỏi bậc nhất nhì trong làng, mỗi đầu hôm lên đèn khuya dệt trọn cuốn cửi mà giàn hoa lý ngoài hiên vẫn chưa dậy hết mùi.

Mới ngày nào Nghĩa bước vào khung hồ, còn ghê mùi hồ cửi vừa chua vừa thối, bây giờ đã quen như không.

Nghĩa dệt khỏe, các khung khác không ai theo kịp. Tắm hàng Nghĩa dệt, biên phẳng tấp, mặt trong óng không một gợn gùn gút. Bà Xuất đem đi chợ, hàng đắt đến độ quen khách, lái chỉ đón đẩy lính bà Xuất. Nghĩa dệt khéo, lại hay làm.

Bà Xuất quý Nghĩa như vàng, bà Xuất bắt được vàng - người ta ví thế. Cô Ngát còn có khi phải mắng, Nghĩa thì không bao giờ.

Ngát bấu môi, hờn:

- Con trai bao giờ chả hơn con gái!

Ngát vào khung cửi. Nghĩa vừa dệt hết con “suốt” đương cầm vắng rồi ngồi thẳng người trên đòn ngò, lấy thoi ra tra cái “suốt” mới.

Nghĩa bảo Ngát:

- Chưa đầy cuốn, chưa phải sửa cửi đâu.

Ngát đứng lại, nói:

- Người ta đã vào sửa cửi đâu mà anh phải đuổi!

- Thế cô vào làm gì?

Ngát cười, giọng dõ dành:

- Nhờ anh việc này.

- Việc gì nào?

- Chỉ sợ mẹ chửi thôi.

Nghĩa nói chặn:

- Tôi bỏ khung cửi ra thì mẹ chửi, không được đâu.

- Đấy, anh chưa biết thế nào mà đã đuổi em bụi bụi.

- Biết rồi. Cô chỉ có việc vắn vợ con bò trắng răng chứ còn việc gì nữa.

Ngát cười:

- Anh chưa biết đâu. Nhưng anh có làm hộ em mới nói.

Ngát vẫn nhõng nhẽo trẻ con như mấy năm trước - dường như Ngát chưa muốn nhớ mình đã mười sáu, mười bảy.

Nghĩa hút sợi “suốt” rồi cau mày, nhăn nhó, làm mặt nghiêm trang:

- Cái gì nào?

Ngát hỏi:

- Anh lại sắp mắng em đấy hả?

Nghĩa vừa thương vừa bực mình, cũng phải bật cười.

- Cô nói ngay đi thì khỏi phải mắng.

Ngát thì thào, vẻ quan trọng:

- Tối nay chúng em ruộm lá móng, mà phải ruộm liền ba đêm, mỗi đêm hai bã. Đến sáng mừng năm móng tay mới đỏ đẹp được. Anh tỉnh ngủ, anh nhớ đánh thức để em buộc bã lá nửa đêm.

Nghĩa cau có:

- Bây giờ thì sai người ta đi lấy lá móng chứ gì.

Ngát cười tít mắt.

- Anh đoán được à, giỏi nhỉ? Chỉ tại cây móng đằng bờ giếng cao quá. Em mà biết trèo em đã chẳng phải nhờ anh. Mà con gái trèo cây, chúng nó kể về cho. Anh lấy bốn mớ, năm mớ cũng được. Anh trèo cây tài lắm. Em nhớ rồi, năm kia anh lấy lá móng cho cả hội con gái xóm này nhuộm móng tay mà...

- Nhưng mà bỏ khung cửi bây giờ mẹ về mẹ đào mả lên cho.

- Có người vào dệt đỡ anh đây.

- Tôi không khiến cô. Thà để cửi đấy, phải lên đầu hôm khuya còn hơn cho cô mó tay vào cái thoi.

- Anh Nghĩa không nhớ ai biết dệt cửi trước ai.

- Nào lui cho tôi lấy chỗ bước ra.

Ngát cười hồn nhiên, biết Nghĩa đã bằng lòng đi lấy hộ lá móng.

Nghĩa gác đòn ngời, ra khỏi khung cửi. Thật thì Ngát dệt cũng không đến nỗi, Nghĩa chỉ chê treu tức. Giá không có việc đương nần nì nhờ, hẳn Ngát đã sùng sộ cái kỳ được. Nhưng lúc ấy Ngát lại đầu dậu. Còn Nghĩa chẳng muốn dùng dề. Để Ngát những nhằng thế, dễ bực mình, mà nực cả người. Nghĩa vừa dệt một thoi gần đầy cuốn cửi. Mồ hôi đương còn xấp lưng áo.

Ở khung cửi bên, dưới nhà ngang, mấy cô em cậu em thế nào mà đã biết, cứ hò lên, gọi vói: Anh Nghĩa đi lấy lá móng cho cái Ngát a? Lấy hộ chúng em với. Cái Ngát mang rổ xảo đi mà dệt. Sáu đứa cả thảy. Mấy chục móng tay, cả móng chân nữa là hơn trăm... Rồi cười râm ran.

Nghĩa cầm rễ bước nhanh ra ngõ. Trong nhà ngang, giữa tiếng thoi, những tiếng cười vẫn đuổi theo. Nghĩ thế nào, lát sau, Ngát lại lững thững chạy theo Nghĩa.

Cây lá móng cổ thụ ấy bên lối ra giếng đất. Không biết các cụ trồng từ đời nào mà cây cao và sum sê, như cây bàng. Quả là cây móng này khó trèo. Thân nhẵn thín, những chòm lá chót vót tận ngọn, như nắm tóc trái đào trên đầu trọc em bé. Để bởi tết mừng năm tháng năm nào cũng nhiều người trèo hái lá nên cây mới trơn như đổ mỡ làm lá trụi lên gần đến ngọn như thế.

Nghĩa nhẹ nhàng thoát một cái lên cây. Nghĩa trèo tài thật. Miệng Nghĩa cắn cái cạp rễ. Hai tay bấu vào thân rồi cứ thẳng gối, thẳng hai cánh tay, bắt lên như bắt sải thùng. Mấy bước lên đã tới nhánh chạc, không một quãng nào phải ôm cây toàn chân tựa trẻ con. Thành thạo như người xưa nay chuyên nghề trèo dừa, trèo cau thuê. Chả là con gái đường ngược vốn táo tợn đeo dao đi rừng kiếm cái ăn từ thuở để chỏm, chẳng khác con trai. Chạy gấu đuổi, leo cây gỡ trứng kiến, bắt tổ ong, hái quả ngỗa, quả bưởi, Nghĩa leo trèo như vượn.

Nghĩa gác vành rễ lên chạc cây. Nghĩa tìm ngắt những chiếc lá móng non. Nghe tiếng cười dưới gốc, Nghĩa biết Ngát đã lại theo ra đây.

Nghĩa gắt xuống:

- Ở kia, lại ra!

- Anh có khiến em dột hộ anh đâu. Em phải ra đây đỡ anh. Thế anh lại bảo em về à?

Nghĩa im không nói. Bao giờ cũng cứ vừa bực mình vừa thương. Nghĩa biết Ngát đã lớn. Hàng ngày tình cảm thân thiết anh em dần dần có đổi khác. Lửa gần rơm - cũng là lửa, là rơm, đôi lúc Nghĩa cười thầm rồi lại thờ thần thổ dài. Ngát có ý với Nghĩa rồi. Hầu như cả nhà không nói ra nhưng ai cũng biết thế. Và còn hồ như muốn vun vào.

Tình yêu của Ngát, cô Ngát vừa ở tuổi lớn lên, cứ bối rối, lẩn lộn. Đôi khi, vẫn là trẻ con, thường táo bạo, bất ngờ. Lắm lúc Nghĩa lúng túng không biết xử sự thế nào. Lại chỉ đến canh khuya một mình nằm nghĩ mà thương thân, nước mắt giàn giụa ra.

Trên bờ giếng lúc ấy vắng không ai ra gánh nước, Ngát sấn sổ nói:

- Lên mặt anh à, không phải anh người ta đâu?

Nghĩa giật mình:

- Cô không được ăn nói thế?

Ngát tủm tỉm, thông thả:

- Ai nói gì ở đâu!

Rồi Ngát ngẩng mặt lên trong bóng cây, lại cười.

- Em nói thế đúng không đã. Đúng quá anh không cùng một cha mẹ đẻ ra, nhưng anh vẫn là anh em.

Nghĩa lại quát:

- Bây giờ cô về dột hộ tôi đi. Tôi phải lấy lá móng cho một lũ ở nhà nữa, còn lâu đấy.

- Mặc anh. Em cứ đợi đây.

- Con gái nhớn đứng chơi không, người ta cười cho.

- Anh đã bảo đứa nào cười thì nó hờ mườì cái răng mà.

Có nói nữa, Ngát cũng chẳng chịu về. Nghĩa lặng im, ngắt lá móng, ngo như không biết có Ngát ở dưới gốc. Nghe thỉnh thoảng tiếng tẩm tức hỏi lên: “Anh Nghĩa điếc à?”, Nghĩa cũng không nói. Cầm trong tay túm lá móng, Nghĩa bỗng nhớ xa đến những Tết mừng năm này năm trước còn ở trên quê, Nghĩa cũng nhuộm ngón chân ngón tay như Ngát. Bây giờ trong cảnh éo le...

Nhưng bây giờ Nghĩa không hay có ý nghĩ tội phạm như dạo mới xuống đây. Gắn gũi trong nhà,

Nghĩa đem lòng thương bà Xuất như thương mẹ đẻ mình. Bà Xuất thật người đảm lược, tháo vát. Mình bà gánh đủ việc nhà, từ khung cửi ra đến bờ ruộng, lại chợ búa - cũng chỉ một tay bà. Anh em người các nơi đôi khi vẫn qua lại, bà đều lo cơm nước chu tất. Chẳng khác khi sinh thời ông Xuất. Từ ngày Nghĩa về, Nghĩa đỡ dần bà đâu ra đấy. Như đứa con lớn trong nhà đã đến tuổi biết nghĩ.

Các nơi vẫn về đợi hẹn lấy hàng quốc cấm. Những chuyến giao mác, mã tấu trên Sơn thường tải về. Bố và các anh, cả người làng trên Ba Trại, tháng Mười gặt hái xong, thế nào cũng đưa hàng về. Đôi khi, có chuyến thành linh, ông Tư xuống. Bố con gặp nhau, làm cho Nghĩa cảm như nhà mình vẫn gần. Cũng khuây khỏa được nỗi nhớ.

Hàng trên ngược về, Nghĩa cũng đã mấy lần được chuyển đi. Có chuyến cùng bọn quấy nhiễu đồ ngô hạt, dưới toàn lá chuối khô bọc mã tấu đôi một. Chuyến ấy đưa sang giao tận chợ Đông Ngàn bên Bắc, mấy ngày đường đi về.

Bà Xuất càng thương Nghĩa, nghĩ như con trai bà, thằng cả vẫn sống đấy. Nghĩa thì có cảm tưởng như bà Xuất biết Nghĩa là con dâu. Nghĩa mơ hồ như thế từ lúc mới xuống, bây giờ vẫn dai dẳng cảm tưởng ấy, không biết tại sao. Ngày kia, có khi nào Nghĩa sẽ thừa thật với bà Xuất. Nghĩ đi nghĩ lại, chỉ thương cái Ngát. Nhưng bố đã căn dặn. Việc nhà việc nước, đến khi nào... Bây giờ không để ai biết được.

Đứng tựa gốc cây, Ngát bực mình, nói tức.

- Lấy lá móng về luộc rau ăn đâu mà anh lấy lăm thế? Anh hái trụi cả cây, đưa khác ra lấy, nó rửa cho!

- Nó rửa những đứa nào ruộm móng tay móng chân.

- Nó rửa cái người hái.

- Tôi buông rổ xuống, cô bắt lấy này...

Ngát giơ hai tay. Nhưng lúc Nghĩa buông rổ, Ngát cứ kệ cho rơi. Lá móng tung toé khắp bãi cỏ.

Nghĩa tụt vội trên cây xuống, cầu nhàu: "Cô này chẳng được tích sự gì". Ngát không cãi, lại cười: "Bây giờ em đỡ anh một tay..."

Hai người lúi húi nhặt từng cái lá móng lẫn trong cỏ.

Có tiếng hỏi to phía ngoài xóm đi vào:

- Các người tìm gì mà chúi vào nhau như bắt được bạc rơi thế kia.

Đằng kia, Gái đương đi tới. Ngát ngẩng nhìn Gái rồi lại điềm nhiên cúi xuống nhặt lá.

Nghĩa đứng lên, vờn vờ:

- À cô Gái, cô về chơi, cô Gái về nhà tôi à?

Gái cười:

- Vâng, nhà tôi, em về nhà tôi ạ.

Câu nói chót nhả khiến Nghĩa nhớ ra mình nói hớ. Ngát thì càng cúi gằm, hai mắt nhắm. Tưởng nếu không làm thế thì đến phải khóc nức nở lên mắt. Chúng họ dám ăn nói như ở đây chỉ có chúng họ với nhau thế à. Ngát bỗng hóa ra nhãi con thò lò mũi xanh không ai cần để ý. Ngát vợ nốt nằm lá còn trên tùm cỏ ấu, rồi quăng quả cắp rổ, không chào hỏi ai, cứ thế phụng phịu đi về trước.

Gái nhìn Nghĩa:

- Cái Ngát nó ăn phải thuốc lú rồi, anh Nghĩa ạ.

- Nói đại nào.

- Nói thật đấy. Anh bỏ thuốc lú cho nó chứ ai.

Rồi Gái cười chúm chím:

- Nó thấy tôi về... nó giận đấy.
- Chỉ được cái bịa tạc giỏi thôi.
- Ai cướp được ai mà đã khéo lo.
- Thôi chẳng chuyện lãng nhăng!
- Anh không cướp ai thì chớ, chứ ai cướp được anh, phải không anh Nghĩa?

Rồi Gái cười, đầm ấm. Hai mắt say tít như hai sợi chỉ.

Nghĩa vẫn lửng lơ như không. Dáng lạnh lùng, nhưng đôi khi lại chột vồn vã của Nghĩa - cũng là tâm trạng Nghĩa, khiến cho cả Gái, cả Ngát có lúc giận dỗi vì tưởng không được để ý, có lúc lại mê toi đến ngơ ngẩn cả người.

Nghĩa thoáng thấy Gái hồi này ăn mặc sửa sang, làm dáng hơn năm trước. Tấm áo dài đối vai, vạt the nâu thắt quả găng, thân trên so le miếng vải Đồng Lầm nâu non tươi. Cái váy chồi cạp lụa ý tứ nửa lửng nửa buông, giống kiểu cách váy mấy cô hàng tấm chợ Dầu. Trời nắng tháng năm, tùm hụp cái khăn vuông mỡ quạ cho mát đơm mồ hôi, lại khoác vai chiếc nón Kẽ Chuông rộng vành. Đất phường phố cứ thướt tha thế. Chẳng gì cũng mẽ cô gái Kẽ Chợ.

Nghĩa đã biết anh em Đề Cụt cũng như con cái bà Xuất trong nhà. Cả hai anh em cùng hăng hái lắm. Ở đâu cũng chuyên làm chân rất chấp nối cho các hội nghĩa, hội nào ới đi bàn chuyện đánh Tây, đi ngay.

Nghĩa xuống Nha được ngót một năm, Đề Cụt mới có việc tạt về nhà bà Xuất. Đề Cụt chạy vào tận khung cửi, một tay nắm cánh tay Nghĩa, lôi ra nhà ngoài, reo lên:

- A, cái chú xứ Đoài, cái chú xứ Đoài này bây giờ trông khác đáo để.

Nghĩa lúng túng gỡ tay Đề Cụt, mặt đỏ rừ.

Bà Xuất bảo:

- Nó là em mày đấy!

Đề Cụt nói:

- Quý hóa lắm. Năm trước, ông Tư con về qua đã kể cho con biết rồi. Mấy bạn con định xuống uống rượu với chú ấy mà bận quá, chưa lần nào cất công đi được. Bây giờ anh em chúng con lại ở xa nữa, ra tận ngoài Đồn Thủy.

Bà Xuất bảo:

- Được rồi, khi nào tao gọi thì hai anh em cùng về nhé. Đến giỗ ông năm nay.

Đề Cụt quệt tay vào má Nghĩa, nói bô bô:

- Vâng ạ. Nhưng mà chán cái chú này. Biết uống rượu, ăn thịt chó chưa?

Nghĩa lắc đầu, cười.

- Không xong rồi, thế thì hãy khoan được làm em anh, anh bảo thật.

Hồi ấy Đề Cụt đã ra làm hàng ngoài Đồn Thủy.

Tây đương mở phố ở Đồn Thủy. Ngày nào, dân phu và người đói các làng cũng lũ lượt kéo đến tìm việc làm. Chẳng phải Đề Cụt hám của, mà cũng như khi ở gốc đề ra bến Cốc, anh em hội nghĩa cất cử Đề Cụt tìm cách ra Đồn Thủy mà dò la tình hình xem sao. Việc quốc sự không thể chùng chình, Đề Cụt đi ngay.

Ngày mới xuống Nha, thực tình Nghĩa cũng chưa biết rõ ràng thế nào là việc quốc sự. Trên quê, đàn bà con gái không được dự bàn những việc ấy của đàn ông. Ngay bây giờ cũng chưa ai nói với Nghĩa điều gì.

Nhưng rồi tự nhiên, Nghĩa để ý nghe những câu chuyện của khách qua lại. Dần dà, Nghĩa biết trong nhà, có việc đồng áng, canh cửi, lại có những việc xa xôi khác. Nghĩa lại biết anh em Đề Cụt khó nhọc tối ngày hàng quán cũng không phải vì đồng tiền phân bạc.

Nghĩa thấy như dễ thường cả xóm, cả làng, nhà nào cũng hàng ngày dệt cửi, cũng con trâu cái cày ra đồng, đi chợ, đôi khi có Tết nhất, giỗ chạp, cưới xin, tảo mộ, nhưng Nghĩa thấy người ta vẫn hay trò chuyện cả những chuyện khác và tưởng như hễ nghe bọn Tây kéo đi đâu, có ai gọi, thế nào nhà nào cũng vút công việc đấy, vác theo đủ thứ giáo mác, hãy đi xem sao đã. Cả làng thế. Nhà này xưa nay cũng thế.

Đề Cụt bảo Nghĩa:

- Bây giờ anh không mở quán chỗ Ba Cây Đề nữa! Anh em về bảo ra ở ngoài Trường Tây.
- Làm phu Đồn Thủy à?

Đề Cụt cười:

- Ra làm thịt Tây ở Đồn Thủy thì có!

Rồi Đề Cụt lại nói:

- Đùa đấy, anh ra Trường Tây mở hàng bán cho phu xây nhà cửa ở Đồn Thủy. Hôm nào chú ra chơi. Cũng hàng quán như ngày ở Ba Cây Đề thôi.

- Cả cô Gái cũng ra ngoài ấy với anh à?

Đề Cụt không trả lời, ngẩng Nghĩa rồi cười tùm, lát sau mới khẽ hỏi lại:

- Anh hỏi thực, chú có muốn lấy cái Gái nhà anh không?

Mặt Nghĩa đỏ gay.

Đề Cụt thủ thỉ ngọt ngào:

- Cứ nói với mẹ, mẹ bằng lòng thì anh gả em gái anh cho. Con ấy nó phải lòng chú từ hôm ấy. Anh nói thật.

Nghĩ đến tâm sự mình, chỉ có nước mắt, làm gì có phải lòng ai, nhưng nghe Đề Cụt nói thẳng thắn, thân thiết vậy, Nghĩa thật cảm động, thấy dung dung chớp mắt, muốn khóc.

Đề Cụt nói lại:

- Nhớ hôm nào hỏi mẹ cho phép ra chơi ngoài anh.

- Vâng ạ.

- Đến Đồn Thủy cứ hỏi thăm hàng cơm Đa Cụt.

- Chứ không phải Đề nữa a?

- Bây giờ hàng anh ở gốc cây đa.

- Cây đa cây đề lắm ma, anh không sợ à?

- Anh cũng là ma rồi, còn ma nào bắt nạt nổi anh. Ấy vì nom cái hoa cây me Tây cứ đỏ hoe cả mắt, tức mình, anh đi đánh cây đa về trồng trước cửa.

Đề Cụt lại lắc cánh tay Nghĩa, nói to:

- Hôm nào ra với anh, anh cho chú thử sức dễ dàng thế này thôi. Chú đi cắt cỏ ngoài bãi bờ sông Cái. Buổi chiều bọn Tây nhớ nhà hay dạo chơi tha thẩn. Cứ rình thẳng nào ngồi trên bờ một mình, thỉnh linh đến đấy ùm nó xuống sông. Chỉ một chuyến đẩy được thẳng Tây chết đuối thế về thì chú biết đánh chén thịt chó và uống rượu ngay. Chả khoái chỉ mà. Hôm nào bà cho chú ấy ra với con. Chúng con đã đẩy được xuống sông Cái mấy thẳng Tây chết đuối cả giày, không kịp kêu...

Nghe Đẽ nói chuyện bày mẹo đánh Tây giết Tây cũng cứ như kể đi chợ Canh, chợ Nhổn chọn mua con chó ngon về làm thịt. Thế nào cũng bình thường, dễ như bỡn.

Nghĩa và Gái đi thông thả dưới vòm tre về nhà. Gái muốn cứ đi mãi không bao giờ qua hết con đường tre âm thầm hai bên kín bưng. Lá tre lửa tủa rì rào trong ánh nắng xanh óng. Làng xóm xa vắng đâu, đây chỉ có hai người sổng đôi trong bóng tre xôn xao nắng.

Gái hỏi Nghĩa:

- Mẹ có nhà không?

- Mẹ tôi đi chợ.

- Mẹ đi chợ sắm tết?

- Không, mẹ đi mua tơ.

- Tận ngoài Kẻ Chợ à?

- Hồi này các chợ tơ ở Kẻ Chợ có ai mua bán nữa đâu. Lính *xạ phang* bên Hàng Buồm đã mấy phiên ra cướp, người ta bỏ sang chợ Hàng Đào rồi.

Đình Hàng Đào, đình Hàng Gai là chợ tơ to nhất đông vui giữa Kẻ Chợ. Nhiều tỉnh đem tơ về bán cho các làng dệt lĩnh, dệt the, dệt lụa ở La Mã, ở Bưởi, ở Bùng ra mua. Tơ Thanh Trì, tơ Tứ Tổng, tơ Đốc Tín, tơ Phùng, cả tơ Yên dưới tỉnh Đông, tơ mái Quan Nhân tận dưới Nam cũng đưa lên Kẻ Chợ.

Nhưng mấy phiên nay, lính *xạ phang*, lính Cờ Vàng của Tây Đu Bi mới mộ thêm ở Vân Nam xuống họp bọn với lũ khách hàng bang thành quân cướp ngày. Chợ đương đông, chúng nó ra chằng dây, dồn người lại rồi giơ đại đao lên, lần từng hầu bao của người ta. Các lái tơ chạy vào kêu quan huyện Thọ. Lũ khách hàng bang cũng vào trình quan rằng bọn *xạ phang* Cờ Vàng ấy, tướng nó là Hoàng Sùng Anh đã về Tàu cả rồi. Chúng nó cướp của ngoài chợ đưa về quê bên Tàu làm quà thôi. Mấy phiên liền kẻ bán người mua bị vợ vét nhẵn. Nào ai biết bọn cướp khác hay vẫn bọn ấy ẩn náu trong hàng bang. Quan huyện Thọ đã được đấm mõm, làm ngơ không khám đến các hàng bang chứa cướp. Ngày phiên giữa Kẻ Chợ mà thừa hẳn người ra vào.

Nghĩa nói:

- Mẹ tôi lên Xù mua tơ. Trên ấy mà mua được, chỉ chốc nữa về. Nếu phải xuống Thanh Trì, thế nào mẹ tôi cũng tạt về, mẹ tôi đã dặn thế.

- Thế thì em đợi vậy.

- Đợi à?

Gái cười:

- Vâng. Đợi đến tận hôm nào mẹ anh về cũng được.

Nghĩa hỏi:

- Ở dưới Trường Tây, cô có phải xay bột làm bún như ở Ba Cây Đề không?

Gái cười liếc nhìn Nghĩa:

- Anh đuổi người khéo nhỉ!

Câu chuyện cứ mấp mé đến những quãng khúc mắc, Nghĩa không biết trả lời thế nào. Và chẳng bao giờ Gái chịu dừng lại chỗ ấy.

Gái hỏi:

- Anh Nghĩa có điều không bằng lòng em.

Nghĩa lúng túng:

- Không...

- Cả làng biết rồi. Anh Nghĩa phải lòng cái Ngát.
- Đừng nói thế mà mang tội. Mẹ tôi biết thì không nên đâu.
- Anh này sao mà thật như đếm. Chả trách cái Ngát nó xỏ mũi. Anh nuôi lấy em nuôi càng thêm thân chứ sao. Có phải ruột thịt đâu mà sợ.
- Cô không được nói nhảm!

Gái cười:

- Người ta nói đúng bụng thì đánh trống lảng.
- Tôi không chuyện với cô nữa.
- Thế anh nói chuyện với ai?

Nghĩa bị vặn, chỉ có cách làm vẻ nghiêm, và im lặng, mặt chín lừ. Gái dăm đuối nhìn Nghĩa, ra chiều thương hại anh chàng nhút nhát.

- Thôi nói chuyện khác vậy.

- ...

- Anh không phải lòng cái Ngát thì anh phải lòng ai?
- Lại phải lòng phải bề, cô này không còn chuyện nói nữa hay sao?
- Nhiều chuyện lắm, anh có muốn nghe không?

Gái lướt đuôi mắt, nhìn Nghĩa lặng im.

- Nói chuyện hội hè, chuyện đám rước, chuyện vui thôi.
- Ừ.

Hội chùa trên quê em vui lắm. Đến tháng Ba vào hội, các nơi xa cũng trẩy về xem, quán cơm chứa trọ la liệt. Khách ở xem hội hàng phiên, vui hơn rước đèn Giá. Trai gái làng, trai gái thiên hạ kéo nhau lên chơi các hang núi chùa, đi chơi cả đêm, anh Nghĩa ạ.

- Đi chùa mà lại vào hang, cô lại nói chuyện nhăng rêu.
- Không phải. Trong hang nhiều cái xem lắm.
- Nhưng mà...

- Bao giờ bình yên, anh về hội chùa làng em thì biết.
- Trai gái nhảm nhí mà bảo là vui!
- Anh Nghĩa không thích thế à?

Rồi Gái cười nghĩ ước có tháng Ba đi với anh Nghĩa về hội chùa, xem hội tất tả các nơi. Chơi chùa Thầy, đi hội đèn Trại có đồ tùy khổ điều rước kiệu bay, hội vật Mễ Trì, hội bơi Đầm, hội Mọc đánh cờ người... Gái nghĩ: Chắc lúc ấy chúng mình đã lấy nhau, được đi tay đôi. Nhưng mà đã đến lúc lấy nhau rồi tha hồ hú hí ở nhà chứ còn hội hè chùa chiền gì nữa. Tư tưởng luẩn quẩn một mình thế, mặt Gái đỏ hây. Đi trong bóng tre gió hây hấy mà mồ hôi ánh quanh cổ. Nhưng Gái chỉ giữ trong bụng câu nghĩ ấy.

Gái hỏi Nghĩa:

- Anh không còn chuyện nói nữa à?
- Cô nói hết phần người ta rồi.
- Thế em lại nói nữa nhé...

Chuyện cứ nhùng nhằng vậy. Nhưng cũng không kéo được con đường dài hơn. Thế rồi về tới cổng ngăn lúc nào.

Đã thấy Ngát đứng giữa cổng, giọng như mách như dọa:

- Anh Nghĩa bỏ củi lâu thế, mẹ về củi cho.

Nghĩa buồn cười. Ngát bắt Nghĩa đi lấy lá móng, Ngát lại kêu Nghĩa bỏ củi.

Nghĩa không để ý Ngát đương bối rối, đương cần tức mình và cũng không tìm được câu nào khác để dọa Nghĩa.

Nghĩa đầu diu:

- Anh vào dẹt ngay đây mà.

Ngát vẫn chưa tan cơn bực, lại quay vào, càng cảm thấy mình lủi thủi. Tuy vậy, không phải Ngát cau có đến bối rối lên đâu. Trên chõng đầu hể, đĩa trầu đã được bày ra thơm tất.

Nghĩa mòi:

- Cô Gái lên ăn giàu.

- Người nhà, em có phải khách đâu mà giàu nước!

Ngát bưng nồi nước chè tươi bốc khói dưới bếp lên. Ngát đã tươi cười quên câu gắt Nghĩa ngoài cổng gần lúc nãy và tưởng như Gái không biết.

- Chị Gái uống nước, mẹ em sắp về rồi.

Gái tinh nghịch, nói trêu:

- Anh Nghĩa vừa bảo mẹ còn xuống Thanh Trì mai mới về, chị cũng phải ở đợi đến mai.

Ngát không biết nói thế nào, chỉ lẳng lặng xuống đứng núp vào đuôi chạn bát, Ngát lấy dải yếm lau mắt.

Nghĩa xuống bếp trông thấy Ngát trong xó vách sau chạn, mắt còn hoe hoe, ngơ ngác.

Nghĩa hỏi tự nhiên:

- Làm gì đấy?

Ngát phụng phịu.

- Không bận đến anh!

Rồi Ngát nức lên một tiếng.

Nghĩa cười:

- Đừng có hờn ở đấy, ông vua bếp không biết dỗ cho nín đâu.

- Ai khiến anh dở!

Ngát vùng vằng lên nhà ngang, ngồi vào rổ tơ. Lồng tơ lại lóc cóc quay. Làm như không nghĩ nữa, nhưng sợi tơ cuốn vào ống đứt lúc nào, tay xóc cái lồng ống không mà chẳng biết.

Nghĩa lúi húi dưới bếp đến lúc Gái bưng nồi nước chè tươi xuống. Vừa đi vừa nói: “Đặt lên bếp, có khách vào uống cho ấm”. Chợt thấy Nghĩa, Gái hồi hộp tưởng từ nãy Nghĩa cố ý chờ mình trong bếp vắng vẻ.

Gái khẽ gọi:

- Anh Nghĩa!

Tiếng êm ái, làn mắt lơ dờ, cặp môi ăn trầu cắn chỉ, má nong nòn ửng đào, trong xó khuất kín.

- Anh Nghĩa!

Nghĩa cúi mặt, phảng phất tiếng thở dài. Thở dài cho số phận. Tiếng thở dài của Nghĩa, Gái làm sao hiểu được tiếng buồn oái oăm sâu thẳm ấy. Gái đương xúc động. Gái đặt nồi nước lên bếp

rồi bước tới cầm tay Nghĩa.

Nghĩa bối rối.

- Ai trông thấy bây giờ...

Gái không buông.

- Không có ai đâu.

Gái vẫn nắm tay Nghĩa, cười:

- Chạy đi đâu người ta cũng bắt được!

Gái đâm liều. Nghĩa dịu dàng nói:

- Ai xuống bếp bây giờ thì ra thế nào!

- Chẳng ai biết đâu.

Nghĩa nói:

- Có người biết rồi.

- Ai?

Nghĩa trở tay:

- Ông vua bếp đây này.

Gái ngoảnh mặt vào bếp, lại cười. Thế là Nghĩa giật được bàn tay ra. Gái suýt kêu lên. Chợt nhớ, Gái chỉ nói:

- A cái anh này thế mà khôn!

Nghĩa đã đứng ngay ngắn trước mắt Gái. Gái nhìn Nghĩa, thấy Nghĩa âu yếm nhìn lại mình. Nghĩa nói:

- Bây giờ cô lên nhà chơi đợi mẹ. Tôi phải vào dệt. Bỏ gần cuốn cửi rồi.

Gái ngoan ngoãn:

- Vâng ạ.

Ánh mắt Nghĩa nhìn Gái vừa rồi làm cho Gái hân hoan như chưa bao giờ thấy vui như thế. Và câu nói của Nghĩa êm ái như lời vợ chồng dặn nhau, lúc lên đến nhà trên, mặt Gái vẫn bừng bừng. Cho khỏi ngượng, Gái vào đầu hè, lấy miếng trầu trong cối đứng nhai cho giập bã. Hơi trầu cay tỏa lên mặt đỏ lừ.

Bấy giờ mới sang nhà ngang với mọi người trong nhà.

Ngát vẫn đương quay tơ. Vừa rồi, Ngát không trông thấy Gái xuống bếp. Ngát cười với Gái rồi xách lồng vầy tơ xê ra ngoài hè, lấy chỗ cho Gái ngồi vào rổ tơ trống ở đấy và cầm lồng lên quay. Gái vừa quay tơ vừa râm ran chuyện với cả nhà.

Mặt trời mới đứng bóng, bà Xuất đã về. Bà Xuất vẫn mặc áo năm thân nhuộm vỏ dả của ông Xuất. Vòng khăn thâm quấn tai chó chênh vênh lẫn lộn với búi tóc hoa râm. Cái quần chồi sống cứng kềnh còn vàng sợi kén, gấu lá tọa buông đến gần đầu gối. Ra đường, ai biết ông cụ hay bà lão. Mà người có rõ bà lão thì người ta bảo đấy là bà đồng ông. Bà lão đồng ông, đàn bà nổi đồng ông đồng cậu, làng nào chẳng có người dở hơi thế.

Ngát ra sân dỡ chiếc dẫy to trĩu lưng mẹ, đem vào thềm nhà, bấy giờ đã mát bóng những tàu cau. Bụi tre cuối vườn bắt đầu ngã vào sân trước. Những ngọn tre la đà chồm lên nhau như những làn gió quạt tới - đã xế trưa.

Bà Xuất quệt mép trầu, kéo vạt áo con lên nhấp mồ hôi trán, vừa thấy Gái bước ra.

- Cái Gái mày về từ bao giờ?

- Lạy mẹ, con mới về.

- Ăn giầu đi.

- Con vừa ăn hai miếng một lúc, mặt còn nóng rực lên đây.

Gái lấy trong tay nải ra hai đầu gạo đồ, hai nải chuối bột, bó hương đen, bày lên giường thờ.

- Mẹ cho chúng con thắp hương bố con với anh cả.

Sau đấy, Gái khép váy ngồi xuống bậc cửa cạnh chân bà Xuất. Trong nhà, mọi người vẫn cầm cúi dẹt cửi. Dưới nhà ngang, những vầy tơ nhầy lóc cóc trên vành tai rối tơ.

Nhìn quanh, vắng người, Gái nói với bà Xuất.

- Anh con bảo về thừa với mẹ.

- Chúng mày vẫn ở ngoài Đồn Thủy?

- Đạo này ngoài ấy đông lắm.

- Hôm nào ta phải cất công ra xem cho biết cái chỗ Đồn Thủy bây giờ thằng Tây nó xây thành tròn thành méo thế nào. Nghe người ta nói lắm chuyện mà mắt chưa thấy.

- Anh con bảo về nói với mẹ...

- Cái gì thế?

- Giỗ hết ông con với anh Vấn con năm ngoái rồi. Năm nay, mai kia đến ngày mẹ thay áo cho ông con anh con thì mẹ cho chúng con được về đỡ mẹ. Nhiều nơi, đã hẹn nếu nhận được có nào để bàn việc Đồn Thủy. Anh em con thấy có cơ hội rồi. Mấy năm nay lũ Tây tưởng người ta đã để nó yên, nó cứ chạy như con chó sống cũi ngông nghênh chẳng biết gì cả. Đến nỗi anh em vào rình, lẩn được cả chục thằng xuống sông Cái mà nó vẫn tưởng lính nó đi giày Tây không bơi được nên sảy chân chết đuối.

Bà Xuất ngẫm nghĩ, cầm miếng trầu, quệt thêm vôi, nhai thông thả, nheo mắt lơ đãng ra ngõ, không nói gì. Gái phân vân nhìn bà rồi rụt rè:

- Mẹ định liệu thế nào chúng con cũng xin theo.

Bà Xuất nói:

- Tao cũng đương mong anh em mày. Nghĩ xem mời những đâu bây giờ. Nhưng thôi, việc ấy đã có anh em mày lo. Kể ra, làng nào cũng sùng bưng như làng nào thì có đến mười đời quân Tây cũng không lên nổi cái bến đò đình Thanh Hà. Năm nay xem ra lòng dạ có khác. Nhiều ông đồ ông cống cũng giở mặt rồi, càng ngày càng nhan nhản cái bọn xem của nặng hơn người. Cho nên, phải kỹ lưỡng tìm những ai còn tin cậy được. Rồi tao ra bàn thêm với anh mày.

Bà Xuất bảo Gái:

- Ở đây ăn cơm rồi hãy về.

- Sợ tối nhớ độ đường, mẹ để cho con khi khác.

Bà Xuất cũng biết vậy, bèn nói:

- Tùy mày.

Gái khoác nón lên vai, về ngay. Bọn các cậu đương dẹt cửi và mấy cô buông lòng tơ, cả chỗ đương mắc cửi, tíu tíu chạy ra: Chị Gái về à! Chị Gái về à! Ngát đến nắm vành nón Gái hỏi to: “Chị Gái về thật à? Bảo ở chơi mấy hôm mà!”. Gái cười hồn nhiên: “Ừ, về thật. Vội lắm, không ở được!”. Rồi lại như trêu Ngát bằng được, Gái cất tiếng chào: “Lạy mẹ ạ! Lạy anh Nghĩa ạ. Lạy anh ạ. Các em nghỉ thông thả”. Gái đội nón lên, tong tá qua cổng ngán ra cổng tán, đã đi khuất trong vòm tre.

Ngát bảo Nghĩa:

- Anh Nghĩa tặc đấy, không ra mời chị Gái ở lại ăn Tết mừng năm.

Nghĩa im, Ngát lại nói:

- Chị ấy đã bảo em là ở đến mai, bây giờ lại đổi về. Chắc có điều không bằng lòng anh rồi.

Nói thế, Ngát cười. Ngát thấy Nghĩa cũng có vẻ thích chí cười với mình. Ngát sung sướng. Nụ cười của Ngát bây giờ thật hiền lành thỏa thuê đến ngẩn ngơ.

Nhưng Ngát không hiểu cái cười nhẹ được nỗi lo của Nghĩa.

TẾT MỪNG NĂM THÁNG NĂM BẬN RỘN ĐẾN NƠI.

Từ chiều hôm trước, trẻ con đã rủ nhau đi hái mận, lấy dừa về để một góc nhà. Chập tối, bọn con gái đi ngủ - cả trẻ con nữa, giã lá móng rồi lấy mảnh lá dừa quấn vào mười ngón tay mười ngón chân. Sáng ra, cởi lá, thấy móng tay móng chân đứa nào cũng đã đổi màu hoa hiên. Nhuộm hai đêm thêm, đỏ thắm như phết cây.

Ngát không còn ở tuổi trẻ con nào nức đợi tết mừng năm. Nhưng Ngát vẫn nhuộm móng tay, móng chân. Lại nhuộm răng sẵn từ đầu tháng, “Để đến mùng năm ăn mận khỏi ghê răng” - Ngát nói nghịch ngợm thế.

Và trong nhà, một mình Ngát mải lo sắm cho các cháu các thứ Tết. Từ mớ đất, cả mấy đứa đã bị dựng dậy. Chúng nó cũng chỉ chờ thế, không hờn, không nằm lăn lóc ngái ngủ như mọi khi. Cổ Ngát vừa quát “Trời! Trời!”, thằng bé lên năm nhỏ nhất đã ngóc cổ, hỏi: “Tết rồi a, hả bá?”. Ngát công từng đứa ra sân. Chúng nó đứng cời truồng tròng trọc. Rồi Ngát xách cả bà bình vôi đến. Ngón tay làm chìa, Ngát khoanh một vòng vôi tròn quanh bụng rồi lấy hồng hoàng chấm một vết đỏ son giữa rốn mỗi đứa.

Những đứa trẻ đứng tây ngậy cho cô vạch vôi và phết hồng hoàng vào rốn, không sợ. Chúng nó đã biết sau đấy thì sắp được ăn nhiều thứ bà Xuất vừa bê từ trong nhà ra. Cả rá mận chín vàng chín tím, một buồng dừa nước, một chõ rượu nếp dờ ra rá. Người lớn đã bảo bôi những thứ ấy tha hồ quanh năm ăn quả chua cũng không đau bụng, tháo dạ.

Bà Xuất đeo vào ngực cho mỗi đứa một túi bồ túi^[13].

Mỗi chùm bồ túi có một chiếc vòng chỉ ngũ sắc, đeo lủng lẳng quả đào, con nhện tết chỉ vàng chỉ đỏ, óng ánh một mảnh khánh vỏ trai, lồng mấy hạt bột xâu chỉ điều tủa lửa tủa xuống.

Đứa nào cũng hơn hớn. Cứ cời trần, rốn khoanh trắng chấm đỏ thế, chạy vào xóm tìm nhau, kéo bồ túi ở ngực lên khoe đứa nào nhiều thứ hơn. Đến nhà ai cũng được chén thả cửa những mớ, mận chín. Nước dừa được bật chũm, ngửa cổ nốc cả quả, lại chén từng bát rượu nếp ngọt đến say lư đừ.

Ngát vào bảo Nghĩa:

- Hôm nay nghỉ dệt cử.
- Cô bắt dệt cử ngày Tết a?

Ngát cười:

- Nhưng bắt anh làm giùm việc khác.

Hôm trước, những cử chỉ và cách ăn nói táo bạo của Ngát, lúc ấy có cả Gái, đã làm Nghĩa hốt, bây giờ lại nghe Ngát nói lững lơ, Nghĩa đâm lo.

Nghĩa nhạt nhẽo, dè chừng:

- Anh đã phải trèo cây lấy lá móng rồi.
- Không đâu, còn đi hái lá mùng năm nữa mới là hết Tết.

Nghĩa chẳng muốn đi với Ngát hái lá mùng năm. Nhưng rồi hết buổi sáng, rồi đến khi bụi tre ngã rợp vào trước nhà, mặt trời đã tròn bóng dưới chân, Nghĩa vẫn phải đi, vì Ngát giục già quá.

Đúng ngo, người trong xóm kéo nhau đi hái lá mùng năm. Các cụ bảo trưa mùng năm tháng năm, con thần lẩn đương bò trên bụi ruối tìm ăn quả cũng phải trốn biệt - đổ ai thấy được con rắn trưa ngày mùng năm. Có trông thấy không, nhưng người ta cứ tin không thấy. Rồi giữa trưa nắng, người đi các bờ bụi lá cúc tần, lá sam sọng, lá vối, lá tre, lá ké, gập lá gì hái lá ấy đem về

phơi để nấu nước uống. Tin như thế thì quanh năm khỏi lo bệnh tật quấy nhiễu.

Ngát đi phía nào, Nghĩa theo. Nghĩa cầm rổ, Ngát hái. Lá bưởi, lá tre, lá ruối...

Hai người chuyện băng quơ.

- Hôm ấy, anh Nghĩa nói với chị Gái nhiều chuyện nhỉ?

- Chẳng có chuyện gì đâu!

- Em nghe được hết rồi.

- Chị ấy về có việc thưa với mẹ chứ chẳng có chuyện gì với chúng mình cả.

- Không phải.

- Thế cô biết thế nào?

- Chị ấy bảo chị ấy...

Nghĩa nói chặn:

- Cái gì cô cũng hay nói dưng dưng.

Ngát bĩu môi.

- Thế không phải mà sao đến hôm nay anh còn thờ thần như người bị ma ám, hồn vía treo lên mây cả rồi. Cứ buồn mặt chảy cứ nãi ra, từ nãy chẳng hái đỡ em được mảnh lá nào. Có phải thế không?

Nghĩa mỉm cười thương hại. Giữa trưa nắng chang chang, nghe rõ cả tiếng con cánh quạt róc ráy trong chùm quả ruối vàng mọng. Ngát quay lại, bỏ nắm lá vào rổ, hai má chín rừ, mồ hôi lấm tấm từ chỗ đường ngôi tóc rẽ giữa chảy xuống trán. Ngát lại hỏi: "Có phải thế không?" Rồi Ngát vừa hái, vừa nói, chốc lại quay lại, bỏ lá vào rổ, vịn tay lẫn lộn cái thành rổ với nắm tay Nghĩa.

- Nhưng em không bằng lòng thế đâu!

- Cô bảo gì?

- Anh lại giả vờ điếc, khéo thế. Hay anh điếc thật, anh ăn phải bùa mê chị ấy rồi à?

Câu chuyện quanh quanh rồi gay dần. Phải gỡ cái khó khăn này ra mới được.

Nghĩa nói:

- Cô Gái về thưa với mẹ chúng mình về ngày giỗ bố giỗ anh tháng sau.

Ngát bỗng tức mình:

- Bận gì đến mà anh em cô ấy phải lo!

- Không, anh Đề Cụt nói muốn nhân dịp ấy hẹn các nơi về nhà ta.

Nghe vậy, Ngát hiểu ra câu chuyện quan trọng khác. Ngát lặng lẽ hái lá, không nói nữa. Một lát, nhìn ra đằng bờ giếng, đã thấy có người đội thúng lá về xóm. Ngát kêu:

- Nắng quá trưa rồi, không hái được nữa. Mình về thôi.

Câu chuyện Nghĩa vừa nói cho Ngát biết vẫn còn làm Ngát nghĩ ngợi, lặng lẽ. Ngát vốn tính nhẹ nhõm, chẳng mấy lúc yên miệng. Bây giờ cô bé đi một quãng mà không nói. Mỗi khi có việc dính đến quốc sự, luyện võ, rèn dao, quảy mã tấu đi giao hội nghĩa làng nào, Ngát lại nghĩ đến cái chết của bố và anh. Hình như còn mặt thẳng Tây ở đây thì chưa ai làm gì yên được. Thằng Tây đã sinh ra bao nhiêu chuyện độc ác. Bây giờ ta đứng với nhau đây, chốc nữa có phải xa cách tận đâu, cũng chỉ vì một thằng ấy. Ngát hay bắn khoăn đôi lúc buồn, và nghĩ tự nhiên như vậy.

Hai người ngồi nghỉ dưới bụi tre. Những gốc tre nhẵn nhụi, sạch sẽ như hàng người chen chân đứng liền khít, ngay bên đường. Cái xóm vắng ngủ thiêu thiêu dưới nắng trưa. Lúc ấy Ngát cũng

vẫn lặng yên, mặt dăm dăm. Ngát lại nghĩ bố và anh chết trận trên Cổng Vị. Ngày giỗ, anh Đề Cụt sẽ hẹn người hội nghĩa các nơi về. Anh em anh ấy chẳng khác ruột thịt với mình, bấy lâu cùng lo mọi việc trong nhà. Chị Gái cũng như anh Đề Cụt. Chị Gái chị ấy về vì công việc thôi. Chị Gái không tình ý gì với anh Nghĩa đâu. Ta chẳng được tưởng ra điều xằng ấy.

Nghĩ vậy, Ngát liếc nhìn Nghĩa, cảm thấy yên tâm lạ thường. Tự nhiên, không phải là hờn dỗi, không phải đêm mong ngày nhớ, lúc này tưởng như anh Nghĩa với mình số kiếp được làm người đã run rủi thành vợ thành chồng. Hai vợ chồng rồi ra đứng đảm đương cang đáng việc nhà, lo báo thù cho bố cho anh. Ngát lại bùi ngùi cảm thương. Ngát thấy bịn rịn, Ngát vịn vai Nghĩa, hai người cùng đứng dậy.

Ngát vẫn lặng yên trở về. Nhưng Nghĩa không hiểu được những ý nghĩ thâm thía ấy của Ngát. Thấy Ngát lăm lè, Nghĩa tưởng Ngát lại có điều mới bức bối thế nào đây.

Một hôm, bà Xuất đi với Nghĩa ra Kẻ Chợ xuống Đồn Thủy.

Con đường đất quanh những bờ tre men hồ Tây vào làng Thụy sang Yên Quang rồi lại vẫn theo lũy bờ sông Tô Lịch đến tận ô Hàng Cau, ô Hàng Mắm - qua cửa sông phố xá hàng quán sang đồ đình Thanh Hà đầu ô Tây Long đến Cổ Tân tới Đồn Thủy, - đâu đâu cũng vẫn xanh rờn lũy tre thấp thoáng vây quanh.

Nhưng ngay trong Đồn Thủy bây giờ thì tre pheo lại xơ xác không còn gì. Chỗ nào cũng chỉ thấy hang hốc đào bới như trên bãi tha ma thảng trọng đông đương cử táng mả. Chốc chốc, một toán lính Tây đeo súng đi trước đi sau dẫn phu ra vác đá. Cả đến những đám thợ xây, thợ mộc làm nhà cũng có lính kèm. Lính gác và bờ rào che chắn cứ đẩy ra thúc vào, có hàng mấy trăm con người chạy dúi chạy lút từ mọi nơi đến suốt ngày vùi đầu làm kiếm miếng ăn. Thợ đá Sở Sỏi núi Thày ra đẽo đá bó thềm, dầm chân tường. Các làng bên sông, bao nhiêu năm liền dề vỡ nước ngập lụt ngọn tre đến nổi cả một vùng tỉnh Bắc tỉnh Đông đã hóa ra bạt ngàn bãi sậy. Hôm nào còn thấp thoáng cái lều vó, bây giờ chỉ thấy từng đàn le, đàn cóc lượn vòng trên mặt nước mênh mông. Người đói khát bao nhiêu nơi kéo đến tìm cái sống qua ngày ở Đồn Thủy...

Vừa đến Bến Đá đầu làng Cổ Tân trông sang đền Ghềnh bên kia sông, đã rối mắt cảnh ngổn ngang chưa từng thấy. Cái Bến Đá đã quang hẵn những bụi lau sậy um tùm. Trước kia, chỉ đến giềng hai trảy hội đền Ghềnh mới có dò ngang cả ngày. Bây giờ gỗ, đá, gạch ngổn ngang khắp các làng Cựu Lâu, Hậu Lâu tan hoang - hai thôn đã bị triệt hạ để làm bãi kho. Một hàng thuyền đại chở gạch từ bến Bát Tràng ngược sang. Những bè gỗ dài như cả chặng rừng trôi sông cạnh những thuyền đá học, đá sỏi, nhấp nhô trần trụi xám như tảng đá. Những người đóng khố một ngạt cổ cầm cúi kéo bè đi dọc bờ.

Lũy tre các làng xung quanh đã bị chặt hết. Bây giờ vào Trường Tây phải qua những đồng đá, những ụ sỏi cát bề bộn như bàn cờ. Đứng lại, mới nhận ra cạnh các lối đi, chen chúc những mái lều thấp lè tè, lổm ngổm như cóc ngồi. Đây là các quán hàng cơm, hàng cháo, có cả lều thầy bói. Phu mọi nơi đến làm phải sớm đi, tối về, rồi ra ngủ trọ tận cửa sông Tô Lịch trên Hàng Buồm.

Trong kia, trông thấy nhô lên những dãy nhà, các nơi ở ta chưa thấy kiểu nhà nào thế ấy. Nhà nhà đều nhau tám tập, cái nào cũng vuông như bát xôi nén. Mỗi hòn ngói đỏ hoe to bằng tờ giấy phóng, cả mái ngói đỏ ối. Nửa nhà lửng tầng dưới như nhà sàn. Có lẽ để phòng nước sông Cái lên tràn vào mà vẫn ở được. Nhà trên, cửa sổ sơn xanh rợn mắt, mở trống trênh cả bốn phía, bốn mặt tường đều khoét lỗ lấy chỗ ghé súng bắn ra được.

Bây giờ, vừa tan buổi làm, người ùn ùn đi ra. Làm thuê cho Tây cũng khác đời. Hết buổi, Tây xem đồng hồ rồi ra thổi kèn đuổi người về hết. Sớm mai lại đến châu chực ngồi ở các hàng quán hay lê la ngoài bờ rào, đợi kèn gọi mới được vào. Ngày nào cũng thế.

Loáng mắt, người đi cung cúc từng bọn đã tản vào các làng quanh đấy hay sang dò ngang lỗ nhỏ giữa sông. Cả vùng lại vắng ngắt. Mấy người Tây thấp thoáng trong Đồn Thủy, đi dạo hay đi canh không biết. Trông xa chỉ thấy đầu mũ trắng phếch, tròn như cái nấm ma. Lại cũng như bọn người sô gai mũ mấn đại tang, cứ lặng lẽ bước tới bước lui.

Bà Xuất và Nghĩa đứng nhìn quanh. Rồi mới nhận ra chỗ này đã đến bờ sông gần Đồn Thủy.

Bà Xuất hỏi một người đương đi tới:

- Bác ơi, bác có biết hàng cơm anh Đa Cụt chỗ nào không?

Người ấy trở tay:

- Đằng kia, cái lều cạnh cây đa con con ấy.

Lều hai gian, một gian trở lối ra vào, ban ngày dựng phen lên thành cửa hàng. Chiếc chõng dài, có lẽ vẫn những chiếc mâm chõng quán thịt chó trên Ba Cây Đề yác xuống đây. Nhà vừa lạ mắt, cũng vừa bề bộn các thứ đồ nghề quen thấy ở mọi hàng cơm. Áp vách, có một thúng chân gà, cái vàng chöße, cái nhọt nhạt, cái xám xỉ. Ở đâu ra lắm chân gà thế? Không phải thịt gà cả con mà chỉ rất một giống cẳng gà thôi.

Trông thấy tay anh Đề Cụt, cả mặt nhày nhựa vết mỡ gà. Anh đương ngồi cầm từng chiếc chân gà, cắn móm vào răng rồi xé dứt ra. Xương cho vào một cái mẹt, gân và da gà để trong rá cũng bày cả trước mặt. Gian trong kín đáo, nồi nước luộc chân gà còn đương bốc khói.

Trong vách khuất, Gái đương ngồi xay bột làm bún.

- Ở kia mẹ đã ra. Cả chú Nghĩa nữa.

- Lạy mẹ, lạy anh ạ.

Rồi Đề Cụt đứng cắt nghĩa ồn ào cho bà Xuất và Nghĩa nghe.

- Thằng Tây sợ thịt chó, thế là nó cấm người ăn thịt chó. Ai bán thịt chó nó ra đốt lều. Đốt mấy cái rồi đấy. Bây giờ người ta thôi bán thịt chó. Vậy mới phải xoay ra cái mặt hàng khó nhọc này. Những của này Tây không nuốt được, vớt đi, mình nhặt về ăn vậy. Mà Tây thì thằng nào cũng sún răng, chẳng gặm nổi cái chân gà. Nồi này luộc lòng lợn. Cả đến lòng lợn quý thế mà Tây cũng không biết ăn. Từ gà gáy sớm mai đã có người đến đợi buổi làm nên phải dọn hàng sớm. Lúc thì bún, lúc thì cháo đặc như bánh đúc. Cháo sụn chân gà, lòng lợn với bún chấm tương, thêm vài bát rượu đưa cay. Cả lò thằng Tây cũng không biết chén ngon bằng mình!

Chập tối, đã im ắng hẳn. Vào giờ này, không còn ai ngoài các phường còn được vào lai vãng quanh. Mà người uống rượu ở đây cũng khác. Chiều tan việc, từng bọn phu làm đồn đồ vào các quán, gọi rượu bát. Cứ cầm bát uống đứng như người khát nước. Cạn bát, chùi mép bước ra chen chúc giữa đám người lam lũ qua. Bụi mù mịt đỏ cả vùng trời chạng vạng ven sông.

Có tiếng gọi ngoài cửa:

- Ông chủ ơi, nhà có khách à?

Đề Cụt nói với ra:

- Mời bác vào.

Một người đàn ông đã đứng tuổi, chững chạc mặc áo dũi năm thân nhuộm màu cày. Người ấy nhắc chiếc bị cói trên vai xuống.

- Chào cụ, chào chư vị.

- Mẹ em và chú nó trong quê ra chơi.

Người ấy lấy trong bị ra từng bó như bó dứa, toàn cẳng gà còng queo. Vừa đặt xuống vừa nói:

- Cụ ra chơi chắc phải nực cười. Ấy, mang tiếng ở nơi chân giày chân dép mà chúng cháu bây giờ toàn đi nhặt những cái của Tây quăng đem về găm lại. Thế có sướng không ạ? Vậy mà các chú khách Hàng Buồm cũng còn xuống mua hớt. Chúng nó đem về bóc lấy da lấy sụn, nấu canh nắm hương bán cao lâu đấy ạ.

- Cái ăn thì người khách người ta khéo bày vẽ lắm.

Rồi bà Xuất chặc lưỡi:

- Chỗ ấy... phải đến hàng mấy chục con gà.

- Mỗi ngày các trại chúng nó ăn hết hàng trăm, hàng mấy trăm con.

Người đem chân gà bán cho Đề Cụt đã ra khỏi. Đề Cụt nói với bà Xuất:

- Bác ấy làm nhà bếp trong trại Tây.

- Thảo nào, có chân gà bán.

Đề Cụt nói nhỏ:

- Bác ấy cũng người bên ta.

Bà Xuất ngạc nhiên:

- Vậy ư?

- Vâng, phải thế mới được ạ.

Trời đã chiều hắt. Nghĩa ngủ lại đây. Gái mừng luống cuống, xay bột một chốc lại đứng dậy, không ngồi chỗ nào yên. Anh Đề Cụt đã buông cánh liếp cửa hàng, kéo chiếc chõng lui vào trong. Bà Xuất đến cạnh liếp làm bún với Gái. Nghĩa đẩy củi, nồi lửa đun nồi luộc lòng lợn. Mọi việc sửa soạn cho buổi hàng sớm mai. Trong nhà ấm áp hắt lên.

Đề Cụt lại vừa tước xương gà, vừa chuyện bông lơn:

- Chốc nữa, anh với chú nhắm rượu chân gà. Nếm xem. Ngon đáo để. Chân gà luộc giòn ngon bằng mấy vó bò, mấy tai lợn chấm tương gừng. Tới nay anh em mình phải túy lúy một bữa. Lâu lắm, từ cái ngày trên Ba Cây Đề.

- Năm ấy, anh còn là anh Đề.

- Ờ ờ... Bây giờ là Đa, mai kia không biết chừng là Gạo, là Vối...

- Để em làm đỡ anh một tay.

- Chẳng cần. Không bận đâu. Chẳng ma nào vào hàng lúc này nữa. Chỉ còn đến lượt mấy thằng người trong trại ra trèo lên thắp đèn quanh bờ rào, thế là đêm hết người qua lại.

Những con đường thành hình quanh mỗi khoảnh nhà. Ngôi nhà công sự một tầng, vừa ở vừa phòng đánh nhau, tường dày ba bốn vì gạch, lỗ châu mai chỉ chít như lỗ cốt. Bây giờ cả vùng Đồn Thủy không còn lũy tre. Chỉ thấy mọc lên những cây cao lá lẫn tăn như lá chua me. Tây đem giống ở đâu về, cứ trước nhà trồng mỗi cây, người làm đường gọi là cây me Tây. Vào mùa hè, hàng đàn ve sầu kêu ra rả suốt tháng trong những chòm hoa đỏ nhức mắt. Gió sông như táp lửa lên, cái nóng càng oi nẫu người ra.

Từng tốp lính đi quanh các đầu nhà thắp đèn. Một người Tây vác súng, hai người lính đạo khiêng bằng đòn ống một thùng sắt vuông đựng dầu Tây. Rải rác trên đường vào, cột đèn cắm ra tận cửa Tây Luông. Chỗ ấy dựng lên hai cây cột tre néo làm thay giống, ngăn khu Trường Tây với cánh đồng làng Cự Lâu. Trên lưng mỗi cột, treo một chiếc đèn bốn mặt lồng kính.

Trời đã nhập nhoạng. Bọn lính đến từng cột đèn, đặt thùng dầu Tây đấy. Một người trèo lên giống tre, ôm xuống cái đèn kính. Người lính đứng dưới đã sẵn sẵn gáo dừa múc đổ ngữ dầu vào phao hộp sắt. Rồi lại đặt đèn lên chỗ cũ, cài lại móc sắt cẩn thận cho gió sông đêm thổi đèn khỏi lắc lư. Đứng giữa bậc thang, người lính vung mồi rơm, vùi đóm lấy lửa rồi mở cửa kính, châm đèn.

Phía đường sang Cự Lâu, sang Cổ Tân, những cột đèn được đặt cao hơn. Lính bắt đầu đi tuần một lượt dưới dãy đèn le lói rồi về thẳng. Cũng như mọi đêm, nơi các quan Tây ở trong nhà, thắp đèn đất sáng choang một chỗ, còn đi ngủ chỗ khác.

Trời đã sẫm hắt. Phía sông Cái, lúc này mặt nước còn mờ mờ ngang bờ cỏ, bây giờ không còn trông thấy.

Đề Cụt ngồi ngoài nói vào:

- Cái Gái ra tra dồi cửa, tao đang giờ tay. Nhớ cẩn thận, trông xem không có người rồi hãy ra...

Tuy anh thường dặn “đàn bà con gái ở đất giặc cướp phải cẩn thận, nhớ một cái” nhưng Gái cũng không mấy lúc để ý, Gái ở Đồn Thủy đã mấy tháng, thường tối đến vẫn ra cài chốt cửa.

Lúc ấy, Gái trông ngược phía thẳng Tây rồi trở vào ngay.

Gái nói:

- Có một thằng Tây đương đi ra.

- Phía này à?

Gái đoán:

- Chắc nó đi thả đèn.

- Lính đã ra thả đèn lúc nãy mà. Thôi để xem nó đi thế nào đã rồi hãy ra hạ cửa.

Bà Xuất chưa bao giờ trông thấy mặt thằng Tây. Tò mò cũng có, lại nghe có thằng Tây đương đi tới, đột nhiên bồi hồi nghĩ nổi nhà, bà Xuất run rẩy vịn vách, hé mắt nhìn ra khe liếp.

Người Tây đội mũ trắng, áo trắng lôm lổp. râu và bóng tối đen ngòm mặt. Xà cạp tím quần bắp chân trên đôi giày đen cổ cao như móng lợn. Người cao lớn bước chệnh choạng, như say. Tây say rượu.

Người Tây đã đến ngay trước cửa. Lúc đầu nó đứng chững, rồi lòng không đầu gối, đi rúi vào cửa. Người Tây say đã trông thấy Gái đằng phía trong vách với bà Xuất. Nó bước lại, nhanh quá.

Đề Cụt đứng ơ, chưa biết làm thế nào.

Từ đằng sau, lẳng lặng, Nghĩa nhảy thoát lên lưng người Tây say. Trong lúc tất cả còn bàng hoàng, Nghĩa đã đẩy nó vấp mặt xuống đất. Hai tay Nghĩa móc thúc vào quai hàm nó. Đề Cụt, cả Gái, cả bà Xuất xô đến giữ hai cẳng nó đương giãy giụa. Không kêu được, không lật người lên được, cổ nó khò khè như rắn hổ mang phun. Rồi trong nháy mắt, cả người nó rúm lại, nhuôi ra, như con gà bị cắt tiết đúng huyết.

Đề Cụt hỏi Nghĩa:

- Nó chết rồi a?

Nghĩa gạt đầu, rồi buông tay, đứng dậy, mặt hơi tái.

Đề Cụt lật đật ra cửa lấy dồi chèn cánh liếp lại.

Ngoài trời đã tối thui.

- Chú làm thế nào mà... nó chết...

Một con cú, trên cây gạo đầu dãy, thông thả rúc từng tiếng. Bóng đêm rợn lên, sâu thẳm.

Gái chăm chăm nhìn Nghĩa, sợ hãi, rồi Gái đến chấp hai tay trước mặt Nghĩa. Không có Nghĩa lúc này, không biết sẽ ra sao... Nghĩa mỉm cười, cầm tay Gái. Bây giờ Nghĩa mới thấy tay mình run run.

Bà Xuất hỏi nhỏ:

- Cái thằng Tây này...

Đề Cụt nói:

- Đào lỗ chôn!

Nhưng rồi lại nói:

- Không được. Tiếng đào đất... mà chốc nữa nó thối kèn ngủ, điểm thiếu người nó đi tìm.

- Làm thế nào?

Đề Cụt hỏi:

- Cái đây của mẹ đâu?

- Đây.

Đề Cụt cầm chiếc dây lên.

- Nhét nó vào đây, đem bỏ xuống sông. Chúng mày ở nhà với mẹ...

Nhưng Nghĩa ngăn lại.

- Ngộ nó đến khám nhà, mà không thấy anh, không được.

Thế là Nghĩa xăm xăm vác cái dây lên lưng bước ra. Đề Cụt cản lại không kịp.

Trời đã tối hẳn. Ngọn đèn dầu hỏa đầu đường nhấp nháy lẫn với hàng đèn đóm đóm bay thành từng vốc lổm đổm, có lúc tắt đi như gió cuốn một vùng sao sa. Nghĩa bước thục mạng. Không gặp một ai. Từ đây ra Cơ Xá còn xa, nhưng tới bến Đá chỉ một quãng dốc. Chạy mấy bước xuống đã lút bóng vào trong cỏ tranh, không trông thấy người nữa.

Nghĩa đặt dây, nhìn ra bến. Ánh lửa đóm lập lòe, rải rác mặt nước. Các nhà đèn đương bữa cơm tối. Không trông biết được đông thuyền hay vắng, chỉ nghe tiếng trẻ con. Tiếng cười the thé, tiếng khóc hờn ê a vời vọi.

Nghĩa hỏi to:

- Đèn nào sang bây giờ không?

Một tiếng khàn khàn nói vào bờ.

- Cơm nước thông thả nào, đi đâu vọi.

- Bác làm ơn giúp. Sang sông em còn phải đi nữa cho được độ đường. Em trả thêm...

Tiếng nước óc ách, biết chiếc đèn có người đương chèo đến.

- Mấy người?

- Có mình em thôi.

Đèn đã chuôi khỏi bờ cát. Trời tối mờ trên mặt nước sang sáng. Một trời một nước mênh mang mù mịt như nhau.

Bác lái đèn vui chuyện, cất tiếng hỏi:

- Cái gì mà nặng nề nghiêng cả thuyền thế? Lưỡi cày đưa sang Bắc à? Trên ấy làm mùa chậm nhỉ?

- Hàng đèn thô thôi.

Đèn lặng lẽ trôi giữa dòng nước xiết. Ánh lửa các hàng đèn thổi cơm trắng bến đã chìm hẳn vào sương đêm.

Nghĩa cười, nói:

- Bác muốn xem hàng em không?

- Tôi hỏi chơi thôi không thốc mách đâu, ông anh đừng ngại tăn phiền.

Nghĩa vẫn cười:

- Em có sợ bác cướp đường đâu. Em bảo bác xem cho vui đấy. Hàng này hiếm.

Đến lượt bác chở đèn ngang ấy chợt dạ vì câu nói khó hiểu của Nghĩa. Ở chốn sông hồ thời buổi này, đã quen với biết bao nhiêu chuyện khác thường xảy đến mà không thể mách may đoán trước được, bác lái đèn bình thản trở lại và lại tò mò hỏi:

- Hàng gì mà hiếm thế?

- Hàng Tây.

- Hàng Tây?

- Hàng thằng Tây ấy mà. Bác thổi bụi nhùi hút thuốc lên em mở đây ra cho mà xem.

Bác lái đồ với cái bụi nhùi huơ lên, vừa lúc Nghĩa huếch ra hai cái tai dấy. Đứng đấy chèo, bác lái nhìn xuống ánh lửa lom đom thấy nhô lên cái đầu thằng Tây, gồ mũi nhọn trắng bệch, thò ra giữa một đám tóc râu lồm xồm.

Tiếng động chèo im hẳn. Người lái đồ thì thào.

- Bác ơi, bác đem nó đi đâu? Nó chết chưa? Bác giết nó đấy à? Ôi giờ ôi...

Nghĩa buộc dấy lại, vẫn thong thả dịu dàng giống một như lúc này:

- Thôi, ông anh khỏi phải ra xa mà mất công. Cứ cho đồ đến chỗ nước xoáy đổi dòng, em quăng nó xuống đấy. Rồi ông anh quay đồ cho em vào bến trên. Còn ông anh tối nay chịu khó sang nghỉ bến Đèn, đừng trở lại bến Đá, Tây nó sắp ra khám đấy.

- Vâng ạ.

Tiếng chèo lại khoan thai. Nước vỗ óc ách đều đặn hai bên mạn.

Nghĩa trở về quán Đèn Cụt, vai vắt chiếc dẫy không. Trông thấy Nghĩa, bà Xuất mới tin là Nghĩa sống. Bà Xuất ôm Nghĩa, nước mắt bà đầm đìa. Nghĩa chỉ vừa bước vào, Đèn Cụt và Gái bỗng thấy Nghĩa khác lúc này, khác hẳn mọi khi. Đèn Cụt mừng rỡ đến đổi cứ chắp tay cung kính như ngày xưa đứng trước mặt ông Xuất. Gái nhìn Nghĩa, thán phục và kỳ lạ, vẫn chưa hết bàng hoàng.

Gái bước lại, nắm cánh tay Nghĩa, gọi:

- Anh Nghĩa ơi!

Rồi không biết nói thế nào nữa.

Đèn Cụt bảo:

- Các trại lính nó sắp đổ ra đến nơi. Nghe có cả tiếng ngựa nhốn nháo rồi.

- Tắt hết đèn đóm đi. Ta dọn cơm ăn thềm vậy.

Trong nhà tối mò, nhưng mọi người lắng nghe ra ngoài.

Gái ngây ngô hỏi:

- Anh Nghĩa làm thế nào mà nó chết ngay. Bóp mũi nó a?

Nghĩa phì cười rồi thì thầm:

- Ai đã đi làm rừng cũng phải biết miếng ấy để giữ mình. Bóp vào hầu đến con hổ cũng phải dứt hơi, huống chi con người. Cô Gái nghe này. Hai ngón tay này mọc xương hàm, lại ấn chặt cống họng. Chỉ một tí là nó tắc cổ chết ngúi ra đứ đừ. Có thể thôi.

Rồi Nghĩa lặng im. Lúc ấy, Nghĩa bỗng nhớ chuyện bảy tám năm trước, Nghĩa đã ở cả ngày với hai con hổ trong hang. Không hiểu sao, không biết sợ.

Đèn Cụt ngồi lên, đi đến chỗ phen nửa bàn thờ treo gian giữa. Đèn Cụt thổi nhẹ tàn than, châm nén hương rồi quỳ xuống. Một bàn tay chắp lên ngực, Đèn Cụt lâm râm khấn: “Ông sống khôn chết thiêng, anh Cả sống khôn chết thiêng. Ta có người rồi... ta có người rồi...”. Đèn Cụt cứ quỳ thế, cúi đầu một lúc thật lâu.

Tiếng gõ khẽ ngoài vách.

Đèn Cụt áp tai vào phen nửa rồi hỏi nhỏ ra:

- Ai?

- Tôi đây.
- Bác Bếp à?
- Trong này anh em biết rồi. Giỏi! Giỏi!

Bóng người lại biến vào bóng tối.

Ngoài đường, từng tốp lính giông đuốc chạy qua. Tiếng vó ngựa phóng ràn rạt. Ánh lửa vung vào chập chồn từng cửa, lung tùm xuống tận bến Đá - cả bến trên bến dưới.

VI

CŨNG KHÔNG BIẾT BẤY GIỜ sang trống canh tư rồi hay đã tàn canh. Trông qua cửa giữa mà ông chủ nhà vừa ra mở hé một cánh, đã thấy thấp thoáng mặt ao có làn sương mờ hay khói đun nước làm lợn, bởi nghe tiếng lợn kêu eng éc từ gà gáy. Bóng núi đen sẫm sừng sững ngay trước sân, như núi đứng kề mặt nước. Khách đến lúc đêm, không biết nhà ở gần núi thế. Lúc khuya, có hơi lạnh, chủ nhà đưa cái mền cho ủ chân. Hơi núi đêm mát khác hẳn ngoài Kẻ Chợ đương độ nóng nực.

Bọn người nhà túc trực ngày đêm ở cả hai gian đầu hồi. Những ngọn giáo dài như hàng cọc rào dựng san sát lên đầu mái.

Trong gian giữa, trên mặt sập gỗ mít chân quỳ trái chiếu đậu, hai người đã thức.

Mùi thuốc phiện sực nức. Ba gian nhà, khói thuốc âm u cũng như sương ngoài mặt ao. Chiếc cồng sành đựng thuốc đã cạn, tròn cồng ghéch nghiêng lên thành khay đèn. Thật cũng không rõ chủ khách vừa mới thức hay họ đã hút thâu đêm, kiệt hết đến bao nhiêu cối thuốc.

Ông chủ trạc ngoài năm mươi, tóc rậm xõa kín hai vai rộng. Người vạm vỡ lực điền, hai hàng ria mép thưa, mắt sắc như dao. Tắm áo nhiều dài, dải lưng điều thắt bỏ giọt lòa xòa lên mặt chiếu. Ông nghiêng người nằm ghé xuống. Cái khăn lượt thấm chít trên đầu đã bỏ thành một cuộn để cạnh chiếc gối gỗ vuông to bằng viên gạch hòm sớ.

Thanh gươm tuốt trần sáng trắng để cạnh khay đèn. Chỉ nhóm lên một cái, đã có thể tay gươm và chiếc gối, vừa mộc vừa khiên, nhẩy ra đánh cản ngay được.

Khách trạc ngoài tứ tuần, đầu chít khăn vố, người còm nhom, mặt héo quắt, gày xo hai vai trong tấm áo the dài. Nhưng ông khách vốn nhỏ con, không phải người ốm yếu.

Khách nhẹ nhàng ngồi dậy.

- Ấy, ăn nốt điều này đã.

Không dám từ chối, khách lại khúm núm nằm xuống bên khay đèn. Ông chủ nhanh nhẹn tiêm lấy điều thuốc, đưa dọc tẩu sang cho khách.

Ông chủ nói:

- Tính tao thích một mình, làm thuốc lấy, nó tiện. Lúc nào cũng đứng dậy ngay được. Cho mấy con giò đánh nằm kèm vào đây thì có lúc hỏng bét đại sự. Thiếu gì lúc, có phải không chú mày!

Ông chủ cười to, trong khi khách xuýt xoa: “Rước ông. Xin phép ông” rồi lặng lẽ nghiêng dọc tẩu hơi điều thuốc lên tim đèn, kéo một hơi. Tiếng nhĩ tẩu réo nhẹ nhẹ như người ngáy.

Ông chủ hỏi:

- Chú mày ra ngoài Đồn Thủy được bao lâu rồi nhỉ?

- Thừa ông, hơn một năm.

- Chóng quá.

- Thế mày vào làm chân gì?

- Con làm nhà bếp.

- Nấu nướng cho Tây ăn ấy à?

- Vâng. Con đã học được nghề nấu bếp. Con nấu, Tây ăn khen ngon.

- Hay lắm. Thế thì, bỏ thuốc độc cho nó như bỏ bả chuột chứ gì?

- Cũng không dễ đâu. Quan to nó hay đem các thức ăn cho chó ăn trước.

- Ha ha! Con chó được xoi trước quan Tây!

- Vả lại, con nghĩ chưa đến lúc, chưa nên nóng ruột. Cây cụt mãi chúng con mới lột được vào đây. Anh em các nơi tin cây...

- Nói vậy thôi, mà nghĩ thế phải.

- Thừa vâng.

- Cái giống Tây hôi hám lắm phải không?

- Hôi lắm.

- Mà nó mắt xanh như mắt mèo, lông lá như con chó xồm ấy phải không?

- Cũng nhiều thẳng thế.

Ông chủ cười khà khà:

- Thế thì bằng con chó thôi. Chỉ tại mấy thẳng còm vua lộc nước trung thành đồn mả mới đến nông nổi mất thành mất đất thế này.

- Bọn quan triều ngày càng hèn dõn, không ra thể thống gì nữa. Sang nghị bàn với Tây, nó chỉ đập bàn một cái, mặt quan nào cũng đã úa ra như tàu lá héo. Mà có gì đâu, cái tính thẳng Tây thế, không dưng nó cũng đập bàn. Mắt con trông thấy các quan ta run rẩy mà nghĩ nhục thay.

Ông chủ gật gù:

- Được, mà về sắp sẵn đi, tao cho quân ra. Làm cỏ được món Tây Đồn Thủy rồi vào thành giết nốt bọn quan quân ta cay sẩy đi.

- Mọi việc con đã bẩm với ông.

- Được.

Một người đứng ngoài bậc cửa, chấp tay:

- Bẩm ông lớn, đã xong còm.

- Cho dọn lên. Ra gọi ông Long, ông Hồ vào uống rượu vui.

Người đầy tớ cúi đầu “dạ” rồi lui ra.

Ông chủ nói:

- Ông Long, ông Hồ, được cái hai ông ấy cũng giống tính tao. Triệt đưa nào cứ xông thẳng vào tóm cổ nó tận ổ. Mình mà cương hơn, tất nó phải hết. Chuyển này tao cho cả hai ông ra ngoài ấy giúp chúng mày một tay.

Rồi ông chủ vuốt ria cười khớ khớ, đầy tự đắc:

- Ví bằng hôm nào được cái thành Kẻ Chợ rồi tao phong cho mày làm thẳng quan Khâm sai.

Khách đứng lên chấp tay, cung kính.

Ông chủ lại nói:

- Ở đời khó nhất có lá gan. Đấy mày xem, cả tổng này, chỉ nháy mắt, tao tóm hết lũ tôm tép chánh lý. À mà để lần sau, bây giờ mày còn phải đi cho kịp công việc, lần sau tao sai nó đi trời dẫm thẳng lý trưởng bên kia sông về, không thể để chúng nó dám hỗn láo nhưng những thế được.

Khách thoáng nhìn ông chủ. Trong việc mưu đánh Tây bấy lâu muôn vàn cái khó, cái nguy nan, thế nhưng ở đây, ông lãnh vuốt ria, ung dung rung đùi, người bên cạnh cũng dậm lầy cái tự tin của ông.

Bởi vì, ông lãnh này nổi quân cứ tự nhiên như đi chợ. Vì thế, khét tiếng một vùng. Nguyên do vì ông đã làm một phen từ núi Thầy vào đến Kẻ Chợ chỉ một ngày đường thông thả. Trước mặt, có cánh đồng, có sông, lại có núi tựa lưng. Thế tiến thoái như đi quân cờ. Thế là ông quyết cầm

chỗ này. Cả tổng có tám xã, ông đã đem người đi lấy nửa buổi xong. Một mình ông vào thẳng nhà chánh tổng. Ông nắm búi tóc chánh tổng, lôi ra sân đình, nổi trống gọi làng. Quân gia thủ túc của ông lúc ấy cũng vừa điệu tám lý trường tám các xã đến.

Các quan ta trong thành biết chuyện quân nghĩa ông lãnh chiếm cả một mạn vùng Thầy Vồ, cũng làm ngơ không dám hạch đến.

Tiếng mõ đổi canh sáng nổi lên. Từ đỉnh đầu núi xuống, lan ra các trạm gác đầu làng, cuối đồng.

Đã trông rõ đường cái những người vác cày dắt trâu ra cày nốt tràn ruộng đồng xa vừa được nước mưa mới. Con trâu thủng thỉnh bước một. Bác thợ cày mang lĩnh kính lẩm thứ, bùi nhùi và mồi thuốc, lại ầm tay nước vối. Những bà đi chợ sớm tất tả gồng gánh qua cổng làng vừa mở, cười nói râm ran.

Bấy lâu, thế là đã bình yên trở lại các xã vùng bán sơn địa này. Khách tần ngần, ngồi nhìn ra, nghĩ xót xa trong lòng. Cảnh yên vui ở một góc đồng con con mà đã lâu lắm, không được thấy ở đâu.

Ông Long, ông Hồ đã tới. Ai cũng quần đùi nâu xắn mũi hài, chân đi đất, mỗi người đeo bên sườn một thanh gươm vỏ bọc da đen.

Ông chủ nhăng mất tối hôm qua hai người thủ hạ ấy đã đến uống rượu, ăn thuốc cùng nhau bàn bạc tận khuya mới ra về. Hay là ông lại muốn khoe với khách:

- Ông Long, ông Hồ, mày biết không? Để rồi tao cho hai ông ra lấy cái Đồn Thủy với chúng mày.

Cái năm bố con ông Xuất chết trận ở Cống Vị, bấy giờ cả trong thành, ngoài trại và các làng ven sông Tô Lịch, đến mấy tháng mới có người chạy loạn trở về.

Bởi vậy, năm nay thay áo cho bố con ông Xuất cũng là thân thể làm ma khô. Vừa cải cát, vừa ma khô. Người đã khuất được ngậm cười mà vợ con cũng mát mặt với làng xóm. Ai cũng khen bà Xuất khéo thu xếp việc nhà.

Đám ma khô ông Xuất và anh Cả theo được đủ lễ, có phát tang và cả nhà sô gai như người vừa mới mất. Ngoài sân, che cốt bắc rạp, hai góc hè, ngả tre vào làm giá cổ chông sáu, cao một với tay. Dưới nhà ngang đèn quang treo đến khuya, tận bờ chuôm vẫn sáng như nhà trên.

Gian trong ngồi đám phường kèn già nam đón được tận Sổng Ốc ra. Khách tới viếng, hàng phường cất lên tiếng kèn ai oán. Quá nửa đêm, đến lúc phường kèn bắt chước chim kêu gà gáy ỷ eo. Thế là gia chủ biết hiệu dọn rượu mời ăn uống rồi nghỉ. Sáng hôm sau, tiếng kèn lại nỉ non. Từ sớm, Nghĩa chít khăn sô đại tang, chống gậy tre, đứng bên trái ban thờ, lễ đáp suốt buổi. Bà Xuất và Ngát khóc khản đặc cả tiếng.

Được giờ, nửa đêm một đám người giống đuốc ra đồng. Hai ngôi mộ đã đào sạch đất lộ nắp ván thiên. Một mình Nghĩa được xuống huyết trước mở áo quan. Nghĩa xắn tay áo nhấc từng chiếc xương ra. Mả chôn đồng cao, lại gặp mùa cạn, xương cốt sạch khô như ngói. Mấy người xúm lại đỡ tay cho Nghĩa, đưa xương lên. Rồi cọ từng góc ngách đầu lâu, đến khắc xương cổ, xương sống, ống tay đốt chân. Nước trầm thơm tắm rượu thay mấy lượt, bộ xương được đặt lại vào tiểu sành khéo và đúng chỗ như xương của người lúc sống.

Rửa đến xương anh Vắn, Nghĩa khóc, nước mắt tuôn ròng ướt đầm hai ống tay áo. Anh ơi, anh đây ư? *Chiều chiều ra đứng ngõ trông. Ngõ thì thấy ngõ, nhưng không thấy người.* Ai làm nên nông nỗi đau đớn ấy. Lạy anh, anh sống khôn chết thiêng...

Ông Tư trên Ba Trại xuống từ mấy ngày trước. Hôm Nghĩa trông thấy bố, Nghĩa mừng rung rung nước mắt. Nhưng rồi Nghĩa lại tíu tít vào mọi việc. Nghĩa bây giờ là đầu đàn trong nhà. Lắm lúc, ông Tư quên cả nó là con gái út của mình. Nhưng mỗi khi chợt nhớ, ông lại ngậm ngùi thương đứa con số vất vả.

Ba hôm, đã vãn khách người làng. Những chiếu xóc đĩa xúm xít sát phạt thâu đêm đã được

cuốn lại, giã đám. Trong nhà, chỉ còn khách xa nấn ná chưa về. Ông Xuất vốn quảng giao, trước kia người tứ xứ vẫn cơm ngang khách tạm quanh năm. Bốc mộ ông, khách đến viếng đông chẳng kém xưa kia khi có động thót, bà con trong họ ngoài làng kéo đến làm giúp. Mà thật chẳng ai rõ đây là bạn chơi hay là hội nghĩa. Kể cả bọn chánh lý cũng cứ mang máng thực hư thế. Nhưng lão lý trưởng làng này, lần nào chỉ mới nghe mong manh giặc Tây, giặc khách cả nhà cũng đã chạy rồi. Còn phó lý thì là người của ta, hôm ông Xuất kéo quân lên Cổng Vị, ông phó lý quan làng cũng vác thùng lũng đi trong đám quân nghĩa.

Phải lúc tao loạn, việc quốc sự ở đâu cũng bàn như công chuyện làm ăn. Nước có yên, việc nhà mới gọn được, người ta nghĩ thế. Mà chỉ có ở đất Kẻ Chợ này đã bao năm liên miên bối rối, lắm lúc ngẫm nghĩ, không biết đi đảng nào.

Vua quan cầm cân nảy mực bấy giờ, người thì ra mặt theo Tây, người thậm thụt đi kết bọn nuôi cướp, lại mở cửa hàng buôn với khách hội quán Hàng Buồm, người thì nằm nhà, nghe hơi tiếng súng ở đâu đã run như cò gặp bão. Nay Tây bảo điều đình, mai Tây lại đánh cho chạy cong đuôi.

Thằng Tây ở đâu đến, càng ngày càng nhiều, nhằng nháo ở đất người ta như nhà nó. Tây trắng đi giày ống, Tây đen mặc váy trắng^[14], Tây cổ đạo áo dài thâm, áo dài trắng lướt thướt lêu đêu như ma cây gao, hết sức nhố nhăng, lại thêm lính khách Cờ Vàng, lính Xạ phang đội nón cối, lính đạo mặc áo khách đen, suốt ngày la cà dò la đánh hơi, muồn vào nhà ai khuôn cửa ra cũng được.

Giặc sờ sờ đây, mà các quan cứ trơ mắt ếch. Ông Thống đóng quân thủ hiểm trên rừng Hưng Tuyên. Ông Lưu bên Tàu sang làm quan cho ta mà quá sang làm giặc. Quân ông Lưu chui lủi vào làng nào, đến lúc quân trảy, cả làng phải ra khuôn cửa các ông lấy đi theo.

Đi với ai bây giờ cho yên thân. Chẳng biết thế nào, mỗi làng lại chỉ biết làm sai giữ được trong khoanh tre thăm thẳm một mình ấy. Làng nào cũng buông kín ba lần cổng tán, lũy, hào nước. Có động ở đâu, thì câu liêm, thùng lũng, giáo mác vác ra.

Đây là quang cảnh các làng miền Kẻ Chợ những năm nhiều nường.

Những người đến làm giúp nhà bà Xuất đã ăn thêm bữa cỗ vét rồi ra về từ trưa, hôm nay chỉ còn con cháu trong nhà phục dịch.

Ông Tư cũng ngồi vào mâm. Nhưng ông là người nhà, chốc lại đứng lên. Bà Xuất lên xuống gọi bưng mâm, lấy nước rửa tay, và cho khuôn sẵn cả chục vò rượu ra bày trước thềm hè. Vẫn theo phong tục, đàn bà không ngồi mâm với các ông. Bà Xuất đứng hầu rượu, chấp hai tay, tựa cột, miệng nhai trầu bồm bồm.

Trong đám khách, nhiều người ở Cầu Giấy lên, trong Đám cũng có người ra. Quan viên Kẻ Mây quần áo xốc xếch như lái trâu đường ngược. Cái khăn tai chó vắt vai, nón bửa úp ngật ra sau lưng, đây là các người ở Phùng xuống.

Đây không phải là những ai đã lừng tiếng hội nghĩa thiên hạ, những ông lãnh, ông đốc, như Đề Kiên Tây Tựu, Quận Chử Hồ Khẩu, cánh quan gia ông Tựa So bên kia sông Nhuệ. Bạn bè xưa nay của ông Xuất, đây là những tay chơi mà hầu như làng nào cũng có. Không xưng đề xưng lãnh, nhưng đâu có người dưng cò, các ông kéo đến giúp một chân. Những ông đề, ông lãnh, ông thống nổi quân đều phải gọi đến những mặt ngang tàng này ở các nơi. Người đi thiên hạ đã lỗi như ông Xuất chỉ mới được tôn đến chân “xuất” mà thôi. Cũng không phải ông tự đặt tên ấy. Mà vì ngày trước, có thời ông đi lính quan ta đã đóng chân xuất đội.

Tuy nhiên, những ông lãnh, ông đề nổi quân một vùng rồi cũng lắm người nản chí về đi cày, đi tu hay đi đâu mất, không ai biết. Có ông hăng hái bị vua quan tróc nã gọi là giặc, đóng gông giải vào kinh, cũng thật oan khuất. Những người như ông Xuất và bè bạn các làng hết đời bỏ đến đời con, từ ngày Tây sang, lần nào đánh Tây, mọi người đều có mặt. Các ông ấy là hàng trăm hàng nghìn con người đất Kẻ Chợ, những người nay đông mai đoài, những người thường ngày làm ăn ở các làng, mà đi trên đê, rồi xuống cánh đồng trông vào làng chỉ thấy những khoanh tre im lìm. Thế nhưng nhà nào cũng vẫn thủ con dao, mũi mác gác sẵn lên mái tranh. Ngày ngày,

người ta vào khung cửi, đi đánh giặc, ra đồng bừa nốt đám chiêm muộn, mai một đầu có tin giặc Tây giặc khách lắm le, anh em về nhẩn một câu, là hăm hở đi ngay. Các ông đến ăn giỗ nhà bà Xuất hôm nay là những người như thế.

Các mâm đã dọn ra đầy đủ, bà Xuất đứng cạnh cột giữa, có cả ông Tư và Đề Cụt vừa bước tới.

Bà Xuất chấp tay vái mọi người rồi nói:

- Các cụ đã có lòng thương về uống rượu thay áo ông con nhà cháu, xin các cụ tự nhiên cho.

Đề Cụt nhìn suốt mâm rồi nói to:

- Các quan anh bỏ lỗi cho đàn em thừa một lời. Xin các quan anh cho gọi chú Nghĩa em lên hầu rượu. Chú Nghĩa nhà em, tháng trước đây, chân tay không mà bóp cổ chết tươi một thằng lỗ ở Đồn Thủy, ngay trước mặt đàn em này. Rồi suốt đêm chúng em ngồi xem Tây nháo nhác đồ đi tìm nhau.

Mọi người đương ồn ã bỗng dừng dũa, nghe chuyện Đề Cụt, rồi quay lại tìm Nghĩa, gọi Nghĩa: lên đây, lên đây. Có người kêu lên vì không ngờ, bấy giờ mới để ý, mọi khi thấy Nghĩa như trẻ con. Nghĩa đương bung liễn nước suýt, lúng túng, không biết nên đi lên hay lùi xuống bếp. Bà Xuất cười, đuôi mắt nhẩn nheo ứa nước mắt: "Con ơi! Các cụ đã dạy, con lên mời rượu các cụ. Thừa các cụ, cái lúc ấy nhà cháu cũng có ở đấy. Cứ kể đến bác đồ tể vật bò cũng không nhanh bằng".

Bà Xuất bước ra kể rành rọt - có lúc vui chuyện, còn làm hiệu giơ tay, cúi xuống, cho người như trông thấy những điều Đề Cụt vừa nói. Câu chuyện càng ngọn ngành rùng rợn hơn lên.

Rồi bà Xuất nói:

- Ấy thế mà đến lúc nó ôm cái dẫy không về, mặt cứ như không, còn nói con vớt xuống sông rồi như ta dọn đồng rác ngoài vườn. Chịu cái gan còn cái nhà!

Ông Tư lặng lẽ vào bàn thờ, rút sáu nén hương mới, châm lên bát nhang ông Xuất và chỗ bài vị anh Vần rồi chấp tay, ngẩng mặt lên lầm rầm khấn.

Một bác nói tiếng Cổ Nhuế nặng trĩu, cười hể hả:

- Thế là chú theo đòi anh em được. Lại còn hơn bố đấy. Con hơn cha nhà có phúc. Từ giờ ta gọi nó là Xuất Nghĩa. Xuất Nghĩa, mày cứ kéo cò lên, cả ba làng Noi chúng ông ra theo mày.

- Xuất Nghĩa! Xuất Nghĩa!

- Cái trí lự của bố con ông Xuất tôi bây giờ lại được ông Tư vốn nòi đánh Tây đã dấm tận đường ngược đưa về. Thế này thì phúc đức lắm. Trên rừng người ta bắt hổ bắt báo chán tay bây giờ xuống đánh đấm cái thằng mũi lỗ này có thấm tháp vào đầu, phải không các cụ?

- Phải, phải. Được rồi.

Một cụ đã già lọ mọ, râu tóc bạc phơ mà làn da nhẩn nheo vẫn đỏ ửng - nghe giọng nói trong Mễ Trì.

- Phải, con ạ. Con cứ phất cò lên. Quân các nơi về thì ối. Gọi một tiếng, đuổi đi không hết. Tha hồ kén.

Đám rượu lại ồn ào dần.

Đề Cụt nói:

- Các quan anh ạ, nhất quyết ta giập cho nó một đòn hôm khánh thành Trường Tây. Các bác cháu ngoài ấy cũng bảo thế. Phải vậy không, bác Bếp? Cho nó một trận, chur vị nghĩ thế nào? Anh em tôi ra đây đã cả năm nay, thông tỏ mọi ý ăn nhẽ ở của quân chúng nó rồi. Đến hôm nào nó đắp xong đường cái, các quan Tây ra đặt chức lãnh sự thì nó làm hội khánh thành, hội to lắm. Cái thằng Tây này thâm. Nó muốn làm cho cái đất tha ma Trường Tây phải tiếng tăm bằng mấy đất Kẻ Chợ kia.

- Sao bảo nó còn phải xây mấy năm nữa mới xong?
- Nó đang thúc các quan ta để đất trại lính nó lấn ra tận ô Tràng Tiền^[15].
- Nó chẳng đương dẫn tre phá lũy đến ô Tràng Tiền đấy sao?
- Nếu không cho làm thế, nó cứ ở ỳ Trường Thi. Sang năm không mở được khoa thi^[16], các quan tỉnh đến phải gông đóng chổng mang giải kinh chứ chơi đâu.
- Thế là cho nó ra.
- Chẳng cho mà được!

Đề Cụt nói:

- Tôi nghe cuối năm Tây đóng ở Trường Thi đồn về hết Đồn Thủy.
- Đấy, đấy, cho nó trận giáo đầu này mà hay.

Bác Bếp Chính đứng dậy, chỉ nói một câu:

- Ta đánh nó bây giờ là phải hơn cả, các quan ạ. Tôi đã có hội quân với các nơi rồi.

Ai cũng biết bác Bếp là người hội nghĩa ta lọt được vào chân nấu ăn cho Tây ở Đồn Thủy. Bác đã nói thì đích xác. Chưa ai biết bác nói: “phải hơn cả” là đầu đuôi thế nào, nhiều người đã nói theo: phải, phải đấy.

- Tôi xin bàn với các cụ...

Khuya lắm, công việc đã sắp đặt xong, mà mọi người còn lao xào bàn tán. Ai nấy một lòng thế nào phen này cũng ra đánh Đồn Thủy. Kế hoạch nhất định đánh vào đêm nó hội khánh thành. Nghĩa nghiêm nhiên được ngồi bàn với mọi người. Nghĩa gương ngịu ngồi ghé đầu phản. Nhưng ai cũng cứ nhìn Nghĩa thật kính nể. Nghĩa ngại, chẳng nói được câu gì. Giữa các cụ và những tay tứ chiếng ngang dọc đương hăng hái, Nghĩa chỉ nhớ lại mình những ngày còn để chỏm, con còn đeo dao theo người lớn đi rừng. Nghĩa không thấy đáng được tài giỏi gì cả. Gặp con thú ác sắp ăn thịt mình, mình phải tìm cách triệt hạ nó mà thôi. Từ thuở còn bé, đã được dạy ai người đi rừng gặp hổ, gặp gấu thì làm thế nào, lừa nó thế nào, đánh thế nào... Trèo lên cây... Giả chết... Bóp cổ, bám vào nó... Chỉ có dạy đánh không có dạy chạy. Rồi Nghĩa lại miên man nhớ một năm. Tháng Giêng năm ấy, chị em đi hội đền Thượng trên núi. Nghĩa mặc Mùng, khăn vuông trắng, váy chàm, yếm thêu. Bọn trai Mùng đi hội, đuổi theo chòng ghẹo... Nhớ đến mà sao như giấc ngủ mê.

Nghĩa đứng dậy, xuống bếp bưng nồi nước chè tươi.

Từ lúc đám đàn bà con gái cõm nước dưới nhà ngang xong. Gái vào bếp ngồi đun nước. Cái que cời đẩy rơm liến đến mấy nồi nước sôi. Lúc nãy còn các cô riu rít chen vai ngồi vừa đun bếp vừa đùa, bây giờ đã đi nằm rập đầu cả.

Mấy hôm khó nhọc hầu nước hầu tắm, ai cũng rời rã cả người.

Nghĩa xuống bếp thỉnh linh. Gái đương chập chờn ngủ gật. Gái giật mình.

- Được nước chưa, cô?
- Sôi rồi. Vừa toan bưng lên.
- Để tôi bưng cho.
- Hượm, hượm nào...
- Sao?

Gái cười, hai má ửng hơi lửa, nóng bừng:

- Nhưng anh xuống thì nước lại chưa sôi.

Nghĩa thật thà hỏi:

- Sao thế?
- Sao trên gò ầu ấy.
- Lại ồm ờ rồi. Các cụ trên nhà đương đợi.
- Mặc ai đợi, còn phải đun cho chín chè mới được.

Nghĩa đã để ý từ sau hôm ở Đồn Thủy, còn mấy lần Gái về Nhà, về Gái đối với Nghĩa, khác mọi khi. Bây giờ Gái chỉ thân thiết nói trống không, Nghĩa bối rối nhớ cái đêm ghé góm ấy ở Đồn Thủy. Gái tựa vai Nghĩa, trong gian nhà âm thầm, ngoài đường rầm rập vó ngựa lính đi lùng. Gái ứa nước mắt. Nước mắt Gái thấm ướt một bên vai áo Nghĩa.

Nghĩa loanh quanh cạnh ổ rơm, toan bước vào bắc nồi nước. Nhưng Gái đã ngồi chắn mất lối.

Chợt có tiếng ngoài sân, nói vào, hốt hoảng, thất thanh:

- Mẹ gọi đem nước lên, anh Nghĩa ơi!

Tiếng Ngát choang choác, the thé. Mẹ bảo Ngát xuống giục hay Ngát vẫn đứng rình đâu đấy. Tiếng Ngát nói như sắp khóc. Chỉ thấy trong ánh lửa rơm vừa bùng lên, mắt Gái óng ánh, miệng nửa tím tím nửa phụng phịu nhìn Nghĩa, như không nghe tiếng Ngát giục.

Nghĩa bùng nồi nước qua sân.

Ngát vẫn đứng nguyên ngoài bóng tối, hỏi:

- Có mỗi nồi nước mà xuống lâu thế?
- Bây giờ nước mới sôi.
- Nói điêu!

Rồi Ngát ngoáy đi vào nhà ngang.

VII

THÁNG CHÍN NĂM ẤY MẮT TRỜI. Thế mà nhìn ra sông Cái, mặt nước vẫn đỏ ối. Những con lũ mùa hè qua từ lúc nào, bây giờ mới nhả ra những mảng cát xuộm đỏ và một dòng sông lừ đừ như vừa vượt được cơn vật vã, mệt nhọc.

Từ Thanh Trì vào Kẻ Chợ, sau lưng một vành đê quai vạc, in bóng xanh đen uy nghiêm những rặng tre hãy còn ngấn bọt nước lứt vàng ngang lưng. Nhưng vào đến Đồn Thủy, những bờ lũy bỗng toang ngoảng đứt quãng. Quảng ấy, Tây đã mở đường giải đá dăm, trồng một hàng cây me tây. Những cây gạo và đôi ba cây bàng đã lên được hai lần tán.

Cờ ba màu Tây cắm hôm ấy mọc khắp mọi nơi. Xanh, trắng, đỏ la liệt. Không thấy một chiếc cờ kỳ, cờ đuôi nheo ở đâu. Vua quan bán đất Đồn Thủy cho Tây rồi, Tây không cho cắm cờ ta - người đến xem hội Trường Tây nói thế.

Những nếp nhà hai tầng, tường quét vôi trắng, mái ngói đỏ vuông từng miếng, ngoài cửa có lính đứng bông súng, lưới lê lóe sáng nhọn. Mới độ nào quảng nào còn ngổn ngang gạch đá, bây giờ bên đường đã thành dãy phố nhà lá nhà Tây khắp khểnh nối nhau.

Xem ra sông bến ở đây sầm uất chẳng kém những phố khách trên Hàng Buồm, phố Mới. Nhiều hiệu ăn uống trên các phố ấy đã nhanh chân xuống đây mở cao lâu, trước cửa treo làm hiệu cái cần câu buộc chiếc vòng lua tua những sợi giấy hồng điều trang kim phấp phới. Chẳng bao lâu, lại thêm lò may, hiệu nhuộm, hiệu bán vải cũng như ở trên phường Đồng Lạc, phường Báo Thiên. Các hàng tạp hóa, hiệu thuốc bắc cũng treo bảng giống trên Hàng Ngang phường Diên Hưng. Rồi một dãy lều bán dầu của người các phường Đồng Xuân hay ở ngoài Cầu Dền, dưới Hồng Mai tới Cả trên Thụy cũng có lái xuống bán rượu, tranh khách với rượu phủ Từ bên Bắc. Ngoài làng Cổ Tân, ngay đầu bến đá mọc lên một cái chợ hôm - chiều đến, vạn chài quấy tôm cá lên bán đổi vai vào các phường.

Tiếng đồn Tây mở phố cưới chợ liền cả tháng. Phường tuồng được gọi về hát suốt ngày. Người các nơi quanh quanh nô nức rủ nhau đi xem. Có người gật gù rồi thở dài: cái thằng Tây thế mà lắm mẹo dỗ người. Đồn Thủy là đất chó ỉa nay đã thành Kẻ Chợ rồi. Tiếng lành đồn xa...

Lại nghe nói quan lãnh sự Đờ Kéc^[17] mới dọn bàn giấy ngoài Trường Thi vào Đồn Thủy cho kịp hội khánh thành. Cánh xanh, cánh điều các quan ta trong thành ra dự. Xe song mã đưa các quan Tây còn ở Trường Thi tới. Người ta đứng xa xa thấy tấp nập loáng thoáng thế. Cái lúc lễ cất băng mở hội khánh thành trong ấy nào có ai được vào mà biết. Hôm sau, đốt cây bông lúc chập tối, lại hát tuồng hát chèo cả ngày như mọi khi.

Đêm nay khác lệ thường, có chèo hát suốt đêm.

Người các nơi kéo đến đông ứ.

Nhiều trò chơi nực cười, xưa nay không thấy, chỉ có Tây mới nghĩ ra các trò oái oăm đến thế. Bọc tiền, bọc cát, bọc cứt, bọc nước lã treo trên đầu. Cứ bịt mắt vào mà cầm gậy chọc. Người reo ầm ĩ, người bịt mũi, người nhăn nhó... Trong cái chuôm cạnh chân hào dạo trước đào lấy đất nung gạch, có cuộc bắt vịt. Người cỡi trần đóng khố bước ra, lính lấy miếng vải bịt mắt lại rồi đẩy xuống ao. Nghe vịt kêu chỗ nào, bơi đến quờ quang. Trên bờ, người đứng xem reo ầm ầm. Lính Tây say lại bày trò tung tiền. Trẻ con nghe đồn Tây cưới chợ, có phát tiền, rủ nhau đi. Lính Tây đứng cười hô hố, ném lên từng vốc tiền kẽm. Trò này nhạt, không thấy trẻ con đến nhạt. Chỉ bọn lính đạo xúm vào giật nhau những đồng tiền kẽm đã gãy.

Hôm ấy, cửa hàng Đề Cụt cũng bộn người, mặc dầu ngày hội mà hàng vẫn chỉ rất những thức hàng ngày. Rượu nhắm chân gà, lòng lợn chấm tương, bún xào... Người đi xem la cà các hàng đã nghe đồn ở đây bán chân gà Tây quảng rẻ tiền hơn hiệu cao lâu khách. Người ta khảo giá. Xem xét, tính toán, càn đồ đến những quán cẳng gà, lòng lợn, quán Đề Cụt.

Người vào hàng có phần đông hơn và khác mọi khi. Không phải những cánh thợ thuyền, phu phen quen mặt. Nhiều người từ xa về. Xù Gạ, Canh Diễn, Trôi Gối, Gạch Bún... trông cách ăn mặc

và nghe giọng nói, đoán biết được.

Không ai để ý những ông khách khăn đầu rìu, áo nhuộm cây cứng kèn, người nào cũng lực lưỡng, bàn chân hộ pháp lấm bụi, vai khoác tay nải nâu quá khổ, nặng trĩu xuống - biết được đây là lương khô cơm nắm ăn đường hay là con mã tấu.

Khách bước vào hàng hỏi to:

- Ông chủ có cái thuốc Lào tỉnh Đông đây không?

Chủ hàng nhìn khách rồi thông thả nói:

- Thuốc Vĩnh thật hiệu đây.

Rồi chủ hàng đưa ra cho khách chiếc điếu cày với rúm thuốc bọc mảnh lá chuối khô. Ông khách rít một hơi, tay vỗ miệng điếu tì xuống, lại hỏi qua làn khói thuốc đậm tỏa, tiếng khao khao.

- Hàng ta đông khách đấy nhỉ?

- Đông đủ cả rồi ạ.

Rồi, Đề Cụt nói một câu lửng lơ, không hiểu câu chào hay lời nhắn kín đáo:

- Thế nào chập tối ông anh cũng tạt lại nhé. Tối nay đốt cây bông vui lắm.

Xế trưa, ba mẹ con bà Xuất cũng đã ra tới nơi.

Đề Cụt ngồi trong cửa, trông thấy, đứng lên. Gái cũng đã chạy tới, ghé nghiêng rồi chào:

- Cả nhà ra xem hội Tây.

Đề Cụt ghé tai Nghĩa, nói nhỏ:

- Chưa thấy Noi Cáo, Bằng Vồi. Bên kia sông cũng chưa.

Nghĩa cười:

- Anh sốt ruột rồi. Đã hẹn cứ rải rác đến tận lúc hát giáo đầu mà.

Từng bọn lính Tây say la đà ngoài đường. Có người khật khưỡng vào hàng, đứng xem khách các người húp cháo ăn gặm chân gà. Nó cũng cúi, nhặt tự nhiên một cái lên, nhai rau rầu. Rồi nó đến bên vách, chỗ Gái đương xay bột, hất tay Gái ra, ngồi xuống nắm tai cối, hùng hục lắc, đổ nước bột trắng lênh láng mặt đất. Ngay bên cạnh thế này mà giờ miếng đòn hiểm của anh Nghĩa ra nhỉ. Gái nghĩ thầm. Dưới nếp khăn vuông nâu trùm hụp kín mít, Gái nhìn trộm ra - khó ai thấy được cô gái hàng cơm ấy là bà già hay con gái.

Người lính Tây cười khè khè quay lưng chệnh choạng bước đi.

Cái cối to tướng trên mặt thót đá trên vãnh một tai tròn có lỗ. Gái vẫn cầm cúi xay bột. Bếp đằng kia, than hồng rực. Làn bột trên khuôn vặn tròn lại, từng sợi lẫn xuống nồi nước sôi. Một tay Gái nhắc tra thêm gạo nước lã. Một chốc, những sợi bún chín nổi lên, trắng như thóc nếp rang vừa nở. Gái lấy tay gạt ra chậu nước lạnh, bắt lên vành rổ, khoanh từng con, từng cối, sợi nào đứt để riêng ra làm bún rối. Gái vừa xay bột vừa làm bún, hong bún nhanh thoăn thoắt.

Mới chập tối, tiếng trống trò đã bập bênh rung ngoài bờ sông. Trên ngọn tre la đà các phường ra tận hồ Guom, tiếng trống còn vang động tới. Một vẩy trăng non vừa ngấn lên trong khoảng trời trong mát.

Đám hát chèo đêm nay kê bên bờ nước, ven con đê. Mọi khi, rạp dựng cẩn thận trong bờ rào. Tối lần đầu hát chèo được đưa ra đây cho rộng chỗ người xem. Các phường chèo đến càng đông. Đèn đường, đuốc đóm ánh xuống mặt sông soi rõ thấy san sát những cái nan đưa người bên Bắc sang.

Người hội nghĩa các nơi về đã trà trộn vào khắp mọi đám. Chen chúc thế này, nhiều người ta thế này, giá cứ chịt thắt lưng mà quật từng thẳng Tây, cũng khó lòng ở trong trại chúng biết ngay được. Xem chừng chèo hát vui, lắm con gái và các trò chơi, thêm mấy đám đốt bông trên

bè nửa, thế nào Tây chẳng khóa hết cửa bỏ trại ra xem.

Càng về tối càng tung bùng.

Bỗng nổi lên tiếng kèn như hét chỗ ra từ trong các bờ rào trại lính. Tiếng kèn đồng the thé, át cả trống chèo vừa dạo vỡ nước vào giáo đầu. Người ở đây, cả các hàng quán đã thuộc các độ kèn hiệu trong trại. Kèn chào, kèn cấm đi, kèn động, kèn ăn, kèn ngủ trưa, kèn gọi...

Lúc này, hàng quán đã vắng. Nhiều nhà đóng cửa, đổ đi xem chèo. Đề Cụt và Gái vẫn ở nhà. Từng lúc, anh em trong đồn ra báo động tĩnh. Bà Xuất và Ngát truyền tin đến các người láng vãng, rải rác mọi nơi. Quanh đám xóc đĩa, đám đổ chữ. Đông nhất chỗ hát chèo và người ngồi xúm đen xúm đỏ đợi xem đốt cây bông ngoài sông.

Đốt cây bông! Đốt cây bông! Người hội nghĩa đã có hẹn, khi cây bông thứ nhất trên bè ngoài sông mà buông hết chữ “Phúc”, sang pháo “hoa cà hoa cải” lên sáng xanh sáng tím thì anh em cũng bắt đầu ra tay. Nhất quyết lòng thịt hết bọn Tây trong đám hội. Lúc ấy, có hiệu tù và của ta bốn phía nổi lên trợ lực...

Đề Cụt hốt hoảng vào bảo Gái lúc ấy vẫn ngồi xay bột ở gian trong.

- Tao nghe như có phải kèn gọi...

- Mới chập tối mà. Chúng nó chưa ra xem đã gọi về là thế nào!

- Đấy... đấy... Tiếng kèn gọi.

Văng vẳng phía này, phía xa, suốt một dãy trại lính vùng Đồn Thủy. Đề Cụt bồn chồn nhận ra.

- Hay là lộ rồi. Chúng nó đánh hơi thấy rồi?

Người đi xem hội vẫn lũ lượt ngoài đường, không ai biết đâu nỗi lo ghê gớm của Đề Cụt. Đề Cụt đã nhận ra chỗ nào cũng có người của mình. Nghĩa vừa tắt tả trở lại trong đám người chen vai đi. Nghĩa đương đi nhận dạng rồi phát lệnh cho từng bọn. Nghĩa thấy dần dần bước vào trận đánh nghiêm trọng. Nghĩa đã biết được có bao nhiêu Tây trong Đồn Thủy ra xem, đứa nào có thể bắt sống được, đứa nào giết tại chỗ. Người của ta đông lắm. Người của ta sẽ cùng ra tay một lúc.

Đề Cụt càng sốt ruột. Sao các trại lại lên kèn gọi về giữa lúc này? Thế là thế nào? Đề Cụt ngóng vào phía Đồn Thủy.

Có một người từ phía cổng trại ra. Trông trước trông sau, tụt vào cửa hàng Đề Cụt. Người ấy mặc quần nâu, đi chân đất. Cái áo trắng nhà bếp đóng hàng khuy giữa ngực, cổ cao hai đốt ngón tay. Người nhà bếp, nhà bàn trong trại - người của bác Bếp Chính vẫn quen mặt ra đây.

Đề Cụt hỏi ngay:

- Bác Bếp nhắn gì không?

Người ấy lắc đầu:

- Không xong rồi.

- Chú nói cái gì?

- Bỗng dưng nó cấm trại.

- ...

- Không thằng Tây nào được ra. Đứa nào đương ở ngoài, thu ngay về hết.

- Ô hay!

- Đấy kèn gọi từ nãy vẫn rống lên. Chúng nó đương kéo về.

Người ấy nói vội:

- Bác Bếp bảo cho các ông biết thế mà liệu.

Rồi lật đật đi luôn.

Đề Cụt bảo Gái:

- Tao phải chạy đi tìm chú Nghĩa. Không khéo mất ăn rồi.

Gái nói:

- Người của ta đông lắm mà.

Đề Cụt gắt:

- Nó không ra thì đánh chó à?

Rồi Đề Cụt đi biến.

Từng bọn lính Tây đương la cà các nơi. Chiếu xóc đĩa, bàn đồ chữ. Các bàn nước bàn rượu. Cả ở bờ sông đợi xem đốt bông... Đâu đâu cũng nghe kèn gọi. Không ai để ý kèn gì trong trại. Người ta đều biết Tây hay thổi kèn. Trong khi trời đã tối hẳn, các phường kéo đến, mỗi lúc một nô nức nghìn nghịt. Ở nơi đô hội lúc nào cũng dễ đông người tụ lại. Chẳng cứ đám rước, đám ma, chỗ nào sảy đám cháy, có người trẫm mình, người say rượu, đám cãi nhau, thế là kéo đi xem.

Mỗi đám Tây trở về trại, Đề Cụt lại như lửa đốt trong người. Gặp đứa nào đi một mình, Đề Cụt ngờ ngẩn tiếc.

Đề Cụt ra bờ sông đã được một lúc lâu.

Ở nhà, có tiếng lạt xạt ngoài phen, Gái ngẩng mặt. Cầm dôi cửa, Gái đứng lên.

Một lính Tây xồng xộc vào. Tay nó úp giấu cái mũ ra sau lưng, như để khỏi ai trông thấy. Hai chân loạng quạng. Say rồi mà nó vẫn tỉnh, vẫn nhớ thế. Hình như thằng này trong bọn ban trưa đã vào đòi nghịch quay bột bún. Được rồi, mày vào đây. Nhưng nhìn lại trong nhà, còn có một mình, Gái dậm trợn. Gái bấu tay vào liếp. Không lủi, nhưng cũng không dám mở. Gái nắm chặt dôi cửa.

Người lính nọ co cẳng đạp bật một lúc hai chốt. Liếp cửa rách tung. Một cái mặt rượu bự rự, đỏ gấc, nhô vào.

Gái giơ dôi phang thẳng xuống đầu nó. Nó loạng choạng lạng vào vách. Gái đánh liên tiếp. Nó lảo đảo gượng lại rồi thật là ghê gớm, nó cứ từ từ đứng lên giữa trận mưa gậy của Gái đương nện xuống. Nó rút con dao găm bên thắt lưng, xô vào.

Vừa lúc ấy, Nghĩa về đến cửa. Vớ cả bà Xuất vớ Ngát và Đề Cụt. Biết Tây đã báo động gọi lính về trại, Nghĩa trở lại cửa hàng để gặp anh em các nơi nghe tình hình lại.

Cái liếp rơi xuống một mảnh. Mọi người ùa vào. Nghĩa xông đến đâm vào gáy, thằng lính Tây ngã sấp mặt xuống. Rồi Nghĩa và Đề Cụt nhảy vồ tới.

Ngát chạy lại nâng Gái lên.

- Việc gì không, việc gì không?

Mặt Gái bột trắng. Vạt áo trước ướt đen, sẫm xuống váy. Gái lả đi.

Nghĩa buông xác thằng Tây, bước lại. Nghĩa bỗng nhận ra nụ cười đau đớn thoáng trên khuôn mặt nhợt nhạt của Gái nhìn Nghĩa.

Đề Cụt nói:

- Buộc cửa lại, đi thôi.

Ngát hỏi:

- Đi bây giờ?

Nghĩa nói:

- Hồng rồi. Các nơi đã được hiệu rút cả rồi.

Rồi Nghĩa hỏi Đề Cụt:

- Còn thằng này?

Đề Cụt nói:

- Bỏ xác nó ở đây. Ta không trở lại đây nữa.

Nghĩa cúi xuống. Gái nói bên tai Nghĩa:

- Em không đi được.

- Đã có anh...

Trong nhà tắt hết bếp rồi, tối om. Như người đã đi ngủ hay ra rạp hát chưa về.

Một chốc, tất cả đã đi ngoài đường lẫn trong đám dập dìu xem hội.

Nghĩa công Gái. Làn khăn vuông kéo xuống che kín mặt Gái. Có ai để ý cũng chỉ ngỡ như người đi xem hội bị làm sao, phải cảm hay rần rần, người nhà công về.

Đi đã xa Đồn Thủy.

Tiếng trống chèo vẫn dào dạt theo bóng nước trong đêm. Tận đây còn nghe tiếng người reo tiếng đám chơi. Đèn đuốc cây bông chập chờn lung linh sang cả góc trời đằng ấy. Mỗi tiếng pháo lệnh nổ, cây bông lại xòe ánh trắng phun hoa cà hoa cải. Chốc chốc, Đề Cụt lại lẩm bẩm: Hoa cà hoa cải rồi... Hoa cà hoa cải rồi... Rồi lại lặng lẽ đi. Đằng ấy, tiếng người vang động hơn nữa.

Liên tiếp một loạt tiếng nổ ùng đoàng giục lên.

Đề Cụt nhìn lại.

Ngát ngơ ngẩn hỏi:

- Có phải pháo đốt bông hay pháo lệnh của ta?

Đề Cụt đáp:

- Không, súng của Tây thôi.

Đề Cụt nghe ngóng rồi như nói một mình:

- Lại kèn động... kèn động... Nghe rõ tiếng nó thổi kèn động

Bỗng nhiên, phía đằng ấy lặng phắc. Những tiếng âm ầm như tiếng reo, tiếng súng, rồi bật hẳn. Vụt một cái, đóm đuốc tắt ngấm. Bóng nước bây giờ thẫm đen. Cả một vùng mờ mờ vào ánh trắng non phẳng lặng như không.

Đề Cụt nói:

- Chắc là nó tìm ra xác thằng Tây: Nó bắn súng dẹp đám hội đấy.

Vào đến Hà Khẩu, xuống cầu Đông, cả bọn theo sông Tô Lịch đi ra ngoài thành.

Trên vai Nghĩa, Gái gọi khẽ:

- Anh ơi!

Tiếng Gái thốn thức. Nghĩa nghe giọng Gái khác hẳn, như lạc đi. Nghĩa đã thấy nóng ảm khắp lưng. Máu ở người Gái chảy ra thẫm ướt áo Nghĩa.

- Cô thấy trong mình dễ chịu chưa?

- Không...

- Nín đi. Sắp đến nhà rồi.

- Mình... Anh có thương...

- Có thương, nín đi.

- Mình...

Hai bàn tay Gái với lên bám quặt xuống vai áo Nghĩa. Dần dần, Nghĩa cảm thấy bước vương đầu gối. Hai chân và cả người Gái ôm chặt Nghĩa, tưởng không thể nói ra được nữa. Nghĩa lã chã nước mắt. Nghĩa biết thế là Gái đã chết rồi. Nhưng Nghĩa im không nói với ai. Vẫn cống Gái nguyên trên lưng như thế, Nghĩa lặng lẽ bước.

Trăng đã lặn. Cánh đồng bát ngát liền lên với vòm trời, người bước qua bóng sao lấp lánh trên mặt ruộng nước.

NGHĨA CÓ VIỆC RA NGOÀI BƯỞI.

Đất Kẻ Bưởi đã vào ven nội, làng trên chạ dưới thuần nghề giấy, nghề lĩnh. Những cổng xóm tường đình gạch vồ. Nhà ngói bức bàn san sát. Các làng ở ven nội cạnh phường phố, cứ ít lâu nghe yên yên, lại đông vui trở lại ngay.

Vả lại, sợ cũng không được. Làng nước kiếm ăn bằng nước sông gạo chợ mà nơi tay thì chỉ còn có cách treo niêu.

Cho nên đất lành xem về lại sầm uất như câu hát:

Kìa giếng Yên Thái như kia

Giếng sâu chín trượng, nước thì trong xanh

Đầu chợ Bưởi có miếu cầm canh

Kẻ đi người lại như tranh họa đồ

Người về chợ Bưởi từ Bắc Bối bên sông sang đò Hối, bên Tây Hồ qua cửa đình Vọng. Một tháng sáu phiên, lại còn có thêm chợ giấy. Từ Cầu Dài dưới Yên Thái lên cổng làng Đông, làng Hồ, giấy các nơi về.

Bà Xuất sai Nghĩa ra Bưởi tìm Đề Cụt. Đã lâu, không thấy Đề Cụt về.

Từ ngày Gái chết, Đề Cụt như người phần chí. Ở nhà bà Xuất một dao rồi bỏ đi lúc nào, chẳng bảo ai. Đề Cụt hay nói: “Bây giờ tôi còn một thân một mình trên đời, làm gì cũng được. Hôm nào phải ra Đồn Thủy giết chơi vài thằng Tây mới được”.

Nói rồi con mắt long sòng sọc, tiếng cười càng rợn. Bà Xuất cứ phấp phỏng lo.

Đời bố Đề Cụt, hai nhà đã đi lại, không phải ruột rà mà thân thiết lắm. Nguyên do chỉ vì có một năm, ông Xuất đi đánh chọi gà trên Phụng.

Con mã chuối chân vàng nghệ thối đá hay nhất sỏi. Mấy chục trận, không biết thua. Có cuộc đến tám hồ, tàn hương rơi trắng như cát. Con mã chuối ấy cổ như cột trụ rút lại, ức nở, âu cánh khoanh cao thành hai vòng tay lực lưỡng. Cánh ấy thúc lên, đối thủ kém gối cũng đủ ngã. Chưa kể cặp mỏ búp đa búp như giết thịt. Mỗi lần hai chân tung lên, nó phải chúm đến móc được con gà kia ra mới chịu buông.

Con mã chuối lần ấy đấu với con xám. Bây giờ mới gặp địch thủ. Sang hồ thứ bảy, mã chuối bị con xám đá mù cả hai mắt. Chủ gà đứng lắc đầu, chảy nước mắt, hai tay quơ ra như định bưng gà về. Nhưng mã chuối vẫn níu khít vào cổ xám, hai con gà đứng im rình nhau suốt hồ hương. Đến lúc sắp tàn hồ, thỉnh linh mã chuối hai mắt lóa lợi máu nháy phóng cả hai chân lên. Thế là con xám hốt hoảng bỏ chạy.

Mã chuối ấy được bưng về, còn để nuôi làm cảnh được mấy năm.

Từ đấy, bố Đề Cụt và ông Xuất coi nhau như anh em.

Đề Cụt và em gái đi lại nhà ông Xuất từ thời ấy. Tết nhất, giỗ chạp, động dao động thớt, lúc nào cũng có mặt. Nhất từ năm có giặc Tây, nhiều làng lập hội nghĩa, Đề Cụt hăng hái, việc nguy hiểm đến thể nào cũng theo ông Xuất, theo bố. Được cái tính anh chàng bồ bỡ, dễ dãi, ông Xuất thường giao cho việc đi gặt gỡ các nơi dò la, nghe ngóng. Đóng vai khi phường thợ, khi lái trâu, khi quán xá...

Bà Xuất đã biết tin Đề Cụt đã ra làm ngoài Kẻ Bưởi.

Nghĩa lên làng Hồ, hỏi thăm được đến chỗ Đề Cụt. Bởi vì Đề Cụt già dó một tay nhưng khỏe có tiếng, ai cũng biết.

Cuối làng Hồ phía giáp hồ Tây, có lối tắt sang đình Võng. Dưới một bờ tre có dãy lều cối đứng chen như những lều chợ. Tận khuya, trong làng ngoài hồ yên tĩnh, tiếng giã dó chày tay còn rộn ràng.

Đuôi chày cao đến vượt đầu người. Chiếc cần buộc đá bặt chày gieo phần phật xuống mặt cái cối đá đại. Những mẻ dó đã nấu chín trong vạc được dỡ ra, đem đãi ngoài sông rồi bỏ vào cối. Một tay Đề Cụt - chỉ một tay, cái chày gỗ mít mà đầu chày to như chiếc cột nhờ cứ nhịp nhàng nâng lên giã xuống. Chú bé ngồi vắt vẻo miệng cối bỏ dó.

Bột dó đã đun cao lên thành đá, chú bé nhặt bỏ lại vào lòng cối. Cứ thế, cho đến khi chày va vào gờ cối, tiếng kình kình tựa tiếng chiêng, biết thế là mẻ dó đã toì, đã được. Mỗi mẻ như thế, Đề Cụt cứ một tay giã thẳng đến xong mới chịu buông chày. Nổi tiếng dai sức vì thế.

Tiếng giã dó làng Hồ vang âm ven hồ Tây xanh ngắt bóng tre. Người dưới Thụy hay phía Nhật Chiêu đằng sông Cái vẫn còn nghe tiếng xì... tum, xì... tum trong làn sương sớm. Lại ngỡ tiếng chày từ đám thuyền gỗ dồn cá mặt hồ đưa tới.

Trông thấy Nghĩa, Đề Cụt vợ mảnh khăn tay lau mồ hôi vắt trên dây rồi bước ra, cười nhăn nhó.

- Anh rúc ráy tre gai chỗ này mà chú cũng tìm ra, chú đáng mặt Xuất Nghĩa thật.

- Anh đi đến đâu, cả thiên hạ biết, em lạ thế nào được.

- Vài tay chày nữa xong mẻ này. Đợi một nhát rồi anh em ta chơi đến tận mai mới có việc.

- Để em vào bỏ dó với thằng phó nhỏ kia cho chóng.

- Phải đấy.

Đề Cụt lại một tay nhấc, cái chày nhịp nhàng lên xuống.

Tiếng chày rộn một dãy các cối ven hồ. Chẳng mấy lúc, mặt dó đã toì, chày va vào thành đá. Tiếng tum tum vang qua mặt nước. Xóm Cung bên Tây Hồ nghe lại vẫn tưởng tiếng nhà chài gõ dồn cá quãng lưới chiều.

Đề Cụt cúi, bốc một nắm bột dó, khum ngón miết vào lòng bàn tay, nhìn kỹ.

Được rồi.

Anh chàng buông chày cuối cùng rồi bước ra hồ hóng làn gió thổi lên lưng ngực trần cho ráo mồ hôi, mặc chú bé lúi húi gọt nốt mấy dó rồi bốc cả mẻ vào đôi sọt đã đặt sẵn đấy để mai đem đãi ngoài cổng Đỗ cửa sông.

Nghĩa cứ nói đi nói lại:

- Trông tay anh giơ chày như ông Ác trên chùa cầm thanh long đao, ghê quá.

Đề Cụt cười:

- Rõ chú khen phò mã tốt áo. Nghề phải thế chứ không thì nuốt cơm thiên hạ thế nào được.

Rồi nhìn Nghĩa, Đề Cụt nói nghiêm chỉnh:

- Anh không thể ví được với chú. Chỉ móc ngón tay mà thằng Tây lăn đùng ra rồi.

Nghĩa ngược nhìn, Đề Cụt bỗng gặp cái đuôi mắt long lanh của Nghĩa.

Đề Cụt thở dài:

- Bao giờ chú mày mà đi hội tháng tư làng Hồ thì con gái cả vùng này phải chen chân chạy theo.

Ngẫm nghĩ, lại chép miệng nói:

- Mắt chú liếc sắc như nước còn mắt anh cứ tro tro như mắt chó giấy, rõ chán.

Nghĩa cúi mặt, cười mỉm.

Lát sau, Đề Cụt lại nói chuyện khác:

- Anh vẫn thuộc cách chú dạy bóp cổ, anh vẫn tập. Chưa có dịp thi thử thôi. Nhưng mà kể cũng khó. Anh có mỗi bàn tay.

Nghĩa nói đùa:

- Bao giờ hai anh em bắt được một thằng Tây. Em giữ cẳng nó cho anh một tay bóp cổ. Một tay anh giơ nổi cái chày giã dó nặng thế, nó phải chết thôi.

Đề Cụt cười ha hả, quay vào. Nhà ở của Đề Cụt cũng là túp lều cối ấy. Những lều khác thợ về, hết buổi làm, bỏ trống. Chỉ mỗi mình Đề Cụt ở lại chỗ chơ vợ này. Mái lều lá mía giắt lẫn lá sen khô, mỗi hôm có gió to lại phải lợp lại. Nhưng Đề Cụt bảo ở đây tiện cái ăn, có đám thuyền ngoài hồ đem cá lên, chẳng phải nhờ đi chợ bên.

Tối ấy, mua được con cá trắm to. Cứ thế, luộc cá, luộc hành, chấm muối ăn vã, không thối cơm. Đề Cụt tháo quả bầu lọ đựng rượu treo trên mái xuống. Tàn mùa sen từ lâu mà rượu rót ra hơi ngát như thoảng hương sen ngoài hồ đưa vào.

- Chú uống chơi với anh.

- Em kém rượu lắm. Anh đã biết rồi đấy.

- Chú này chán hơn cả đàn bà. Đàn bà con gái thuở giờ chè rượu chẳng chịu thua đàn ông đâu.

Nghĩa cãi:

- Kể ra em cũng uống được - Nghĩa hăng hái nói, nhưng em phải cái tội chưa nổi được một ngụm là người đã mần nổi đơn lên, ngứa mấy ngày chưa khỏi. Đành phải kiêng.

Đề Cụt cười:

- Là chú có máu nhiệt. Không sao, nước hồ Tây này mát tuyệt trần. Chốc nữa, uống rượu xong, chú cứ cời truồng ra, nhảy ùm xuống hồ bơi một lúc. Rôm nổi đến thành gai ốc cũng phải sạch.

Nếu ban ngày, hẳn đã thấy Nghĩa đỏ mặt. Bấy giờ Nghĩa nói khéo:

- Được, anh cứ uống cho em nhắm nháp theo. Em không để anh phải ngồi một mình đâu.

- Thế thì anh vui rồi.

Chỉ vài ngụm đã ngà ngà, Đề Cụt đã chẳng để ý Nghĩa có uống hay không.

Trăng lên một vùng bên kia góc hồ. Ánh trăng chảy xuống mặt nước như những dải thất lung lụa mỡ gà gió bay bay.

Đề Cụt bó gối, thần thờ:

- Lắm lúc nghĩ tao buồn lắm.

Nghĩa hỏi:

- Anh buồn vì ở đây một mình phải không?

- Không phải. Tao lang thang trên đời đến năm nay đã là hơn ba mươi năm, chừng này tuổi đầu tao có biết buồn bao giờ đâu.

Nghĩa trông ra hồ. Sao trên trời và bóng sao mặt nước lồng lẩn vào nhau. Nghĩa băng khuâng về câu nói của Đề Cụt. Nghĩa nghĩ ừ đời anh ấy thật là buồn, làm mình cũng buồn lây. Từ lúc ấy, Nghĩa cảm thấy tình cảm thân thiết êm đềm, không như vừa rồi cứ đôi lúc tự dưng trợn, chợt nhớ đêm hôm, nơi hoang vắng chỉ có mình mình với người đàn ông lạ.

Nghĩa mơ màng hỏi:

- Em nghe nói ở hồ Tây có chuyện con trâu vàng hay lắm, phải không anh?

- Tao cũng nghe kể thế. Ngày xưa, có người đến đây đúc được cái chuông đồng rồi đem đánh thử. Tiếng chuông vang tận đâu cũng nghe thấy. Trên phương bắc, có con nghé vàng lạc mẹ. Nghé nghe tiếng chuông, ngơ tiếng mẹ gọi. Thế là nó cứ theo tiếng chuông giống mà bôn về.

Đến đây nghe vàng chạy quanh tiếng chuông, giẫm nát cả cánh rừng lim, thành ra hồ Tây bây giờ. Sông Tô Lịch là vết thừng ở cổ con nghe vàng chạy buông xuống.

- Rồi mẹ nó có về không?

- Không.

- Thế bây giờ con nghe vàng đi đâu?

- Tao không biết.

- Chuyện buồn quá.

- Chuyện từ đời nào đời nào ấy rồi, tao nhớ lồm bồm kể lại, ai hơi đâu mà buồn. Tao chỉ buồn vì chuyện bây giờ.

Nghĩa im lặng, lòng rung rung, như đoán biết nỗi buồn của anh.

- Ví bằng không có việc gì, thì chú lấy cái Gái, có phải chú đã là anh em với tao rồi không.

Nghĩa nói lí nhí, Đề Cụt chỉ nghe loáng thoáng.

- Bây giờ em vẫn là em anh thôi.

Đề Cụt nói to:

- Rõ như chuyện! Anh nói ví như cái Gái mà nó còn sống.

Nghĩa trầm ngâm:

- Anh đừng buồn. Thuở giờ chúng em vẫn là em anh. Hôm nay mẹ bảo em ra tìm anh chỉ có việc này thôi. Đến tháng này giỗ bố em, giỗ anh em, anh nhớ về, đừng đi đâu.

- Tao nhớ chứ.

- Mẹ bảo anh nhớ về.

- Thế nào tao cũng về mà. Tao cũng có nhiều việc cần phải về.

- Việc a?

- Chú tưởng tao bây giờ chết gì ở góc hồ này mà thương nhớ cái Gái à. Không, ngày mỗi chồng chất những cái đau, có chết đến mấy đời cũng chưa hết, chết không được thì ngồi không thể nào. Tao vẫn có mối ra Đồn Thủy. Bây giờ ngoài ấy bên ta về còn đông hơn hồi tao ở. Tao thì tao không ra được nữa nhưng anh em nhấc về tìm người đưa vào làm cho Tây, làm giả vờ ấy mà...

- Em hiểu rồi.

- Mấy người cũng được. Nhưng chú có một mình là nhón trong nhà, đi lâu không ổn rồi. Các em nhà thím có đứa còn bé, có đứa xem ra cũng chỉ biết rúc nách vợ con, không làm nổi trò trống gì. Tao định về bàn với mẹ cho cái Ngát ra Đồn Thủy. Cái Ngát nó gan lắm. Cũng như cái Gái trước kia.

- Ấy chết! Cái Ngát đi sao nên. Nó con gái con đũa. Sợ mẹ không cho.

Đề Cụt cúi nhìn vào mặt Nghĩa, rồi cười, khoái chí:

- Ừ, lo mẹ không cho nó đi thôi. Chứ đã đi thì chẳng thiếu cách. Anh đã có cách... anh có cách...

Nghĩa đã lờ mờ đoán cách nào.

Đề Cụt cười khà khà:

- Cho nó mặc làm con trai... Nó giả con trai...

Đề Cụt thì thầm, giảng giải:

- Chú không biết, bây giờ con gái giả trai đi quốc sự nhiều lắm. Thời loạn thì phải thế mà. Chú

đi đường cứ ngấm kỹ người ta mà xem. Trông ai bây giờ cũng ngỡ, không biết có phải đàn ông hay đàn bà.

Nghĩa bấm bụng không dám cười, nhưng mặt đã nóng bừng. Trong bụng vừa hồi hộp vừa nghịch ngợm. Nghĩa nghĩ: này anh sắp nói... giả con giai như chú... như mày. Chợt hốt hoảng, Nghĩa nhìn thoáng lại Đề Cụt. Nhưng trời tối và thấy anh vẫn nói tự nhiên. Không, không phải anh ấy sắp nói thế. Nghĩa ngồi yên, khếp lại vạt áo, băng khuâng nhìn ra ánh trăng. Nghĩa bồi hồi nhớ Gái, như thương nhớ con người đã đầu gối má kề. Nghĩa nhớ lại lúc mới gặp ở Ba Cây Đề cho đến ngày Gái nhắm mắt trên lưng Nghĩa. Trong lòng vẫn nguyên vẹn ước mơ về một tình đôi lứa. Nghĩa rân rân nước mắt. Không phân biệt được là thương Gái hay cô Trại thương thân mình.

Đề Cụt lại nói:

- Một thân anh đi đâu chẳng tìm được cái ăn. Nhưng ngày đêm anh chỉ nghĩ sao rửa được thù cho bố, cho anh em. Cái thù Tây của nhà ta nặng lắm, em ạ.

Đề Cụt kể:

- Anh đến Bưởi, vì đất này làm giấy, làm cả giấy bọc ngòi pháo, ngòi pháo cũng là thuốc nổ ấy mà. Anh đã vào Bình Đà, vào Chuồn Che, những nơi có lái ra ngoài Kẻ Bưởi cất giấy ngòi pháo. Anh đã theo phường bóc dó Tuân Lộ từ Yên Lạc lên rừng Lâm Thao, Nghĩa Lộ tìm xem cái cây dó Lâm làm ngòi pháo nó thế nào. Thuốc pháo thì sẵn. Thuốc pháo cũng làm thuốc súng được. Biết được thổ thuốc pháo rồi chúng ta cũng là đã có thuốc súng, làm được súng, làm nhiều súng chẳng kém Tây. Anh tìm được thổ mua thuốc rồi, anh tìm được rồi.

Đề Cụt còn cắt nghĩa một lúc cho Nghĩa biết đem thuốc nhồi mồi súng rồi châm ngòi, bắn ra thế nào. Súng ngắn cũng được, đến nhồi súng thần công cũng được. Nghĩa ngồi im. Không biết vẫn nghe anh ấy nói hay đương mãi trông ra mặt hồ lênh láng ánh trăng, buồn quá.

Đề Cụt đứng dậy, bảo Nghĩa:

- Bây giờ chú cởi quần ra, xuống bơi một lúc rồi lên đi ngủ cho mát.

Nghĩa nhăn nhó, năn nỉ:

- Từ lúc uống rượu, em thấy gầy gầy sốt. Có lẽ hôm nay đi cả ngày, em bị cảm. Trời bây giờ lại hơi lạnh.

Đề Cụt hồn nhiên cười:

- Đến cái ao hồ Tây nhà anh mà chú không tắm thì thiệt quá. Nước hồ Tây mát lắm, rượu vào càng mát. Thôi để lần sau nhé.

Nghĩa mừng quá, quên cả câu nói run rẩy như người ốm vừa rồi.

- Vâng, lần sau, lần sau.

Đề Cụt đã cởi hết quần áo, tồng ngồng ra giữa sáng trăng. Đề Cụt giơ tay quăn lại búi tóc, nhảy xuống nước, gọn như con cá lặn. Thoáng đã thấy nhấp nhô ra xa. Chỉ một tay bơi mà nhanh thế. Lúc sau, lại thấy tự dưng nhô lên như con rùa ở ngay trước mặt. Đề Cụt khỏa nước bơi vào. Đề Cụt trèo lên bờ, lại đứng tồ hô như lúc nãy. Như không biết Nghĩa.

Nhưng Nghĩa đã quay mặt trông sang phía xóm Cung bên Tây Hồ lúc ấy hãy còn lác đác đỏ đèn. Đề Cụt nghiêng đầu quay tóc mấy cái, rồi thông thả đóng cái khố một.

Bấy giờ mới nhớ có Nghĩa ngồi đấy.

Đề Cụt cười:

- Chỉ có cánh đàn ông chúng mình với nhau mới tự nhiên thế này được. Khuya rồi, chú ngủ đi.

Lại nói:

- Ở đây chỗ nào cũng là giường. Nằm ngoài này càng mát.

Nói rồi, Đề Cụt ngồi xuống, kéo đùi Nghĩa gối đầu, nằm kênh ngay ra. Một lát, ngáy pho pho.

Nghĩa bối rối thật lạ lùng. Lùm tre ban đêm tối om trên bờ hồ. Ánh trăng sáng lấp lánh, bóng sao hay đom đóm, không biết. Làn gió mát cứ hây hây. Có lúc lặng yên. Có lúc thăm thì. Phía đình Vồng, chợt rộn lại tiếng cú rúc. Nghĩa nhớ ngày trước còn bé ở nhà, trẻ con nghe cú kêu, đương ngồi tử tế cũng vội rút chân lên phản, sợ sệt nhìn quanh. Đêm nay, tiếng cú lại nghe ra như tiếng ai đương cười. Cười trêu mình hay là ai đương cười mình.

Anh ấy ngủ đã lâu hay vừa mới ngủ. Bây giờ còn sớm hay khuya rồi. Nguồn cơn bối rối quá. Đầu Đề Cụt nặng, Nghĩa không duỗi được chân. Một bên chân, bên sườn dần dần dại đi. Nhưng Nghĩa vẫn ngồi yên, để Đề Cụt nằm gối như thế không rút chân ra. Nghĩa ngồi yên. Nghĩa tựa lưng vào cái chày giã dó, cao như cột nhà sừng sững sau lưng.

Một ông sao đổi ngôi, rơi xuống lòng hồ. Đêm càng sâu, càng nghĩ ngợi xôn xao. Không biết như thế nào. Nước mắt tự nhiên từng lúc cứ giàn giụa, nóng hổi hai bên gò má, Nghĩa ngồi như thế không biết bao lâu rồi lại nhắc Đề Cụt để gối đầu sang bắp chân bên này. Người vẫn ngủ ngon lành, không cựa, như giấc ngủ đứa trẻ.

Chân trời và mặt nước dần dần rạng. Hơi sương hơi nước mặt hồ bốc lên, đã ẩm nặng hai vai áo. Những vì sao lặng lẽ nhạt dần, có lẽ đêm sắp qua rồi. Thế mà tuyệt nhiên Nghĩa không buồn ngủ. Có lúc Đề Cụt trở mình nằm nghiêng, Nghĩa run rẩy đặt bàn tay lên trán. Trán anh ấy mát rượi. Nghĩa muốn khóc lên thành tiếng. Không hiểu vì hồi hộp hay vì buồn quá.

Nghĩa để nguyên bàn tay trên trán anh ấy như thế một lúc lâu, trong khi mặt hồ đã sang sáng. Nghĩa bồi hồi chẳng muốn trời sáng. Nghĩa vẫn ngồi như thế.

Tiếng gà trong làng Vồng và phía xóm Đông Lân làng Hồ hai bên đã gáy dồn. Những cơn vạc một mình đi ăn đêm ngoài hồ về qua trên mặt nước sương loăng trắng kêu tiếng rì rào rạc ngang trên đầu.

Đề Cụt chột thức, ngáp ối một tiếng rõ to. Tay nắm chặt bàn tay Nghĩa, Đề Cụt nhóm phất dậy. Nghĩa giật thót mình.

Bỗng Đề Cụt cười hề hề, lại nằm xuống, vít bắp chân Nghĩa, muốn gối ngủ giấc nữa. Nghĩa chưa tan cơn hoảng hốt thì Đề Cụt lại nắm tay Nghĩa, mắt vẫn nhắm, nằm nói giọng ngái ngủ:

- Tao tưởng đứa nào định bóp cổ tao.

- Con vạc kêu làm anh thức à?

- Ừ, vào quãng này đêm nào ở đây cũng có con vạc bay qua kêu. Mà cũng từ giờ tới sáng, tao không ngủ được. Một lúc nữa thì nghe tiếng chuông chùa Thiên Niên đằng Quán La.

- Anh nói thế em lại nhớ anh kể chuyện con ghé đi tìm mẹ. Bây giờ còn nghe tiếng chuông ấy không?

- Đây là chuyện cổ tích xưa thôi.

Đề Cụt ngẩng mặt nhìn giàn sao trên trời chỉ còn loăng li ti. Có một mình ngôi sao mai mới mọc, đứng chênh vênh lóng lánh trên mép nước ngay trước mặt.

Đề Cụt hỏi:

- Tối hôm qua mày có ngủ được không?

Nghĩa cười không trả lời. Đề Cụt vẫn nắm tay Nghĩa.

- Quái, cái tay mày mềm như tay con gái. Cái bẹn mày ấm quá.

Nghĩa vẫn khúc khích cười.

- Thật đấy, tay mày mềm thế này. Xem tay kia thế nào nào.

Nghĩa đưa bàn tay kia cho Đề Cụt và nói:

- Anh nhớ em đã bóp cổ chết hai thằng Tây ở Đồn Thủy đấy.

- Tao quên thế nào được!

- Đấy!

- Ừ, tay mày mềm như cái lát, cái lát mềm nhưng cái lát thít vào thì có mà giời gỡ ra. Anh biết tài chú rồi. Đêm qua anh ngủ, mà chú bóp cổ anh thì anh chết rồi nhỉ.

- Chỉ nói đại!

- Chú giỏi lắm, chú Nghĩa ạ.

Đề Cụt nắm bàn tay Nghĩa, ngồi dậy, thiết tha:

- Chú ạ, bàn tay này của chú có thể vấy thiên hạ đến đầy cửa được. Đừng để lỡ thời vận. Anh sẽ đi tìm người. Anh sẽ theo chú dựng cờ. Anh đã nghĩ thế từ lâu. Xuất Nghĩa con ông Xuất Vần làng Nha có kém cạnh ai. Không, không, nhất quyết chú làm nổi việc ấy...

- Anh Đề, anh...

Đề Cụt càng hào hứng:

- Xuất Nghĩa! Anh xin theo hầu chú, anh xin cầm tay thước đi hầu chú trước hàng quân.

Khoái chí, Đề Cụt cười to rồi lại nằm xuống vợ gối Nghĩa, kê đầu lên, tay vẫn quơ lên bóp hai bàn tay Nghĩa. Cái đầu Đề Cụt xoa tóc ra nẩy rung cả người Nghĩa. Nghĩa rùng mình. Nhưng Nghĩa trấn tĩnh được ngay.

Đề Cụt lặng im một lát. Rồi lại nói thầm thì. Tính Đề Cụt vẫn thế, cứ đương vui, tự dưng lại buồn lặng hẩn đi.

- Đòi tao toàn những mối thù, ngày càng nhiều...

Im lặng.

- Chú Nghĩa, chú Xuất Nghĩa, chú có biết sự tích anh mất bàn tay này...

Nghĩa cúi xuống. Tay Nghĩa nắm đốt xương lưng giữa khuỷu tay Đề Cụt.

Đề Cụt âm thầm nói:

- Không bao giờ tôi nhắc đến chuyện ấy. Không bao giờ tôi kể với ai những chuyện ấy. Đôi khi, tôi đếm: thế là thù cha đã trả được một lần, nhưng bao giờ thì cái bàn tay cha mẹ cho mình, mình mới trả được...

"Nghĩa ơi! Anh nói cho em biết, trong cái trận bên ta giết được thằng Ngạc Nhe, trận ấy, ông Xuất và cả bố anh cùng bị đạn. Lúc ấy, tao với thằng Vần xông lại. Chỉ có ông Xuất còn thoi thóp. Ông Xuất xua tay ra hiệu đuổi: chúng mày chạy đi, chúng mày phải sống mà báo thù cho chúng tao. Đạn vẫn bắn tới rào rào. Tay trái này của tao bỗng thấy lúng lẳng, như không phải tay tao nữa. Thằng Vần công tao xuống cánh đồng, núp trong gốc cây đa. Cái tay tao thế là phải đạn gãy rồi. Tao bảo Vần: 'Đằng nào tao cũng hỏng tay này, mày chặt nó đi cho tao khỏi vướng'. Nó ngần ngừ. Tao lại giục: 'Mày chặt đi'. Thằng Vần kê cái tay gãy của tao vào gốc đa rồi giơ mã tấu chặt một nhát. Rồi nó xé áo, buộc chặt lại. Máu tao vẫn phun ra, nó lấy bẫy buộc, vừa buộc vừa khóc. Rồi nó bảo tao: 'Bây giờ anh nắm đây, tôi quay lại đem hai ông về'. Tao gàn nó đừng đi. Nhưng tao lả vào gốc cây, không còn đủ sức nói nữa. Tao trông thấy nó xách mã tấu, lại qua cánh đồng. Đến nửa đêm, cũng không thấy nó trở lại, rồi tao ngất đi. Sáng sớm, người của ta đi tìm anh em, công tao về. Mới biết thằng Vần phải đạn chết ngoài Cổng Vị rồi".

Cánh tay Đề Cụt, chỗ ấy chỉ còn thâm lấy miếng sẹo sót lại. Nước mắt Nghĩa đầm đìa ướt bàn tay Đề Cụt.

Đề Cụt đưa bàn tay ướt nước mắt Nghĩa vuốt lên mặt Nghĩa rồi cười to:

- Ông Xuất Nghĩa không được khóc!

Nghĩa úp mặt trong bàn tay Đề Cụt, vẫn nức nở.

Đề Cụt nói nhỏ:

- Nghĩa ơi, chú nín đi. Chú là Xuất Nghĩa. Bây giờ chú là ông Xuất Nghĩa. Anh em ta phải trả thù nhà...

Chuông chùa Thiên Niên bên kia hồ gióng tiếng, những tiếng dằng tiếng trầm, lừng lờ trong thình không.

Đề Cụt nói:

- Thế là tan canh rồi. Chú nghe mà xem...

Đề Cụt kể cho Nghĩa biết mỗi hôm đến lúc chuông chùa gióng sáng thế này, mười hai phường quanh hồ Tây từng nơi thức dậy một khác. Phía Quảng Bá, Nhật Chiêu bắt đầu tiếng chài ra hồ gõ dồn cá để quăng lưới. Đằng Hồ Khẩu, Yên Thái, tiếng chày tay giã dó i uôm... Quãng mù sương ở giữa là vùng Kê Cáo trồng cam trồng cà, làm liềm seo, có đèn sóc thờ vọng ông Gióng. Người Sở Quán La lội hồ, bắt cua, soi đơm cá, đuốc đóm lập lòe từ gà gáy. Các làng Sài, Bái, Nghĩa Đô canh củi, tiếng nghe lĩnh trên mặt đá kê bờ ao vang đến tận đây, sáng ra còn thanh vắng, nghe rõ mồn một.

Đề Cụt chột nhớ, sừng sốt hỏi Nghĩa:

- Giời ơi, hình như anh nằm gối đầu vào đùi chú cả đêm thế này, chú ngủ làm sao, ngủ ngời à?

Nghĩa cúi mặt, mỉm cười. Nhưng trời còn tối đất, không trông thấy Nghĩa mặt đỏ tía tai. Vả lại, Đề Cụt đã ngồi dậy, cũng chẳng thấy nụ cười ngượng nghịu của Nghĩa.

Đề Cụt về nhà bà Xuất - như đã nhả vớ Nghĩa. Cái gì chứ lo đánh Tây thì bao giờ cũng sốt sắng, khác nào việc làm ăn sinh sống, vẫn thế.

Nhưng Nghĩa dùng dằng chưa dám nói với mẹ việc Đề Cụt đương tìm người của ta ra Đồn Thủy, giả người làm trong đồn, mà Đề Cụt muốn xin cho cái Ngát đi.

Mãi gần đến hôm giỗ, Nghĩa mới nói.

Bà Xuất lau nước mắt, thù người một lát.

Không ngờ, bà Xuất nói:

- Được, cho nó đi. Cho mấy đứa đi cũng được. Rồi tao bảo với thằng Đề Cụt. Kể ra con cháu nhà này cũng có đứa đàn độn, nhưng không phải chúng nó hèn cả đâu.

Trước kia bà Xuất chỉ như cái bóng ông Xuất. Đối với bà, việc nước việc nhà lẫn lộn trong mọi lo toan gánh vác âm thầm của bà. Cả Đề Cụt cũng không tưởng được bà Xuất bây giờ lại sốt sắng và cương quyết được đến thế.

Ít hôm sau, Nghĩa đưa Ngát và hai em trai con nhà thím ra Bưởi. Ngát mặc giả trai. Cả đám thành bốn chàng trai trẻ. Ngát đi như ra Kê Chợ bán lĩnh ở Hàng Đào. Ngát không nghĩ ngợi mà thấy được đi với Nghĩa có phần Ngát lại vui hơn. Ban ngày, không tiện cả bốn người trai tráng thông dong qua các làng. Thời buổi nhốn nháo, ngại người ta đổ là quân dật dật, quân cướp đường. Lại sợ gặp lính nổ sinh nghi, Nghĩa đưa cả bọn đi tắt qua các cánh đồng. Chập tối mới ra đến chợ Bưởi. Cũng không nghỉ trọ, lại vội vã lên cổng Đồn, vào dãy lều giã dó ở chân tre cuối làng trông ra hồ Tây.

Đề Cụt reo lên:

- Năm anh em ta cứ thế này vào đánh Đồn Thủy cũng được rồi. Nhưng khoan khoan, hãy ngơi một cái đã chứ.

Đề Cụt đến bụi tre, kéo ra một thuyền thúng con vẫn buộc giấu trong ấy. Hồ đương cả sóng, nước đánh tung vào tận chân cối. Một tay Đề Cụt chèo vẩy như con cá một vẩy, thoát cái, chiếc

thúng đã biến mất giữa làn sóng hồ đập tối. Không biết vào Vồng lấy rượu hay sang xóm Cung mua cá.

Một lát, cái thúng đã trở lại như từ trong nước đâm ra. Ở vành khoang thuyền nhảy đành đạc mấy con cá trắm. Một cái bong bóng trâu đen xin đựng rượu buộc ở mũi thúng.

- Các chú đến, anh phải mừng đã. Còn chỗ ngủ không lo. Hời này rét, không mấy cối giã đêm. Ăn xong, đĩa nào chui vào lều nào nằm cũng được. Hàng trăm con người trú chân ở đây, cũng không ai biết đâu. Gió hồ thoáng bốn phía, con chó cũng chẳng biết hơi người đằng nào mà cắn. Tao đã ngắm sẵn chỗ này. Khi nào vào đánh Đồn Thủy ta nghỉ quân ở đây rồi lại đi, chỉ khoảng trống canh đã vào tới.

Đề Cụt nhìn Ngát đương loay hoay nín cái thúng, xách lên từng con cá trắm to bằng bắp chân.

- Con gái bao giờ cũng hay làm hơn những thằng ngay lưng này.

Ngát ngoảnh lên, cãi:

- Anh nhầm rồi.

Đề Cụt cười hô hố:

- À quên, tao nhầm. Anh Ngát, thằng cu Ngát. Cái Ngát mặc đàn ông thế mà xinh trai!

Câu chuyện gái giả trai, đàn bà mặc đàn ông ở thời buổi loạn lạc hầu như người ta cho là thường quá. Có thể, chỉ muốn đi đường được ngay thẳng, đã phải trí trá như vậy - cho tiện mọi nể.

Ngát nguẩy người nhìn Nghĩa lúc ấy đương đến đỡ Ngát kéo mép thuyền thúng neo hẳn lại để Ngát bắt nốt cá.

Nghĩa đùa tự nhiên:

- Ví bằng tớ là đàn bà tớ cũng mê cái Ngát thôi.

Ngát đỏ hây mặt, nói chín lừ:

- Anh mê em thật à?

Thế là Nghĩa lại tịt mịt. Nói đùa thế là vì Nghĩa thương Ngát. Ngát biết phải xa nhà, biết mình đi việc khó khăn, nhưng Ngát cứ thanh thoi như chẳng có gì. Rồi những ngày tới đây, Ngát xoay xỏa đối phó thế nào ngoài ấy? Ngát chưa hề đi đâu xa, mà lại sắp xông pha vào nguy hiểm, biết thế nào. Mẹ bảo con thế, tùy con, đi hay ở nhà cũng được. Ngát đã nói: thế thì để con ra Đồn Thủy. Ngát cười, bảo mẹ: con ra ngoài ấy để dò la tin tức cho anh em. Con làm được việc ấy.

Những câu chuyện kinh thiên động địa, bao nhiêu gian nan, thế mà vào lúc loạn ly, làm thân con gái cũng chẳng biết phân biệt, đường nghìn dặm chỉ thấy như ngoài cửa. Trại đấy, ngắm từ ngày Trại xuống đây, rồi cũng như ở nhà, mọi công ăn việc làm. Bây giờ Ngát đi... Ngát quả quyết: Con làm được.

Bà Xuất cười, chửi yêu: Mẹ mày! Ăn mặc con trai mày cũng tự nhiên như thế thì tao bắt mày mặc con trai luôn. Nhà này từ giờ có hai thằng con trai. Ngát nói: Mẹ chẳng bắt con mặc con trai con cũng mặc. Làm đàn bà thời loạn thiệt lắm.

Ngát đi bây giờ, Nghĩa thầm thương. Trong nhà bấy lâu, các thứ lo liệu, việc nước cũng như canh củi, mới bề Ngát đều làm bằng mọi người. Có điều Nghĩa biết tính trẻ con của Ngát và Nghĩa biết mà càng cảm thương nỗi lòng sâu kín của Ngát lúc này.

Ngát bỗng bột chưa biết lo ngày mai ngày kia đâu. Có khi, không biết chừng - Nghĩa đoán, Ngát đương hí hửng chỉ vì bây giờ được cả ngày đi với Nghĩa. Mà thật như thế.

Nhưng một lúc, Ngát sụt sịt khóc rồi ngẩn ngơ hỏi Nghĩa:

- Hôm nào em vào Đồn Thủy? Em vào một mình a?

Nghĩa chỉ nói:

- Còn ở đây đợi.
- Em sắp vào Đồn Thủy rồi.
- Nhiều khó khăn lắm đấy, em phải biết liệu.
- Em chỉ lo không biết hôm nào mới lại được về.

Một lát, Ngát nói như trả lời cho mình:

- Đi lâu quá thì em phải trốn về thôi, anh Nghĩa ạ.

Thế là hai đứa cùng cười. Bởi Nghĩa cùng đương nghĩ trẻ con như Ngát. Quên phứt cả nỗi lo.

Ăn uống xong đã lâu, Đề Cụt lại khề khà nói chuyện cổ tích hồ Tây. Chuyện hồ Tây kể biết mấy năm mới hết. Đề Cụt tính vui, lại có tính tự hào đến đâu cũng thấy ta được tới chỗ nhất thiên hạ, không đâu hơn. Nhưng mai qua nơi khác lại thấy đầy nhiều cái hay, lại thấy hay hơn. Ba Cây Đề, Đồn Thủy, bây giờ cổng Đồn hồ Tây được vô khối chuyện lý thú muốn kể.

Trời sương mù mịt không trăng sao, không đóm lửa chài, lửa bếp nào còn vương vất. Gió kéo ket đánh đu trên lũy tre. Tiếng sóng uồm oồm đuổi nhau xô vào bờ, canh khuya càng mù mịt như muốn đẩy những ngọn nước sắp tràn cả lên đây. Miên man có thể, buồn đứt ruột. Vậy mà ngồi thăm trong bóng tối, chuyện anh Đề Cụt nở như ngô rang. Chốc chốc, cả bọn lại rộ lên cười.

Tao ấy a? Ở chỗ này tao là chúa hồ Tây. Ban ngày tao ngồi đây trông sang được khắp Kẻ Chợ. Tao là chúa Kẻ Chợ. Bao giờ đuổi được Tây đi, tao trông nom cai quản Kẻ Chợ chứ ai biết Kẻ Chợ hơn tao. Nhưng cái ấy chưa hay. Biết không, suốt dải bờ này, chỗ nào tao cũng tìm được các thức nhắm. Chú mày chưa biết, rượu sen Vồng Thị hơn cái rượu Sấu Giá nhiều.

Còn cá thì đến bao giờ anh em mình chén cho tiết được cá hồ Tây! Lần nào các chú đến đây vào mùa hè, ổi chao, hoa sen hồ Tây đưa lên ngào ngạt, đêm ngủ không muốn dậy. Ngủ trong hoa sen, say hơi sen, thế mới là say. Cái giống sen đêm mới ngát làm sao. Tắm hồ lên mùi sen vẫn mát khắp người. Nhưng sen mùa nắng cũng chưa bằng cái thú những cái ăn được bây giờ. Đêm nay trời quang, sáng mai có sương mù, thế nào đám sâm cầm cũng về nhiều. Con sâm cầm to bằng con vịt, đen như quạ, thịt nó bổ hơn nhân sâm. Ăn một con sâm cầm đủ sức vật một Tây. Cứ chén một con lại tăng sức đánh một Tây, chén mãi được. Giống chim ấy sao mà bổ thế. Mai đám nhà chài Nghi Tàm đánh lưới được sâm cầm, thế nào cũng mang cho tao, chúng mày ăn thử xem.

Đề Cụt kể lan man, say sưa. Về khuya, đã nhạt. Chuyện Đề Cụt lại đến sự tích khác.

- Các chú chưa biết chùa Nghi Tàm đằng kia ngày xưa có bà sư tên là Quỳnh Hoa, thuở trẻ bà Quỳnh Hoa đã có phen búi tóc ngược, giả trai cầm quân đi đánh giặc.

Nghĩa tủm tỉm cười trong bóng tối.

Ngát hỏi:

- Bà ấy là sư à?
- Khi bà còn trẻ bà đã giả trai cùng chồng đi đánh giặc.

Ngát nắm tay Nghĩa, ghé tai nói:

- Đấy, như em bây giờ.

- Ừ cô cũng giả trai đi đánh giặc như bà Quỳnh Hoa, chỉ khác con gái bây giờ chưa cần lấy chồng đâu.

Ngát cứ nắm chặt tay Nghĩa, không buông.

Ngát nói:

- Mà em chỉ đi đánh giặt, em không đi tu đâu. Hôm nào anh đưa em lên chùa Nghi Tàm xem bà sư ấy mới được.

- Đây là chuyện ngày xưa.

Nghe các chuyện anh Đề Cụt kể, ai cũng mê. Nhưng dần dần rồi có cậu ngáy khò khò trên mảnh chiếu buồn ngay đấy. Trời lạnh, nằm chui rúc, co quắp nhau thế nào cũng được.

Đề Cụt vỗ vai Ngát:

- Nằm đây mà ngủ. Bây giờ mày cũng hóa ra con trai như chúng nó rồi, chẳng sợ gì.

Ngát đẩy ra nói:

- Không, không thể được.

- Anh nói đùa thôi. Chú sang nằm lều bên.

Nghĩa nói:

- Có cái mền trong tay nải, em lấy đắp tạm.

- Tối quá, chẳng biết lều ở lối nào.

- Chú Nghĩa thối bụi nhùi lên, đưa em sang rồi về đây uống rượu với anh. Trời xuống sương thế này, anh em mình uống suốt sáng đợi phường chài Nghi Tàm đem sâm cầm đến.

Nghĩa lấy cái mền nâu ra đưa cho Ngát. Vừa tới cửa lều, gió dưới hồ thốc lên, Ngát bấu Nghĩa: “Ồi giờ, gió to quá”. Nghĩa huơ bụi nhùi rơm cho lửa bùng lên rồi sờ soạng tìm đĩa đèn. Chẳng thấy gì, chỉ có ổ rơm xơ xác lỏng chỏng cạnh cối đá.

- Em nằm đây. Khuya rồi, em chợp đi một tí.

- Anh ngồi xuống em bảo.

Không đợi Nghĩa ngồi, Ngát vúi vai Nghĩa xuống.

Ngát lúng túng:

- Anh... anh...

Nghĩa rợn người như cảm thấy một điềm gì xấu. Cái đêm Đồn Thủy công Gái về, lúc sắp chết, Gái hấp hối hỏi trên vai Nghĩa. Anh... anh...

Ngát nói:

- Anh, anh bảo thế nào?

Rồi Ngát sờ tay vào mặt Nghĩa.

- Sao anh khóc, anh Nghĩa?

Nghĩa vẫn im.

- Anh khóc thế là anh không thương em, phải không?

- Anh thương em lắm.

- Anh thương em thế rồi mai kia em về em bảo mẹ cho em lấy anh, anh có bằng lòng không?

- Thuở giờ công việc còn nhiều, đừng nói chuyện ấy vội.

- Nhưng anh phải hẹn trước với em.

Nghĩa im. Hay là Nghĩa có trả lời Ngát mà tiếng sóng hồ dữ quá, át cả tiếng người.

Ngát bảo Nghĩa:

- Anh không nói thì mai em không đi Đồn Thủy nữa.

- Ừ, anh hẹn.

- Người ta phải dọa rồi mới hẹn. Thế là chưa thật bụng rồi.

Giữa lúc ấy, Đề Cụt gọi to:

- Ới chú Nghĩa!

Nghĩa cầm tay Ngát, nói: “Đấy, đừng để anh ấy gọi, không tiện” rồi Nghĩa bước ra. Ngát còn thấy như hơi người nóng hổi, Ngát nhắm mắt lại.

Trưa hôm sau, có một người từ cổng Đỗ đi vào dãy lều cối. Không phải dáng tất tả các bác thợ già bìa thấp thoáng dưới rặng tre mọi khi. Người lạ ấy mặc áo the dài, đội nón chóp dứa. Đứng trong này đã trông được vẻ nền nếp, không phải người đi việc quan hàng xã hàng tổng, mà đây hẳn cũng là chân phong lưu.

Đề Cụt nhìn ra, rồi nói:

- Bác Bếp đến.

Ngát ngơ ngác hỏi bác nào.

- Bác Bếp về đón các chú.

Ngát phụng phịu.

- Bác ấy ở đâu mà đến sớm thế?

Đề Cụt cười gắt:

- Rõ chuyện! Việc vua việc nước phải có buổi, không rề rà được.

Cũng lạ, cái bác Bếp thế mà rồi cũng ra người chí thiết với Đề Cụt. Lúc đầu vì mở quán cơm ngoài Đồn Thủy mà biết bác Bếp. Việc hội nghĩa không phải mỗi người chấp mà mỗi hóng. Tự nhiên hợp với Đề Cụt thường nghĩ cái gì cũng chỉ có thuận lợi. Đề Cụt tưởng như trong thiên hạ bây giờ không hỏi thì thôi, hỏi đến, chắc ai cũng có bụng đánh Tây. Khi biết tâm sự bác Bếp, Đề Cụt cũng nghĩ thế. Thì ra những kẻ ăn người ở quanh Tây lại ghét Tây. Thế rồi, tưởng như khách qua đường mà thành thân tình. Nhưng, bác làm nghề nấu bếp, thì gọi là bác Bếp, hay là bác Bếp Chính cũng chẳng rõ tên thật là gì, mà cũng chẳng cần biết.

Lần ấy, bác Bếp ghé vào hàng:

- Này anh Đề Cụt có lấy căng gà tở để cho.

Đề Cụt ngẩng người. Không phải khách thường đến mà sao biết tên mình ở nơi khác. Bèn hỏi lại:

- Trông bác không phải cánh thợ ngỗa...

Bác Bếp cười to:

- Vậy mà tở đã biết quán Đề Cụt từ khi còn ở trên bến Cốc.

Thế là từ đấy thành chỗ đi lại.

Có khi, bác Bếp nói:

- Làm cho Tây mà lại thù Tây, nổi này thì ít người hiểu.

Đề Cụt nói:

- Em hiểu rồi.

- Nhưng có cái chú chưa biết hết.

- Điều gì ạ?

- Anh có cái thú nhất trên đời.

- Làm bếp cho Tây, miếng nào ngon mình được xơi trước nó.

Hai người cười to.

- Mình ho khạc đờm vào chảo, nó cũng phải chén tất.

Hai người lại cười khớ khớ.

Tính bác Bếp kín. Bác nói gì, biết thế. Không muốn nói, hỏi cũng chẳng cạy được răng. Đề Cụt giữ ý, cũng chưa khi nào tò mò sự tình quê quán bác Bếp ở đâu.

Bác Bếp đã vào tới đầu lều. Bác ngả nón chóp, mới thấy cái nón của bác đã thâm lá, xơ xác, long mất cả khua nón.

Bác Bếp hỏi ngay:

- Cả bốn cậu này cùng ra Đồn Thủy?

Đề Cụt nói:

- Có ba chú, bác ạ.

- May quá, thế là tốt rồi.

Đề Cụt trả Nghĩa:

- Đây là chú Xuất Nghĩa.

Bác Bếp đã gặp Nghĩa từ hôm về ăn cỗ làm ma khô ông Xuất. Bác Bếp chạy đến, nắm chặt cánh tay Nghĩa, nhìn dõng vào tận mặt Nghĩa, lạ lùng như chưa quen bao giờ.

- Trời ơi!... Xuất Nghĩa... Ông ả như con gái thế này thì đến bố Tây có gặp cũng chịu không biết được. Thế mà tiếng tăm chú bây giờ Tây trong Đồn Thủy biết hết, sợ mất vía đấy.

Đề Cụt chắc lưỡi.

- Chắc lại bọn chó săn đem tin về...

- Đích rồi. Thằng Tây có mắt cũng như thông manh, phải có giống phạm nhan ăn máu tháng đàn bà, nó mới biết được đường đi lối lại. Nhưng mà cái tiếng Xuất Nghĩa bây giờ ghê lắm ở Đồn Thủy. Cứ một đồn mười, nó bảo từ trước tới nay hơn chục thằng Tây mất tích quanh Đồn Thủy đều một tay ông Xuất Nghĩa bóp chết cả. Xuất Nghĩa chỉ có một bàn tay mà bóp cổ một cái chết tươi. Xuất Nghĩa có phép tàng hình, vào tận giữa Đồn Thủy, thằng Tây có ống dòm dài bằng cái điều cày, lúc nào cũng đeo lưng lẳng bên hông dít mà cũng không trông thấy. Xuất Nghĩa đi trên mái nhà như người ta đi dưới đất.

Thế là thần hồn nát thần tính, từ ngày hội khánh thành Đồn Thủy có thằng Tây bị bóp cổ chết ấy, cứ chập tối chúng nó đã cấm trại, bố bảo cũng không dám ra cổng. Sợ vía Xuất Nghĩa. Thế mà ông Xuất Nghĩa đây, hiền lành thế này, ối giời ôi, ông Xuất Nghĩa đây à?

Đề Cụt nói:

- Chú nó đã gặp bác hôm ở nhà rồi mà.

Bác Bếp kéo Nghĩa cũng ngồi, miệng nói: biết rồi, và lại chăm chú nhìn Nghĩa.

Đề Cụt ra bảo bọn Ngát vớt cái giỏ vẫn bỏ dưới rệ hồ lên, bắt nướng mấy con cá chuối.

Bác Bếp đã cởi áo the thâm, gấp cẩn thận lại rồi thông thả kể:

- Dưới ấy bây giờ thật lắm việc. Nó mới đem nhiều lính đạo ngoài Nhà Chung vào làm lính hầu. Nghe xì xào, có quan Năm ở Sài Gòn sắp đưa tàu to chở lính ra hỏi tội cụ Hoàng[18] cứng cổ. Nó mà cho ra đến quan Năm là to lắm. Ngày trước thằng Ngạc Nhe chết trận cũng chỉ mới đóng lon quan ba. Chúng nó bảo quan Năm chuyển này mà ra vật được cụ Hoàng xuống, lấy xong Kể Chợ rồi lấy nốt đất nước mình.

Cả bác Bếp và Đề Cụt cùng lặng im. Bác Bếp quơ tay, nhắc điều cày rít một hơi rồi thông thả lắc

đầu.

- Cũng chưa biết thế nào. Cụ Hoàng quả quyết lắm. Nhưng mà một mình cụ Hoàng chắc đâu đã ăn thua.

Đề Cụt hỏi bác Bếp:

- Anh em hồi này thế nào?

Bác Bếp cười nhếch mép:

- Nghề đời vẫn thế, nó càng mệt lắm người hầu, lắm lính tráng, ta càng nhiều người lọt được vào.

Anh em ta đông, không khó như hồi chú còn ở. Ngoài ấy bây giờ, chỉ còn thiếu mở chợ. Bọn các chú mà xuống thì lẫn lộn ngay.

- Hay là bác cho em lại ra mở hàng?

- Nó đương rình ông Xuất Nghĩa tay cụt, chú ra nộp mình à. Chỉ có ông Xuất Nghĩa thật bây giờ mà xuống mới là bất ngờ.

Bác Bếp đứng dậy, lại mở cái áo the vừa gấp.

- Công việc như lửa, tôi phải đi.

- Thì hẵng đánh chén cái đã.

Bác Bếp cười:

- Nói vậy chứ đến hồ Tây mà chưa ăn cá thì đi thế nào!

Xế trưa, bác Bếp và ba anh em Ngát mới rục rịch đi.

Bác Bếp bảo Nghĩa:

- Anh em ta rồi còn nhiều việc với nhau.

Ngát nắm tay Nghĩa. Bấy giờ mới bịn rịn, rồi khóc.

- Anh nhớ chứ?

Chẳng biết nói thế nào, Nghĩa nói: Nhớ!

Một chốc, mọi người đã khuất vào lũy tre đầu làng Thụy. Ít lâu sau, một buổi sáng, nghe những tiếng nổ ì ầm vang rền phía Kê Chợ. Rồi, bên này hồ Tây trông sang, thấy khói cháy nhà bốc đen cuồn cuộn. Đến trưa, những người quảy dầu ra bán chợ Hàng Bè đã lộng thông, nháo nhác quay gánh chạy về. Nói Tây ở Đồn Thủy vào hạ thành rồi, cụ Hoàng chết rồi.

Cả mấy ngày, người các phường chạy ra rả tai rả rác những chuyện hốt hoảng chấp nối. Các quan ta chạy tán loạn cả, cụ Hoàng thất cổ, Tây đã lên chiếm cả bốn cửa thành.

Thì ra quân Tây đã tính từ trước việc đánh thành. Đến lúc quan Năm ra, nó đem thêm lính thủy Tây, lính khổ đỏ và đại bác vào Hải Phòng rồi lên Hà Nội, thế là đánh luôn. Nó cũng vờ đặt chuyện thư từ đi lại để các quan ta càng chẳng ngờ. Sáng sớm, giữa lúc quan án Bá[19] trèo cửa thành ra đưa thư cụ Hoàng trả lời, Tây bắn luôn vào thành. Quan án Bá sợ cong đuôi trốn thẳng vào Mộc, không dám quay lại. Đốc Trinh[20] hốt hoảng, cũng bỏ cửa Đông. Lãnh Trực[21] núng thế, rút sang cửa Tây. Lão Tường[22] giữ cửa Nam, cho quân bắn nháo nhác mấy phát rồi lẫn đi đâu không biết.

Phía cửa Bắc, cụ Hoàng cười voi ra thúc trận với phó Phong[23], còn giữ được tới nửa buổi. Lính Tây bắc thang trèo lên trên mặt thành, đôi bên đánh nhau giáp lá cà. Bốn phía, các kho thuốc súng, kho gạo, kho tiền bốc cháy, lửa đỏ trời. Tây tràn khắp nơi rồi.

Cụ Hoàng lui vào thành nội, bảo quản tượng giữ voi đứng đợi rồi cụ một mình đến trước cửa Võ Miếu, cụ cỡi cái thắt lưng hoa lý ra, treo cổ lên chết trên cây đại. Ai cũng đồn thế, mà chẳng ai trông thấy.

Làng nào làng nấy lại táo tác gồng quảy chạy loạn. Nhiều người quen mui cái ngày mười năm trước, vào thành hội cửa. Ngày nào cũng lũ lượt khuôn ra các thứ lấy được ở các nhà quan và các nhà giàu bỏ của chạy lấy người.

LẠI ĐÃ SANG THÁNG NĂM.

Nước sông Cái có lũ sớm về đỏ mênh mang lên ngang trước mặt. Trên đường cái gay gắt nắng quanh Đồn Thủy, người nhón chân lật bật qua nhanh quãng đá dăm sắc lởm nhẻm. Những cây me tây năm nay đã lớn vồng, mùa này trên làn lá xanh lẫn tẩn chỉ chút, ngù hoa như đơm lên những mâm xôi gấc đỏ ngùn ngụt đến chói mắt. Tiếng ve sầu râm ran hàng đàn trong cành cây, suốt ngày đêm đình tai, bức bối kinh người.

Trong những dãy trại lính nhà hai tầng, cả lũ lính Tây cởi trần, đứng lố nhố sau những cửa sổ đóng chẵn song như ở cũi. Lông lá, râu ria vẫn vện gớm chết. Người nào cũng há mồm thở ành ạch, trông ra cái nắng quáng lòa. Cả đến những thành ghế, những thanh gỗ chắn cửa cũng nhờn nhể nhại mồ hôi.

Một tòa nhà đứng giữa, tầng dưới liền mấy buồng, đấy là nơi ở và làm việc của các quan hầu quan Năm. Bọn lính gọi là các ông Một, ông Hai. Có người bảo bọn ấy chỉ là ách, là quản họ bắt gọi tôn lên cho oai - chứ chẳng biết thực là quan mấy.

Ngát được đưa vào làm đấy. Những mới lạ kỳ quái, cứ mỗi lúc một lạ lùng sao. Ngát thấy bác Bếp quen với quan Một. Quan Một bắt tay, vỗ vai, xì xồ.

Bác Bếp bảo Ngát, giọng thật ngọt:

- Cháu ở đây làm với ông quan Một này.

Bác Bếp cũng chẳng biết Ngát là con gái nên mới bảo Ngát ở với thằng Tây này. Ngát thì sợ, nhưng không dám hỏi.

Vừa gọi quan xong, bác Bếp lại gọi ngay *nó* đây.

- Nó như thằng câm ấy thôi. Nó trỏ tay ra hiệu thì cháu cứ tinh ý đoán làm ngay. Cái giống Tây chúng nó thích cái gì cũng nhanh.

Chừng đoán biết Ngát ngại, bác Bếp nói như khuyến khích:

- Nhìn nó tợn tạo thế mà nó dần dần lằm. Đừng lo, tao nấu ăn cho nó, ngày nào tao cũng sang đây. Chịu khó, cháu ạ.

Quan Một bước tới véo tai Ngát một cái, ngay trước mặt bác Bếp. Bác Bếp cười, nói: thế là nó bằng lòng cháu đấy. Chẳng hiểu ra sao, Ngát ngoẹo đầu. Nó lại nghênh râu lên cười.

Công việc của Ngát ấy a? Ngát không biết những việc như thế bao giờ. Nhưng Ngát cũng làm được ngay. Ngát theo lời bác Bếp dặn.

Ngày đêm, Ngát ngồi kéo quạt. Cái quạt bằng tấm vải tây vàng xếp nếp lại, dài như cánh phan, ngang rộng hơn sải tay. Cánh quạt ấy được hai cái móc mắc lên trần nhà. Con lăn cọ vào viên sắt ổ bi, chiếc trục trông qua đầu, thông lòng ra ngoài cửa sổ. Ngồi vắt vẻo trên chiếc ghế đầu ngoài ấy, hai tay Ngát cầm thùng kéo quạt. Thùng và ổ bi nghiêng vào nhau ken kết cun cút lồi chiếc cánh quạt phẩy gió thoảng từng làn xuống gian phòng. Quan Một, quan Hai ngồi bàn giấy trong ấy. Những lúc các quan đi đâu vắng, Ngát cũng cứ phải kéo quạt đều đều, không được nghỉ.

Hai cánh tay mỗi muốn rã ra. Buổi tối, vẫn kéo nữa. Có chừng đến phải kéo quạt qua suốt mùa hè. Ngát nghĩ ra cách buộc thùng vào chân, giẫm lên, giựt. Đủ cách mà vẫn mỏi. Có lúc buồn ngủ quá, tay vẫn nắm thùng, mắt dờ ra, không kéo nổi. Hai quan Tây cởi trần, nhếch nhạong mồm côi, chạy ra xách hai tai Ngát lên. Cái quạt lại uể oải ken kết... Mấy hôm sau, người ta đưa đầu về thêm được một thằng bé, thế là có hai đứa “bé con” thay nhau đêm ngày kéo cái quạt.

Tối rồi mà vẫn oi vật vã, nặng nề. Ngát đã kéo đỡ thằng bé từ chập tối. Ngát hỏi chuyện biết nó người bên phủ Khoái. Phải năm lụt, bố mẹ chết trôi sông cả. Chẳng biết có phải bác Bếp đem

nó vào làm, cũng vì việc quốc sự như mình, Ngát không dám hỏi. Ngát thương nó đã mười lăm tuổi mà còi cọc, chỉ trạc lứa lên mười. Quan Một hay đánh nó - có lúc nó bị đá ngã giúi xuống. Ngát măm mồm bảo: từ giờ tao với mày gọi nó là thằng Một Ấc, nghe chưa!

Nửa đêm, trời sấm sét rồi đổ mưa rào. Ngoài hiên mưa hắt, nhưng thế lại mát nhẹ người. Trong nhà, những người Tây uống rượu há miệng thở khao khao như con cá ngáp. Quạt kéo ở các buồng suốt một dọc liền nhau liên miên rền rĩ. Thằng bé ngoeo cổ, nhắm mắt kéo. Ở xó tường gần đấy, Ngát nằm ngủ trong tiếng mưa xối xả. Chiêm bao thấy đương xấn vấy lội dưới trời nước trắng xóa, đuổi đàn ngỗng chạy kêu cạp cạp.

Đôi khi quan Một chán quạt kéo. Có lẽ nhức nhối vì cái ổ bi kêu kéo cọt như con mọt nghiêng trong đầu. Quan Một vẩy tay gọi Ngát, trở chiếc quạt vả lông ngỗng dựng góc buồng. Ngát cầm quạt phẩy. Ngát bỗng nghĩ tủi thân. Ngơ ngác, Ngát lại không biết mình ở đây làm gì, đi quạt hầu thế này à?

Bác Bếp đội mũ vải trắng, áo khách trắng, bước vào hành lang.

Bác Bếp trông thấy mắt Ngát đỏ hoe, bác nghiêm trang nói:

- Khóc thế, Tây nó cười cho. Cháu chịu khó, rồi có lúc có việc đến.

Nghe vậy, Ngát ngùi ngùi thở thối. Nhưng lắm khi chán mà không dám phàn nàn với thằng bé kia. Chỉ lúc nào bác Bếp đến hỏi mới nói. Việc bí mật, Tây mà biết chắc nó giết chết. Ngát đã trông thấy hai người, chẳng biết lính hay người nhà bàn, nhà bếp, bị trói hai tay hai chân khiêng qua đây. Chắc chúng nó đem bỏ người ta xuống sông.

Một lần, Ngát ra cổng trại, qua chỗ cây đa hàng anh Đề Cụt năm trước.

Cây đa đã cao cao trên khoảng đất trống. Chị Gái bị nó đâm chết ở đấy. Chỗ ấy, anh Nghĩa bóp cổ hai lần chết hai thằng Tây. Mắt Ngát đã được rõ mối thù ngay trước mặt. Nhà ta có thù với thằng Tây. Công việc Ngát ra đây làm cũng là để lo cái thù ấy. Việc gì cũng kham, trá hình làm tội tử mà rình mò - anh Nghĩa căn dặn đấy như việc nhà, anh em ta phải làm cho được.

Nghĩ thế, yên tâm hơn. Ngày lại ngày, bây giờ không còn đến nỗi lẫn mặt, đã thuộc quan hai tên là Giắc Canh, quan một là Gà Vô [\[24\]](#) và tên cả những đứa hay ra vào bàn giấy. Nhưng lắm lúc Ngát nhớ nhà đến ngẩn ngơ cả người. Hai mắt lim dim. Kéo cái thùng quạt lên xuống hờ hững. Nhớ đêm mưa rào chiêm bao thấy con ngỗng kêu cạp cạp ở sân nhà mình.

Thằng bé kéo quạt uể oải. Nó đen như củ súng, lại hay phải đòn. Dường như mặt mũi Ngát còn đôi chút nhẹ nhõm, trận đòn cũng được nhẹ tay hơn. Quan Một đi ra, vừa đi vừa thở ành ạch, giờ cái tay lông lá hộ pháp xách quận tãi Ngát lên. Ngát tức đỏ chín mặt.

Nhưng Ngát nhớ lại: không phải đến đây chỉ kéo quạt trần, đến đây còn có việc.

Có lần bác Bếp bảo:

- Cháu để ý xem ở cái nhà việc bên kia có người nào hỏi chuyện cháu thì cháu bảo bác.

- Hỏi chuyện thế nào ạ?

- Chuyện gì cũng được. Hỏi cháu hay hỏi thằng bé con cũng được. Nhớ nói lại ngay cho bác.

Bác Bếp nhìn sang nhà bên rồi nói:

- Những người lính này ở xa lắm. Người ta nhớ nhà, đương muốn tìm đường về.

Ngát đoán việc quan trọng.

Nhà việc ở bên trái, cách một khoảng sân. Ngày ngày, Ngát ngồi vúi tay vào cái dây kéo quạt nhìn rõ mồn một.

Ở trong nhà giấy có nhiều người vào ra luôn. Nhà việc bên ấy giống nhà Tây ở, suốt ngày có người đến. Cả nhà bồi, nhà bàn áo khách trắng, cổ đứng chốc chốc lại tới. Có khi bác Bếp cùng anh bếp người Tây mặt đỏ bóng mỡ, đội mũ vải trắng méo như cái bong bóng lợn trên đầu, vai

vắt chiếc khăn mặt trắng, cũng hấp tấp vào đấy. Cuối ngày, bọn cai coi phu làm ngoài bãi kéo đến tập nập, ai cũng xách một bọc, lại đeo ra cái túi đựng hàng chục quan tiền. Nhà việc đây cũng là nhà giấy, nơi phát lương, phát tiền ai cũng phải đến. Nghe nói vậy, chẳng biết thế nào.

Những ông thông ngôn ký lục ngày hai buổi đứng giờ đến nhà giấy. Quan Tây có các thầy thông thầy ký cũng đi, nói lú lo. Thầy thông ngôn thầy ký thường mặc giống nhau. Ai cũng ngăm đen, mặt ngựa dài ngoẵng. Các thầy áo dài xuyên đen, giày Gia Định hàm ếch, mắt đeo kính râm. Tiếng nói vùng nào, giọng nặng khó nghe. Nắng cũng như mưa, khoác tay chiếc ô lục soạn cán sừng nạm bạc. Đôi khi, cũng thầy ấy nhưng diện đôi giày Tây gan gà, áo quần trắng lốp, cổ đeo dây cà-ra-oách vắn sặc sỡ.

Người ra vào nhà việc tập nập nhất Trường Tây. Nhưng hễ tan tầm chiều, rồi trời tối, các trại lính cửa sổ ánh đèn đã hắt lên đỏ nhòe, thì nhà việc khóa im ỉm, vắng trơn không còn người.

Hàng hiên dài hun hút, chỉ có một tốp lính tập đến gác đêm. Ngát đã thuộc các thứ lính canh, lính gác, lính ma tà, lính đạo, lính tập và lính Cờ Vàng của Tây buồn Đu Bi.

Đêm nào có lính tập đến gác, Ngát biết ngay. Những người lính tập ấy quê ở đâu xa, nghe nói Tây đem tận Lục Tỉnh ra đây, người nào cũng loắt choắt thấp bé, đen như tam thất, mặt ủ ê, chỉ trông thấy cũng muốn lây cái buồn thiu.

Lúc chưa nghe kèn thổi giục đi ngủ, các chú lính tập hay hát. Tiếng trọ trẹ nặng trĩch vừa nghe vừa đoán.

Rồng châu xứ Huế

Ngựa tể Đồng Nai

Tiếng hát cất lên, khắc khoải, rầu rĩ, như khóc.

Một câu hỏi vọng sang chỗ hai cậu bé kéo quạt:

- Nghe *dui* không, *tụi* bây?

Ngát chẳng rõ chú lính nói gì. Nhưng Ngát chợt nhớ. Thế có phải là người bên ấy hỏi chuyện mình như bác Bếp dặn. Ngát đã kể lại cho bác Bếp như thế. Bác nghe rồi gật đầu.

Một hôm, bác Bếp bảo Ngát việc khác.

- Tối mai, có người nào đến hỏi cháu có phải “bé con” kéo quạt không, cháu vâng rồi người ấy lại hỏi cháu: mấy hôm nay cháu có thấy ông Nhiều không. Người hỏi đúng câu ấy là người có họ với bác. Nếu không đúng câu ấy, là người của Tây, nó hỏi gì cũng bảo không biết. Hỏi đúng câu ông Nhiều rồi thì cháu trả lời: cháu mới gặp ông Nhiều hôm qua. Người ấy lại hỏi: Ông Nhiều dặn gì thế? Cháu trả lời: Ông Nhiều bảo ngày mười sáu tháng này, sang trống canh tư, ông Nhiều về xóm đồng bắt con trâu đứt mũi. Cháu nói thử những câu bác dặn xem đã thuộc chưa?

Hôm sau, chập tối, Ngát đương đói, uể oải kéo quạt. Phải kéo quạt tàn bữa tiệc của quan Một, quan Hai mới được đi ăn. Bấy giờ, lão quan một Gà Vô đi đâu không biết. Nhưng quan không bảo nghỉ tay, dầu phòng bỏ trống, cũng cứ phải ngồi giựt thùng quạt.

Ngoài sân, bóng một người đi vào. Thoạt trông nhận ra đấy là người lính đạo. Người lính đạo áo thâm, chân xà cạp đen - lính đạo ác có tiếng. Bọn lính đạo ở đây chỉ quanh quẩn chơi với nhau. Cả cơ khố đỏ, lính tập, các nhà bồi, nhà bếp, nhà bàn không ai đụng tới lính đạo bên Nhà Chung sang:

Người lính đạo ấy còn trẻ, mà mặt cau có khắc khổ, như người trong lầy lội đồng chiêm lên. Nhìn vào phòng, không thấy ai, người ấy thành lình hỏi Ngát:

- Chú có phải “bé con” kéo quạt không?

Câu hỏi đúng như bác Bếp bảo. Ngát hồi hộp đáp:

- Vâng ạ.

Người ấy lại hỏi:

- Mấy hôm nay cháu có thấy ông Nhiều không?

Ngát nhìn lại người lính đạo, Ngát ngờ ngợ chưa tin là người lính ác mà lại có họ với bác Bếp. Nhưng những câu hỏi thật đúng như bác dặn. Không dám nghi ngờ, e hỏng việc bác Bếp, Ngát trả lời bình tĩnh:

- Cháu vừa gặp hôm qua.

- Ông Nhiều dặn gì thế?

- Ông Nhiều bảo mười sáu tháng này, sang trống canh tư, ông Nhiều về xóm đồng bắt con trâu đứt mũi.

Ngát đã nói xong câu sau cùng bác Bếp dặn, Ngát vẫn tròn trợn. Người lính đạo ấy thế nào. Người ấy là anh em ta, là người họ nhà bác Bếp hay là mật thám. Lính đạo độc ác, không ai dám chơi với kia mà. Thế thì cũng có lính đạo hội nghĩa hay sao. Ngát không hiểu. Nhưng bác Bếp đã bảo như thế, Ngát làm thế. Chắc có nhiều việc quan trọng. Ngát thông thả kéo quạt, quên cả bụng cồn cào đói.

Người lính đạo đã lững thững trở ra.

Một đêm kia, tất cả các trại trong khu Đồn Thủy đèn sáng trưng. Dưới sông Cái, đoàn tàu và nhiều thuyền đậu xúm quanh đương áp mạn vào bờ cũng treo những dây đèn quanh thành tàu - xa trông như sao hội đèn cù.

Đám lính đi qua thì thầm.

- Đi đâu?

- Có khi xuôi Nam Định.

- Hay là lên Sơn đánh nhau với ông Thống^[25].

- Không phải, ra phủ Hoài đấy. Đồi bên đã gọi lờn thách trước rồi mà.

Không biết, nhưng các trại binh đã đột ngột phải sửa soạn. Đêm hôm sau nữa, lại rậm rịch thế, mà chưa thấy đi.

Rồi đêm thứ ba. Những con la con lừa cao lớn, tai to như chiếc lá đại, kéo cỗ đại bác phủ bạt kín chỉ thò nòng ra, rầm rập kéo đi lúc gà gáy canh một. Từ lúc ấy, huyền não hẳn lên. Một toán lính Ả rập sắp hàng áo trắng cháo lòng, quần lờ xòe. Lính khố đỏ nhìn ra, nói: kia kìa Tây đen mặc váy cũng ra rồi. Lần lượt, các cơ các đội khố đỏ trang nghiêm thắt lưng điều cẩn thận, đứng hàng đôi hàng tư dọc đường đá từ bờ sông Cái xuống hồ Gươm. Lại lính tập, lính đạo đi nữa. Tiếng chân đất bước rào rào, xa nghe như tiếng gió cuốn cát. Chốc chốc, rạo rạo tiếng giày lính Tây, tiếng bánh sắt lăn cút kít. Một con ngựa phi lên, móng gõ lộp cộp như tiếng mõ. Bọn quan lính các tàu, các thuyền dưới sông đã lẫn hết bờ từ lúc còn tối đất.

Cỗ xe hai ngựa từ nhà để xe ở Trường Thi chạy xuống đỗ trước thềm nhà giấy quan một Gà Vô. Bốn phía nhộn nhạo, lục súc khác thường, nhưng quạt các buồng vẫn kéo đều cả đêm như mọi khi.

Từ gà gáy, đến lượt thằng bé kéo quạt, Ngát vào ngủ ngời trong xó tường. Bên ngoài, các trại vận chuyển rầm rầm mà Ngát không biết. Muối như trấu rắc vào mặt, cũng không đánh thức được con người tuổi ăn tuổi ngủ cả ngày đã ngời kéo quạt đến lử lử.

Lúc ấy, thằng bé vào lay Ngát:

- Trỗi, trỗi! Quan gọi.

Ngát bàng hoàng ngồi dựng lên. Chỉ như ngủ mê nghe tiếng “quan gọi”, đã hốt. Búi vôi tóc, Ngát lật đật chạy ra.

Quan một Gà Vô còn đấy. Quan hai Giắc Canh đã ra trước. Quan vừa vào đóng cửa trại trong ra.

Lính đi trận hết. Chỉ bọn Cờ Vàng phải nhốt lại. Tây buôn Đu Bi đã bán lính Cờ Vàng cho Đồn Thủy. Nhưng lũ giặc khách này vốn giết người cướp của đến Tây cũng phải không bằng lòng. Chỉ mới nghe nói sắp phải đi trận ra Cầu Giấy, tướng Cờ Vàng đã đi bắt về hơn một trăm người đàn bà, nhốt vào trại, cho mặc áo dẫu, đội nón giả làm lính. Chúng nó sắp sẵn cho theo để vào phá đầu, có người khuân của ra ngay. Nhưng có đũa mách quan Tây. Tây sợ chưa đánh nhau đã loạn. Thế là bọn Cờ Vàng bị cấm trại. Tướng nó là Hoàng Sùng Anh phải xích chân. Chỉ được đi quanh một chỗ rồi lại nằm xuống hút thuốc phiện.

Quan một Gà Vô mặt đỏ gay ngồi trong nhà. Thằng bé con kéo quạt lia lia. Trời đêm về gần sáng đã dịu. Nhưng các quan Tây sợ nóng nực đến đổi nghiến quạt. Quan Một ngồi khoan tay lên mặt bàn, đặt chai rượu ngang. Nửa đêm mà quan Một bệ vệ đủ lệ bộ. Như sắp có duyệt binh ở Trường Thi ngày hội Tây. Đầu quan đội mũ tròn cái mũ trắng. Áo trắng phẳng nếp. Ông tay đeo lon vàng chổi. Quần trắng là cứng, mỗi bên ống một nếp đỏ chấm xuống đến đôi giày da có cổ, chốc lại co lên, gót đập cuống quít, như bị con rết chui vào cắn. Rượu nốc nữa, lại nốc, mũ, giày, quần áo nóng bức lể mể thế, trông cũng đã ngốt.

Bác Bếp đương thu dọn xoong chảo, mọi thứ đồ lể nhà bếp ra chiếc xe một ngựa đồ chổng chổng liền ngay sau chiếc song mã có người xà ích Ả Rập đánh ngựa đã tới trước từ nãy.

Ngát hỏi khế bác Bếp:

- Việc gì thế, hả bác?

- Nó đi trận.

- Phải ăn cơm ở đấy à?

- Ừ.

- Cháu cũng đi à?

- Cháu phải đi quạt cho nó.

- Quạt kéo ạ?

- Ngoài đồng có chỗ nào mà mắc quạt kéo. Nó cho cháu đi, đã có quạt lông. Bác cũng có việc sai cháu ngoài ấy. Cháu vào lấy đôi quạt lông, buộc cẩn thận lại, cặp vào nách. Lúc nào cũng nhớ cặp vào nách. Nó gọi quạt mà mất quạt thì mất đầu - đi trận, nó chém đầu người như bốn, cháu nhớ chưa?

Ngát nhanh nhẹn làm theo bác Bếp. Mỗi ngày, Ngát càng hiểu bác Bếp làm với Tây, nấu ăn cho quan, cho lính, nhưng ngày đêm bác lại lo mọi việc để giết Tây. Nhiều người ta làm trong các trại, người giặt là, người quét sân, người kéo xe, chắc cũng lắm người như bác Bếp. Có lẽ ai cũng ghét Tây: Cứ tưởng lính đạo ác theo Tây cả, thế mà lính đạo cũng có người của ta. Lại như bọn lính tập miền trong bị đem ra đây, đêm ngày chỉ oán than, chỉ muốn về.

Xe đồ nhà bếp loảng xoảng xếp lên giữa lúc các trại quân lũ lượt kéo qua ngoài bờ rào, trong khi quan một Gà Vô vẫn vênh rìa ngồi uống rượu từng cốc to. Rồi chốc lại giơ tay kéo cái đồng hồ quả quít bạc mặt kính lóng lánh đeo ở thắt lưng da đặt trong lòng bàn tay xem giờ, xong lại ra quát người khiêng thức ăn uống vào xe.

Trời đã tang tảng. Những toán lính trải qua, trông rõ bọn lính thủy đánh bộ râu rậm quần đỏ đã đứng đợi lệnh đi từ nãy, người hấp tấp cưỡi ngựa, người chạy bộ.

Quan một Gà Vô đứng dậy, ra xe. Quan một ngồi ghế cạnh người xà ích mặt đen bồ hóng áo trắng, đội mũ ngù đỏ. Xe song mã ấy, quan Năm vẫn để đi dạo, đi công việc, qua các đường phố, vào thành. Xe bánh sắt rào rào, mũi vải nam, rèm buồng tua hạt bột đỏ. Chiếc roi người xà ích dứ xuống. Hai con ngựa cất vó. Khi ấy, bác Bếp và Ngát, hai bác cháu đã ngồi vào hòm chiếc xe đằng sau, người lẫn lộn cạnh đùi thịt bò, rau cải, cần tây, tải bánh muối và thùng rượu, mấy chai mật ong, với xoong chảo lĩnh kính.

Hai xe ruổi nối nhau. Chiếc song mã lượn quanh đằng trước, thật hiên ngang rồi rẽ sang trại

chính, dừng lại trước cổng. Trên bậc thềm, quan Năm đã đứng đợi. Quan Năm cũng cúi nhìn cái đồng hồ quả quýt bạc đeo thắt lưng da rồi bước xuống đường. Quan một Gà Vô nhảy trên xe ra, đứng cộp giầy, giơ tay chào rồi cúi xuống mở cửa xe. Quan Năm bước lên, ngồi vào ghế bành phía sau. Quan Một lên theo, đóng cửa rồi lên ngồi bên người xà ích nhìn chăm chăm đằng trước. Hai con ngựa cất vó.

Chiếc song mã trở ra. Xe nhà bếp một ngựa chạy theo. Đến Trường Thi, bắt kịp những toán lính đi sau còn ùn lại cạnh những con la lênh khênh kéo xe đạn, xe bánh, những thùng rượu kèm bồ đựng những chai, những bi đông nước hay rượu không biết.

Rầm rầm qua ngoài chợ Cửa Nam.

Ngát lại hỏi bác Bếp:

- Nó đi đâu bây giờ, hả bác?

Bác Bếp ghé tai:

- Cổng Vị.

Ngát hỏi lại:

- Nó ra Cổng Vị?

Bác Bếp giơ tay bịt miệng Ngát. Rồi bác ngồi im tay giữ bao tải, không biết trong đựng cái chai, cái hộp, cái gì mà mỗi lần xe xóc, cứ va lục cục.

Mắt bác dăm dăm nhìn ra. Đã gần đầu ô Cầu Giấy, bụi tre mờ mờ hai bên đường.

Bác Bếp lẩm bẩm nói một mình:

- Giảng Võ rồi.

Những tiếng ngựa chững lại. Rồi im hẳn. Xung quanh bỗng lặng như tờ. Trong lũy tre đen thẫm, tiếng gà eo óc mơ hồ đâu xa. Từ từ mờ đất ở Kê Chợ ra tới đây, những chiếc xe ngựa đã vượt lên trước tất cả các hàng quân chạy bộ đương còn ở đằng sau.

Trời đã sáng rõ.

Bây giờ mới trông rành các quan ngồi xe ngựa đi trận mà mặc lòe loẹt sặc sỡ, trắng lớp như ngày lễ Tây. Các lon tay và hai bên ngù vai vàng chói. Đỏ khé từng dãy mề đay áo ngang ngực. Khác các quan lính thủy đánh bộ, quần trắng sòng sọc đỏ.

Chiếc song mã của quan Năm và những xe một ngựa của các quan tham mưu, quan thầy thuốc, quan hầu đã đổ trên ngã ba vào Giảng Võ. Tờ bản đồ trải lên thành xe trước mặt như cái bàn, đặt chiếc la bàn đồ to bằng quả gấc chín. Mọi người xúm quanh quan Năm, như nghe điều gì khẩn cấp. Trong khi đó, những toán quân đằng sau bắt kịp, rầm rập tiến ra Cầu Giấy.

Bác Bếp nhìn quân trảy, nói gì với người xà ích ta đánh xe ngựa tải đồ.

Vẻ hốt hoảng, bác không thì thảo nữa, bác hỏi như hỏi ai, cả Ngát cũng nghe tiếng.

- Sao bảo nó ra đằng Cổng Vị cơ mà?

Người xà ích nhìn bác Bếp, ve vẩy roi:

- Nó lại ra Cầu Giấy, thế nó mới thâm. Bác Bếp đã bảo cho bên ta biết chưa? Bên ta phải thâm thám bằng mấy thằng Tây ấy chứ.

Bác Bếp nhìn người xà ích tảng lờ ngấm con la rũ bờm ướt sương, kỳ tình đương nghiêng tai lại sau lưng.

Bác Bếp thông thả, chậm rãi:

- Thế ra bác vẫn ngờ tôi là người hội nghĩa a? Mất công bác.

- Tôi hỏi chơi thôi, bác đừng để ý.

Bác Bếp vẫn thông thả, nhưng dần giọng, nhắc khéo.

- Bác lạ đâu khi đã muối mặt đi làm cho Tây, bên ta mà gặp chỉ còn có việc lấy đầu tế cò, chứ ai tình nghĩa gì nữa với cái giống chó săn chim mồi.

Bác Bếp nói câu sau cùng như nấc lên. Người xà ích cười khẩy một cách khó hiểu:

- Cũng chả biết thế nào, bác ạ.

Rồi, như không để ý bác Bếp nói nữa, người xà ích lại gật gù, lảm nhảm nói:

- Phao tin một đảng lại đi một đảng. Nói ra Cống Vị rồi ra Cầu Giấy, thẳng Tây vậy mà thâm...

Không lâu, đám quan quân vừa tụ lại xem bản đồ nhận lệnh của quan Năm cũng chia ngả đi ngay. Đám quân quan đi thành hàng dài, bóng in trên những đầm nước trắng xóa phía Giảng Võ.

Quan Năm giắt chiếc gậy nạm bạc vào dây lưng. Con ngựa quan Một vừa đưa đến đã sẵn trước mặt.

Chiếc xe song mã ấy chỉ còn một mình quan Một lên. Ngát cũng được chuyển sang ngồi dưới sàn, nhưng vẫn loay hoay giữa những thứ linh kính, hòm rượu, đồ hộp, chai nước và vải lều bạt vừa được vớt sang. Ngát lại cúi vào một góc thành xe, khư khư ôm đôi quạt lông.

Cũng mưu mẹo đấy. Xe song mã quan Năm vẫn lên Cống Vị, làm nghi binh. Trong khi đó quan Năm ruổi ngựa trong hàng lính, phóng ra Cầu Giấy.

Lúc Ngát phải đổi xe, bác Bếp rí tai Ngát.

- Cháu lên Cống Vị, gặp ai còn trong làng cũng bảo xuống Cầu Giấy. Tây ra Cầu Giấy, xuống Cầu Giấy ngay, gấp lắm. Đến Cống Vị rồi, cháu tìm cách chạy xuống Cống Cốt, gặp Đề Cụt ở đấy. Bảo tao đã ra Cầu Giấy rồi. Ông Long ông Hồ lên Cầu Giấy ngay. Cháu, đến trận này thế là cháu hết việc ở Đồn Thủy. Cháu về thẳng nhà thôi.

Cái xe thức ăn có bác Bếp và người xà ích khó hiểu nọ lại lọc cọc theo ngựa quan Năm, chui vào bờ tre ra đầu ô.

Quan Một bây giờ một mình hách dịch ngồi xe song mã. Quan hai Giắc Canh đi ngựa giữa bọn lính Á Rập mặc váy cưỡi ngựa đi trước. Tất cả rầm rầm rẽ vào trại Liễu Giai. Cả vùng vang động, bụi mù như sương. Trong lũy tre còn tối om, vẫn thấy người chạy ra. Không biết làng chạy loạn hay người ở lại kéo đi phục ở Cống Vị.

Vào đến giữa làng, xe không thể chạy được. Một quãng đường đã bị xẻ thành hào nước, chông cắm dày đặc hai bên.

Toán lính dừng lại, bắn rào rào một lúc vào lũy tre.

Quân kỵ mã và lính chạy bộ, người khiêng hòm đạn, những tải đựng thức ăn, thùng rượu. Cả bọn men bờ hào cắm chông.

Người xà ích tháo ngựa ở xe ra, đóng yên. Quan Một cưỡi ngựa thủng thỉnh bước một. Người xà ích xách cương dắt ngựa đi. Quan Hai đã bon lên trước từ nãy. Đằng sau, mấy người lính vác theo liền những hòm rượu, hòm đạn. Ngát bị quàng yên lưng một cái tải to như cái tay nải. Cái tải đè xuống, Ngát chỉ lạch được từng bước. Mặc dầu, tay Ngát vẫn ôm cặp quạt lông.

Ra đến đầu cánh đồng trông lên Cống Vị, cả bọn dừng lại. Quan Một ra hiệu cho lính đóng cọc cắm lều ở đám ruộng khô sau gò. Những chiếc lều bạt xám ngất được dựng lên. Bao bánh, hòm đồ, thùng nước, thùng rượu bỏ vào cũi đạn xếp quanh vòng ngoài làm tường.

Quan Một, quan Hai xuống ngựa, vào lều cùng nhau uống rượu vang sớm. Đám lính Á Rập đã buộc ngựa lại. Lính đạo khuân vác, người xà ích bây giờ cũng khoác súng đi với lính Á Rập. Tất cả sắp hàng một, mỗi người lần lượt vào uống một gáo dừa rượu ngang.

Người lính Á Rập da đen mờ, váy áo lờ xờ khăn quần đầu được uống hai gáo rượu một lúc.

Mỗi lính ngựa cổ, cựa một gáo, lại quay ra đứng cạnh ngựa. Quan bỗng hét một tiếng. Cả bọn phốc lên ngựa, phóng ra cánh đồng. Những con ngựa hồng hộc chồm qua đám ruộng khô, bụi mù.

Quan hai Giắc Canh đi sau, giơ súng, bắn chỉ thiên từng phát. Thế là cả bọn tới tấp bắn ra như mấy trăm tay súng đương tiến. Trong mù mịt, tiếng đạn râm ran về phía Cổng Vị - mặc dầu chẳng trông thấy gì ở đằng ấy.

Khói súng và bụi đất đầy cánh đồng.

Bọn lính đã lên đến sát bờ thành xuống Cổng Vị. Còn có một mình quan một Gà Vô ở lại lều đằng sau. Quan Một ngồi phịch, phanh áo ngực. Cánh tay lớn vàng trể xuống, bụi bám nhờ nhếch mà không biết. Quan một làm hiệu hất tay.

Ngát biết thế là nói gọi quạt. Rượu bốc đỏ lự trên mặt. Quan Một thở phì phì. Tiếng súng càng ran lên phía Cầu Giấy, ở đây cũng nghe được. Quan Một bồn chồn, vẩy tay rồi rút.

Ngát đến quạt thốc mấy cái sau lưng. Quan Một quay lại, nghiêng răng, túm ngực áo Ngát. Ngát giật bắn mình, nhưng nhanh trí, cúi khom bàn tay nắm áo. Nó lôi Ngát chuyển ra quạt trước mặt. Quan Một lúc nào cũng nghi ngờ, bắt bé con phải đứng quạt trước mặt.

Quan Một vẫn dò mắt nghe ra đằng trước. Trên Cổng Vị, từ nãy lặng tờ, không tiếng súng. Một ngày nóng nực bắt đầu. Từng tảng mây sớm đã vàng nắng ngùn ngụt bay qua. Ở đây đến trưa thì đến chết nắng. Nhanh lên, nhanh lên. Quan Một đứng dậy, xốc bao súng bên sườn. Quan Một vươn tay, ấn vai Ngát xuống. Ngát hiểu nó nói: bé con ngồi đây, bé con ngồi yên chỗ này...

Quay ra, quan Một nhảy lên con ngựa vẫn đứng vắt cương trước lều.

Ngát ngồi đấy.

Tiếng súng bên Cầu Giấy càng khiến Ngát sốt ruột quá. Từ nãy, không thấy bóng một ai. Mà Tây hung hăng thế này, người nào dám ló ra đường nữa. Hay đi đằng Cổng Cót? Không đi lúc này thì lúc nào, dịp may quá.

Ngát trông trước trông sau, chạy một mạch vào bờ tre. Nhưng chỉ thấy bụi cây cối xay hoa vàng rộ giữa vườn hoang. Chỗ này là một xóm trại, người đã bỏ đi từ lâu. Liền mấy cái chuôm to, không có lối đi qua.

Phía Cầu Giấy, súng lại ran lên trên vòm tre, càng sốt ruột.

Ngát nhón nhác quay lại. Không ngờ, Ngát thấy con ngựa của quan một Gà Vô đã được quăng cương lên nóc lều, đương đứng đập móng. Quan Một cởi trần, thở ành ạch. Trông thấy Ngát, quan Một đứng phắt dậy. Con mắt trợn lồi ra, quan Một túm lấy Ngát.

Nó giựt soạt một cái. Cả vạt trước tấm áo năm thân nâu da bò lưng thùng của Ngát đứt toang. Thằng Tây bỗng thấy một cô gái trắng xanh bị toạc cả vạt áo trước đến ngang bụng.

Giữa lúc ấy, một tảng đá ném vào giữa mặt quan Một. Quan Một chói với ngã chúi vào góc lều.

Một tiếng quát nhỏ, giựt lên:

- Chạy đi!

Ngát nhóm dậy, hai tay tự nhiên vơ vạt áo rách ôm lên ngực, lật đật chạy. Ngát trông thấy người lính đạo - đúng, người lính đạo hôm nọ, người nhỏ bé, đen cháy, đương giã báng súng xuống mặt quan Một đã nằm nhuôi dưới ruộng.

Đám lính Ả Rập, lính đạo và khố đỏ vẫn rộn rịch trên đầu Cổng Vị. Lại có tiếng ngựa dồn dập, quan hai Giắc Canh bon về lều tìm rượu.

Người lính đạo cầm ngược khẩu súng, đứng thu mình một bên cánh lều vải.

Tiếng súng đằng Cầu Giấy càng râm ran. Bây giờ ở Cầu Giấy mới thực sự vào trận.

Chiều hôm ấy, một vùng các làng bên này sông Cái đầu đầu cũng loãn tin bên ta như được Tây vào bầy Cầu Giấy, quân ta chặt được đầu quan Năm ở chỗ làng Vòng...

Cả mấy dãy phố chen chúc quanh Đồn Thủy cũng nghe tin thế. Lập tức, Đồn Thủy như vỡ chợ. Chẳng biết đứa nào đốt, hay nhà ai vô ý lúc chạy cửa, một nhà bốc cháy, rồi loang khắp. Chỉ một thoáng lúc chập tối, cái phố trên bờ sông trước Đồn Thủy đã cháy tiệt. Người ở đấy sợ quân ta về hỏi tội đến ở với Tây, đã biến đi đâu cả.

Bọn còn lại trong Đồn Thủy cũng hốt hoảng lên. Cả phòng việc quan ba Đuy Boóc^[26] có bốn quan đi trận, chỉ còn một Đuy Boóc sống sót Quan một Gà Vô, quan hai Giắc Canh mất đầu cả rồi. Quan ba Đuy Boóc như chui dưới huyệt lên, râu tóc, mặt bê bết đen máu khô lẫn với bùn.

“Bốn giờ sáng đã phải dẫn quân đi. Qua sở Đúc Tiền, rồi Trường Thi, không gặp một người ngoài đường. Tôi hay bói điềm gặp người áo đen hay áo trắng. Nghi ngại lắm. Không hiểu sao, uống rượu nhiều thế mà trong người vẫn lạnh, nhưng không dám bảo trung tá đừng đi hôm nay. Người ta sẽ bảo tao nhất gan.

“Chỉ thấy lính thủy đánh bộ quần áo xám ngắt. Cái gì cũng xám. Mỗi người đeo trĩu cổ mấy trăm viên đạn, bình toong nước, túi dết đựng bữa trưa, mặt dài như đi đưa đám ma. Đã bói thế nào cũng gặp cái chết.

“Đến ngã ba Giảng Võ, thằng Gà Vô ngồi xe trung tá giục lính đi. Đi đâu, không biết. May mắn, không phải tao đi.

“Trung tá đã qua Cầu Giấy. Ba khẩu đại bác 65 ngựa kéo cũng sang nốt. Ác quá, bên nó nắp chỉ cách trăm thước. Khói súng bắn đọng trong lá tre dày kín không rõ chỗ nào. Tức như điên. Chỉ còn bắn bừa vào rặng tre. Thế này là mù mắt rồi, chết đến nơi rồi.

“Nghe kèn gọi lui quân. Chỉ đợi có thế. Nhìn lại, đã thấy quân địch đuổi theo kín lưng. Lại nghe mã tấu phầm phập chặt đầu người. Chạy loanh quanh đến trưa mới mò được về tới các chùa, chỗ quan ba Ban Ny chết trận mười năm trước. Số phận run rủi, gặp cái xe ngựa. Trên xe đã nằm sẵn hai thằng bị thương. Không biết bị thương thật hay chúng nó giả vờ trốn về nằm đấy.

Chúng nó đã biết chuyện trung tá chết trận rồi. Chúng nó nắp cạnh đấy, đã trông thấy. Nó lại trông thấy lính khố đỏ, lính đạo đương bắn thế này lại quay ra đâm chết quan Tây. Trong đám lính có nhiều người bên kia. Có ghê rợn không?^[27]

Các thầy thông ngôn, thầy ký ở các nhà giấy chạy ra thành bọn nhốn nháo cả Đồn Thủy.

Bị chết ở trại trong, lính Cờ Vàng thấy lính tập đi hết, chúng gào lên. Còn có mấy người lính Ả Rập ở nhà thương ra chạy rối rít. Bọn chúng càng hò hét. Xích sắt đập xoang xoảng vào cánh cửa.

Không đứa nào còn mắt mà để ý chú bé con kéo quạt chạy đâu. Có lẽ chú bé cũng người hội nghĩa, không biết ai thế nào nữa.

NGÁT CHẠY VỀ ĐẾN NHÀ, ĐÃ CHẬP TỐI.

Ba lần cổng rấp rơng, như bịt mắt lại. Nhưng Ngát là người làng. Lũy tre kín đến đâu người làng vẫn biết chỗ bí mật lách được.

Ngát đã vào giữa xóm, đứng lại ngoài cổng tán. Ngát nắm thân tre dựng cổng, tay run bần bật. Đi qua làng, không nghe một tiếng động, bỗng ghê hản người.

Không có ai ở nhà. Nhưng mọi thứ quen mắt nhìn thấy trong bóng tối, đã đoán được quang cảnh nhà. Không có xống áo trẻ con trong dây vách. Thím hai với con dâu và các cháu chắc đã chạy loạn sang Bắc Bồi. Vại hứng nước mưa dưới gốc cau đầy nước. Ngát uống một ngụm nước. Bếp tro vẫn ấm có lửa rấm. Vách nhà trên, chỗ cấm những thùng lùng, quắm, mã tấu, không thấy cái nào. Chắc cả nhà đã ra Cầu Giấy. Nghĩ thế mà nhà lại không có người, Ngát đâm lo. Từ sáng sớm, đánh nhau ở Cầu Giấy to lắm. Một góc trời cháy đỏ xuộm trên những bờ tre chất ngất.

Không biết thế nào! Làng này hay cả vùng xưa nay vẫn cứ bất kể đêm hôm, nghe đâu trống ngũ liên hay tiếng tù và, thế là ai nấy sấm nầm tay thước, câu liêm đi lập tức. Cả những khi nghe Tây rập rình đánh ra, làng nào cũng đã sắp sẵn. Ngát đã nghĩ quen, đã biết những cảnh ấy. Nhưng vẫn lo.

Ngát duỗi cẳng ngồi thừ ngoài hiên. Mỗi lúc càng tối. Phía Cầu Giấy đã im tiếng súng từ lâu, nhưng lửa cháy vẫn rực lên, lại bối rối hơn. Lạ lùng, chưa bao giờ Ngát để ý nhà mình có lúc không người như thế này. Ngát ngồi co ro thu mình lại.

Bỗng một bóng người lúi húi vào. Ngát đã trông rõ dáng mẹ.

Bà Xuất đứng giữa sân, hỏi hóng một câu thật to:

- Đã đưa nào về chưa?

Ngát toan chạy ra. Nhưng ngoài cổng tán có tiếng đáp vào:

- Con đây.

Tiếng Nghĩa! Ngát nhảy chồm ngay ra. Miệng gọi: “Mẹ ơi! Mẹ ơi”, nhưng lại ôm choàng Nghĩa, khóc òa. Mẹ hỏi: “Cái Ngát đấy ư?”. Giọng mẹ vẫn êm ả như mọi khi mẹ vừa đi đâu về. Ngát nức nở búi chặt một bên vai Nghĩa.

Bà Xuất xuống bếp thối đồng rấm, châm quang đèn xách lên, bước lật đặt. Đĩa đèn soi vào đầu hè, Ngát bỏ tay níu Nghĩa. Vạt áo trước rách sã bỗng rơi theo tay xuống.

Bà Xuất kêu:

- Con ơi! Sao thế này?

- Không, không. Con đánh nhau đứt áo...

Lúc bấy giờ Ngát mới thấy gương và buông hản Nghĩa ra. Mặt Ngát nhoèn nước mắt và lấm như ai bôi bùn vào mặt. Nghĩa cũng vậy, từ đầu đến chân lầy lội những bùn, không còn ra người. Rồi Ngát nhìn lại, thấy mẹ cũng thế.

Xống áo, mặt mũi người nào cũng đen sì như vùi vào bóng tối.

Ngát bẽn lễn nhìn Nghĩa. Nghĩa cầm tay Ngát, ngậm ngùi xót xa nỗi anh em lâu ngày mới gặp lại, Ngát mũi lòng, lại ứa nước mắt.

Nghĩa hỏi:

- Em không việc gì chứ?

Ngát nói:

- Em chạy từ Cổng Cót về. Em xuống Cót tìm anh Đề Cụt cho bác Bếp, nhưng không thấy. Anh ra đánh nhau ở Cầu Giấy à?

Nghĩa chỉ “ừ” một tiếng rồi ngồi xuống như đổ người vào chân cột nhà. Con mã tấu, chẳng kịp dừng, buông xuống thềm, va vào hòn đá kê chân cột, kêu choang một tiếng. Cũng không nhật lên nữa. Mắt đã díp lại. Buồn ngủ quá. Cả mấy chục trai làng ở Cầu Giấy kéo về đến đầu ngõ, ai cũng lảng lạng đi tắt tả.

Đêm ấy, rồi mấy người trong nhà đều lần lượt về. Hai chú ở lại ngoài Đồn Thủy cũng chạy thoát. Các chú ấy chui vào trại lính. Lúc xế trưa, có tin về nói quan năm, quan ba chết trận cả rồi, quân bên ta sắp vào tận tổ Tây, đã đánh đến Cổ Tân rồi. Ngoài phố, cháy nhà bùng bùng, tre nứa nổ như ống lênh. Bao nhiêu người làm trong các trại ở Đồn Thủy cứ thế chui rào ra hết. Mấy người lính khố đỏ đương ốm cũng vút cả thất lưng điều chạy ra theo hàng phố... Tây canh trại không dám bắn. Chúng còn đương cuống cuống tìm đồ bơi ra trốn ngoài tàu đậu giữa sông.

Cả đêm, trong làng êm ả như không. Phía Cầu Giấy suốt đêm hơi lửa tàn vẫn sáng mờ. Người ở nơi trận mạc về dần, không ai trông thấy ai, mà sao cảm thấy vẻ đầm ấm làng đã có người.

Ba mẹ con bà Xuất nằm ngủ ngay đầu hè. Tay Ngát nắm tay Nghĩa. Đương thốn thức thẽ mà Ngát cũng đã gà mắt, ngủ lúc nào. Sự yên tâm kéo cơn ngủ của người ta đến càng mau.

Gần sáng, tiếng tù và không biết từ phía nào rúc lên. Đang mê mệt thế mà tất cả ngồi phắt ngay dậy. Nhưng xung quanh vẫn lặng ngắt. Chỉ có Ngát co quắp nằm đến sáng bạch. Cái áo rách toang. Có lẽ Ngát ngủ quên cả vật áo rách. Nhưng lúc gà gáy mẹ đã đắp lên cho cái mền.

Nghĩa chống tay ngồi dậy, vuốt ngược tóc, búi tạm, quay nhìn Ngát. Ngát vẫn như dạo trước. Tội nghiệp con bé - hay tội nghiệp cho mình, thời loạn làm thân con gái phải giả trai giả gái lẫn lộn cả. Khuôn mặt Ngát lúc ngủ ngây ngô trẻ con - mà cũng đương tuổi còn trẻ con. Cái môi dưới phịu ra như hờn, như làm nũng. Thương hại, âu yếm, Nghĩa quần xong tóc, thuận tay khẽ vuốt má Ngát.

Không ngờ, Ngát nắm lấy tay Nghĩa rồi mở mắt, mỉm cười tinh nghịch như từ lúc nào vẫn thức hé mắt rình. Rồi Ngát cứ nắm tay Nghĩa, lại lim dim mắt, muốn ngủ lại, bộ giả vờ thế.

Bà Xuất trông thấy. Bà lặng lẽ quay mặt phía khác.

Một lúc sau, bà Xuất đến vỗ vào lưng Ngát nói:

- Bảnh mắt rồi, dậy thôi. Xống áo bunn bắn gớm chết thế này. Gớm, cứ như cháy nhà.

Rồi bà Xuất vào dây vắt quần áo trong buồng, tìm dải yếm, áo nâu, váy chồi thâm của Ngát mọi khi.

Cả ngày, ngoài đường vẫn vắng tanh. Hai hàng bóng tre rỗng không. Chẳng bù với suốt đêm trước, cả làng thức rồi kéo ra Cầu Giấy. Một đám trai đến đi với Nghĩa. Nghĩa đeo mã tấu trong bụng. Đến lúc ra cánh đồng quang mới biết. Cả người có tuổi cũng đổ đi, bà Xuất cũng chạy theo mọi người xem thế nào.

Sau trận Cầu Giấy có đến một đạo, mọi chuyện đồn thổi thì thảo cứ vòng vèo tưởng không bao giờ dứt mà cũng không ai nghe thủng đầu đuôi từ chỗ nào.

- Mười năm mà ta chém cụt đầu hai thẳng tướng. Phen này quân Tây phải co vùi. Dữ thính cũng không dám nho nhoe.

- Lần này nó chết thẳng quan to nhất. Nó chỉ có đến quan bảy mà đã chết đến quan năm rồi.

- Cho nó sang đến quan mười, quan trăm cũng chết đồng tử cả thôi.

Một người hóm hỉnh nói pha:

- Bao giờ Tây cho đến thẳng quan tài sang thì mới khỏi chết được.

Tất cả cười hô hố.

Mỗi hôm, lại sang chuyện khác.

- Có người ngoài Kẻ Chợ về nói các quan ta ngoài ấy lại đương bàn tán sắp ký kết bán đất cho Tây đấy.
- Thằng Tây phải bán nước nó cho mình thì có. Nó thua rồi mà.
- Chuyện cái lão điếc lác này chán thiu lên. Là vua quan bên mình sắp đem bán đất cho nó ấy.
- Giời ơi, ta được trận mà ta lại phải đón thế a?
- Ấy mới ngược đời.

Có người cất tiếng hát:

Thằng Tây nó ở bên Tây

Bởi vua chúa Nguyễn rước thầy đem sang

Cho nhà cho nước tan hoang

Cho thiếp ngậm đắng, cho chàng ăn cay

Cha đòi mấy đứa theo Tây

Có người còn hồ nghi, lại gạn hỏi:

- Thế các quan ta mới cầm quân đánh nhau ở Cầu Giấy đâu cả rồi?
- Vãn cả đấy. Thật thì thằng quân ta cắt được đầu quan năm, quan ba chứ có ông quan nào dám thò tay ra đâu.
- Cái trận Cầu Giấy phải tính công về các làng nữa chứ. Ai chẳng biết đấy.

Im lặng rồi có người gật gù: phải, phải... Có người hỏi:

- Có phải quân ông Thống lại lên Sơn Tây?
- Cả mười cơ, cả năm thót voi, vệ Hùng Vũ, vệ Hùng Định, vệ Phấn Uy cũng rút rồi a?
- Rút rồi mà cũng chẳng dám đóng ở thành Sơn.
- Thế đóng đâu?
- Kéo nhau chui vào núi trong núi Ba Vì như mọi khi.

Một người chép miệng:

- Chắc vào chân núi tìm được chỗ có cỏ tốt cho voi.
- Thế còn quân ông Lưu?

Tiếng thở dài đánh thượt một cái.

- Mòng gì cái quân cướp ngày ấy. Cũng tếch lên ngược rồi.
- Chỉ còn có làng nước ta ở đây với nhau thôi à?
- Thế nào nữa!

Những câu chuyện đầu đình, cuối làng cứ quanh quẩn không bao giờ cạn được.

Mấy lâu sau, cả vùng lại êm ắng.

Rồi mọi công việc làng nước bình thường năm này qua năm khác lại như thế. Như bất cứ bao giờ đến quãng tháng năm tháng sáu, có chim tu hú về kêu, mùa vải lại chín đỏ bãi. Những chân ruộng chiêm sâu đã được gặt. Trên xứ đồng cao quanh làng còn mấy luống cà bát muộn cũng vừa hái nốt để lấy đất cày vãi. Trưa đến nắng rát, trong mái cầu rêu ẩm dưới bóng cây muôm cổ thụ giữa đồng, hai bác thợ cày nằm ngáy pho pho một giấc nặng nề. Những con trâu đầm trong vũng lầy hăm hấp như một miếng bunn ướt nhoáng im lặng. Chỉ nghe cái đuôi đập ruồi thỉnh

thoảng đánh tét lên khỏi mặt bãi bùn. Chốc nữa, nắng xé dịu, người và trâu trở dậy, lại lặn lội cày nốt đến lúc trăng lên.

Trong các làng canh cửi, chập tối, quang đèn treo lắt lư giữa cửa sổ. Các khung cửi đã lên đèn đầu hôm. Đêm trăng sáng khắp những làng làm giấy ngoài Bưởi, dưới Cầu Giấy, Cổng Cót ở những nơi thảng trước vừa có đánh nhau to. Người ra đãi bìa bột dó ngoài sông Tô Lịch. Vạc nấu dó, những tảng vôi vàng mờ đọng như gò của người Đại Từ lên nấu thuê ở ngụ cư lâu đời thành cả xóm Vạc bên bờ sông đầu làng Yên Thái. Làng xóm lại ra cửa đình ngồi chơi trăng đêm hè. Người hóng mát về vừa đi vừa cầm quạt nan gãi lưng. Người gánh nước, người đãi bìa. Chiếc đài mo cau kéo nước lạt sạt thành giếng với những câu chuyện, tiếng cười đến khuya mới theo trăng lặn vào xóm.

Thấm thoát, đã lại sắp Tết rằm tháng bảy. Mấy tháng nay, Tây kéo quân tiếp viện ra nhiều lắm. Chúng nó ở trong thành và trong Đồn Thủy.

Cũng nghe có lần chúng nó đi tàu thủy xuống đánh Nam Định, lại bị chết thêm ông quan Năm như trận Cầu Giấy^[28]. Hay còn đi đánh những đâu không biết, nhưng vùng này thế là yên yên. Bà Xuất cho sang Bồi gọi thím hai với các cháu về ăn Tết rằm.

Những người làng dưới đạo trước ra Đồn Thủy kiếm việc, lại trở về làng giữ chân thợ cửi như mọi khi. Ngoài ấy bây giờ Tây bắt lính xây đồn, không mượn phu các nơi về nữa. Những phố xá quanh đồn đã lác đác dựng lại. Nhưng cũng chưa bằng trước. Dầu sao thì quan quân chết trận ở Cầu Giấy, ở Nam Định nhiều như thế thẳng Tây ốm nặng đã lại người ngay sao được. Một lần, hội nghĩa vùng đồng chiêm lên gọi Nghĩa đi bàn nghe tình hình vậy.

Đã lâu Đề Cụt lại đi đâu, không thấy về.

Nhưng các khung cửi trong làng đông vui dần.

Mấy tháng bỏ đấy, mà chân đòn, cuốn cửi, ván tỳ đã mốc trắng. Nghĩa phải mất mấy ngày sửa sang cả hai khung. Anh em chia nhau đi chợ, mua “khổ” và thừng dây néo, các thứ đồ nghề lặt vặt.

Lồng tơ và ống không lại bày ràn rạn khắp nhà ngang. Những con tơ Phùng vàng óng quay ra được nhiều sợi mảnh, mịn, chẳng có một đoạn sần. Đến hôm đủ tơ mắc cửi, cả nhà thật bận rộn. Một gian tơ vàng rôm, người mắc cửi đi tới tấp, nhíp nhàng. Rồi những khung hồ được lắp lên. Bà Xuất, thím hai, các cháu lo quấy hồ, làm hồ.

Cuốn cửi đầu tiên được mắc vào khung có chiếc vỏ khổ mới, giấy tiếp vàng chóa. Cửa nhà bỗng vui như buổi dệt cửi mở hàng ngày đầu năm. Khung của Nghĩa vừa đầy cuốn cửi, Ngát tranh vào gõ.

- Em gỡ cửi mở hàng cho thì anh may tay cả đời.

Không ai có thể tưởng đấy là cô Ngát dạo trước đã mặc giả trai ra ở Đồn Thủy.

Đêm ấy, Nghĩa lên đèn cuốn cửi đầu hôm. Cũng gọi là dệt đầu hôm cho được ngày. Lâu lắm, trong nhà mới sáng sủa, có cửi dệt tối. Ánh quang đèn dầu thấp thoáng ngoài cửa liếp. Đây cuốn cửi, Nghĩa gõ văng, gọi. Ngát ra khung cửi.

Ngát hỏi:

- Em tưởng anh dệt cuốn nữa, nửa đêm hãy nghỉ.

Nói trêu được Nghĩa, Ngát cười khúc khích.

Phiên chợ ấy, mẹ con đi chợ - một ngày chợ tơ bình thường. Cũng bình thường chứ sao. Nhưng cả ba mẹ con cùng đi xem chợ. Các bà các chị trong làng còng lưng vác đầy cồng kênh những tấm lĩnh mộc trơn.

Đình Hàng Đào, Hàng Gai nghịt người các nơi đổ đến. Phường buôn trong Nam, lái Quảng Nam, Quảng Ngãi được gió nồm cũng đi mảnh ra cất lĩnh Bưởi, đem về chuội nhuộm bóng, đưa vào bán tận Gia Định. Tơ Yên, tơ Phùng bày vàng rực mấy gian đại bái cửa đình. Cả phường tơ mái

Quan Nhân dưới Nam cũng thấy lác đác có lái đeo dây đến. The La, lượt Bùng, lính Bưởi, đông đủ. Bỏ mất mấy tháng chạy loạn, chợ tơ bây giờ lại tấp nập. Người mua bán, hàng quà bánh la liệt khắp mặt đường, trước các hàng cơm chứa trọ, các lò thợ ruộm.

Nghĩa đeo dây đi trước, bà Xuất và Ngát đi không, theo sau. Mẹ con men hồ Tây thông dong. Tưởng như không còn ai nhớ chỉ ba tháng trước, trên thành cửa Bắc, ta với nó đánh nhau, cụ Hoàng cười voi vào trận... Và cũng trên đường này, Ngát với Nghĩa đã lúc đi lúc về, ra Đồn Thủy cũng việc quốc sự mấy lần... Những chuyện nhớ mà không muốn nhớ.

Cũng chẳng việc gì khiến cả ba mẹ con phải kéo đi chợ. Nhưng Nghĩa và Ngát muốn đi xem chợ Tết.

Bán hàng xong, mẹ con sang Hàng Bè. Chợ Hàng Bè đông hơn vào đám. Quanh gốc những cây bàng cổ thụ mát rượi buộc hàng đàn bò tơ từ bên Bắc dắt sang. Suốt dãy hàng lợn, tiếng eng éc đình tai. Sắp rằm tháng bảy, Tết ăn ốc trông trắng có khác, các xóm sinh sống nghề sông nước ven sông Cái đã đưa lên cả thuyền thúng ốc nhồi.

Mới yên một cái mà đã vui thế.

Trở về, Nghĩa đeo dây tơ. Bà Xuất cân được hai mái tơ Yên. Trong tay nải, bọc lá chuối mấy mớ bánh cuốn Thanh Trì, mớ đậu kẻ Mơ và những buộc bánh mật hàng chục chiếc - gọi là quà Kẻ Chợ.

Nghĩa nói:

- Chợ Hàng Bè có rượu Vân, mẹ mua sẵn xem có khi anh Đề Cụt về nhà ta ăn Tết rằm.

Ngát ngẩn ngơ nói:

- Ở nhỉ.

Bà Xuất rầu rầu mặt.

- Đi đâu mà không thấy người! Còn sống hay là làm sao rồi cũng nên.

Nghĩa nói:

- Anh ấy chết thế nào được. Cứ trữ xó rượu, mẹ ạ.

Nghe các con tíu tít nói, bà Xuất lại vui.

- Ở mà nó ưa rượu sen hồ Tây hơn. Chốc nữa về qua Thụy lấy rượu cũng được.

Ba mẹ con qua cầu Đông, men sông Tô Lịch đi ra. Chiều nắng êm như không. Bóng tre vờn xanh rờn mặt nước. Đàng hồ Tây, nghe không biết phía nào, đã xôn xao tiếng gõ dồn cá sấu soạn buổi chài đêm của các nhà chài Nghi Tàm.

Các phường vào chợ búa trong Kẻ Chợ bây giờ về đã lũ lượt đi chen chân. Người Thạch Khối bán vôi. Làng Thụy, làng Vĩng vào bán rượu khoác vai xấp bong bóng không - rượu đã hết, đầu đòn gánh bên này quàng mấy chục râu men Bắc trắng bệch như bánh bông ngô rang. Bọn ở Tây Hồ gặp phiên bán chỉ về đông nhất, các phường Đồng Xuân, Vĩnh Xuân bán than hoa để hãm thuốc, đun nước pha chè. Phường Đình Ngang, người ở Cáo, ở Quán La buổi sớm gánh trĩu vai đôi thùng dầu lạc, dầu trám, bây giờ hai quang lồng một thông dong về. Người đi đường chế giễu sao bác hàng dầu chưa thắp đèn mà mặt mũi đã đỏ phừng rồi, - chả là các bác phường dầu có thói vừa đi vừa uống rượu đưa chân.

Ở những chiếc cầu thượng gia hạ trị kín đáo mái che bắc qua sông Tô Lịch, ở làng Thụy, đến cổng Đỗ ra đầu chợ Bưởi, người ngồi hóng mát và kéo vó.

Buổi chiều, đông thêm các làng ngoài Kẻ Chợ về, người tất tả, người thông thả. Quán hàng cửa chợ, có nước chè tươi lúc xế nắng, khách ghé uống một bát đầu hôm. Người vào vì bát nước bát rượu hay người mượn cớ để to nhỏ chuyện quốc sự. Nào ai biết. Sáng sớm chập tối, cứ hối hả các đầu ô ra vào. Nhưng, đường quan liền bên vách, nơi quán xá lúc nào chẳng chạ đủ thứ người, hơi đâu mà nghi hoặc.

Về đến đầu xóm, trăng rằm êm ả đã vành vạnh lên đăng chân tre.

Ở nhà, đã xong cỗ rằm. Cỗ bàn thờ loạn chẳng có gì, cái chính là mong nhớ có một ngày thông thả trông trăng. Lệ trông trăng rằm tháng bảy các cụ đặt ra từ bao giờ, bây giờ vẫn ước ao thế. Tuy đương buổi tao loạn, không có được êm ả như mọi khi bình thì, nhưng trẻ con cũng được nôi chè lam, lại gói bánh khoai, bánh bột lọc, bánh mật, ăn đã mấy hôm rồi.

Giữa sân, hai mẹt bánh đúc lá riềng xanh ngắt, tròn xoe như hai ông trăng mọc trên hai cái mâm chõng. Trẻ con chọn chỗ ngồi cạnh nôi ốc, cứ chen nhau chí chöhe. Tương đã rót ra mấy bát riêng. Còn phải đợi bà rán xong đậu. Sợ các cháu sốt ruột, hết ăn, bà Xuất khuôn ba ông đầu rau ra, bắc ang rán đậu lên trước mặt cho chúng nó nhìn thấy.

Lũ trẻ reo à à. Ngát lấy cái que tre cật xắn mẹt bánh đúc. Nghĩa già gừng bỏ vào tương - bát tương gừng vừa đặt lên chõng. Rồi Nghĩa vào bếp bung ra một nôi ốc bươu vừa chín. Khói thơm lá chanh bốc um. Nấm gai xam xọng giắt ở khe chõng, mỗi đứa trẻ đã nhắm nhắm cầm sẵn một cắc.

Mùa cạn đến, ốc đương béo. Ốc bươu chắm tương, ăn với bánh đúc lá riềng, rả rích cho đến lúc trăng lên tới lưng cây cau, không phải chằm đèn cũng nhể được ốc, - đến lúc ấy buồn ngủ, nằm xem trăng mà ngủ ngay đấy, - rằm tháng bảy, năm nào trẻ con cũng nhớ.

Nghĩa ngồi nhìn các cháu nhẩn nhó, ngoeo mặt cầm gai khều ốc mà vẫn cãi nhau giữ phần. Nghĩa cười, phải chạy ra nhắc mỗi đứa ngồi xa ra một góc.

Bà Xuất nói:

- Có mấy đứa mà đã loạn thế. Vài chục đứa thì vỡ nhà.

Ngát bảo Nghĩa:

- Anh Nghĩa có nghe mẹ nói không?

- Mẹ bảo sao?

- Mẹ bảo nhà này rồi phải đẻ lấy vài chục trẻ con.

Chẳng ai cười, Ngát cũng cười ngật nghöhe, hỏi lại:

- Có phải thế không, hả mẹ?

Nghĩa tủm tủm:

- Cô này vô duyên, chưa nói đã cười!

Bà Xuất lặng im, nhìn đàn cháu. Bà Xuất yêu trẻ, lúc nào cũng muốn cho trẻ con ăn, ăn thực nhiều. Bà thích ngồi xem chúng nó ăn cơm chen chúc như lợn đàn. Rậm người hơn rậm cỏ, bà ao ước con cháu riu rít đầy sân. Nhưng lúc ấy bà Xuất chỉ nhìn Ngát và im lặng. Mà Ngát hỏi câu ấy rồi cũng chẳng để ý nghe mẹ trả lời hay không, Ngát vẫn đương cười nhìn Nghĩa xốc nách một cháu đằng kia sắp sinh sự cãi cộ nhau. Thằng bé co chân lên, đòi chùn lại chỗ cũ rồi cứ kêu réo, không ra khóc, không ra hét. Cả nhà cười ồn sân.

Bỗng tiếng ai vang vang từ cổng tán vào.

- Vui quá nhỉ, vui quá.

Mọi người reo:

- Ơ anh Đề! Anh Đề!

Bà Xuất cần nhằn:

- Chúng mày quên đóng cổng tán. Nhỡ một cái, có chết không.

Đề Cụt đã vào tới giữa sân sáng trăng nói to:

- Đóng rồi, tôi đóng cả ba lần cổng, tra dôi cẩn thận.

Bà Xuất chép miệng, cười:

- Để kẻ trộm đóng cửa hộ thì còn chuyện gì!

Đề Cụt bưng trên tay một bọc phủ mảnh vải đỏ. Thả xuống sân, cái bọc đứng được. Mở ra, đấy là con gà chọi. Con gà chọi cao lộc ngọc, cũng đứng yên như cái ghế.

Lũ trẻ xô đến, vút cả gai nhể ốc, tranh nhau ôm gà.

Đề Cụt xua tay:

- Ôm một tí thôi, kéo hồng gà của tao. Rồi chúng mày bỏ vào lồng gà của ông cho tao, cái lồng gà vẫn bỏ không ấy, còn không.

Ngát nói:

- Để nó ngủ bếp ấm hơn.

Đề Cụt nói đùa:

- Bỏ vào nồi ấm nhất!

Rồi khoe:

- Con gà này, ban ngày ấy ạ, đến con cáo to nhất lũy tre này nó cũng mổ đánh được. Bây giờ thì anh ả quáng gà, cái giống gà nó thế, tối đến thì quáng gà:

Bà Xuất nói, vẻ sành sỏi:

- Gà mà mổ chuột, mổ cáo, thế cũng đòi chơi gà chọi!

Gà chọi khác kia.

Rồi bà Xuất nói:

- Chẳng biết có còn lồng hay trẻ con chơi gãy rồi!

Nghĩa vào sau bếp. Từ ngày ông Xuất mất, cái lồng không vẫn treo đấy. Thỉnh thoảng, đứa nào bắt được tổ sáo hay con vàng anh non, đem nhốt vào. Nhưng rồi cái lồng gà gãy thừa cả nan, thả lọt chim, chúng nó vút đấy.

Bà Xuất bảo Đề Cụt:

- Chúng nó đã mua trử cho mày xó rượu sen. Chưa cúng rằm mà đã lù lù về. Thiêng thế.

Đề Cụt ngồi vào giữa đám trẻ đương nhể ốc.

Bà Xuất hỏi:

- Bây giờ lại chơi gà chọi à? Người ta bảo mày đi những đâu những đâu mà lại thông thả thế a?

- Thấy anh em chơi, con cũng đua đòi một tí.

- Chúng nó cứ ngóng cứ lo. Thằng Nghĩa bảo rằng mày đã được thiên tào xóa sổ từ cái trận Ngạc Nhe, bây giờ giờ đánh cũng không chết được mày.

Đề Cụt cười hà hà:

- Vâng, con là người nhà giời rồi.

Nghĩa đã mang lồng gà đến. Chiếc lồng cao, nan tròn, như lồng nuôi khướu. Ngày trước, lồng gà này đặt bên chái nhà, chỗ bóng mát giàn đậu ván. Chỉ khi đi chọi, ông Xuất mới bỏ gà vào, phủ vuông vải điều che đến lưng lồng rồi xách đi. Cái lồng bây giờ xiêu một bên, trong bóng trắng cũng trông thấy hồng mấy nan.

Bà Xuất lại hỏi:

- Thế hôm ra đánh ở Cầu Giấy mày ở chỗ nào?

- Con ở cánh quân dưới Cổng Cốt với hội nghĩa ông lãnh trông Thày Vồ.

- À.

Đề Cụt nói:

- Năm nay đánh nhau thật lạ, các làng ra đông thế, rầm rập suốt cả đêm. Thế mà bọn mật thám mù mắt không biết ta đã đón đánh nó ở Cầu Giấy.

- Là đón lõng hay đón được thật?

Đề Cụt bỏ gà vào lồng. Nó đứng yên như con gà gổ, khiến lũ trẻ cười, chọc thử xem gà có động đây.

Đề Cụt lại nói:

- Không phải hôm ấy mà từ năm bảy hôm trước, chỗ Cầu Giấy đã rộn rịch rồi. Quân ông Thống về đóng ở Yên Quyết. Đêm nào các làng cũng kéo ra như đi chợ, gậy tày mã tò, thùng lủng mã tấu. Vâng ạ, chưa bao giờ hội nghĩa các làng ra đông như năm nay.

- Sao bảo nó lừa ta lên Cổng Vị?

- Mẹ hỏi chú Nghĩa thì biết nó lừa ta hay nó mắc bẫy ta.

Rồi Đề Cụt cười:

- Nó đến đồng đất người ta mà lại định lừa người ta, lừa thế nào. Chỉ tiếc trận này, ông Long ông Hồ thủ túc ông lãnh đều chết trận cả. Tiếc quá.

Một lúc sau, Đề Cụt gật gù như nói một mình:

- Con có chết bây giờ cũng sướng. Một đời được trông thấy hai thằng tướng Tây to chết thẳng cẳng.

- Cha đẻ mẹ nó, tao chưa tường mặt cái thằng Tây đâu!

Nghĩa nói chen:

- Kìa mẹ, hôm ngoài Đồn Thủy mà...

Bà Xuất cười, đã lại lấy trầu nhai bồm bẻm từ lúc nào.

- Ừ, nhìn rồi mà vẫn quên.

Đề Cụt kể:

- Chúng nó cũng mưu lắm. Nhưng ăn thế nào được mưu ta. Nó bắn nát trại nhân bên Cầu Giấy rồi mới sang. Cả thằng quan Năm cũng theo súng đại bác đến tận giữa làng Dịch Vọng Trung, thế là ta từ trong lũy tre đánh thốc ra. Chúng nó thối kèn tò te thu quân không kịp. Hai bên lũy rất bụi tre với ruộng nước. Chúng nó xông vào chặt tre, định chạy tắt trở lại Cầu Giấy. Cái giống tre nhà mình ghê thật. Thằng quan Năm thế mà cũng gan. Xe đại bác bị sa lầy. Lính bắt bánh lên chưa được, nó nhảy xuống bắt bánh với lính. Thế là nó ăn một phát đạn vào vai. Rồi đạn cứ tới tấp bắn. Ngựa bị đạn bắn rống như bò. Bấy giờ mới là lúc tợn đây. Quan Năm ngã rồi, bên ta rúc tù và xông lên.

Ngát hỏi Đề Cụt:

- Nghe nói các quan treo thưởng tám mươi lạng bạc cái đầu quan Năm phải không?

Đề Cụt cười:

- Tao cũng không biết ai được.

Rồi Đề Cụt cao hứng:

- Cái lão quan Năm này râu quai nón hệt lão Ngạc Nhe, đầu tóc đen như cái củ chuối. Dem lên bêu ở chợ Nghệ, mấy hôm sau còn mọc thêm râu ra, lấp cả mặt! Gớm thế.

Bà Xuất hỏi:

- Có phải thằng quan Năm thì có năm vạch khâu bằng vàng vào cánh tay.

Ngát tỏ vẻ hiểu biết:

- Ở Đồn Thủy có năm cái vạch khâu vào ống tay áo thôi.

Đề Cụt hỏi Ngát:

- Nó cũng đem mày đi trện à?

Ngát không nói.

Nhưng Đề Cụt đã cười ha ha, chẳng hiểu cười gì.

Bà Xuất lại hỏi:

- Sao hôm ấy đánh nhau xong mày không về đây? Tao sốt ruột quá.

- Con đã được tin cả nhà ta bình yên rồi con mới không về. Dạo này con phải đi nhiều.

- Nghe đã yên hàn mà.

- Rồi như canh hẹ, yên thế nào!

Đề Cụt im lặng, rồi nói:

- Con lại sắp về mở hàng cơm chỗ Ba Cây Đề.

- Thế à?

- Chuyến này con hẹn một ông khách về nhà chơi chơi gà, nhân thế, có việc bàn với chú Nghĩa. Con còn đợi.

Bà Xuất hỏi:

- Khách về sớm hay muộn?

- Cũng quãng lững thững trưa mai.

- Bảo chúng nó chạy đi chợ cho kịp.

- Con đã lấy thịt chó ngoài kia rồi.

- Lại thịt chó! Cái thịt “con giòi”, thằng Nghĩa nó không ăn đâu.

Đề Cụt cười:

- Chú ấy có số thờ, con biết rồi.

Trăng đã lên ngang thân cây cau, tỏa sáng khắp sân. Bà Xuất vào trong nhà.

Lũ trẻ con, cả Ngát nữa, cũng đi ngủ từ lúc nào. Ngoài sân, lại chỉ còn Đề Cụt với Nghĩa ngồi dưới bóng trăng, càn khuya trăng càng trong leo lẻo.

Nghĩa vẫn cầm cúi vót mảnh tre để cài lại mấy nan lồng gậy. Từ lúc bà Xuất vào nhà, Đề Cụt làm lì không nói. Chỉ có Nghĩa nhớ lại đêm năm trước trên hồ Tây, cũng sáng trăng như ban ngày thế này. Vẫn thế, đêm trăng lồng lộng tháng bảy. Nhưng hình như trăng bây giờ sáng hơn mọi năm. Bởi mấy tháng trước tưởng không còn được ngồi đây, thế rồi bình yên trở lại, ánh trăng bỗng nhiên như sáng hơn.

Đề Cụt thở dài, nhìn Nghĩa:

- Chú Nghĩa ạ, cứ trông thấy chú thì tao lại nghĩ.

Nghĩa không ngạc nhiên vì đã hiểu cái nghĩ của Đề Cụt và nói như gạt đi:

- Giặc già bề bộn thế này, nghĩ làm gì!

- Mày có ở cảnh tao mày mới thấu được. Thôi thôi, mà chú nói phải. Nhiều việc phải đến tay chú mới xong, để mai chúng ta bàn.

Nghĩa cúi lòng thương Đề Cụt. Nghĩa liếc nhìn nét mặt đăm đăm của Đề Cụt rồi Nghĩa cúi xuống, thở dài.

Đề Cụt lại im, lúi húi sửa nan lồng với Nghĩa. Nghĩa vót lại, cầm thử rồi chèn bốn chiếc nan gãy bằng những mảnh tre cật. Đề Cụt bắt con gà chọi bỏ vào lồng. Nghĩa đem vào treo lên cột đầu mái tranh.

Lúc Nghĩa trở ra, đi trong ánh trăng, dưới bóng những tàu cau rào rào gió nam, mát rượi.

Nghĩa biết Đề Cụt lại đứng nhìn mình, Nghĩa quay mặt đi - mặc dầu Nghĩa biết Đề Cụt nhìn “chú Nghĩa” một cách tự nhiên, thân thiết mà đau buồn. Đề Cụt nhớ cái Gái. Nghĩa lại thở dài, lấy cái nhìn buồn thảm của Đề Cụt. Đến lúc Nghĩa ra tới trước mặt Đề Cụt, vẫn thấy ánh mắt người con trai rầu rầu nhìn mình như thế, Nghĩa bồi hồi. Nghĩa hiểu cái nhìn ấy.

Đề Cụt gượng cười, rồi nói:

- Lúc cái Gái còn sống, nó phải lòng mày, mê mày như điên điên. Tao biết.

Nghĩa cúi mặt, tự dưng hai bàn tay ngượng ngịu, mân mê xếp lại cái vạt áo ngắn.

- Tao vẫn định bao giờ yên vui, chúng mày mà thành vợ thành chồng thì tao về ở cùng. Tao ở với chúng mày, về già anh em nương tựa nhau.

Nghĩa thẫn thờ nhìn ra ánh trăng đọng trên mặt vại nước thành một khoảng tròn vành bằng cái khâu nón, có từng chấm lấp lánh như nước mắt. Nghĩa nghĩ nếu bây giờ anh ấy biết mình là con gái thì thế nào. Không dưng, Nghĩa nhớ những đêm dệt đầu hôm, bước ra khung cửi, dây hoa lý ngoài giàn đậu ván vừa dậy mùi khuya.

Đề Cụt lấy chổi phẩy rồi xếp hai cái mâm chõng nối vào nhau.

- Anh nằm ngoài sân à?

- Nằm sáng giăng cho mát.

- Chốc nữa khuya có sương lạnh, anh ạ.

Đề Cụt ngồi bó gối, nghiêng mặt nhìn trăng, rồi lại thở dài thượt một cái.

- Lúc nào sương xuống hãy hay. Nhưng mà quái, cái đêm nằm với mày ở hồ Tây chẳng lạnh lẽo gì cả.

XI

TỪ SÁNG SỚM, trẻ con trong xóm đã biết có khách đem gà về chơi ở sân nhà bà Xuất. Chúng nó léo nhéo gọi nhau kéo tới. Đã mấy năm, sới gà sân nhà bà Xuất mới lại có đám.

Anh Đề Cụt thả gà xuống, còn nắm nắm hất hất, vừa vằn gà giảng cho Nghĩa và Ngát cứ đứng gần mặt nghe.

- Ôm gà, nâng gà, không phải ai cũng làm được đâu. Cô Ngát đi giã cho anh củ nghệ. Om bóp nghệ hai cái quán nó. Chăm gà bận hơn con mọn chứ không phải chơi.

Nghĩa toan nói: “Thế thì chơi làm gì”, nhưng lại thôi, vì nghe anh Đề Cụt nói, Nghĩa trông con gà của anh, thấy nó hách tợn, mình đỏ lửng, lura thừa lông. Cái mào quắt, lật một bên, ngổ ngược. Đứng cũng không chịu yên, thỉnh thoảng, cất chân đập phăn phất như ngựa đá.

Đề Cụt gật gù nói con gà này mắt hạt cau, gan to hơn gan người, đánh chết thôi chứ không biết lùi.

- Ấy, cái mỏ. Đốc to, đầu nhỏ, mỏ điều hâu, nó mà núu mỏ được, con kia phải đến rách thịt. Kìa các chú trông nó đi, nó đi kiểu gà nòi: thứ nhất, cái gì quên rồi, thứ hai lắc mặt, đòn nhanh như chớp. Nó đứng kìa, hay chưa, đứng cũng né quán, giữ miếng.

Ngát chép miệng:

- Thế thì gà của anh Đề Cụt nhất thiên hạ rồi.

- Không thể nhì được.

Đề Cụt không để ý những câu nói giễu, thật thà cười:

- Nghe người ta giảng thế, anh nói lại thế. Thật đấy.

Có bóng người từ ngoài cổng vào. Khách chừng chạc, đội nón chớp dứa; tay xách lồng gà, phủ mảnh lụa hoa hiên.

Khách vào đến giữa sân, ngả nón mới rõ mặt, trong khi Ngát đã chạy ra đỡ nón.

- Lạy bác, bác Bếp đã về.

Bác Bếp chột như ngõ ngang một chút nhìn Ngát, rồi cười:

- Mày đấy à? À mày. Thời buổi này, trẻ con đàn bà cũng khó nhọc, tội nghiệp. Hai thằng nữa, hai thằng ở Đồn Thủy dạo ấy đâu?

Lúc ấy, mọi người trong nhà đã ra chấp tay chào bác Bếp. Ai cũng tíu tít: cháu chạy về được... cháu chui bờ rào... Cháu không biết bác lúc ấy thế nào... Không biết từ bao giờ và ở đâu cũng vậy, cái dáng đĩnh đạc, khoan thai, cách nói mềm mỏng của bác Bếp đã cứ tự nhiên làm cho mọi người phải vừa kính nể vừa thân thiết.

Bà Xuất ra mời khách vào trong nhà. Bác Bếp đặt lồng gà ở đầu hè rồi bước vào. Rõ ra con người lọc lõi đất Kẻ Chợ - bác Bếp đây mới đáng mặt tay chơi gà chơi. Khăn lụa vân sa quấn quanh búi tóc củ hành, tấm áo chồi năm thân nhuộm điều. Chiếc quần tơ gốc vàng chốe. Đôi giày Tàu da Mông Tự đi êm ru. Dáng lướt là như bọn khách Hàng Buồm lăm của, mỗi bước ra đường lại thuê vệ sĩ lính Cờ Vàng đi hầu. Người này hẳn thường lui tới Hàng Buồm, phố Mới, những nơi tiền rừng bạc bể, cao lâu, hút sách, cò bạc, dĩ bợm nghiêng trời. Những chốn ngày càng đông những bọn Khách theo Tây ở Vân Nam xuống, và không biết ở những đâu kéo đến nhộn nhạo tác quái một vùng phường phố giữa Kẻ Chợ.

Không ai có thể tưởng người như bác Bếp hôm nay mà dạo trước đã sống giữa trại lính Đồn Thủy, đóng cái áo trắng cổ đứng. Vừa trong bếp ra, lại thành anh nhà bàn, một tay vắt khăn mặt, khúm núm nghiêng chai rót rượu mời các quan Tây. Những người giang hồ ngang dọc thế này trăm công ngàn việc phải lo, phải tính, có thể mới là người thời bấy giờ.

Khách ngồi xuống phản giữa, cầm miếng trầu ăn, cười khà:

- Hỏi thế thôi, chứ tôi cũng đã biết các cháu bình yên về được cả.

Ngát hỏi:

- Bây giờ bác làm ở đâu? Bác không...

- Ừ không về Đồn Thủy nữa, về thì nó chật đầu. Nhân sinh bách nghệ, bây giờ tao làm nghề khác.

- Thế hôm ấy rồi bác đi đâu?

- Đi đâu a? Tao phải xách cái đầu lâu thẳng quan Năm về phủ Hoài. Chứ lại xếp xoong chảo ngồi xe trở về Đồn Thủy sao được!

Câu chuyện dữ dội bỗng tan trong trận cười rầm rĩ.

Đề Cụt từ ngoài sân vào.

- Bây giờ quan anh xơi giầu xơi nước rồi xin đưa gà ra cho gà đàn em hầu một hồ.

- Thong thả, mở hộ cái mảnh cho gà thuộc thung thuộc thổ cái đã.

Bác Bếp đứng dậy. Bóng nắng ngoài sân đã vào ngang gốc cau.

Bác Bếp nói:

- Tháng tám mà còn nắng thế. Ừ, làm một hồ cho nó mát mẻ.

Đề Cụt đỡ:

- Vâng, xế chiều rợp sân lại chơi hồ nữa.

Người đã tới xúm xít quanh. Nén hương đen đã được cắm xuống cạnh vòng sỏi. Đo một gang tay, vạch vôi phía trên, đánh dấu một hồ.

Bác Bếp cởi áo ngoài, vắt lên sợi dây mây giữa nhà. Bác ôm con gà, nâng niu như bọc vào dải thắt lưng nhiều hoa cau xòe ra. Con gà của bác Bếp xấu mã kém hẳn gà Đề Cụt. Lông ống cứng quẽ, lộ từng mảng da nhợt nhạt. Hai tròng mắt, hai quả gà đen như hai đồng mía lùi. Nó lữ đử bước ra giữa sỏi.

Chú gà đỏ tía tai như cái hoa hồng bụt của Đề Cụt vừa được thả đã hồng hộc xô vào. Một con đờ dãn, u ám như cơn mưa. Một con vênh vang, hùng hổ. Gà tía xông tới, nhảy lên, đá phách một cái. Con xám né cổ. Tía ta vươn mỏ náu. Xám lò đờ quay lại. Nó buông một đá rồi bước quanh. Tía bưng bưng đuổi theo. Xám đứng lại, bất thần nhảy một cái đầm thuôn giữa mỏ gà tía.

Gà tía thất thần, quéc một tiếng, như kêu giời ơi! Giời ơi! Rồi chạy giật lùi, chịn đuôi vào tận chỗ người ngồi xem.

Đề Cụt ra nhắc gà bỏ vào giữa sỏi. Nhưng bây giờ con xám chỉ vươn cổ, nghe con tía đã kêu quéc quéc, quay đầu chạy.

Xung quanh cười ồ.

Đề Cụt cũng ngửa mặt cười với mọi người rồi lại ra bê gà đẩy vào sỏi.

Vừa đặt chân xuống, gà tía chạy luôn. Lần này tía chạy luồn qua cả khoeo người ngồi xem, đến cạnh vại nước. Đứng thảnh thơi xa xa, gà tía vẫn cất tiếng hốt hoảng quéc quéc.

Mọi người lại cười rầm rĩ.

Nén hương hồ cháy mới ngấn bằng nửa hạt thóc, chưa rụng tàn.

Bác Bếp nói:

- Gà chọi mà kêu như gà pha thế kia, cho vào nôi thì vừa.

Một người đứng xem, tán: Cho vào nôi! Quéc quéc... Nó bảo cho vào nôi.

Thế là tan đám.

Mấy người quay lại, hỏi mát Đề Cụt:

- Ban nãy anh bảo gà anh gan to bằng gan người cơ mà.

- Hay là còn cho gà dưỡng sức đến chiều đá luôn hai hồ cho bõ?

Đề Cụt nhơn nhơn:

- Chiều thì mời các chú mày lại nhắm tao thết rượu thịt gà.

Ngát hỏi Đề Cụt, vẻ tung hứng:

- Sao anh bảo gà anh thế này, tài lắm mà.

Đề Cụt cười hì hì, rồi ghé tai Ngát nói thầm:

- Tao biết gà qué gì đâu. Mượn con gà che mắt thế gian mà.

Rồi, nhìn trước nhìn sau, Đề Cụt bảo:

- Bác Bếp mà về chơi chọi gà, cũng vì việc khác. Em đã ra ở Đồn Thủy, em biết việc gì rồi.

Ngát nói:

- Anh cũng giỏi làm ra vẻ thạo gà, được đấy.

Người xem chọi gà đã về hết. Bác Bếp gọi Đề Cụt và Nghĩa lên ngồi phản giữa.

Bác Bếp nói:

- Việc này nóng lắm. Chốc nữa, chú Đề phải đi với tôi ngay. Chú Xuất Nghĩa lo tập quân ở làng, làm thế nào nếu Tây đến phải sẵn quân đánh mà lúc tôi cho gọi thì quân đi được ngay. Thắng Tây đạo này lại hỗn lắm, tình thế gấp gáp đến nơi. Nói thế, các chú hiểu...

Cơm trưa xong, bác Bếp lại đi. Bà Xuất giữ lại, bác Bếp nói:

- Ở nhà ta thì tôi ở đời được. Thôi để khi nào bình yên.

Nhưng cứ trông dáng bác Bếp, không ai có thể đoán được bác đương lo việc nóng việc lạnh đến thế nào. Chiếc nón dứa chóp bạc thấp thoáng trong bờ tre đầu xóm, tay xách lồng gà, bác Bếp bước khoan thai như người phong lưu rồi rãi đi thăm hỏi bà con ngày ba tháng tám.

Đề Cụt đi ngay lúc ấy với bác Bếp.

Con gà tía, Nghĩa đem nhốt lại vào lồng. Trẻ con vác đi chọi. Bây giờ nó thành tật sợ đòn rồi. Chỉ mới trông thấy con gà nhép, mà thằng tía hộ pháp này đã quay cổ, lại chạy, kêu quéc quéc. Một đòn con xám làm nó khiếp vía.

Mùng một tháng ấy, các vãi có lễ ngoài chùa. Được ngày phiên tợ, chư bà ra chùa từ chiều.

Lễ Phật chùa trên rồi các vãi xuống nhà hậu. Sư cụ chùa làng tịch đã lâu, chỉ còn sư thầy và mấy chú tiểu. Chùa nghèo, một thầy và trò nhang đèn với sào ruộng hậu. Mười năm trước, hồi loạn Ngạc Nhe, chùa có cái chuông, không biết kẻ trộm hay quân Cờ Đen đi qua, đã khiêng mất. Chùa mất chuông từ hồi ấy. Ngày còn sư cụ, mùa hè năm nào người cũng cho sư thầy đi khuyên giáo thập phương. Rồi cả làng lo vào, bây giờ mới gom được một ít đồng nát, công quả suốt mấy năm trời. Vẫn định được ngày sẽ đúc chuông mới. Mấy lâu nay đã bàn đi bàn lại.

Nhưng hôm ấy nhà chùa không bàn việc tô chuông.

Bà Xuất nói với chư bà:

- Người trong thành ra nói Tây sắp đánh lên Sơn. Khéo chừng lần này nó đánh to, rập rình mãi rồi. Các ông chánh ông lý tổng Trung đã nhón nhác chạy loạn, người có máu mặt tránh vào thành. Nhà chùa ta cũng phải tính thế nào. Đánh lên Sơn, nó phải qua vùng ta...

Nhiều người nói:

- Ngày còn sư tổ cũng thế, bây giờ thầy cũng thế, vãi chúng tôi xin theo nhà chùa.

Sư thầy nói:

- Phật pháp ở đâu, nhà chùa đấy. Ví bằng khó khăn thế nào, trước sau nhà chùa vẫn vậy, chur vị ạ.

Các vãi bàn vào.

Nghe đồn chuyến này Tây lên Sơn, nó mà qua làng nào, hội nghĩa làng ấy đánh, chặt chân không cho nó đi được. Làng ta có anh Xuất Nghĩa ra đốc quân rồi. Làng nước bề bộn lắm việc lắm. Già nào đem con cháu đi chạy loạn cứ đi. Không thể chùng chình được, nhớ một cái...

- Ai ở lại thổi cơm nấu nước việc quân thì hãy ở lại, vãi nào chạy loạn thì đi. Đằng nào cũng theo con cháu cả.

Sư thầy nói:

- Nhà chùa tôi xin ở lại giữ chùa.

- Bạch thầy...

Lại nhiều người nói:

- Thế nào cũng phải tô xong chuông, có chạy mới chạy. Việc công đức, chùa ta cứ đứng lên giống giả cho thành công quả đã.

- Mười năm lo công đức bây giờ đến lúc sắp nên công quả mà lại xếp đấy thì không đành. Làng có hỏi, nhà chùa cứ trình làng thế cho hội vãi chúng tôi.

Ngoài làng, xóm nào cũng đương nhộn nhạo.

Đình làng Nha bên gốc đa cổ thụ tuy nhỏ, nhưng cũng đủ lệ bộ nhiều khê. Trong hậu cung ẩm thấp, trên cái ngai gỗ mít, bộ mũ áo vàng của thành hoàng làng đã bạc. Sân đình viền thềm đá, mùa hè cả xóm ra ngồi hóng mát trông ra sông. Người ta hay kể chuyện về con nghê trên trụ bức trấn phong đầu đình. Mưa nắng rầu rã, vẫn nổi màu da lươn bóng, con nghê nhe răng nhìn cây đa. Nghê này tận trong Thanh mang ra. Đời trước, có bà con gái làng lấy chồng thiên hạ giàu có, về cung tiến đôi nghê sành, bây giờ còn một con.

Ngày vọng ấy đông đủ các cụ ra đình. Bao đời nay, mỗi tháng đến kỳ xóc vọng, từ các đời chi họ Lê ngược về trước, khi cụ tổ nhà ông Tư phải tha hương lên Ba Trại, hầu như lệ làng có lúc đậm lúc nhạt, nhưng cho đến bây giờ vẫn tương tự thế.

Những cụ có chữ nghĩa nói làng ta thờ ông quan hầu. Nhà vua trẩy quân lên Ba Vì, ngài quan hầu qua đây thì hóa.

Sự tích ông thánh nhiều làng cũng bình thường thế thôi. Chẳng phải làng nào đều có được thành hoàng làng tiếng tăm oai linh. Như sự tích ông bà bán dầu, lính phòng thành đẩy xuống chết đuối ở sông Thiên Phù, được hiển thánh, phòng Yên Thái được thờ. Ông em nghe tin ông anh bị nạn, chạy từ Kẻ Cáo xuống, giữa đường vấp ngã chết. Cũng được giờ linh, làng Bái lập miếu thờ đức thánh Chú cạnh đầm Ao Cá.

Các cụ còn nhớ những họ này đến ở đất này trước. Họ Nguyễn ngày xưa cũng chẳng nhiều thế. Khi chúa Nguyễn lên ngôi, nhiều quan gia, lính tráng phò Lê, phò Trịnh, hay vì sợ sệt đâu đâu, đã bỏ làng đi nơi khác, cải theo họ Nguyễn. Thế mà vẫn có mấy nhà họ Lê. Không biết tại sao còn sống sót được. Trong làng, ai cũng tỏ rõ gốc gác nhau, người ta bên khinh bên trọng cũng nghĩ theo thế. Họ Nguyễn, họ Vũ vẫn là họ to, nhiều đình, nhiều người chức việc thủ chỏm. Đi vác mặt lên, đứng chống nạnh, ai cũng nể sợ. Còn như bố con lão Vạn ngụ cư, ngủ lang đầu đình, bị khinh là hèn. Biết thế, mà không đời nào ngửa cổ lên được.

Mấy đời, hết họ Nguyễn sang họ Vũ làm lý trưởng. Thế nhưng làng này cũng chưa lần nào lên tranh được chân chánh tổng trong vùng. Trên Kẻ Cốc, nhiều nhà giàu, lắm ruộng chắc chân,

người ta bỏ báng các làng canh cửi là những dân gạo chợ nước sông. Mà làng thờ ông quan hầu, hình như bị cái hèm không có người ăn học đỗ đạt. Lắm lúc người làng Nha ngồi đổ với nhau, cũng không ai thuộc được chức tước quan cách ngoài Kẻ Chợ. Hèn đến nỗi chẳng bao giờ màng đến công việc và chức tước ấy cả. Chỉ lảng máng quan bố, quan tuần, ông lãnh binh, ông hiệp. Làng này mà đi lính chỉ hồng đóng đến ngũ trưởng, thập trưởng, ăn tháng Hai quan tiền, hai phương gạo của làng góp cho đã là may. Thăng quan, tiến chức đến hàng xuất đội là mong mỏi, là chuyện giễu cợt xa xôi. Người làng chỉ biết đến quan phòng thủ úy, được thể đã gọi là quan phòng thành. Đây là bọn quân quan, xem nom các làng ngoại thành nên người ta thuộc chức thuộc mặt mà thôi.

Làng nước chỉ biết cái cày, cái khung cửi. Cả đời còng lưng khiêng lệ làng không hết.

Hôm ấy, sáng sớm, ông từ mở ba cánh cửa giữa đình rồi vào hậu cung thắp hương, khép một bên cánh lại. Sang tả vu, thông thả đánh ba hồi bốn tiếng trống. Tiếng âm ư vọng trên lũy tre các đầu xóm, nhắc nhở cho ai cũng biết hôm ấy mừng một.

Làng xưa nay không lệ có mỗ - vì hèm ông thành hoàng là quan hầu. Việc xóc vọng quanh năm chỉ cắt lượt từng nhà trong hàng giáp. Nhà đăng cai đội ra mâm xôi. Con gà trống luộc, nằm khoanh giữa mâm, mỏ ngậm cái hoa đơn đỏ. Ganh nhau, nhà này lo xôi gà khéo hơn to hơn nhà kia, giáp Mỗ hơn giáp Ất...

Nhưng tuần mừng một hôm nay không phải chỉ có các cụ ra lễ rồi lấy phần như mọi khi. Ông lý trưởng nghe người nhà về báo không biết làm gì mà thấy trương phiên, khán thủ, trai tuần cũng kéo ra đình, đi cùng với thằng Nghĩa con nuôi nhà bà Xuất. Đã đành cái thằng Nghĩa này ghê gớm lắm, người ta đồn nó đã xuống Đồn Thủy giết Tây, cả nhà nó táo tợn đã ra Cầu Giấy đánh trận giết quan Năm vừa rồi. Ai cũng xì xào thằng Nghĩa làm giặc nổi tướng đến nơi. Nhưng mà nó là cái đứa con cái nhà tha phương cầu thực bao nhiêu đời bây giờ về ngụ cư, nó đã công lênh gì đâu cho làng mà dám hống hách ra phá đình làng người ta hay sao.

Cửa đình đã mở, cả cụ già lu khu chống gậy mò ra. Các cụ ngồi chiếu trên hai gian đại bái. Ngoài thềm, một bọn đứng lố nhố. Có cả bác khán thủ đeo cái ốc tù và lủng lẳng bên sườn. Một bọn trai tuần mỗi đứa lăm lăm cầm tay thước. Lại một lũ trai trẻ chẳng phận sự gì cũng nhằng nháo kéo vào đình. Hai bố con lão Vạn mọi khi nằm ngoài hiên tả vu - gặp tuần xóc vọng đã dậy lần đi từ sớm, bấy giờ, bố con lão Vạn đứng tựa ngoài cột cái. "Quân này cứ nòng nòng đóng khổ một, lại cái giò bắt cua bắt rắn đeo móng đít. Còn ra thể thống đâu nữa. Cái đình hay cái chợ thế này!".

Ông lý trưởng quắc mắt bước tới, đã thấy Nghĩa vào phía trong, có cả bà Xuất. Quá lắm, bà lão này từ năm ông ấy chết trận, cứ như người nổi đồng, lúc nào cũng đóng quần áo đàn ông. Mà đàn bà con gái dám vào chỗ đình trung thế này thì loạn đến nơi thật.

Ông lý đã vào tới gian giữa. Mọi khi, chỉ thấy ông lý các cụ ngồi đứng đã dẹp ra, chào hỏi. Bây giờ toàn trai lạ, chúng nó cứ giương mắt ra. Vài người gần đấy lăm lét nhìn ông lý. Còn tất cả ngoảnh về Nghĩa. Lúc ấy Nghĩa đương nói, giọng Nghĩa thanh thản:

- Chúng tôi vì biết việc thế nên phải ra trình làng. Trên có các cụ, chúng tôi xin...

Ông lý quát:

- Cái gì thế này...

Bác trương phiên kéo cái tù và cầm lên tay rồi đến trước mặt ông lý.

- Bẩm cụ, có thằng Nghĩa nhà bà Xuất ra trình làng Tây ở trong thành lại sắp đánh ra. Nó bảo làng ta phải liệu thế nào, phải trình quan phủ...

Ông lý quát:

- Ai cho nói thế? Tao là quan phủ, quan huyện ở làng này đây.

Nghĩa rướn đôi mày rậm, khí thế hằn lên:

- Bẩm ông lý, bây giờ làng trên cha dưới làng nào cũng lại sắp ra đánh Tây, traitráng chúng tôi xin hỏi ông lý thế thì làng ta theo Tây hay làng ta đánh Tây?

Ông lý trưởng nghe câu nói dữ dội, buông hai tay chống nạnh xuống.

Một chốc mới hăm hừ nói:

- Việc giặc dã đã có các quan trên lo.

Nghĩa quắc mắt rồi cười nhạt, nói trống không:

- Bây giờ loạn rồi, không quan nào còn dám ra cổng thành bèn mảng đến làng ta đâu. Việc làng ta ta phải lo lấy thôi.

Câu nói xác xược quá. Nhưng lão lý trưởng cũng đương nghĩ thầm thế. Chánh tổng ở nhà chánh tổng, quan tri phủ ngồi ở phủ, trời đất mưa to gió lớn thế này quan nào cũng chẳng dám đi đâu. Trong mỗi vùng có những làng tiếng dữ, hoặc sùng bưng, hoặc ở đồng chiêm hóc hiểm, độc có một đường nước ra vào, thời thường quan trên cũng ít dám lui tới. Đã bao năm, từ khoa lý trưởng trước, làng Nha cũng chẳng thấy mặt quan phủ. Đối mấy quan phủ cũng chưa có quan nào lai vãng đến. Quan cũng giữ thân quân. Bây giờ thời loạn quan cũng phải có hai tai thính, nghe đằng này, nghe đằng kia, nếu không, chết chẳng chạy kịp. Tiếng đồn còn dăng dăng cả tám xã vùng trên, lý trưởng, chánh tổng mất đầu hết, hội nghĩa người ta đem tế cờ... Từ năm Tây sang, làng này nổi lên nhà Xuất Vần. Mọi việc phủ huyện đều bỏ chết cho chánh tổng phó lý. Nhưng chánh tổng cũng cấm thấy mặt đầu. Mà ông phó lý ấy thì còn ghê hơn kẻ cướp. Mới nghe Tây ra đã vác giáo lên tận Cổng Vị đợi đánh. Cái ăn cái nói thời bây giờ là thời con dao, cái sùng. Đấy, đấy, đám tuần phiên với thằng Nghĩa, đứa nào cũng ngược mắt lên, mã tấu sáng trắng giắt bên nách thế kia.

Ông lý đứng như người bị chôn chân, không còn bằng nhặng như lúc mới ra. Rồi lặng lẽ ngồi xuống chiếu, càng nghĩ càng run rẩy. Bây giờ ông lý im thin thít. Đến trong đình cũng rối lên rồi, còn nói gì nữa.

Bà lão Xuất đứng đằng kia cất tiếng:

- Tôi xin trình làng, các vãi chúng tôi đã hội ngoài chùa là năm nay cũng như năm trước, ai chạy loạn đi với con cháu hay ai có sức ở làng cũng là đỡ việc con cháu giữ làng. Nhưng mà có chạy cũng ngoài tháng tám, nhà chùa còn phải tô chuông cho xong công quả đã. Vãi tôi mạn phép các cụ trình làng có thể.

Nói xong, bà Xuất chen đám người lộn xộn, bước đến chấp hai tay vái ông lý rồi đi ra.

Nghĩa nói:

- Xin trình trên có cụ lý, trai tráng chúng tôi đã bàn rồi. Là làng ta phen này cùng với làng trên cha dưới, quyết giữ làng. Ngày trước, các cụ đã đánh cho Tây không vào được làng, năm ngoái chúng tôi đã ra Cầu Giấy với quân hội nghĩa các làng cả tổng Dịch Vọng đánh Tây. Bây giờ vẫn thế. Chúng tôi nghĩ đường bộ từ đây lên Phùng, đường nước đến Phú Nhi, có lũy Phù Sa chặn cửa thành Sơn. Vết đường ngang Gạch Bún đã có quân tám xã cụ Chánh Võ, cụ lãnh Thầy Vồ...

Một ông ngẩn ngơ nói:

- Làng ta cũng có người ở cơ lính tỉnh. Hay là bây giờ đi gọi về.

Một nụ cười, đập cái gậy lụi vào cột đình chan chát:

- Quan tỉnh quan phủ còn lo giữ tỉnh giữ phủ chưa xong, nói đâu đến gọi lính về giữ làng.

Một người ước vu vơ - hay là anh ta nói đùa:

- Chẳng rõ ông Thống đã đem mấy thớt voi trong Ba Vì ra chưa?

Không ai đáp lời, nhưng có tiếng tặc lưỡi:

- Lính cơ của tỉnh của phủ à, những thằng lính chạy giấy ấy thì ra gì!

Mọi người cười om lên. Bởi ai cũng nhớ thỉnh thoảng, đến độ làng vào đám tháng Ba, thường có mấy chú lính cơ trong phủ Hoài về xem hội. Các chú chen ra chen vào, xúng xính bộ áo vàng khuy tết, khăn đại xanh, nón dẫu chóp đồng. Nhưng các chú cứ xán đến đám gái nào đám ấy chạy tiệt. Gái làng cũng biết tỏ cậu ngũ cậu thập ở doanh, ở đội, trông mẽ thế mà móp bụng, vẫn về công lương nhà đi ăn mà thôi.

Một người nói to:

- Việc đánh Tây đã có anh Xuất Nghĩa đứng ra cáng đáng cho làng. Ai hăm hứ gì nào? Anh Xuất Nghĩa! Xuất Nghĩa làng Nha con ông Xuất Vần. Chúng tôi danh xưng Xuất Nghĩa thế đấy. Thời loạn, trai làng phải ra gánh việc.

- Đứa nào xì xào đằng ấy? Anh Xuất Nghĩa không phải người làng Nha a? Cụ tổ đời trước nhà ấy không phải người làng Nha thì người ở đâu? Không phải người làng Nha mà ông Tư Ba Trại lại cho con ông ấy về quê cha đất tổ à. Bây giờ phải có người đứng mũi chịu sào, có thể mới mở mặt với làng trên chạ dưới được.

Tiếng thì thảo bật im đằng ấy.

Rồi người ta nhao nhao: Xuất Nghĩa, Xuất Nghĩa. Mừng như vừa mới gặp. Quên mất ông lý trưởng còn ngồi đấy. Cả đình xôn xao chuyện đánh Tây như chuyện việc làng. Đằng hiên, hai cái thớt côm cốp thì nhau chặt thịt gà. Làng có việc. Bố con lão Vạn cũng được làng chia cho nắm xôi.

Có người hỏi:

- Phen này thì lão Vạn chạy loạn đi đâu?

- Bố con tôi ở làng.

- Ở làng thì phải có dao có gậy mới đánh Tây được.

- Cái này của tôi bằng mấy dao gậy của các người đấy.

Lão Vạn chìa chiếc giỏ đeo bên sườn. Trông qua nan giỏ, thấy con rắn mai gầm cuộn tròn khúc vàng khúc đen nhénh nhoáng.

- Con này à?

- Không, con này tôi đã cạo răng, cạo nọc, chốc nữa làm thịt ăn thôi. Mai tôi đi bắt trữ sẵn vài con khác. Cái giống này đồng ta thiếu gì.

Vạn con ngồi cạnh bố nghếch mặt lên hóng chuyện. Nhưng tay vẫn kỳ cạch con dao dựa dẹo đoạn tre đực vát nhọn. Chốc lại dựng lên ngắm nghía. Nhiều người cũng thế, ngồi rồi lấy dao ra gọt ngọn côn, cái gậy bầy... Có người làm chốt thang. Nói là lúc đánh trận cần nhiều thang.

Nghĩa bước đến, chắp tay vái ông lý trưởng rồi hỏi:

- Cụ lý ở với làng hay mai kia vào thành. Có ông chánh tổng Trung vào thành theo Tây, cụ biết chưa?

Ông lý đương ngồi nhấm nháp ngụm rượu với miếng thịt gà chấm muối.

Ông giã náy:

- Không, không, sao... anh... Xuất rửa tội thế. Tôi sắp đến côi rồi, tôi vào thành làm gì?

- Cụ ở làng với anh em chúng tôi à?

Ông lý rên khừ khừ, cúi mặt thở, nói nhỏ:

- Tôi phải sang bên kia sông với cháu. Việc làng nước nhờ anh. Đến lúc yên hàn, quan trên không phụ người có công đâu.

Ông lý trưởng ấy vốn cả lo, lúc bối rối càng lo. Hai lần Tây hạ thành, ông đã phát ốm. Bây giờ Tây sắp ra, ông lại ốm. Nhưng, thế cũng còn là ông quan làng có đức vào thời buổi này. Có

người theo Tây trốn vào ở trong thành ngay khi Tây rục rịch. Cứ xem bọn chó săn chim mồi này chạy ra chạy vào, có thể đoán biết Tây thế nào - như diêm con cóc kêu trời nắng trời mưa. Nhưng cũng bao nhiêu kẻ thâm độc và mưu đồ. Câu chuyện ngày trước còn kể lại để đời là cái năm quan ba Ngạc Nhe đánh Hà Nội, quan thượng Bùi[29], quan đề Trắc[30] lúc Tây hạ thành chạy trốn ra nhà người thư lại ở Mọc, bị nó báo cai tổng Đức bắt nộp Tây. Cai tổng được thưởng năm trăm quan tiền, Tây cho làm tri huyện Thanh Trì. Ông lý trưởng làng này chẳng có cái gan ấy và đầu sao cũng còn là người không đến nỗi.

Suốt các làng hai bên sông Cái, đêm đêm chỉ nghe tiếng tù và thổi. Làng túc trực suốt sáng ngoài diêm canh. Mấy hôm, nhộn nhạo hẳn lên. Các khung cửa lại xếp xó. Nhà nào cũng lại sắp sẵn quang gánh, tay nải. Tưởng như Tây trong thành ra ập tới nơi ngay. Các nhà chạy no đã mổ lợn. Tiếng lợn eng éc từ sáng sớm.

Cả ngày lại đi rào lại lũy. Ba tầng hào và bờ tre, không còn chỗ nào con chó chui lọt đuôi. Bùn các hào đắp lên. Trời đã se se lạnh, bố con lão Vạn vẫn đánh cái khổ một, bì bõm lội dưới hào.

Lũy làng sửa xong, rào đến bờ tre xóm. Mỗi ụ tường đầu nhà được cắm thêm mấy hàng mảnh chĩnh. Trước diêm các xóm và ở những nơi nhà có sân rộng, lúc nào cũng có người đến luyện võ. Người ta dẫn tre để cả cây, làm roi tập đấu. Múa côn, đánh xiên, lăn khiên, chống giáo nhảy qua hào...

Có người nói pha:

- Chỉ thêm môn tập bắn súng có cái máy đá thì trai làng ta bằng võ sinh vào đề nhị đệ tam trường võ đấy.

Kỳ ra đình ngày rằm ấy, các cụ bàn:

- Tháng Mười mới đến việc hàng giáp, nhưng giặc già như trước lên, biết sao mà đoán. Hay là năm nay ta nhích việc hàng giáp sớm hơn mọi năm.

Thế là các việc hàng giáp sớm lên trước một tháng. Ăn hàng giáp sớm kéo Tây đánh lên thì mất ăn. Làng bốn xóm có sáu giáp. Lệ hàng giáp mỗi năm cắt một đình đăng cai một giáp. Trai làng cứ mười tám tuổi được vào giáp. Có năm mổ trâu, mổ bò. Năm nay ngại đi chợ xa, giáp nào cũng ngả hai lợn.

XII

RỒI VIỆC HÀNG GIÁP VÀ CỔ BÀN, phần phò đã xong. Có người còn đi làng khác lo cúng đồng môn, năm nay học trò cũng giỗ thầy sớm hơn mọi năm.

Chưa thấy Tây lên.

- Hay là thằng Tây sợ ta lại chẻ xác nó ra như năm trước, chịu thua rồi.

Có người tỏ vẻ hiểu biết, đoán:

- Đánh lên Sơn phải đi đường sông khó hơn. Nó đợi lính thủy bên Tây sang đủ mới dám lên.

Mặc dầu, ngoài chùa đương nhộn nhịp lo công đức đúc chuông.

Một hiệp thợ, thợ cả lẫn phó nhỏ điều đóm thành phường tới hơn hai mươi người, được đón ngoài Ngũ Xã ở Nam Tràng về. Hội chư bà ra hầu hạ thật chu đáo công của. Đúc có cái chuông bằng quả bí ngô mà cơm ăn cơm dỡ nhiều khô đến thế - các cụ lão ông cười nhạo.

Bác phó hai cất công ra tìm đất sét làm khuôn ven hồ Tây. Kén cho được cái đất thó gan gà về trộn bột than trấu nếp rồi xăm cả vào mấy trăm giấy bản. Từ hôm vào mẫu cho đến hôm khuôn vỏ khuôn ruột khó miết nhất mà không còn ly ngắn tổ ong nào - mặt khuôn phẳng như mặt nước, các vãi thay nhau kinh kệ suốt đêm.

Cột khói nóc lò đã chuyển màu. Tiếng các già tụng kinh dồn dập, khẩn thiết từ thềm chùa rền xuống tới bậc cửa nhà hậu. Hôm rót đồng chùa đông ních người. Khách thập phương mang hương cắm la liệt rồi vái ra tận gốc đa vườn chùa.

Cửa lò đã được nậy ra. Nước đồng chảy vào nồi chuyên. Lỗ đậu đỏ rực, nhìn suốt đáy khuôn loáng mắt ngỗng. Bác thợ cả chít khăn điều, bứt lông gài mái tai, khoan thai nghiêng nồi rót mạch nước đồng vào lỗ đậu, giữa tiếng tụng niệm rào rạt nổi lên.

Một thoáng đã đổ xong. Nhưng nhà chùa đông vui đến tận tối. Các làng trong vùng nô nức đến, ai cũng lượn vào nhìn vành khuôn đúc đất thó lù lù như tổ mối đùn, rồi lại ra chen chân người xem người.

Dưới nhà hậu, phường thợ ngồi xếp bằng đánh chén la đà đến khuya. Bác thợ cả nói:

- Thường ra thì phải cắt canh cho tới một phiên chợ mới được tháo khuôn, thỉnh hồi chuông đầu mới là thành công quả. Nhưng mà trời đất thế này, tùy nhà chùa...

Sư thầy nói:

- Từ lần loạn năm Dậu, nhà chùa mất quả chuông, mười năm công của thập phương giờ mới lại tô được. Biết nghĩ thế nào?

Các vãi cũng bần khoản.

Bác thợ cả lại nói:

- Chi bằng đến hẹn cũng đừng tháo vội. Để nguyên khuôn thế này cho kín đáo. Đợi Tết cơm mới, tháng Mười này mà được yên, anh em tôi về sửa lễ tháo khuôn, sang rằm tháng Giêng vào hội.

- Nhờ Phật tổ, nghe xem yên hàn thế nào đã.

Các bác thợ đúc nghĩ vậy, ai cũng bảo nói phải.

Khắp nơi vẫn êm ả.

Làng làng chờ đợi nghe ngóng. Ven sông Tô Lịch dọc đường quan lên đến Phùng, các làng vừa sốt ruột lại vừa như mở cờ. Đầu đấy đã sẵn sàng, khí thế lắm.

Những chuyện đồn thổi sôi lên.

Đồn dập qua các hàng cơm quán trọ, các lều chợ - không phải chỉ ở đường quan, mà tận những nơi khuất nẻo, những tin tức nghe được, càng bồn chồn.

Người ta kể ngày nào quân nghĩa bên ta cũng lọt vào Kẻ Chợ. Bọn Noi Cáo dám ra Đồn Thủy giữa ban ngày, tìm bắt được cả mấy lão lý trưởng theo Tây rồi trói giật khuỷu tay, áp mã tấu vào gáy, giải ra giữa cánh đồng cắt tiết, như không biết có quan có lính nào ở đâu.

Chính đám quân nghĩa Kẻ Sầu về qua chỗ quán cơm ra bến Cốc, ngủ ghé đêm ấy kể chuyện họ vừa vào Hàng Khay đốt cháy hai nhà cổ đạo Lăng Đề, cổ đạo Bét Tô^[31] - hai cha cổ chuyên đi mộ người vào lính khố đỏ. Gà gáy, lọt vào chém được bốn lính thủy Tây canh nhà. Cổ đạo Lăng Đề biết có động, lấy cái kèn đồng thổi vang lên. Ta tưởng có bọn đến cứu, bèn đốt nhà rồi rút ra. Thế là ở trong, nó trèo cửa sau trốn vào Đồn Thủy. Hoài của.

Ở Đồn Thủy đã có viện binh dưới Hải Phòng lên thêm. Bọn lính bàn giấy các nhà việc phải tối tối ra ngủ giữa sông. Nhưng mà cũng chẳng được yên. Quân ta vẫn rình quanh bờ rào, Tây đào hầm, đắp ụ đứng gác. Quan Ba đêm ngủ phải nằm dưới tầng hầm nhà. Có đêm, súng thần công quân ta đặt bên kia sông bắn sang. Súng đặt chỗ cửa đền Ghềnh trông về bến đá đầu làng Cổ Tân. Bắn từng phát thông thả như đánh trống cầm canh. Cả đêm chúng nó cứ ngóc cổ, thấp thỏm, rồi phải gọi thêm quân ở Sài Gòn ra. Có hôm quan từ Bécte^[32] dẫn lính sang, đôi bên đánh nhau ở dốc Gạch giữa làng Gia Lâm.

Phía Bưởi, từ ba làng Yên Thái xuống bốn làng Nghĩa Đô, làng nào cũng rào giậu kín bùng. Làng Hồ năm trước đã mua gạch, dỡ gạch trong thành về xây tường làng. Người qua lại phải có giấy phép quân nghĩa. Khác nào lính võ sanh gác thành Cửa Bắc. Chẳng quan làng nào dám ho he.

Tây cho hai tàu chiến^[33] ngược sông Cái điếu ra oai. Guồng tàu ầm ầm sủi nước. Các làng tận trong cánh đồng tổng Trung cũng nghe tiếng. Chốc tàu lại dừng, bắn một phát đại bác. Tàu lên chưa tới đầu làng Hạ Trì, bị quân ông Thống rúc tù và bắn đuổi suốt hai cánh bãi. Hai cái tàu lại dùng dùng cuốn nước xuôi về Đồn Thủy.

Những chuyện táo tợn ấy mỗi ngày càng nhiều thêm.

Một hôm, có tin quan năm Bi-sô^[34] ở Sài Gòn ra phao tin dọa làm cỏ các làng quanh Hà Nội cho biết tay.

Làng nào cũng tức. Mấy ngày, quân nghĩa kéo đi như mắc cửi. Các ông xuất, ông thập cầm quân các làng ước nhau dàn thành ba lớp lũy làng này tiếp làng khác. Một đường từ Chèm xuống Phú Gia, qua Yên Thái men sông Tô Lịch đến Cầu Giấy. Suốt đêm, vang tiếng tù và, tiếng reo hò. Một đàng qua phủ Hoài vào Nội, tụ lại trên bến Chèm. Đường sau cùng xuyên các làng bên này sông Nhuệ, sông Đáy từ Sổng Ốc ra Cánh Thìa sang Trôi Gối, sang Đăm ra Cốc.

Quân các làng đóng khắp các nơi.

Trai làng Nha náo nức, hầu như không ai yên tâm ở trong làng mình, cứ muốn kéo đi. Mỗi người đeo một mo cơm, xách chiếc mã tấu.

Tối hôm trước, Nghĩa ở trên Tứ Tổng về qua điểm canh, quát to:

- Anh em nổi trống lên, nổi trống lên gọi làng ra.

Tiếng ngũ liên dội vào lũy các xóm.

Nghĩa nói:

- Nhiều làng đã kéo về Tứ Tổng. Có khi Tây lên đường sông. Anh em trên Tứ Tổng rủ ta lên đón đánh nó cho đông.

Có người bàn:

- Lên đông quá thì còn hở chỗ nào mà được đánh. Hay là xuống Cầu Giấy đón lõng xem sao. Biết đâu lần này cái công bắt sống thẳng quan Năm lại chẳng về làng ta.

Nhiều người reo lên. Chờ mãi, bây giờ mới được nhúc nhắc, ai cũng háo hức.

Nhưng lại có người bàn khác:

- Lên Chèm hơn. Tây đi bộ hay đi tàu lên Chèm ta đều được đánh. Mà lại được trông thấy cái tàu Tây.

- Tôi chưa trông thấy cái tàu Tây bao giờ.

Nghĩa nói:

- Ừ, lên Chèm. Ta lên Chèm.

Thế là tất cả đều muốn đi. Trước cửa đình, ùn lại một đám. Nghĩa chỉ chọn hơn mười người. Không ai chịu ở lại. Nhưng Nghĩa cương quyết “nhỡ Tây nó ra đường này thì sao, phải có người ở làng giữ chứ để nó đến làng à”. Ngát cũng đòi đi. Nếu cho Ngát đi, chắc bọn con gái các xóm sẽ mặc xống áo đàn ông vào rồi đòi à theo.

Lão Vạn ở ngoài đồng xồng xộc về, tay xách giỏ. Lão mới biết tin trai làng sắp kéo lên Chèm giúp anh em Tứ Tổng.

Lão Vạn đuổi theo Nghĩa.

Lão gọi:

- Ông Xuất... Ông Xuất...

Nghĩa đứng lại, chột mím cười.

- Xuất, Xuất... thế nào...

Lão Vạn nói:

- Cụ lý bây giờ cũng phải bấm ông Xuất nữa là đàn em. Trước kia, vùng ta theo cụ Xuất nhà, bây giờ cò đến tay ông, ông phất lên cho dân làng người ta theo.

Nghĩa sốt ruột, hỏi:

- Có việc gì? Tôi đương vội đây.

- Ông Xuất cho em lên Chèm với.

Nghĩa nhìn lão Vạn. Cao lớn, hai vai trần đen xám. râu quai nón kín thái dương, chẳng kém râu Tây. Quanh năm lam lũ, trông xốc xếch như ông cụ, nhưng chưa chắc lão đã đến tuổi năm mươi. Vóc người còn vững lắm.

Nghĩa do dự.

Lão Vạn lại nói:

- Lên đường sông, có khi được đánh tàu thủy, ông Xuất ạ.

- Anh em cũng đoán thế.

Lão Vạn vỗ đùi, cười to:

- Thế thì hay, hay...

Lão Vạn ghé tai Nghĩa:

- Ông Xuất chưa biết ngày trước em đã được kén vào thủy vệ^[35] đi việc quan ba năm sông nước rồi đấy.

- Ờ, thì đi.

Lão Vạn cười giơ tay gạt đám râu ria sang mang tai rồi cung cúc chạy gọi thẳng con.

Đương cử cuối tháng bảy. Trời u ám đối tiết, gió chồm lạnh đưa những trận mưa dầm rả rích về. Dưới nhà bắc bếp bung nồi ngô ăn câu dầm mấy bữa. Vừa sáng sớm đã như xế chiều, mưa suốt đêm mà sáng hôm sau trời đất vẫn ảm đạm giọt ngắn giọt dài. Trong lũy tre, không lúc nào

nghe dứt hạt. Những con gà quanh quần chạy mưa, đầu cánh nhô lên lướt thướt buồn bã. Nước sông Cái cuốn lên to. Người ngoài bãi đuổi trâu bò chạy nước vào các làng trong đồng. Trong mưa gió gồng gánh lũ lướt, không biết đâu người chạy nước, người chạy loạn, đâu là quân nghĩa quân các làng đi đón đường đánh Tây.

Phía Nhật Tân, đại bác từ mặt sông nghe dội lên. Trong vòm trời sũng nước, lúc nào cũng như sắp sập tối. Những tiếng nổ lẫn tiếng nước réo húc đổ từng vạt đất. Tiếng hò hét, tiếng ốc, tiếng ngũ liên tràn ra các lũy tre.

Đại bác nó bắn, thế là Tây đương lên. Phía Chèm Vẽ cũng lại oang oang trong mù mịt. Chưa biết quân nó đã đến làng nào. Coi chừng nó phải chọc thủng cả vòng vây mưa dầm dày đặc này, mới nhích lên được.

Đây là câu chuyện đùa cười giữa những đám quân nghĩa.

Nhưng đây cũng là chuyện thật. Những cánh quân quan năm Bi-sô kéo ra, có tàu thủy dưới sông bắn dọn đường, đã hai ngày mà mới mò được tới đình Chèm.

Trời mưa, đường sống trâu trơn quá.

Những cỗ đại bác ngựa kéo chật chưỡng, chốc lại kênh xuống ruộng. Có chỗ thụt bùn đến lưng ống chân.

Bụi mưa vẫn mù mịt trước mặt.

Những lũy tre đằng xa, lúc mờ khuất hẳn không trông thấy đâu. Phải tới được những lũy tre kỳ quái ấy. Quân đội nước Pháp không thể thua trận - lệnh của quan sáu Bu-ê[36] ra cho quan năm lính thủy Bi-sô.

Lũy tre các xóm làng Gạ mờ mờ trên mặt nước đỏ ngầu. Tưởng như nước sông cứ lên mỗi lúc một khác thế này, con đê quan vạc nứt ra, Tây đã đến Chèm, không làng nào dám đi hộ đê, thì chỉ trong đêm nay, cả đến những ngọn tre trong cánh đồng cũng phải ngập nước mất tăm.

Đại bác tàu ngoài sông lại nã vào. Bây giờ đã biết được đạn rơi liên tiếp xuống làng Gạ. Có đại bác bắn trước vào đâu, thế là biết hiệu quân nó sắp đánh vào đấy.

Nhưng chúng nó lên làng Gạ thế nào. Cả mấy xóm làng Gạ đã chói với giữa những con sóng quần còn ngập đầu người, mà bọn lính đóng ở cửa đình Chèm chỉ có xe ngựa.

Đạn đại bác vẫn rơi xuống các xóm. Tiếng nổ trên bụi tre lại oàng một cái rồi toang toác liên tiếp như bao nhiêu đốt tre chết dóc gặp ngày hanh hao cùng nổ một lúc. Đàn cò sợ hãi bay ra trong mưa, lại lảo đảo đậu xuống bụi tre khác.

Cánh làng Nha lúc ấy cũng đương trú trong xóm làng Gạ. Thế là cùng trai làng chia nhau ra canh các cổng đồng. Nhưng sương và mưa khiến mắt người không nhìn xa quá được một con sào. Mới giữa trưa mà vòm trời đã xám như chập tối. Sóng vỗ trong đồng, nghe ào ào như lên tận ngọn tre.

Một chiếc thuyền thúng nhô ra, lướt nhanh vào cổng đồng. Cái thúng đồng đánh như chiếc lá tre rụng trôi vút theo sóng. Đây là thúng của làng thả đi thám bên đình Chèm về.

Trong lũy, tiếng hỏi nhao nhao ra.

- Thế nào? Có gì không?

- Nó sắp sang. Có mấy cái thuyền ván.

- Đến đâu rồi?

- Đương xếp đạn xuống thuyền. Nó định cho cai đem mấy thuyền khố đỏ sang đây ngủ đêm, mai xuống phủ Hoài gặp nhau với cánh quân ở Cầu Giấy ra.

- Nói dễ nghe! Ai cho xuống mà nó được xuống!

Cổng đồng đã mở. Cái thúng chèo thẳng vào tận điểm canh đầu xóm. Trong điểm lúc ấy đã

đồng người ra, ai cũng chỉ đóng một khối đơn như sắp lộn xuống nước cả. Người kín ba gian nhà, ngồi đội mưa cả ngoài sân.

Một người quát từ trong ra, tiếng sang sảng:

- Anh em nghe lệnh làng đây. Làng cần mười người lấy thúng bơi ra, lặn xuống đục tất cả thuyền lính, thuyền đạn chỉ chừa lại cho nó một cái. Phải hét cho bọn sống sót biết chúng ông đi phá đê, đêm nay đê vỡ trôi đình Chèm, chúng mày chết hết.

- Ông Xuất...

Nghĩa quay lại. Lão Vạn đã đứng sau lưng từ lúc nào. Hai con mắt lão ngời lên trong khuôn mặt râu rậm rì.

- Ông Xuất cho em đi với đám này.

- Lão đi làm sao!

- Ông Xuất đã biết ngày trước em là lính thủy vệ. Em bơi như thường luồng ấy chứ. Mấy chú này vùng vẫy sao bằng em. Họ biết tay em rồi. Mấy hôm nay em dạy nghề cho các chú đấy. Em không cần thúng, không cần dùi đục. Chân tay không em lặn ra, em dỡ ván, thuyền nào cũng vỡ hết.

Cả bọn nghe tiếng, mọi người reo. Lão Vạn nghiêm nhiên đã đứng giữa bọn, chỉ trỏ quát tháo như người thủ chòm, quên cả mình vừa khúm núm trước mặt ông Xuất Nghĩa ngay đấy. Thì lão vẫn là đàn anh ở đây. Mấy hôm, lão đã dạy cho anh em các khố lặn. Ai cũng một điều cung kính với lão: thừa ông thủy vệ, thừa ông thủy vệ...

Một lát những cái thúng từ trong chân tre lao ra. Người chúi đầu xuống, tay cắt nước nhanh như xay thóc. Quanh lũy tre vẫn mù mịt, chốc chốc, một quả đại bác bắn nhịp đến.

Tiếng đại bác rời rạc hơn rồi một lúc lâu không nghe nữa. Những người ngồi trong điểm mới để ý thấy thế. Nhiều người chạy ra cổng rong xem sao. Nhưng mặt nước vẫn xám mờ. Chỉ có tiếng sóng oàm oạp. Không thể tưởng được những gì đương xảy ra ngoài kia.

Mọi người bắn khoả. Có thể nào, đại bác nó mới thôi bắn. Im đã lâu lắm.

Một cái thúng vút về trong sóng nước xám ngắt. Người trên thúng nhòai ra, gạt nước cho thuyền nhảy sóng vào. Còn một người vẫn ngồi vắt chân đằng sau. Cả bờ tre cùng hò lên như lệnh vỡ.

- Ông thủy vệ đã về!

Người hỏi lao xao:

- Anh em ta đâu?

Lão Vạn vào điểm, vừa đi vừa nói:

- Đang về cả ngoài kia.

- Thế nào?

- Đắm tiệt rồi.

- Ấy chết, hỏng. Làm thế, Tây ở Chèm nó tưởng bọn ấy sang được. Đã bảo mà. Đứa nào láo thế?

Lão Vạn thủng thẳng nói:

- Xin các quan anh tha tội cho, cái này tại em.

Nghĩa giật mình. Chết nỗi, người ta gô cổ cả nút lại bây giờ. Đất Sù Gạ này hăng có tiếng, không vừa đâu. Biết thế chẳng cho cái lão rồ dại này đi.

- Căn do nó là thế này. Chúng tớ trông rõ cả năm cái thuyền ván, cho một cái thoát cũng tiếc. Tớ nói thế thì tớ ra mọ. Bọn mày vào đục thủng cả năm cái cho tao. Năm cái thuyền chìm. Chúng

nó kêu khóc ghê quá, ở đây có nghe tiếng không. Tớ lặn dưới nước cũng nghe gào thét long óc. Tớ đi mò lấy hai thằng lính. Quờ được thằng chân giầy, tớ buông ngay. Chỉ có Tây mới đi giầy. Mà mình không cần Tây. Tớ tìm được hai thằng khố đỏ đi chân đất. Tớ cặp mỗi đứa một bên nách, lặn về chỗ đám thúng nhà mình đậu, móc cổ cho nó òi nước ra, bắt nó sống lại.

Xung quanh mãi nghe lão Vạn kể, không để ý lúc ấy có mấy cái thúng nữa đã vào đến cổng rong, đương bỏ thuyền, nhô nhốt chèo lên bụi tre.

Đến đây, khoái chí, lão Vạn cất giọng:

- Các quan anh ơi! Em quát hai thằng chết rồi ấy rằng: ông thương chúng mày còn bố mẹ già, vợ đại. Muốn sống muốn tốt cút ngay, đừng đi theo Tây nữa, lần sau thì không gặp được ai như ông làm phúc cứu chúng mày đâu. Em na hai thằng một quãng, đến cửa đình Chèm, thả lên. Lại dọa chúng ông lặn đi đục đê đây. Cái đê Chèm vỡ đêm nay, cả đến thằng quan mười nhà chúng mày cũng chết trôi sông, con ơi! Mày gặp thằng nào quen, mách cho nó biết, nó chạy chết thì chúng mày được phúc. Hai thằng run lên, lạy như tể sao. Đẩy đẩy... có nghe đại bác bắn nữa đâu... Tàu chiến cũng xuôi về Đồn Thủy cả rồi.

Đêm ấy, một đồng lửa to như hàng chục cây đình liệu đốt cùng một lúc. Không sợ đại bác bắn tới nữa. Mưa sục sùi mà lửa cứ rùng rục. Trời vẫn rả rích, - mưa tràn qua cả tháng bảy. Chuyện làng Gạ đục thuyền chết hết cả Tây cả lính ở đình Chèm lan vào đến các phường trong Kẻ Chợ.

Sang tháng tám, nước sông Cái lại êm ả xuống. Như mọi năm, mùa này gió giải đồng thời trên lũy tre, dào dạt qua làng, qua những cánh đồng trống trải.

Lần này, quan sáu Bu-ê lại soạn quân đánh ra: Những chiếc thuyền đầm, Tây cầm lái. Chúng muốn bắt câu chuyện phải được đồn thổi ngược lại. "Quân Pháp không thể thua trận" - Quan năm Bu-ê đã ra lệnh thế.

Tháng Mười.

Cánh đồng lúa trở vàng được gặt quang. Năm nay, tưởng mùa gặt đến sớm, ai cũng mong chóng được thóc vào bồ. Rồi lại sắp đến Tết cơm mới. Vườn cải sớm lên bẹ phấn trắng. Các chư bà bàn đã đến hẹn dõ khuôn chuông. Nhưng nhà chùa vẫn đắn đo, muốn rón lại.

Sáng sớm, các người đi chợ hót hải chạy về.

- Tây đương dàn quân ra phủ Hoài, đi đông như kiến.

Người trên sông Cái xuống nói:

- Đàng Chèm cũng tắc bến rồi. Tàu Tây qua bến Hối từ gà gáy.

Nhưng mọi việc vẫn thông thả. Mấy lâu, Tây vẫn dậm dọa thế thường.

Ở ngoài điểm về, Nghĩa nói với bà Xuất:

- Mẹ ạ, có lính quan chưởng cơ về kén mỗi làng hai mươi người lên đắp lũy Sơn Tây.

- Bao giờ đi?

- Con đưa anh em đi bây giờ.

Nghĩa vào buồng đầu nhà nhét mớ quần áo vào tay nải, vét vại lấy mấy đấu gạo, tắt tả rút thanh mã tấu rồi bước ra, chỉ nói một câu vội vã lạy mẹ, con đi. Một bên vai còn vác thêm cái câu liêm.

Bà Xuất đứng trong thềm nhìn theo. Rồi bà lủi thủi ra chùa.

Ngát hót hải đến điểm canh. Cả bọn còn đứng đấy đợi người chưa ra đủ.

- Anh đi mà không bảo ai ở nhà?

Nghĩa không hiểu câu Ngát hỏi trách, chỉ thật thà nói:

- Anh đã xin mẹ rồi.

Ngát dân dấn nước mắt.

- Anh lên Sơn à?

Thấy Ngát sắp khóc, Nghĩa an ủi:

- Nghe nói đi đắp lũy ở Phù Sa. Vài hôm lại về ấy mà.

Ngát im lặng nhìn Nghĩa. Đôi mắt đen sẫm long lanh nước mắt, chột nòng nân, chột ủ ê, không dứt ra được.

Ngát nói nhỏ, lại như hôm lên Chèm:

- Em đi với.

Nghĩa cười to, nói đồng dặc - như cũng để mình khỏi ngượng:

- Các quan tỉnh chưa lấy đến lính đàn bà đâu.

Ngát nghiêm trang:

- Cái khi bác Bếp đem vào làm việc Đồn Thủy, em mặc đàn ông, anh cũng biết đấy thôi.

- Bây giờ việc cơ ngũ, có làng nước trông vào, không thể được.

Rồi Nghĩa chẳng muốn Ngát lằng nhằng nói lại, Nghĩa gạt đi.

- Việc em là phải ở nhà. Các cháu chạy loạn rồi, nhà vắng lắm. Nhà có một mình mẹ thì không đi được.

Ngát tiu nghỉu mặt rồi trân trân nhìn Nghĩa. Cả làng này đã biết cô ả Ngát mê anh ả Nghĩa đến tơi tả cả người. Mặc chế giễu, Ngát vừa ngượng vừa thích được nghe người ta cười thế. Bây giờ đương việc quân quan bối rối, cũng không ai chú ý có Ngát ngồi đấy. Cái điểm canh vắng vẻ mọi khi, lúc này nhộn lên. Trên giá gác những thùng lưng, thiết lĩnh, anh em đã lấy đi cả, chỉ còn lỏng chỏng lại mấy gậy tre đực. Có anh rút nốt chiếc gậy bẫy làm đòn gánh hai tay nải, rồi cứ đứng ngấm đầu ngấm đuôi. Mấy người xúm lại tự dưng cười ầm. Cảnh túi bụi như sắp gồng quảy chợ búa, không phải đi giữ thành quan. Người mải buộc lại túi, xắm nắm con mã tấu. Có người vác thang, vác quắm như Nghĩa.

Lúc sau, đám trai làng được chọn đi đã đến đủ, Nghĩa xốc lại tay nải, nách cặp mã tấu, vai vác câu liêm. Vẫn lĩnh kính như thế, Nghĩa ra đứng giữa sân diêm:

- Anh em xong chưa, ta đi nào!

Người làng đứng xem vòng trong vòng ngoài. Nghĩa nhìn hàng quân đã yên tề rồi quay mặt nói với mọi người ở lại:

- Bây giờ anh em chúng tôi đi việc quan mấy hôm.

Có người xướng:

- Nhớ hẹn đấy.

Người hỏi:

- Hẹn gì nào?

Một người hát ví một câu băng quơ:

Yếm cấp hoa anh đề con nhận

Hỏi bao giờ cho nhận biết bay.

Hình như họ đã sắp sẵn thế để đùa Nghĩa. Tất cả cười ran. Nghĩa cũng đã quen với cảnh nghịch ngợm tương tự. Lúc ấy chỉ cười đưa mắt nhìn Ngát rồi nói to:

- Thôi thôi vớt cả nhớ yếm nhớ váy lại. Hãy nhớ đây này, chúng tôi đi gặp Tây đâu đánh đấy. Còn anh em ở nhà không được để một đứa nào lọt vào làng. Nhớ cái hẹn thế không?

Người đi người ở lại cười hỉ hả.

Cả bọn đã ra khỏi ba lần cổng tán. Ngát vẫn lồng thông tắt tươi chạy theo.

Mọi người cười khúc khích, mặc, Ngát cứ đi.

Nghĩa ngưng, gắt:

- Về chứ!

- Cho em ra đến đầu đồng.

- Về đi!

- Em đến chỗ bờ tre kia.

Ngát vẫn bước cạnh Nghĩa.

- Em cứ theo làm cho anh đâm ra nhớ nhà. Ngộ đương nhớ nhà mà gặp thằng Tây, anh run tay, thế là hỏng việc quan. Không được.

Nghe nói thế, Ngát đứng lại.

Người đi đã xa, Ngát òa khóc. Đến khi dụi mắt ngược nhìn lên chỉ còn thấy xung quanh vắng lặng đến tận bờ tre xanh mờ phía sông Cái. Ngát tha thẩn, phụng phịu về.

Sớm hôm sau, nghe tiếng súng ùng ục phía Chèm, suốt dọc sông Cái.

Có lẽ Tây lại đánh lên Sơn.

Rồi đằng phủ Hoài cũng râm ran tiếng súng từ gà gáy. Người ta đổ ra đánh nhau với quân Tây ngay ở đầu các làng Trôi, làng Gối. Tận chiều vẫn còn nghe súng lẻ tẻ. Đêm đến, tối mịt, chỉ có tiếng tù và rùng rợn. Nhưng tiếng tù và là tiếng của bên ta. Tiếng tù và rúc bốn phía. Người trong các chân tre hiểu đấy là các làng lên tiếng: anh em tôi đây, có làng ta đây. Tiếng tù và ánh ỏi suốt đêm khắp nơi trong gió heo may. Tưởng như những đoàn quân nghĩa đang trẩy từ làng này qua làng khác.

Nửa đêm, nghe tù và, Ngát hỏi mẹ, anh Nghĩa bây giờ đã lên đến Sơn chưa. Bà Xuất chỉ ừ rồi lặng im.

XIII

TỪ KHI QUÂN TA GIẾT ĐƯỢC QUAN NĂM ở Cầu Giấy, bắt đầu trên thành Sơn phải phòng giặc. Ngót một năm đắp xong lũy Phù Sa - cái lá chắn che cho Sơn Tây. Đứng trên lũy, trông ra ngang sông phía trước đường cái quan xuống Gạch, xuống Bún, về Phùng. Không còn lối nào khác lên được Sơn, lối nào cũng phải qua đây.

Ở chốt Nghệ nhìn vào, đồn ải Phù Sa lổn nhổn cao ngang cột cờ trong thành. Ngõ như mới mọc thêm ở đây cái núi chùa Thầy.

Vài hôm lại nghe quân Tây dòm dò lên. Các quan lại đốc dân phu về vót chông, đắp thêm ụ. Ròng rã hàng tháng, làng làng cơm ăn cơm dỡ đi việc quan.

Người đi phu về kể lũy Phù Sa dày ba vì tường. Một đường hào dưới chân, mặt nước mùa hanh hao vàng rợn những đám bèo tổ ong. Quanh hào, trong bãi cỏ, bụi kén, bụi mua cắm các thứ chông. Chông dài đâm vào mặt, vào lưng. Chông nhọn vào bụng, vào đùi. Chông chi chít trong chân cỏ. Tài thánh thẳng Tây cũng không trèo qua nổi.

Chính tay người ta dựng lên, rồi lại người ta đầu đầu cũng đồn lũy Phù Sa ghê gớm. Ai cũng ngóng rồi có hôm về chợ Nghệ để được xem.

Giữa lúc ấy, lệnh quan sức các làng đem tuần đinh trai tráng lên giữ tỉnh - quân Tây sắp đánh lên rồi.

Thế là làng nào làng ấy đưa người về tỉnh. Nhiều người không được cắt đi cũng đi.

Người các làng lên phải đóng ngoài lũy, không được vào thành.

Hay là thế nào không biết, cánh trai làng Nha tới Phù Sa, ngoài lũy đã đen ngòm từng đám. Nào quân quan, nào các làng, mới thoát nhìn cứ úi người lên. Nhưng rồi dần dần cũng nhận ra cơ ngũ đầu đấy.

Quanh chân lũy, từng ngũ[37] đứng gác. Một ông quản cơ, ông xuất đội, thắt lưng lụa vàng chói, lưng lửng thanh gươm cạnh sườn, làn khăn lam lấp ló dưới vành nón chóp dứa chồm đồng. Ông bước qua mặt đám lính mà đi ve vẩy hai tay, chân thung hình chữ bát, dáng khoan thai như đi tiến tước giữa đám tế, không ra quân quan đương đợi giặc đến đánh nhau.

Những cánh trai làng xách gậy tày, mã tấu mới lên cứ lóa mắt trông từng đội, từng cơ lính khuôn ra những đại đao, đoản kiếm, giáo mác, siêu, khiên, mộc, lại cả bao nhiêu đồ trường, từng đồng nổ, súng hỏa mai và ống tên chất bừa bãi như ống đũa. Mấy cái máy bắn đá đã mòn nhẵn vệt hai bên thành gỗ cũng được khiêng tới nằm phủ phục như những ông voi giữa những bao tấu, bầu ngòi, chày nạp đạn súng thần công lẫn lộn đấy - tất cả mọi thứ đã chiến trận nhiều, lên nước xám bồ hóng.

Lũy trong, thấp thoáng một chiếc tán vàng. Người ta xì xào: có quan đề ở Kê Chợ lên đốc chiến, ngồi trong ấy. Quan đề đem hai cơ Chấn, cơ Định dưới Hà Nội lên hợp với cơ Hùng, cơ Dũng của Sơn Tây. Thảo nào, thấy có đội lính võ sinh đứng gác ngoài lũy, vai vác súng hỏa hổ, người nào cũng để râu quai nón.

- Giời ơi! Có quận Ất, quận Vênh tỉnh Đông lên với quận Sài[38] tỉnh ta, phải không?

Cũng chưa ai trông thấy tượng binh. Nhưng chỉ tiếng đồn có những thót voi ra trận cũng làm người ta phấn chấn hơn.

Bên chân lũy, từng ngũ đương tập bắn súng điều thương[39]. Súng điều thương bằng gỗ mun bóng soi gương được, các quan gửi mua tận bên Quảng Đông. Vác nặng, nhưng được cái bắn xa đến nhìn hút tầm mắt còn thấy trúng. Súng quý, được phát từ năm nào mà tỉnh vẫn cất kho, bây giờ mới đem ra thử.

Mọi việc nhồi thuốc, tọng thuốc, thông nòng, bóp cò còn lóng ngóng lắm. Tập luyện việc quân

mà cứ xúm xít như chơi gà. Ấn đến sái gân mới nẩy lửa cháy mồi. Thay hàng chục hòn đá đánh lửa mà vẫn chưa bén được thuốc bới.

Tập cả buổi, suốt hai hàng xuất, đội người nào cũng nhúc cánh tay. Thành thử, từ hôm phát súng phải tập suốt ngày. Lại còn tập thể nào cho đến lúc đi trận hăng nhất, gay go nhất cũng chỉ được mỗ cò năm cái. Bắn dôi đạn ra, ông đội trưởng phạt một phát một quan tiền. Mỗi đội trăm con người chỉ được cầm có năm khẩu điều thương mà tập tành cho tới lúc quen, thật khó nhọc. Phải thay nhau - cả ngày toàn lách cách bóp cò không cái đã.

Người ra đứng xem đông hơn người tập bắn. Cứ như đám đấu vật. Lại thêm mỗi lúc các làng xúm xít kéo đến. Ai cũng len vào để được trông thấy mặt mũi cái súng mới nó ra thế nào.

Trai tráng các làng rải rác lên đã được chứng kiến suốt dọc chân lũy sôi nổi những tiếng hô, tiếng hét, tiếng cò súng mỗ côm cốp, tiếng roi mây, tiếng gậy song của các ông trưởng cơ, ông thập, ông ngũ vụt xuống lưng xuống đầu những người lính lấy bấy, túi bụi, rầm rập càng tăng thêm vẻ sát phạt trận mạc đến nơi rồi.

Lại càng uy nghiêm hơn, ở mỗi bậc cổng lên mặt lũy, sừng sững một người lính canh đội nón quang đầu, mặc áo chiến bằng da trâu thuộc màu nghệ thối chỉ ngấn lưng lơ đến ngang lưng. Một tay cầm dưng cái giáo, tay xách chiếc khiên đan mây che ngang ngực. Mặt người nào cũng hầm hầm, thấy bọn mới tới đi qua không thềm nhìn. Con mắt còn dôi ra bờ sống.

Trai làng Nha kéo tới Phù Sa trong cảnh nhộn nhịp tơi bời như thế. Phía lũy sau, còn như thế nào, không ai biết. Đằng ấy, chỉ các cơ lính tỉnh được lai vãng. Cả tầng lũy ngoài này, toàn người các làng. Thoạt trông cũng biết.

Chỉ thấy những dao dài, dao ngắn, lửa tủa mấy cánh nổ vác vai. Thỉnh thoảng, mới có người đeo hỏa hổ, cái nòng ngắn hủn hoản.

Đôi chốc, Nghĩa trông thấy, có người vác khẩu hỏa mai trên vai áo chàm bạc, thắt lưng giắt bao dưng thuốc nổ làm bằng miếng da báo lốm đốm. Đây là quân các làng trong núi ra. Nghĩa bỗng chồn nhớ nhà. Nghĩa nhớ ngày trước khi đi rừng cũng mặc áo chàm bạc vai như thế. Nghĩa cảm thấy nước mắt rơm rớm. Nghĩa vội lấy cùi tay dụi mắt và nhìn quanh. Nhưng không ai để ý.

Rồi, mọi việc ào đến. Không còn thành thơi nghĩ ngợi vẫn vơ được nữa. Trong bọn các làng vừa tới, có người chỉ trỏ:

- Chắc ông ằm[40] ngồi trong kia.

- Đứng trở tay, quan ra hặc đấy.

Mọi người nhón nhác nhìn phía chân lũy. Quân trong thành vẫn đổ ra tập súng, tập côn, tập đại đao ngày một đông trong tiếng hò hét, quát tháo rầm rĩ. Ai cũng phấp phỏng đoán ở các lũy trong, ở trên cao và tít vào trong thành thấp thoáng cột cờ, trong ấy quân ta có cả nghìn cả vạn người, oai hùng lắm.

Một ông lãnh binh bước tới, quát:

- Quân nào thế này?

- Bẩm quan, quân làng Nha phủ Hoài.

- Phủ Hoài á? Vào đây!

Ông lãnh ấy đội nón dứa chóp đồng, vai đeo khiên, chân quần xà cạp xanh lá mạ. Ông cũng bước thủng thỉnh chân chữ bát thông thả, con mắt nghiêm không nhìn ai, như đi lễ đi tế, hết các quan võ khác. Ông quay lại, giơ tay vuốt ria mép, đứng thẳng, giọng ồm ồm hết từng tiếng trước hàng quân mới đến.

- Các quan bổ cho chúng mày giữ khúc thành này. Sống cứ ở chỗ này. Chết cũng ở đây. Không được nhích đâu nửa bước, nghe chưa?

- Vâng ạ.

- Bây giờ chưa phải đánh nhau thì đi tìm đá gánh lên, chắt vào bờ lũy!

Rồi quan lại ra lệnh:

- Lúc nào có giặc, nghe cho rõ việc phải làm này. Các quan trong thành bắn súng thần công. Nghe súng thần công bắn ra, chúng mày phải reo lên, reo thật to, nghe chưa. Giặc mà mò đến dưới lũy, lập tức lăn đá, ném đá, bắn nỏ. Đứa nào có gan cứ xông xuống chạt đầu nó. Mỗi cái đầu, cái tai đã có đặt thưởng từng hạng. Tây trắng, Tây đen, khổ đỏ, lính đạo, lính tập. Nếu giặc leo lên lũy, phải nhẩy ra, chém cụt chân nó. Xách được cái chân cái tay về trình cũng có thưởng, nghe chưa.

Tiếng reo vâng ạ à à...

- Đấy, các quan phân bố là thế. Đứa nào làm sai thì phải vạ. Việc quan không ê a như việc làng nhà chúng mày đâu. Thằng nào là ngũ trưởng, đi theo tao dặn thêm.

Ông lãnh lại đình đặc từ từ bước vào đám đông tất bật xung quanh.

Ông lãnh đến hò hét, ra lệnh. Bọn nào rõ việc bọn ấy xong, ông lại đến bọn khác. Một lát, ông sang lũy đằng kia. Rồi cũng không lần nào trở lại, và chẳng ai nhớ đến cái ông quan quát tháo ấy nữa.

Việc đầu tiên hỏi nhau bắc bếp thổi cơm ăn cái đã. Nhưng cả bọn đã đi trắng đêm qua, ông lãnh đã ra chỗ khác rồi, có người vừa ngồi phịch xuống đã ngả lưng gối lên tay nải, ngáy khò khò. Nghĩa cũng bơ phờ buồn ngủ lắm. Nhưng Nghĩa nhớ công việc người xuất đội mà ông lãnh vừa bảo, Nghĩa lại xuống chân lũy, bê lên mấy hòn đá, bắc làm ông đầu rau. Làm cơm ăn cái đã. Mấy người được cử làm ngũ trưởng, thấy Nghĩa cặm cụi thế cũng không dám nghỉ, phải xúm vào đỡ một tay. Hai người đổ gạo trong ruột tượng đi vò rồi ra bờ tre xóm gần đấy, kéo về mấy cành rong với một ôm mo nang. Một người ra ruộng, tìm rau.

Xóm quanh đây đã chạy hết, cửa rả nào cũng đóng kỹ, gọn ghẽ, không còn gì. Nhưng vùng Linh Chiểu sẵn rau cần, rau muống Linh, giống rau tiến vua có tiếng. Thời vụ đã đến độ sương muối mà rau vẫn mọc từng ống như ghế trên các mảnh ruộng trằm ngoài lũy tre. Thế là, được rau cần về muối dưa, lại để dành rau muống buổi mai.

Trên mặt lũy, ở góc tay trái, và các lũy khác, đã um lên khói thổi cơm của quân các làng.

Cơm xong, lại bắt tay ngay vào những việc ông lãnh binh đã chỉ vẽ. Chia nhau đi nhòm từng lỗ châu mai. Chỗ nào hở, lấy đá chèn thêm cho kín. Còn lại bao nhiêu người, đi khiêng đá.

Nghĩa xem lại vại nước ăn. Mở nắp mo cau ra, thấy có vại còn vơi, Nghĩa sang lũy trái bên ấy có các làng ở phủ Quảng xuống mượn được cây vầu về vác nước. Chỉ có Nghĩa biết cây vầu vác nước. Từ khi xuống dưới xuôi, Nghĩa mới trông thấy người quảy nước. Trên quê mình, ai cũng chỉ vác ống vầu.

Nghĩa vào trong làng tìm được cái giếng khơi ngay bên cây khế lúc lửu quả vàng mọng. Nước giếng cạn, nhưng trong vắt. Cho tới chập tối, Nghĩa và mấy người nữa vác lên được đầy cả vại nước. Cứ đánh nhau cả tháng cũng không lo hết nước uống. Nghĩa lại trèo cây, ngắt một ôm khế chín. Vẫn tính con gái, thích của chua. Mấy anh trai làng lè lưỡi kêu chua. Nhưng rồi cũng nhá rau ráu cả buổi tối.

Mọi nhộn nhịp ban ngày đã dần dần biến mất. Cả những người lính gác chân lũy, bậc lũy cũng rút vào thành từ lúc nào rồi. Chiều vắng im. Bốn phía cánh đồng, sương bắt ngát dâng lên. Trời càng tối, lũy càng xôn xao như đêm làng vào đám có phường hát về. Không lũy nào nhìn thấy nhau, người ta đắm nhớ nhà, chuyện cứ âm cả lên.

Tiếng ồ ồ kể về trống quân.

Thế gian ai kẻ ngồi rồi...

Cả hàng lũy cười ré.

Bỗng tiếng loa rồi tiếng quát - không biết lính võ sinh hay lính phòng thành, ở đâu chỗ ra:

- Đứa nào bô bô làm loạn thế?

- Ông đấy.

- Muốn sống thì câm ngay!

Rồi loa réo văng vẳng:

- Bớ ba quân thượng hạ! Quan đốc binh ra lệnh chúng mày câm mồm, khóa khẩu. Đứa nào không tuân thì chém đầu lập nghiêm. Bớ ba quân thượng hạ...

Tiếng loa tỏa các ngả. Thế là người ngoài lũy im dần. Một lúc, lại thì ào. Thì ra, trong bóng tối có người vẫn đi lại dưới lũy mà không ai biết. Quân quan đi thám về. Tin tức chưa vào đến trong thành mà đã rỉ tai loang ngay ra các lũy.

Có người quay ra hỏi:

- Quân Tây lên à?

- Ừ, các thằng bỏ mẹ ấy đã lên đến Rau Cốc rồi, cả đường sông đường bộ.

- Bến Rau ngoài Vân ấy a?

- Phải.

Có người đứng lên nhìn ra sông. Phía nào cũng thấy tối đen, chỉ thấy lấp lánh sao.

Người ấy chép miệng nói vu vơ:

- Ồ, mặc sức thiên hạ!

Dần dần về khuya, những tiếng ào ào đã im nhưng vẫn có ánh lửa nhấp nhem. Đêm tháng Mười, nằm vạ vật ngoài trời, cái rét mỗi lúc một thấm. Không làm thế nào được, lại rủ nhau lần xuống ruộng nhổ gốc rạ về đốt sưởi.

Tiếng loa của quân phòng thành dội ra.

- Bớ ba quân thượng hạ! Đứa nào đốt lửa làm hiệu gọi Tây đến, quan ra chém đầu bây giờ.

Thế là chỉ còn tiếng gió trên những lũy tre đàng xa.

Nghĩa xếp tay nải gối đầu, rồi nằm xuống. Cứ nguyên cả cái áo dài nâu da bò, quần lá tọa, hai chân bê bết bùn từng mảnh, lúc nãy đã sát mãi vào nhau mà xem chừng đám bùn khô vẫn rơi lả tả chưa hết. Nhưng Nghĩa không tài nào chợp mắt. Bây giờ lại không buồn ngủ nữa. Hai tay khoanh lên ngực, nhìn lên trời. Dù đã đi suốt đêm, lại lúng cụng dọn dẹp cả ngày, mà vẫn thao thức. Không phải vì nơi lạ. Bây giờ Nghĩa đã ăn sam nước, lại đương sức, đặt mình đâu ngủ đấy. Nhớ lại mấy năm nay, chỉ có đêm đầu tiên, đêm đầu tiên trên quê xuống qua hàng anh Đề Cụt, Nghĩa chong mắt suốt cái đêm sắp về làng Nha ấy. Bây giờ khác rồi.

Bây giờ, bao nhiêu lo toan đến khiến Nghĩa chưa chợp nổi mắt. Quân Tây đã lên tới bến Rau. Nó đi thuyền hay đi bộ? Đi bộ hay đi thuyền, đàng nào chắc là cũng qua làng Nha. Không biết làng nước ta thế nào. Đêm biết như cắt, mà những ông sao cứ sáng rợn. Trời này, mai nắng lắm, không biết làng nước dưới kia ra sao.

Quân Tây đánh suốt ngày vẫn chưa vào được làng Nha.

Bọn mật thám đã biết từ phủ Hoài suốt tới Phụng, lên Sơn, lên Hưng Hóa, các làng đều là dân dữ. Lần này lên đánh Sơn Tây vừa xua quân đi thẳng, vừa phải triệt hạ làng nào ở dọc đường xem ra gai mắt. Không dám dừng lại hẳn. Dừng lại, nhưng chẳng biết đến bao giờ. Rồi nhớ các làng cứ hòa nhau nổi lên. Mà trong cánh đồng, mỗi khoảnh tre là một làng, một xóm. Đẹp đến mấy năm chưa chắc đã tới được Sơn Tây. Lần trước, đánh ra Chèm. Chúng nó đã biết khó khăn ấy rồi.

Làng Nha kín bùng trong khoanh tre như con rùa đã chui vào mai rồi. Bắn cả buổi sáng, đạn như không xuyên hết các lũy. Chỉ nghe rào rào trên vòm tre. Đã mấy lần bọn Tây trắng lợi qua tràn ruộng sâu mới cấy rau cần xâm xấp nước, áp vào tận chân lũy, kê súng bắn. Cũng chỉ nghe đạn nổ lộp bộp trên đám tre gai chẳng chịt rồi im.

Một toán theo đầu cánh đồng vào. Đường làng vẫn phẳng lằng, không chỗ nào cắm chông. Mấy người lính đạo lò dò men vào tận cổng. Giữa gốc gạo xù xì, không trông thấy cổng rong tre khít chặt, ngoài trở một lớp chông trà. Chúng nó xúm lại, lấy dao chặt một quãng, rồi một người bấu vào các mắt tre, trèo lên.

Bàn tay đã nắm được cái mắt tre. Giữa lằng lẽ phẳng phắc, lập tức, một nhát dao bẩy trong bụi tre lách ra, phập một cái. Cả người và bàn tay rời ra, rơi xuống. Bàn tay quẫy đành đạch giữa đường cái như đuôi con mối bị ngắt đứt.

Cả bọn xúm lại khiêng ra thẳng lính đạo mất bàn tay. Không dám vào tận nơi nữa. Cứ đứng ngoài xa, bắn loạn xạ. Ở trong, vẫn im như không. Lúc này còn đoán trong làng không có người, bây giờ táng đàng ra rồi. Trong những lũy tre lăm lè bí hiểm ấy có người, có nhiều người ghê gớm đến không biết thế nào nữa.

Bọn Tây trên đê thúc thêm lính xuống. Một lũ dỡ những cây rơm, những đồng rạ ở các ruộng vừa gặt chất vào đốt chân tre. Đến trưa, quanh lũy đen nhem một màu tàn rơm. Nhưng, những hộc tre cháy rồi lại tắt, các bụi tre vẫn nguyên thế.

Suốt đêm, quân Tây và bọn lính tập phải dựng lều ngủ ngoài ruộng.

Sáng sớm, lại hò hét vác đao, xách thang xông vào. Chặt tre đến đâu, bắc thang trèo, hung tợn quá. Có đứa bị nổ bắn ra, ngã lăn xuống hào. Từ lúc ấy, chúng nó bắn từng chập rồi mới leo vào. Không biết trong làng có bao nhiêu quân. Không nghe tiếng súng, trong làng không có súng. Chúng nó lại hò nhau chặt tre từng quãng rồi bắn, rồi bắc thang qua.

Trong làng thật cũng chẳng còn mấy nả người. Những tay khỏe nhất hăng nhất đã ở trong đám quân lên Sơn. Người già, trẻ con chạy sang Bắc từ lâu. Cả làng còn lờm nhờm vài chục người. Nhưng từ hôm có tin Tây lên, cũng chưa lần nào đứng lại thành bọn. Cả làng tản ra ngày đêm canh giữ quanh các lũy. Các chú bà và chú tiểu ngoài chùa cắt lượt đem cơm và ấm nước ra trạm gác. Các cụ kể làng ta từ bao nhiêu đời, người già truyền lại cho con cháu, chưa đám cướp nào lọt nổi qua bờ tre, ba khoanh hào. Lần này ai cũng chỉ nghĩ thế.

Bốn phía, tiếng chặt tre, tiếng chửi, tiếng la hét. Chốc lại vang một loạt súng nổ, một đám khói um quăng xóm giữa. Chúng nó hun rơm hay đã lọt vào đốt nhà trong làng. Người trong xóm đổ ra đàng ấy.

Bà Xuất ở chùa ra đội thúng cơm còn bốc khói. Bà Xuất hỏi những người đang chạy.

- Cháy đâu thế kia?

Chẳng ai dừng lại. Người ta mãi xô về đám cháy. Có thể vì bà Xuất mặc cái quần, cái áo xồi nâu, nom như bác lái lợn hay ông khán thủ, chẳng ai buồn nhìn lúc ấy.

Bố con lão Vạn - vẫn cái khổ đuôi lợn như con đĩa vắt vào dít, trời rét thế mà áo rách tả tơi hai vai, bên hông đeo chiếc ống bương dài lê thê.

Hai bố con cứ chạy tể lên cho ấm.

Vừa chạy vừa kêu:

- Ới làng nước ơi, thằng Tây đến xóm ngoài rồi.

Bà Xuất đứng chững lại.

- Nó vào xóm ngoài rồi à?

- Đấy, đấy... Cả xóm đồng cũng thấy rồi. Cháu vừa ở dưới ấy lên đây.

Lão Vạn toan chạy nữa, nhưng lúc trông rõ bà Xuất bèn dừng lại.

- Nghe bọn lính đạo bảo nhau tìm đốt nhà Xuất Nghĩa...

Bà Xuất hỏi lại:

- Đích thế à?

- Ngồi trên nóc điểm, nghe rõ mồn một thôi. Nó hò nhau vào đốt nhà Xuất Nghĩa từ lúc đương phá rào. Bà đi đâu bây giờ?

- Tao đem cơm ra lũy. Hai bố con lấy mấy năm mà phòng thân.

Bà Xuất hạ thúng xuống, mở đệp lá chuối. Những nắm cơm bốc khói nóng nghi ngút.

Lão Vạn nói:

- Bà ra ngoài lũy bảo anh em liệu mà về giữ xóm, không để nó lỏng hồng phá hết làng mình thế à!

- Bố con nhà mày đi đâu?

- Cháu về giữ xóm đây.

- Giữ xóm mà đeo cái ống vầu kia thì làm sao?

Lão Vạn trợn mắt, trở tay:

- Mỗi ống lèn mấy con mai gầm chưa mài nanh đấy, bà biết không!

Rồi hối hả mỗi người một phía.

Đúng lão Vạn nói, Tây đã vào được làng, qua lũy tre thúng đằng ấy. Khói đốt nhà càng dày đặc. Mất tre bắt lửa nổ choạng choạc, chẳng khác ống lèn.

Tiếng reo chập chờn trong gió khói, không rõ bên nào hò hét. Nhưng thế là đôi bên đang đánh nhau trong làng rồi.

Bà Xuất đưa cơm xong, tắt tả về nhà. Đã thấy Ngát xách mã tấu chạy ra.

Ngát nói:

- Mẹ đừng ở trong xóm, nhớ một cái thì khốn. Mẹ bảo cả nhà chùa, các chú bà chạy ra đồng thôi.

Bà Xuất hỏi Ngát:

- Mày đi đâu bây giờ?

- Mẹ cứ ra đồng trước đi.

Bà Xuất cũng nói:

- Không có lối chặn đằng sau mà sợ. Nó vào đến nơi tao chạy cũng vừa...

- ĐỪNG, mẹ ĐỪNG...

- Tao cũng có cái này chứ.

Bà Xuất lòi trong xó cửa ra một ngọn giáo có mũi sắt vẫn dựng trong ấy.

- Mẹ ở nhà, con lo lắm.

- Mặc tao.

Bỗng Ngát nhăn nhó cười.

- Ờ mà mẹ mặc quần áo đàn ông, lại cầm cái giáo, nom như bác khán thủ chứ chẳng vừa.

Bà Xuất kêu lên:

- Ấy chết, mày vào lấy quần áo con trai mà mặc. Phải cẩn thận thế, mau lên, lấy quần áo...

Ngát reo:

- Ừ, con mặc quần áo anh Nghĩa. Có thể mà không nghĩ ra. Anh Nghĩa...

Ngát chạy vào chỗ thừng vắt quần áo trong buồng bên. Một chốc, Ngát trở ra. Thùng thĩnh trong tấm áo nằm thân nâu vỏ già, cái quần chồi tím bồ quân. Đầu vấn một mảnh khăn lượt, Ngát giờ thanh mã tấu.

Ngát tủm tỉm cười, hỏi mẹ:

- Mẹ trông con đã giống anh Nghĩa chưa?

- Cha đẻ mẹ mày!

Rồi bà Xuất, không biết tại sao nước mắt cứ dưng dưng, - bà nghĩ thương con gái quá. Bà bước lại bên Ngát, thì thào:

- Làng này có đũa thông lưng với Tây hay sao, mà lão Vạn nói bọn lính đạo đương đi tìm đốt nhà Xuất Nghĩa.

Mẹ chỉ nói tới Nghĩa thế mà tự dưng Ngát cảm thấy đương riu rít như mọi khi Nghĩa ở nhà. Ngát không để ý cả việc ghé gớm mẹ vừa nói.

Ngát ghé tai mẹ:

- Mẹ ạ.

- Cái gì hử?

- Anh Nghĩa bảo sang giêng này trên Ba Trại nhà anh ấy xuống nhà ta, nói với nhà ta...

- Xà, cái con ranh. Bây giờ mà còn chùng chình trong nhà, nó ập đến tận ngõ cũng không biết. Ra đầu xóm kia, thấy ai đã về, bảo nấp cả vào bờ tre, liệu xem nó nhiều ít thế nào mới biết mà đánh được.

- Nhưng mẹ có bằng lòng không đã.

- Bằng lòng thế nào.

Má Ngát đỏ ửng.

- Bằng lòng... Bà Xuất cười, lại mắng: "Con nỡm trẻ con vừa vừa chứ!" Rồi bà lấy ngón tay vuốt mép trầu hai bên mép, một tay đẩy lưng Ngát ra phía ngõ.

Thấy Ngát phịu mặt, bà Xuất cười:

- Được rồi.

- Mẹ nhớ đấy, mẹ bảo được rồi.

Ngát tong tả đi ra.

Được rồi... mẹ ừ... Ngát thấy ở mình có vẻ như trẻ con. Mình là trẻ con thật. Nỗi vui sướng hớn hỏ như khi Ngát còn nhỏ, hàng năm phấp phồng đợi hội tháng Ba. Cờ bay phấp phới giữa tiếng trống liên hồi. Lúc kiệu thần làng dưới lên tới nơi, tiếng chiêng vang âm u. Đám rước có những cô nhà tơ đứng trước cửa đình, mỗi bên năm cô múa, múa dâng hoa, múa thết nhạc. Những cô nhà tơ ấy quê tận Quế Quyền, đã thành lệ từ đời mẹ đời con, năm nào cũng lên xin đám hội làng. Lúc ấy, trai kiệu khuỳnh tay nâng hai dải khố điều lên hai đầu gối quỳ xòe ra, từ từ gồng vai lên dâng chiếc kiệu bát cống nguy nga bỏ ngang sân đình. Những cô nhà tơ đi chân đất, áo the thâm vạt bỏ ngoài thắt lưng điều, tay cầm quạt giấy, tay cầm chiếc hoa đơn đỏ, yếu điệu múa quay bốn phía. Người cũng dẻo như những ngón tay uốn. Ai về hội còn đợi đến khuya xem các cô múa bỏ bộ, múa bài bông. Bé Ngát đứng xán vào các cô nhà tơ hát cửa đình cứ nhìn mà mê. Nỗi vui xa xôi thoáng qua, bọn rộn, tíu tít niềm vui trẻ con.

Ngát chợt nghĩ: Không biết ở Ba Trại vào đám tháng mấy? Ngát chưa được lên quê anh Nghĩa lần nào. Nhưng Ngát thường chỉ nghĩ và hỏi một mình, không dám nói.

Ngoài bờ tre, đã đông người đẩy rôi. Nhiều người vừa mới đánh nhau ở xóm ngoài chạy về. Áo rách xả vai, búi tóc xõ tung. Cánh tay buộc lá nhọ nòi cầm máu, máu vẫn lã chã chảy xuống. Thế là đương cơn hăng, không biết gì cả, lại chạy vào bờ tre, nấp sau gờ đất, mũi giáo chấm chấm chĩa ra.

Bố con lão Vạn ngồi vắt vẻo trên một cây tre ngả ngang giữa vòm tre kín mít trên đầu, có đường đi qua dưới. Không để ý, không ai biết người núp trên ấy.

Lão Vạn buông thông chân, nhồm nhoàm ăn nắm cơm nóng vẫn giắt lưng khố từ lúc nãy.

Có người quát:

- Muốn chết hay sao, xuống ngay!

Lão Vạn cười nhả nhổ, buông lỏng lơ xuống chiếc ống vầu như trêu người.

Tiếng hò hét, tiếng nổ và khói đốt nhà gần lắm, tạt khét lẹt. Không ai đứng chỗ nào yên. Đương núp, lại vùng về nhà, lại hốt hải ra.

Nắng rực lên những ngọn tre đầu đường. Một lúc im lặng. Mọi người trong bờ lũy, đã sắp sẵn giáo mác, cánh nỏ, ống tên thuốc. Trông ra cuối quãng nắng vàng hắt đi, có một đám lính Tây mặt đỏ như quả nhót chín, một bọn lính đạo đen găm đen gùi, lỗ nhổ chui trong đám khói ra.

Chúng nó xách súng hùng hục sang.

Đến quãng giữa bụi tre, bỗng nhiên có một đàn rắn mai gầm quăng mình trên cây xuống. Những con rắn dài bằng cả chiếc đòn gánh, bóng loáng khúc trắng, khúc đen. Có con rơi bộp vào chiếc mũ trắng trùm hụp trên đầu thằng Tây, có con ngoàng dưới đất. Cả lũ lính đi trước đi sau trông thấy, nhảy lên hét lên như điên.

Chúng vừa chạy vừa quay lại kêu, kéo theo bọn khác không biết thế nào, càng khiếp đảm hơn. Trông đâu cũng những rắn hổ mang, rắn mai gầm bò ra. Cả mấy cơ lính rống lên, bồng tít ra giữa cánh đồng. Kinh hoàng chưa bao giờ thấy. Cả làng rắn bò đi tìm cắn chúng nó.

Trong làng, không còn một bóng giặc. Các xóm chạy sang dập tắt những đám cháy dở. Nhiều người vác cành rong, cầm chông tẩm nước đá đã trử sẵn, rập ngay lại lũy.

Ngát giắt thanh mã tấu vào thắt lưng, đi khiêng tre chuyển cho đám người đương rào lại làng. Bà Xuất ra chùa, xem chỗ gạo trử trong hòm phạn dưới nhà hậu. Còn phải đánh nhau, chưa thối thêm cơm được. Chúng nó còn lỗ nhổ ngoài đồng.

Những quả đạn từ khẩu đại bác đặt bên góc ruộng lại nã vào bờ lũy.

Lát sau, một người chạy vào chùa, gọi:

- Bà Xuất ơi, bà Xuất!

- Ai thế?

- Cái Ngát nó phải đạn rồi.

Ngát đã được khiêng vào điểm canh - chỗ hôm trước Nghĩa và cả bọn tụ họp ở đấy rồi đi lên Sơn. Ngát nằm nhắm mắt, lìm lìm. Vết đạn chảy máu ướt đầm, cả thắt lưng, vũng xuống mặt đất.

- Ối con ơi, con tôi làm sao thế này...

Ngát mở mắt, quờ quạng nắm tay mẹ.

Tiếng đạn bác lại xé ngang trên đầu.

Trên lũy Phù Sa, đêm lạnh ghê người.

Nghĩa kéo mền trong tay nải ra, đắp lên ngực. Chiếc tay nải nâu, thàng trước Ngát mới khâu

đưa cho Nghĩa bảo là em khâu cho anh cái tay nải để nhớ có đi đánh nhau, lấy cái mà đựng các thứ. Thằng Tây đi trận, đưa nào cũng có túi dết đeo vai, cả nước uống nó cũng nhét vào đấy được, tiện lắm. Cái tay nải cũng thế. Nghĩa nằm nghiêng, áp má xuống tay nải. Hình như sương càng giá, má Nghĩa càng nóng hổi. Nhớ lại, thật thương hại Ngát. Ngát mê Nghĩa đến lắm lúc cứ như người ngẩn ngơ. Không biết bây giờ ở làng, hai mẹ con ra sao. Quân Tây chỉ kéo qua làng hay đã đánh vào làng.

Vấn vợ, nghĩ lại thấm thoát Nghĩa xuống làng Nha đã năm sáu năm rồi. Khi bố đưa đi, tưởng không thể đậu được vài ngày. Những nhớ nhà cũng đã đủ chết héo. Thế rồi chẳng bao lâu, trong hoàn cảnh éo le ấy, tình thương của Nghĩa với bà Xuất, với Ngát dần dần thân thiết, thấm thía chẳng khác với bố mẹ, với chị em ruột thịt. Bây giờ Nghĩa chỉ thấy ba mẹ con Nghĩa quây quần đùm bọc nhau. Bà Xuất thật người khoáng đạt, coi anh em thiên hạ như người trong nhà. Chỉ vì nạn nước mà người ta phải khó nhọc, bà Xuất thường bảo Nghĩa thế. Đức độ của bà đã vun đắp cho Nghĩa lòng yêu thương. Chỉ mấy năm mà đôi khi Nghĩa tưởng mình thật sự là con cái trong nhà, Nghĩa đã ở đây từ thuở lọt lòng.

Nghĩ xa nghĩ gần, Nghĩa lại nhớ hôm mới xuống, hai bố con ngủ quán ở Ba Cây Đề. Cái đêm lạ lùng suốt đời chẳng quên, ở đấy cũng có lối ra bến Cốc, bây giờ Tây đã lên quán Ba Cây Đề rồi à? Đây xuống đấy chỉ một thôi đường chứ mấy?

Nghĩa bỗng nghĩ đến Gái. Nghĩa thương Gái như tấm lòng chị thương em. Nhưng mỗi khi nghĩ đến Gái, Nghĩa lại ngậm ngùi và băng khuâng. Nghĩa thương Gái hay Nghĩa thương cả anh em Gái, hay vì nghĩ như thế mà Nghĩa chạnh lòng đến thân phận mình rồi ra thế nào. Nghĩ đến cái chết thương tâm của Gái, nước mắt Nghĩa chảy xuống. Nghĩa để yên cho nước mắt bỏ lạnh lạnh trên má.

Trời dần dần rạng. Buổi sáng sương, cách quãng cũng chưa trông thấy người. Đột nhiên, nghe mơ hồ tiếng súng dứt quãng vang lại. Những bóng người trong lũy chạy cung cúc xuống giữa làn sương trắng mờ. Có lẽ lính ta ra thám thính.

Các lũy đương im lặng, bỗng có tiếng loa gọi vất sang bên đông, vất sang bên tây, ồn ào hẳn lên.

- Quan truyền đội nào cơ nào phải thối cơm ngay bây giờ. Lúc tan sương thì cấm lửa. Bớ ba quân thượng hạ, quan truyền...

Nhưng chẳng đâu màng đến cơm nước nữa. Từ lúc nghe lác đác tiếng súng trước mặt, ai nấy đã tan hẳn cơn ngái ngủ buổi sáng rét buốt. Trong khi có những quân làng nào không biết, đám trai tráng giữ Phù Sa suốt lũy ngoài này, toàn người các vùng mà quân Tây có qua nổi các làng ấy mới lên đây được, ai cũng sốt ruột. Trôi Gối, Canh Thìa rồi Sơn Đồng, Sấu Giá, tạt bên này, nào kẻ Đăm, kẻ Cốc...

Tiếng súng lác đác xa. Một chốc, dừng một phát nổ to rất gần. Không biết súng của Tây hay ống lệnh, hay thần công trong thành bắn ra. Trời tang tảng sáng. Trông xuống, đã rõ ngọn cây đa đầu xóm Sen Chiểu trời lên khỏi làn sương dày. Càng sáng, chốc lại lộp độp tiếng súng khoảng trước mặt.

Không ai bảo ai, mọi người ngồi im, hau háu trông về xuôi. Súng nổ thế, chắc có nhiều làng dưới kia đương ra đánh cản Tây. Đến lúc mặt trời đã lên cao, quang hẳn thành một ngày nắng to, cánh đồng đầy nắng rồi, thấy đằng xa có những đám khói lên. Khói cháy làng hay khói đốt rơm ngoài đồng. Lại những đám khác bốc lên gần lắm. Trong khói thấy cả ngọn lửa. Nghe tiếng ống nứa, ống tre nổ càng lúc càng gần. Một vùng trước mặt, trong các khoanh tre giữa cánh đồng, làng xóm nào cũng đương đánh nhau rõ ràng rồi.

Các làng trên lũy cứ nhảy lên. Nhưng chưa có súng thần công ta bắn, chưa dám reo. Ai cũng tưởng mình đương ở làng - như đánh nhau với Tây đã đến ngoài bờ tre.

Hình như lại mới có thám báo về. Chẳng thấy ông lãnh, ông đội nào tới nữa.

Nhưng tin tức đã bay suốt hàng lũy: "Tây lên đến Sen Chiểu rồi".

Sen Chiểu trước mắt đây thôi. Thế thì nó đã đến nơi. Cả dãy lũy xăm năm nhìn lên nhìn xuống.

Chốc lại ngoái vào trong xem quân ta đằng ấy đã rục rịch thế nào. Xuống đánh nhau chứ, hay là đợi thần công bắn ra đã.

Nghĩa đứng, nắm chuôi mã tấu, nói to:

- Tây sắp đến rồi. Ai nấy theo tôi.

Mọi người nhìn Nghĩa, Nghĩa quắc thước khác thường.

Ai cũng biết tài Nghĩa đã bóp cổ chết tươi mấy thằng Tây. Điều mà khó người nào chân tay không, chỉ một mình dám làm thế. Nghĩa đã đi đánh trận ở Cầu Giấy, Nghĩa đã mấy lần xông pha giáp mặt Tây. Cả đến bọn trai làng này còn có người chưa từng thằng Tây mặt ngang mũi dọc thế nào. Những chuyện đồn thổi về cái giỏi của Nghĩa đã khiến anh em tin tưởng. Những câu chuyện dũng cảm đã làm cho vẻ mặt trắng trẻo, con mắt sắc dao cau, đã khiến có người ngỡ Nghĩa như gái giả trang đi đánh giặc cứu dân độ thế trong truyện ngày xưa. Như thế, khí thế Nghĩa càng hiên ngang.

Nghĩa đứng cạnh đồng đá góc lũy, cầm thanh mã tấu lười sáng ngời, dăm dăm nhìn ra. Lũy tre làng Sen Chiểu xanh mờ bên kia cánh đồng, có thấy nhúc nhích gì đâu. Đứa nào nhô khỏi bờ tre, đây trông rõ mồn một. Chắc chưa phải Tây lên đến đây.

Bỗng phía trong có tiếng ùng ục, tiếng ùng ục nối dài qua đầu rồi nổ oàng trên bụi tre trước mặt.

- Ồi giời ôi, anh em ơi, ông Âm ta, ông Âm của ta...

Cả dãy lũy trong lũy ngoài hét nhảy lên.

- Bớ ba quân thượng hạ! Bớ ba quân thượng hạ.

Đột nhiên, có những bóng lù lù, những đốm trắng từ phía bờ tre xổ ra rồi thẳng đến. Đạn nổ khói trắng trước mặt. A, Tây vừa xông ra vừa bắn. Những tiếng hò hét khắp các lũy nổi lên. Thần công ta bắn vào Sen Chiểu. Chúng nó đã vào Sen Chiểu. Chúng nó chạy húc ra. Không biết chúng nó định sang cướp lũy hay chúng nó chạy trốn ông Âm của ta. Chẳng ai hiểu thế nào. Đạn hai bên cứ dồn dập xé qua xé lại trên đầu. Súng to của Tây nã vào trong thành, không biết trúng chỗ nào, khói trong ấy tạt ra kín mít cả lũy ngoài.

Đại bác của Tây đã được kéo từ dưới sông lên bờ đê đằng kia. Tiếng nổ trong ngoài rối loạn. Nhưng mỗi lúc làn khói nhạt đi, vẫn trông thấy quân các làng lơ nhố trên lũy, chỗ gọi ời ời, chỗ reo ầm ầm: bớ ba quân thượng hạ... ông Âm của ta... ông Âm... Từ phía, giặc ùn ra từ các làng rỗng không trong bờ tre, đen kịt như kiến bò. Thỉnh thoảng, trông rõ Tây trắng, mũ trắng, Tây đen váy trắng xum xoe cười ngựa lon ton chạy. Lại nhìn rõ lá cờ ba màu có người áo trắng quần trắng nép đỏ đi dưới, dáng hảnh đẫy là thằng quan.

Tiếng đạn súng tay chan chát lên các lỗ châu mai.

Cánh làng Nha không có khẩu súng nào. Nhiều người dứt tóc giậm chân, gào lên. Một người quay lại, chắp hai tay, rụt rè, cung kính hỏi Nghĩa:

- Bẩm ông Xuất, bẩm ông...

- Ơ hay, cái gì thế?

- Bẩm ông, cho tôi ném chúng nó một cái, tức lắm.

Nghĩa nghiêm lại, giọng mã tấu:

- Khoan, nghe hô mới được ném!

Quân Tây đã lơ nhố dưới lũy cả hai bên bờ rào.

Thế là một loạt đá lăn rào rào xuống. Dây nổ nổ tanh tách bắn theo. Những cái lao hóp phóng như xía cá. Tiếng reo càng rền lên. Bóng người nhảy lù, lóp ngóp dưới hào nước. Toán khác lại nhào vào. Các lũy lại lăn đá, lại nã nổ. Không lên được, chúng lù ra giữa đồng, nấp cạnh bờ

ruộng, ghếch súng bắn. Tiếng đạn cắm vào thành đất, nổ toang toác trên đồng đá đỉnh đầu.

Bấy giờ đã đứng bóng. Trời nắng hanh gắt. Những quả đại bác từ sau bờ tre bắn vào, các lũy trũng đạn mù mịt khói. Tiếng người la hét om sòm.

Lần này, chúng nó chạy vào tận quanh lũy.

Nghĩa hét:

- Quân ta đâu? Xuống đánh giáp lá cà thì nó không bắn được. Không sợ!

Những tiếng loạn xạ, lao xao.

- Anh em ơi! Người của ta đấy. Hượm nỏ lại!

- Lăn đá, lăn...

Chúng nó vẫn không vào được.

Chiều xanh rọi, rồi tối nhanh. Các lũy đã mờ mịt trong sương. Có lẽ bọn Tây vừa rút ra, nằm cả trên cánh đồng đầu làng. Thế mà ở nhiều góc, đã lố nhố những đám người ngồi che gió thổi cơn trong tiếng rì rào những chuyện bắn nỏ, lăn đá, phạt mã tấu, rõ ràng thấy thẳng mũi lỗ bằng mắt chớp mũ, ngã ngựa ra, thẳng lính đạo bị một nhát đứt vai...

Những cơn gió bắc ào ào từ dưới đồng cuốn vào, đưa lên mùi máu tanh khẳn. Quân thám báo đã về nói thấy có xác chết dưới hào nước, lại cả ở ngoài ruộng.

Đêm nay, trời đầy sao như đêm qua. Nhưng cả vùng lặng im. Bọn Tây còn lại trong bờ tre cuối cánh đồng hay đã rút đi. Đám quân các làng muốn mò xuống xem thế nào. Nhưng không dám, sợ quan phòng thành biết.

Thế rồi, cũng có người trèo lũy xuống làng. Một lúc ôm lên một bọc khế như tối qua. Có người lấy được cả hai quả bông to tướng. Chanh nhớ sắp năm hết Tết đến rồi. Vùng Sơn Tây người ta trồng lắm giống bông đại này. Những cây bông leo khéo bờ ao, quả nặng trĩu đất, mỗi quả phải một cái rế đỡ.

Đêm mù mịt.

Ngọn đèn hiệu trong lũy các quan đêm nay không thấy lấp ló.

Nghĩa buộc chặt thắt lưng, nằm ghếch đầu lên tay nải rồi rút cái mền nâu mở ra đắp ngang lên ngực. Những ngôi sao sáng rợn lung lay như sắp rơi xuống, bậu lên mặt. Đánh nhau cả ngày nhưng may anh em vẫn được đông đủ như hôm qua. Cũng chẳng ai què gãy, bị thương. Lại thì thảo chuyện chẳng khác tối hôm qua. Bây giờ đương cãi nhau, gọi là quả bông, hay là quả tỳ bà, quả thanh yên, hay là quả chanh yên... chẳng ai được ai...

Sốt ruột, Nghĩa nói sang chuyện khác:

- Phải cho thằng Tây vùi đêm ngủ đường ngủ chợ long đông như ta thế này, thì rồi đến bố nó cũng phải xuống tàu về nước.

Nghe câu nói vui, mọi người cười yên tâm hơn.

Nghĩa cắt việc cho anh em. Bọn bí mật xuống lũy tìm đá vác lên. Bọn ngồi vót tên. Tiếng mài dao đều đều xèn xẹt. Những người rồi rồi, ngồi ngáp rồi nằm xuống lúc nào, đã nghe ngáy o o...

Nghĩa quanh quẩn nghĩ về cái Tết sắp đến rồi chợ đi. Quá nửa đêm, đến lượt Nghĩa dậy đổi gác. Trời vẫn lồng lộng sao như chập tối, nhưng rét càng buốt hơn. Trong đêm thăm thẳm, những ngôi sao óng ánh mọc lên như mọc trên đồng nước. Nghĩa bỗng nhớ những ông sao trên hồ Tây buổi tối ngủ ở cái lều cối giã dó của anh Đề Cụt. Nghĩ lại thế trong bóng tối mà Nghĩa vẫn cảm thấy thẹn, hai má nóng rừ.

Tít xa dưới kia, không nghe một tiếng súng. Tây đã tràn qua làng rồi hay sao. Mẹ thể nào, cái Ngát thể nào. Anh Đề Cụt trận này theo quân Chánh Võ hay quân Tự So. Ý nghĩ miên man trong bóng đêm... Đến bao giờ được yên hàn, tôi về Ba Trại. Tôi vút cái áo năm thân đi. Tôi lại mặc

xống áo của tôi... Bao giờ lại thế này nữa thì nực cười. Cứ váy áo xúng xính đến tháng Ba mình về hội làng Nha. Bọn con trai trông thấy, thì thào: con gái ông Tư ở Ba Trại đấy à... sao nom giống anh Xuất Nghĩa thế... anh em nhà người ta có khác. Nghĩ loăng quăng, chốc Nghĩa lại mỉm cười một mình.

Bỗng có ánh đóm đuốc lập lòe với tiếng người rậm rịch trong lũy đằng sau. Hình như từ tối đã thấy, nhưng bây giờ đêm thanh vắng, càng rõ hơn và nghe mồn một. Cái gì thế?

Nghĩa lẳng lặng sang nghe ngóng chỗ các làng vùng Trôi giữ đầu lũy đằng kia.

- Cái gì trong ấy thế?

- Các cụ đương chữa ông Âm.

- Làm sao?

- Ông Âm bị hóc, nằm liệt giường rồi chứ làm sao. Từ lúc chiều có nghe ta bắn sang nó được phát nào nữa đâu.

Nghĩa trông lên trời.

- Bây giờ mà chưa chữa xong. Trời sắp sáng rồi còn gì!

Nghĩa buồn bã đứng lặng yên. Nghĩa nhớ lại lúc ban ngày. Từ thuở bé, bây giờ Nghĩa mới được trông thấy bắn súng thần công. Chán quá, tưởng thế nào. Được một quả đạn ra nòng, bao nhiêu lôi thôi trầy trật. Đạn súng to của Tây như mưa trên mặt lũy, khói bốc đến nỗi giáp mặt cũng không thấy nhau. Thế mà súng bên ta phát một cú nhả nha như ông lãnh binh khoan thai, đứng đỉnh chân chữ bát đi tiến tước ở đám tế.

Nghĩa phải để ý một lúc lâu mới nghe một tiếng hô đồng dục, rồi một tiếng hô “bái” to như hét từ trong đám các quan xúm quanh đấy vang ra. Rồi các ông chánh phó lãnh binh trông coi về súng thần công, có ông chương cơ mũ mẫm uy nghi đứng vòng tay, cứ chốc lại phủ phục lên gối xuống gối, nét mặt sợ sệt khiếp đảm, chấp tay lễ hai ông Âm đương được sửa soạn khai hỏa. Ông xuất đội được lệnh bước vào. Tay ông cầm cái sào dài, đầu sào buộc nắm bông nhuộm điều. Ông xuất đội thuận sào vào nòng súng. Thông thả khoe đi khoe lại, ngoáy mỗi nòng đúng mười hai lần. Xong đâu đấy, ông xuất đội lui ra, đứng nghiêm, tay cầm dưng cái sào vừa thông nòng.

Đến lượt ông thập trưởng hoa cái bụi nhùi đã rấm lửa, vừa chạy vừa múa hai tay lên như múa bài bông. Đến trước khẩu súng có quả đạn được lắp sẵn, ông thập giơ bụi nhùi, quay một vòng rồi lom khom quỳ một bên gối chằm cái ngòi thuốc dài hơn sải tay, vắt thông lòng lên mặt án như có mâm ngũ quả bày trước khói hương đương nghi ngút.

Một quả đạn được bắn ra. Quân reo rầm rầm trong làn khói trắng tỏa. Suốt lũy ngoài lũy trong quân các làng hô “bớ ba quân thương hạ” rồi tiếp đó, lại nhộn nhịp tiếng đô ta, đô huầy. Cả một vè xúm lại đô ta đô huầy đầy khẩu thần công sang lũy khác. Chỗ nào có bậc, bốn bánh cút kít không lần được, phải khiêng lên. Nhớ thằng Tây bắn lại, các ông Âm đã được chuyển chỗ.

Được một phát thần công bắn ra, thật vất vả, khó nhọc.

Đến bây giờ vẫn chưa nguôi. Suốt đêm, vẫn nghe tiếng ầm ì tiếng quát, cả tiếng “hương bái” tế lễ nghe nga đằng ấy. Nhiều người rét quá không ngủ được. Các góc lũy lại góp chuyện vọng sang nhau về ông Âm.

- Các cụ trong ấy đương lễ ông Âm.

- Không biết hỏng cái gì?

Một người ra vẻ thành thạo:

- Cái giống này chỉ hay hóc thôi.

- Nghe nói khi nào ông Âm hóc phải cho ông ấy uống thuốc. Chẳng biết có phải thế không?

- Tổ cũng nghe nói vậy.
- Đổ sâm đấy, phải đổ hàng lạng nhân sâm vào họng mỗi ông Ầm chứ chẳng chơi.
- Ừ nhỉ, cũng như người ốm ấy mà...
- Bây giờ mà các cụ ra đổ sâm cho chúng mình nhỉ. Một chén hạt mít thôi, mai xông xuống chém một nhát đứt đôi hai thằng Tây.
- Hà hà...

Chuyện cứ rả rích loăng quăng đến khi trời rạng sáng. Sương tan trắng xóa như lở từng tảng trôi bồng bềnh trên cánh đồng.

Trong làn sương, đại bác của Tây lại dội ầm ầm xuống lũy. Nó đánh sớm thế.

Những toán làng nào thối cơm chậm, đành bỏ dở bếp, đứng cả dậy. Bây giờ chỉ có việc đợi thần công ta cất tiếng thì nhảy lên reo hò. Nhưng đợi mãi cũng chưa nghe tiếng. Mà đại bác Tây giống giả từ phía bờ sông, cả trong làng, nã tới dồn dập.

Tiếng người hò hét đã loạn trước mặt. Chúng nó lại bắt đầu xông lên. Tiếng người kêu xối xả như đê vỡ, nước cuốn réo vào cánh đồng. Quân nó nhiều hơn hôm qua. Không trông thấy gì trong sương mù. Tưởng hàng trăm hàng nghìn người càng cuộn cuộn đông nữa.

Những tiếng hét đương trào cả lên mặt lũy.

Nghĩa hô bừa:

- Ném đá! Ném đá! Bắn đi, bắn, anh em ơi!

Đá lại lăn rào rào. Tiếng nổ bật chí chát như bật bông.

Những tiếng kêu thưa hẳn dưới lưng lũy. Lại nghe đằng sau, xì xồ ầm ầm. Phía ấy, sương đương tan. Trông thấy ngoi lên trên làn sương loăng một lá cờ ba màu - đúng chỗ lũy hôm qua có cắm cờ hiệu, súng thần công bên ta đóng đây.

Từ lũy trong, một người hót hải vác câu liêm ra. Người ấy mặc áo nâu dài, thắt lưng bó que, quần tóc ngược. Không phải lính, nhưng cũng không nhận ra trai làng nào. Người ấy rồi rít nói giọng Cổ Đô nặng trịch.

- Anh em làng nước ơi! Vào đỡ chúng tôi một tay. Tây lên đằng kia rồi.

Một người sừng sốt hỏi:

- Thế lính tỉnh đâu?

- Chúng nó khiêng ông Ầm vào chữa trong thành từ gà gáy chưa thấy ra.

- Súng hỏa nổ, súng điều thương cũng vào thành a?

- Quân chết tiệt chạy hết rồi.

- Mà nói láo hay nói thật đấy?

Nhưng mà hỏi xong thế, chẳng biết nếp tẻ thế nào, tất cả lũy ngoài nhốn nháo, chạy vào. Tây đã lên được lũy đằng ấy.

Các lũy reo à à. Không biết bên nào ta hay bên giặc nữa. Thật sự, Tây đã vào đến chân lũy, lưng lũy. Có chỗ chúng nó đã búa vát vèo lên tường thành. Đánh nhau giáp lá cà, tiếng kêu thất thanh, tiếng thở hồng hộc, tiếng hét, tiếng máu phun ồ ồ ọc. Người trong lũy chốc lại nhô lên ném đá xuống. Tiếng lao phóng, tiếng tên nổ vút vút. Một bàn tay búa bờ tường. Một thoáng mã tấu lia ra, phập một nhát. Tiếng người lăn khô khốc, tòm xuống hào nước.

Chúng nó đã bâu quanh lũy, rúc đầu lên, lại bị đẩy xuống.

Đánh nhau suốt cả một ngày. Không tiếng súng, chốc lại nổi lên những cơn reo à à.

Đến chập tối mới ngót. Có người lữ bên lườn sang báo tin:

- Ta lấy được đầu một thằng quan ba rồi.

Mọi người xôn xao.

- Đích không?

- Người ta cướp về được cả ống tay áo ba vạch vàng, mắt tôi trông thấy mà.

- Ba vạch vàng thì đích quan ba.

- Có biết quân làng nào lấy được không?

- Không biết.

- Rắc rối to. Biết cho ai lĩnh thưởng bây giờ?

Một anh rung đùi, nói to:

- Tớ thì không được thưởng rồi. Nhưng tớ đã bảo mà, không có thần công hỏa hổ, chúng ông cũng giọt được cho mày nhe răng ra.

Không ai bảo ai, cũng chẳng biết Tây ở đâu, ra làm sao. Cả đêm, các lữ lại đốt lửa sưởi. Chẳng nghe một tiếng lính tráng các quan lữ trong quát tháo ra nữa. Rồi lại mò xuống cánh đồng, vắn vác được lên, xếp sẵn củi, cả những cánh liếp, cánh cửa, cột cổng tán. Lại như đêm trước, vác nước, kiểm cái ăn. Đêm nay đi nhặt được nhiều bưởi. Những quả bưởi chín, mùi thơm dịu ngọt một góc lữ.

Không nghe ai nói gặp thằng Tây nào. Đêm đến, chúng nó lủi đi đâu rồi? Cắt được đầu quan ba có phải chuyện vừa đâu. Có khi bọn còn lại chạy tiệt về Đồn Thủy cũng nên. Ai cũng náo nức bàn tán đợi sáng. Trời rét buốt, mà những ngôi sao vẫn lóng lánh.

Nghĩa nằm gối đầu lên tay nải, như mọi đêm. Tấm mền nâu đã rút sẵn đắp lên ngực. Không hiểu đêm nay rét hơn mọi đêm hay vì suốt ngày, suốt hai ngày đánh nhau, thêm nỗi lo ngày mai, mà lại khó ngủ. Từ sáng toài lên chạy xuống hò hét, hoa mã tấu chém, bây giờ rất khé cả cổ.

Không phải vì mỏi, cũng không vì rét, Nghĩa lại nghĩ vẩn vơ. Đêm thanh vắng, Nghĩa trở về ngày còn bé. Có lẽ vì mình bạo dạn từ thuở ấy mà bây giờ phải gánh vác những cái vất vả - mẹ thường bảo thế. Ừ mà cái lần gặp hai con hổ, cũng chẳng biết sợ là thế nào thật... cái lần móc cổ chết thằng Tây, cũng chẳng biết trợn tay là gì... ừ, nhớ lại có hôm mấy anh em đi tìm trâu lạc rừng. Nghe tiếng mõ đặc mà lần vết theo, phải đến đêm mới đánh được trâu về. Nhưng cũng chẳng biết khó nhọc. Mỗi đứa đã tót lên ngôi trên lưng một con. Trâu đứng đỉnh đi, mình nằm ngửa mặt, nhìn sao long lanh - lại thấy thích như thế. Không biết hải bóng đêm trong rừng hoang đầu. Mấy anh em còn đổ nhau: tại con trâu đi đường khắp khểnh làm cho mắt thấy ông sao nghiêng ngả hay tại ông sao ấy đương lung lay sắp rơi.

Rồi Nghĩa chợp đi trong ánh sao loáng thoáng rơi.

Không một đám quân làng nào biết được từ chập tối đã có một bọn Tây trắng Tây đen, cả lính khố đỏ, lính đạo lên được mặt lữ trong, chỗ quan quân đã rút chạy bỏ trống không. Chúng nó nằm nín thở ở đấy.

Vừa sáng, ở lữ ngay trước mặt, tiếng súng đã nổ các lữ bàng hoàng.

Lại một ngày giằng co.

Cho đến chập choạng tối, Tây xô được vào trong. Đám các làng chạy ào xuống chân lữ. Nhiều người phải đạn ngã chồng đổ. Trông tiếng hò hét inh ỏi, một toán Tây lỗ nhố lươi lê ập vào chỗ bọn trai làng Nha lúng túng không biết lủi đi đâu. Thế là bị bắt sống cả lữ.

Bấy giờ mặt trời đã vàng, sương mù dần lên ngập chân tre. Trên cánh đồng ngổn ngang những con la con lừa lênh khênh, hai tai ve vẩy kéo theo cái xe kín mít. Chiếc xe bánh sắt phủ bao tải

chở hòm đạn, quả đại bác và những thứ gì nữa không biết. Những la, lừa kéo xe suốt từ các trại ở Đồn Thủy lên, không một quãng nào đường phẳng. Chốc lại khúc khuỷu, lại vấp. Một con la đương đi, bỗng ngoẹo chân. Cái xe nghiêng rồi sững lại.

Bọn Tây quát tháo, đẩy đám trai tráng vừa bị bắt trên lữ xuống thay con la khuyu chân kéo những cái xe tải. Mới biết đoàn xe đã có nhiều người đi lẫn lộn với những con lừa, con la, con ngựa. Rong rã mấy ngày qua đường qua cánh đồng, có khi tự dừng cứ lẫn dưng ra. Con nào què, chúng nó lấp người bị bắt vào cầm bò. Đoàn xe cả lừa, cả la, cả người kéo, người đẩy lữ lượt theo đám lính và bốn khẩu đại bác chuyển về phía thành Sơn.

Từ Phù Sa vào chỉ một quãng. Quãng ấy bờ ruộng ao chuôm mấp mô quá. Bọn Nghĩa phải đẩy, xe đạn đại bác lắc lư chập choạng suýt lặn xuống ao. Thằng Tây đi áp tải hết hoảng chĩa súng bắt mọi người kéo quanh ra cánh đồng. Chiếc xe lắc lè, hai bánh cao quá đầu người, phải bắt vòng từng bánh. Chật vật lắm cái xe mới gật giường lùi ra được. Quãng ấy lại gặp mặt ruộng khô nẻ toác từng khe lọt bàn chân, không nhích được thêm nữa.

Đã tối hẳn. Những chiếc xe ị ạch như con trâu ốm vẫn quanh quẩn trên quãng đường Phú Nhi vào cửa tây.

Đêm nay lại chơ vơ giữa trời. Nhưng cả đám trai làng Nha và bao nhiêu làng khác không còn trên lữ mà đương phải làm tù đẩy xe đạn.

Phía thành Sơn đã nhạt tiếng súng từ nãy. Cũng chẳng ai rõ Tây đã vào thành hay thành ta còn giữ, hay là hai bên nghỉ đánh nhau vì trời tối.

Một toán phu, vừa ở trong thành trốn ra hay từ phía bờ sông lên, không rõ.

Có người dừng lại, rĩ tai:

- Bên ta đục thủng thuyền Tây dưới bến Phú Nhi, thuyền đạn chìm hết rồi.

Tin ấy lan đi lập tức. Quanh mỗi cái xe, cả trong thùng xe, có người các làng phải làm tù chỉ được ngồi một chỗ, nhưng câu chuyện như gió bay cứ thổi đi thổi lại có đầu có đuôi hẩn hoi. Người của ta tận trên ngã ba Hạc bơi về. Bọn thuyền chài Hạc lặn giỏi lắm. Chài các vạn Hạc đã lặn vào bến Phú Nhi đục hết cả tàu cả thuyền Tây dưới sông. Bao nhiêu đạn, rồi đồ ăn thức đựng, với cả trăm quân quan Tây về chơi với ông Hà Bá rồi.

Thế là Tây chưa vào được thành. Thế là dầu cho đêm ấy đêm thứ mấy phải vất vả rét cắt ruột, không biết sống chết lúc nào, nhưng ai nấy đều khắp khởi, thế thì bên ta sắp được rồi. Nó với ta chỉ hơn nhau hòm đạn mà nó hết đạn, nó chết đến nơi chứ còn sao nữa. Nghĩ vậy, lại trông xung quanh, thấy anh em làng mình vẫn đầy đủ, Nghĩa cũng vẫn đem được cái tay nải dưới nách, Nghĩa yên tâm hơn.

Trời đã tối hẳn. Những thằng Tây canh xe đi kiểm soát từng chiếc một. Rồi nó bắt lính tập đem thùng trói từng người tù vào còng xe. Các xe đỗ quây lại một chỗ.

Ở xe Nghĩa có ba người nữa. Người vào bánh, người vào còng. Nghĩa bị trói vào những bánh xe cao hơn đầu. Vai khoác tay nải mà không rút cái mền ra được, Nghĩa đứng chong chong thế. Đêm dần dần khuya.

Trời buốt sâu thẳm, sao vẫn đầy trời như rắc vừng từa mấy đêm qua. Nghĩa chỉ có cảm tưởng mang máng thế. Không bụng dạ đâu vẫn vơ như đêm trước. Nghĩa đương mải nghĩ cách gỡ tay ra. Nếu bị trói đứng thế này cả đêm không biết sẽ thế nào. Chỉ mới một lúc, những nuột thùng tre thít vào đã làm hai bàn tay và cả nửa cánh tay sưng lên. Nghĩa cắn răng, cúi gằm đầu, nhả nước bọt nhắm từng vụn thùng.

Một lúc, Nghĩa đã tháo được hai tay.

Nghĩa đứng im cho đến lúc tay khỏi buốt rồi rón rén đến chỗ ba người cùng làng bị trói. Thoáng một cái, Nghĩa đã cởi được thùng cho cả ba người.

Một Tây, hai người lính đạo vẫn ngồi canh cạnh đồng lừa.

Bọn này mới đổi gác. Lúc giao gác vừa đi đảo các xe rồi về ngồi sưởi, chúng nó cũng gật gưỡng như bọn trước.

Những người bị trói ở các xe xung quanh được bốn người lần đi cởi trói cho cả bọn. Lại lấy được một khẩu súng và bao đạn - chẳng biết ai đã kiếm được từ lúc nào.

Bọn trai làng Nha đem theo cả khẩu súng với bao đạn, ngay lúc ấy, bò ra chạy trong rét buốt mù mịt nửa đêm ngoài cánh đồng.

Đến tảng sáng, ước cũng chưa về được tới Gạch. Cả bọn ngồi lại giữa đồng. Đồng không, gió lạnh mỗi lúc một tê dại cả chân tay. Men đến một khoảng ruộng trũng, cả bọn ngã người xuống. Ban ngày giữa đồng trống, quân Tây đi phía nào đến cũng trông thấy. Nhưng ngồi đây nghe bình tĩnh đã.

Cho tới sáng bạch, phía Sơn Tây, thấy khói tỏa lên với cả ngọn lửa, với tiếng reo hò. Thế này thì còn đương đánh nhau to. Đến sáng hẳn tiếng súng bỗng im.

Bốn phía im ắng như không. Sương tan dần, cánh đồng hửng lên. Chỉ thấy mênh mông gốc rạ đều tăm tắp. Đàn chim hét đen ngòm bay đi tìm lưng trâu đậu xuống. Nhưng không có con trâu nào trên những thửa ruộng xám ngắt. Con đường vào làng gần đấy trông rõ giữa chân tre, các cổng tán buồng kín mít.

Bọn Nghĩa đã đến đầu làng. Trông thấy trong rệ cỏ lấp ló những chiếc chông đen sì lẫn như đất suốt tận cổng. Thế là biết trong làng còn người.

- Mở cổng cho chúng tôi vào với!

Trong bờ tre, một tiếng hỏi vọng ra:

- Các quan anh đi đâu sớm thế?

- Tây bắt tù, chúng tôi trốn trên Sơn về.

Trong bụi tre, từ cửa ngách nào không biết, hai người nhảy ra.

Một người hỏi:

- Các quan anh ở đâu?

- Chúng em quân Xuất Nghĩa đây.

- À quân Xuất Nghĩa. Thế ông Xuất Nghĩa đâu?

Nghĩa bước ra.

- Tôi đây.

Hai người kia sững sờ, chưa tin vào cái anh chàng tầm thước trắng trẻo ấy lại là con người nổi tiếng đánh Tây chỉ toàn bóp cổ. Nhưng rồi họ luống cuống mừng rỡ:

- Các ông anh theo chúng tôi.

Bọn Nghĩa quanh ra cuối làng, tắt cổng đồng vào. Hỏi chuyện mới biết làng này Tây có đánh, nhưng không vào được. Có lẽ vì đây gần Sơn, nó còn phải dồn quân lên trên. Trong làng vẫn y nguyên, nhưng vắng tanh. Hay là có người gác ở đâu mà không trông thấy. Đến cuối xóm, một bọn cả con trai con gái đổ ra đi theo xem khẩu súng dài cánh Xuất Nghĩa vác về có lưỡi lê, có bao đạn cần thận.

Nghe nói súng Tây bắn xa lắm, bây giờ nhiều người mới biết. Nhưng thấy nó cũng tựa khẩu điều thương các cơ lính vẫn tập trên Sơn thôi.

Nghĩa nói:

- Từ nãy, đảng Sơn Tây im quá nhỉ?

- Mất thành rồi còn gì!

- Sao biết?

- Thì quân làng này mấy hôm nay lên giữ thành. Quân làng này trông rõ cả Tây đen mặc váy xông đến Vọng cung, ta bắn nó ngã ba thằng đi đầu. Anh em về đến làng từ lúc tờ mờ, đương ngủ lã lủ trong điểm kia kìa.

Anh chàng đang vui chuyện.

- Nghe kể mới biết đáng nhẽ bên ta cũng chưa đến nỗi mất thành đâu.

- Thế thì sao?

- Ở ngoài Đông Tác chỗ gần chốt Nghệ, có thằng thầy lang đi đạo, nửa đêm lên vào cắm cờ Tây lên cột cờ. Thế là sáng ra quân mình trông thấy cái cờ ba màu tướng Tây đã vào vít cả sau lưng. Đến khi chạy ra hết, mới biết bị lừa.

Ai cũng ngẩn người ra.

Hôm ấy, bọn trai làng Nha được đánh chén thật hể hả. Một buổi sáng mà trong xóm có đến mấy nhà mổ lợn chạy loạn. Người ta bùng cả rổ chân giò ra tận ngoài điểm “gọi là làng trên chạ dưới, quân anh quân em, có thời buổi loạn lạc mới được gặp nhau thế này, phải để đâu”. Sớm ngày ra đã được ngất ngưỡng rượu với tiết canh lòng lợn.

Bốn mâm bày rần rạn gian giữa điểm. Cả bọn con gái cũng táo tợn vào ngồi đóng hẳn một mâm tám chín đĩa. Tiếng đồn con gái Sơn Tây đương cầy mà lên lột cả khăn người đi đường không đáp hát ví được, chẳng sai. Nghĩa cũng chén tiết canh như mọi người. Nhưng Nghĩa mới đụng có một ngụm ở cái bát đàn rượu, mặt đã đỏ lừ.

Các cô nhìn Nghĩa cũng cười rồi nhao nhao:

- Anh Xuất Nghĩa mà ở đây với chúng em à, con gái làng này cả ngày chỉ còn có việc đi đánh ghen với nhau thôi.

Một anh làng Nha thích chí, trêu các cô mâm bên:

- Các bác tưởng con gái dưới chúng em độn à? Anh Xuất mà phải lòng cô nào ở đây, cái gì chứ cầm chắc ngày nào cũng có cả xóm con gái làng Nha lên tận nơi đòi người chứ chẳng chịu mất đâu!

Mọi người cười ầm lên. Như trong cỗ vui ngày làng vào đám.

Nhưng Nghĩa không còn bụng dạ nào mà ăn, mà đùa. Nghĩa nhều nháo mấy miếng và vội bát cơm rồi đứng dậy, thúc cả bọn đi ngay. Có người được đôi ba chén cay, đã díp mắt, toan ngã lưng.

Nhưng Nghĩa đã ra giữa sân điểm, vai đeo tay nải, lại khoác khẩu súng Tây, tay lăm lăm cái lưỡi lê.

Nghĩa rướn mắt, nghiêm nghị nói: “Xong chưa, quân ta trảy thôi...”.

*Kể từ mất tỉnh sơn tây
Bao nhiêu các tướng nổi ngay ùng ùng
Kìa như quận Vách, quận Vùng
Nào là Đốc Ngự, lại cùng Tự So
Kìa như Đội Cốc, Chánh Đồ
Vầy vùng một cuộc, mưu cơ thế nào*

(Về chống Pháp thời kỳ 1883 vùng Sơn Tây)

BỌN NGHĨA ĐÃ VỀ ĐẾN LÀNG NHA.

Đứng trông vào, chỉ thấy như một đồng rạ cháy nham nhở. Bờ tre đỏ hắt, trống hốc. Nhưng những khoanh tre phía trong vẫn xanh đen.

Cánh đồng tan hoang như vừa có mưa đá. Những đám ruộng rau cần xâm xấp nước, còn vết tro rắc, vừa trở lá xanh mướt đã bị xéo nát. Trên những đồng cao, mấy luống cải củ còn lổm chổm như đất cày. Khắp nơi, vết móng ngựa, phân ngựa, vỏ đạn cháy đỏ tía như những đốt mía. Những cái giẻ cạnh vũng máu đọng đã khô đen từng đám rải rác trên khoảng ruộng trống không.

Không một bóng người. Không một ngọn khói. Nhưng không dẫn đo, những người trai làng xồng xộc chạy vào. Trông thấy ở mé ruộng, có mả mới đắp, có anh đã bùng mặt khóc.

Đứng xa, tưởng lũy đã bị phá hỏng. Nhưng đến gần mới biết những cây tre chết dóc vàng xòm rắp lại cẩn thận, lại dày đặc.

Trước cổng rong kín mít.

- Có ai trong điểm không?

Mấy người cùng gọi vọng vào.

- Ai đấy?

- Nghĩa đây.

Ba lần cổng tán lần lượt mở ra thành con đường tre hun hút, như hôm đi. Nắng đã lên thế mà vòm cổng vẫn tối xanh.

Cả bọn nhao nhao hỏi người vừa bước ra, lưng đeo cái đại đao, mũi cong hoắt, lại buộc sợi dây tơ, - đao này nhật được của quân Cờ Đen.

Người ấy không nói, cứ lùi lùi, lần lượt hạ cánh cổng tán đóng chốt rồi tắt tả đi vào.

Đến đầu xóm, không thấy điểm canh mọi khi. Không ai hỏi nữa. Nhưng trên nền tro đã thấy cái điểm mới dựng lên bằng mấy chiếc cọc tre cháy đỏ. Những mo nang, mo cau nhật được trong vườn chắp lại thành mớ gài tạm lên làm một mái hếch trú mưa. Nền đất lổn nhổn, không có bậc cửa xó luôn nhưng vẫn một ổ lá chuối khô trải trên vĩ tre, hàng chục người canh đêm nằm được.

Trên giá treo tay thước, lưng lửng cái tù và vỏ ốc trắng toát, vẫn thế. Một loạt mã tấu, thùng lủng, tay thước, dao bảy, quắm, đinh ba... Nhưng nhiều cái chuôi gỗ được hun mới còn đen sẫm và tất cả các lưỡi dao, ngọn đinh ba đã mài lại, sáng loáng.

- Hãy vào điểm làm điều thuốc cho ấm cái đã.

Bây giờ người trai tuần mới nói. Rồi kéo Nghĩa ngồi xuống ổ lá chuối.

Thế ra các xóm đã bị đốt trụi. Chúng nó chạy đàn rần ròi nổi điên lên, đốt hết. Sư thầy chết rồi. Chùa cháy cả đến cây đa lông ngoài vườn. Chúng nó khuôn đi cái chuông chưa dỡ khuôn. Lão Vạn đã thả mấy con mai gầm ra đuổi lính, mà lão vẫn găm được một con. Thằng Tây râu xồm mới thoát thấy, đã ngã ngất đi. Nhưng có thằng lính đạo đi theo, thằng này người đồng chiêm không sợ rắn, nó bắn đuổi con mai gầm xuống ao.

Thằng Tây tỉnh dậy, bắn chết cả bố con lão Vạn. Năm mả mới chôn ngoài đầu làng ấy.

Nghe tiếng nói ngoài đường, thêm mấy người nữa ra. Lại chuyện người chết, chuyện làng đánh nhau. Nhưng hình như không ai muốn là người trước nhất nói đến nhà Nghĩa. “Nhà tôi thế nào?” - Nghĩa hỏi. Mấy người cũng ngơ ngác nhìn lại.

Nghĩa lại hỏi, mặt Nghĩa cũng ngơ ngác.

- Mẹ tôi, em tôi ở đâu?

Một người nói nhỏ:

- Cái Ngát phải đạn chết rồi.

Nghĩa hốt hải về xóm. Ra khỏi điểm, đi một mình mới dám khóc. Nước mắt rùng rùng trên mặt. Mới như hôm qua, Ngát theo ra tận ngoài đường cái. Sao đời tôi chỉ chổng chắt những éo le, buồn thảm. Cái Gái hay cái Ngát, chỉ em chúng tôi khác nào cùng cha mẹ sinh ra, mà mỗi người một niềm thương đau, sống để dạ chết mang đi. Bây giờ còn có mình tôi trên thế gian này.

Cái tường đất cắm mảnh chính trong bờ rào xương rỗng vẫn đứng sừng sững. Nhưng mà chỉ thấy còn mấy hòn đá kê chân cột vạ vật cạnh cuốn cửa thành khúc gỗ đen sì. Những cột tre giữa nhà cháy dở, đầu đỏ hoe như còn ngọn lửa. Cây cau lùn đầu sân, không biết đến những tai biến của con người, giữa vòm lá xanh dày trên ngọn, bông hoa cau vàng hây vừa nứt khỏi bẹ, to bằng cái chổi lúa nếp. Mùi hoa cau thơm dịu từ đầu ngõ vào.

Bờ chuôm có tiếng người loác choác, tiếng té nước. Hai anh em con nhà thím đương be bờ, lúi húi lấy tay tát nước. Mấy con rô, con sần sật đuôi cò quẫy trên mặt bùn. Mọi năm cũng vậy, vào khi nước cạn lại be bờ bắt nốt mấy con cá rô, con trê, con chạch rồi mua cần giống về cấy. Cái chuôm qua mùa đông đã hóa ao rau cần ăn đến sang giêng mới tàn mùa.

Bà Xuất ngồi trên bờ. Nghĩa trông đặng lưng thấy hai vai người nhô lên lòng không mà mọi khi hình như không thấy như vậy. Nghĩa xót xa như nhìn mẹ để mình đương bơ vơ buồn khổ thế kia.

Nghĩa khẽ gọi:

- Mẹ!

Bà Xuất nghe tiếng Nghĩa rõ ràng. Nhưng không quay lại. Bà ngồi nguyên thế, từ từ cúi mặt xuống đầu gối. Nghĩa chạy lại, ngồi thụp xuống, đỡ vai mẹ.

Nhưng bà Xuất đã ngẩng nhìn Nghĩa. Hai con mắt nhắm nheo đỏ hoe.

Tự dưng, bà Xuất cười mỉm, như cười gượng.

- Con đã về đấy a?

Bà Xuất không khóc mà Nghĩa khóc. Nghĩa khóc rung rức. Con khóc không gượng được nữa. Nghĩa nức nở úp mặt vào gối bà Xuất. Hai bàn tay bà đặt lên lưng Nghĩa.

- Mẹ ơi!

Hai bàn tay trên lưng Nghĩa, bà Xuất thông thả nói:

- Con gái mẹ nín đi, con gái mẹ...

Nghĩa bàng hoàng, vuốt làn tóc ướt nước mắt xoa bết trên mặt. Nghĩa tưởng như nghe lời nói trong chiêm bao. Nghĩa tưởng bà Xuất nói mê. Nhưng không. Bà Xuất mếu máo:

- Giời thương Phật độ, thế là con gái mẹ đã về được đến nhà.

Bà Xuất vuốt áo Nghĩa, thăm thì:

- Ừ, con là con gái mẹ, mẹ trông mẹ biết từ hôm bố con đưa con trên Ba Trại xuống. Mẹ mừng. Con ơi! Mẹ không mang nặng đẻ đau mà Giời Phật run rủi con về làm con mẹ.

Mỗi câu nói của bà Xuất. Nghĩa lại sừng sốt, lại thắm thía, bỗng nhiên tưởng như bấy nay vẫn là như thế, vừa buồn thương, vừa cảm kích nước mắt chan hòa hai bên má.

Hai đứa em con thím ở dưới chuôm chạy lên, kêu: “Anh Nghĩa đã về”.

Nghĩa ngẩng lên, mặt vẫn nhòa nước mắt. Nghĩa mỉm cười.

Tháng Chạp năm ấy, bà Xuất và Nghĩa đi tảo mộ tổ trên Ba Trại.

Trước bàn thờ có mâm ngũ quả bày nải chuối lá mật, bà Xuất thắp hương rồi vái:

- Thời buổi loạn lạc mới nên nông nổi này, dâu họ con gái họ phải gánh phần đàn ông đi tảo mộ... lạy tổ mớ bái...

Đâu ra đấy, việc dương gian cũng như việc đường âm, bà Xuất bao giờ cũng đầy đủ, cẩn thận vậy.

Hôm nay bà Xuất đã thôi mặc bộ quần áo nhuộm vỏ xó của ông Xuất mọi khi. Bà đóng tấm váy chồi mới, áo tơ gốc đổi vai, đội chiếc nón Kẽ Chuông rộng vành. Nghĩa vẫn như mọi khi, khăn nhiễu tam giang, quần chồi mộc, áo năm thân nhuộm vỏ dả, đeo tay nải. Như cậu con trai cùng mẹ đi chợ rồi về thăm Tết họ xa, cuối năm.

Tây vào được thành Sơn rồi đi đánh đâu nữa, các quan chạy những ngả nào ai biết, ai không biết, rồi tơ vò giữa mọi việc sinh sống ăn làm vẫn cứ phải cặm cui trong khoanh tre mỗi làng. Người ta lại chửi rủa mãi về sự ông Thống có ba thớt voi đóng ở Vân Chung cách Sơn Tây có một quãng chưa đường giáp bãi trầu mà không dám xuống cứu thành Sơn. Cả quân tướng vua Thanh, bọn các ông quan Mạc, quan Giã, quan Đường, quan Điều khét tiếng giết người cướp của, thế mà chỉ nghe Tây chiếm lũy Phù Sa đã chạy tháo lên Hưng Hóa^[41]. Đến khi Tây đánh Hưng Hóa, nó thả lên trời mấy quả bóng có người ngồi trong nhìn xuống, đâu cũng trông thấy người bay, thế là hết quá, cả bọn trốn thẳng về Tàu^[42].

Những chuyện đâu đâu, trong vùng lại đồn đại dậy lên.

Nhưng cũng như mọi khi, lần nào cũng vậy cứ nghe ngóng ít lâu, mọi việc ăn làm dần dần lại bình thường. Các lũy tre lại rào giậu chắc chắn, kín đáo. Những bè tre ngâm, xoan ngâm vớt lên, nhà mới dựng. Tiếng cưa xì xoẹt, tiếng trảng đục ký cách cả ngày. Bà Xuất đã sang bên Bồi bàn với thím hai về sang năm cất nhà lại. Mấy hôm Tây vừa rút, bà Xuất đã cho hạ một bụi tre ngâm xuống chuôm. Bà Xuất định làm nhà năm gian, sáu hàng chân, xà soi kẻ ván. Khi ông Xuất còn sống, ông vẫn ước khi nào làm lại nhà, xoay hướng nam hóng gió mát, cột cái, cột lưng, cột trốn, nhà hẹp lòng làm lửng cho thoáng. Bà Xuất đã tính tháng Hai thì đông dáo lên...

Những cánh ruộng quanh các làng được tháo nước vào đầy như các mặt ao liền nhau. Có chỗ lúa đã bén chân, xanh rờn, gió thổi vướng lá lúa rì rào. Làng nào cũng nhộn nhịp cấy chiêm. Sơ vụ mùa bắt trắc, không biết giặc giã còn thế nào, người ta tát nước cấy chiêm lên tận các xứ đồng cao. Thấy cây lúa đã như thấy được ăn, thấy vườn tược cày cuốc, biết không chết đói... Ruộng cần giống Hòa Lạc, những cái ao dừ chi chút làng Giá, hội vật ở Láng, ở Mai Động, hội núi chùa Thầy lại mơ màng trở lại trong ao ước của người ta. Quanh làng, cái no ấm cấy hái tới đem lại bao nhiêu yên tâm.

Các nơi tập nập mọi nghề, mọi công việc. Bún Cổ Đô. Mấy khung dệt lượt Thu Quyển. Thợ mộc Phù Sa đi các nơi. Các lò vôi Hoàng Xá nhả khói. Rồi hương đèn Đồng Lục, cày bừa Vĩnh Lộc, Tràng Đôn đan thuyền... Thế nào thì cũng phải sinh sống...

Nhưng đường cái hàng tỉnh thì đã lâu vẫn để cỏ tranh mọc. Hoa lau trắng mờ ngút ngàn hoang vắng. Người đi và chợ búa rúc ráy trong các bờ tre nhiều năm đã quen thế.

Me con bà Xuất theo đường tắt lên Sơn. Ra khỏi làng từ tối đất. Gió bắc ào ạt từ ngoài đồng trống thốc lên cành đề, bút nốt những chiếc lá vàng chói lả tả bay vào nền trời xám tro, như gió rét càng thúc giục người đi đường.

Có hai quán hàng dưới gốc đề. Túp lều mới dựng lại, vẫn tựa vào gò đất tránh gió.

Hàng cơm Đề Cụt lại đã về chỗ ấy như năm xưa.

Trước cửa, trên gốc đề, ngổn ngang lẫn lóc những buộc mây, những bó song, những khiêng củ nâu. Đã lâu, đường nước không yên, các lái trên ngược không dám xuôi bè, của rừng xuôi phải gánh vai từng chặng. Những sọt xếp đầy lá cọ, chiếc đòn xóc còn để nguyên như chập tối hôm qua lẳng xuống. Những gánh khác mắt, trông không đoán được. Như gánh trầu vỏ bọc lá chuối cẩn thận cho giữ được tươi, hay hũ mật mía mật ong. Nhưng cũng có vẻ nặng, hoặc gánh sơn ta, vì sợ sơn ăn mặt, phải bện lá kỹ vậy. Không chừng mà đây vẫn những gánh đao các lò rèn miền ngược chuyển về các hội nghĩa. Chẳng rõ nữa. Bởi những cửa quốc cấm ấy cũng không phải là cửa hiểm trên những đường ngang ngõ tắt khuất nẻo.

Trong hàng còn ngổn những người trọ lại đêm qua nấn ná chưa đi. Khách ngồi kín quanh hai mâm chõng ghép. Để ý, thấy mỗi người nhăm nháp đĩnh đoảng một cách. Hầu như cốt cho sáng ngày ra có cái lèn vào bụng cho ấm và lấy sức qua thêm một độ đường. Nồi ba cơm vừa bắc trong bếp ra, mở vung sẵn. Mùi gạo mới bốc thơm gây. Thức ăn độc có liễn sáo chó cách đêm còn lại. Không kịp hâm, mỡ đóng váng trắng quanh mép cái liễn da lươn. Mấy ông kèn càng, sáng sớm uống rượu suông tráng miệng thì ngồi đẹp vào một góc.

Những câu chuyện càng đậm, rôm rả. Một người nói to:

- Có sự tích mới hầu chư ông đây, hay lắm. Chốc nữa, mỗi người mỗi ngả, được câu chuyện mới bỏ vào tay nải làm quà đem theo cũng hay.

- Kể đi, gì mà kè nhẹ, dài dòng...

- Tớ vừa ở Kẻ Mả ra.

Có tiếng rè rè cất giọng:

Cổm Vòng, gạo tám Kẻ Mả

Tương Bần, húng Láng...

- Im cho người ta nghe!

- Chuyện này thật mắt thấy.

- Đầu đuôi thế nào?

- Cái anh tuần phủ Ninh Bình mắc chứng thối ống đu đủ, một hôm đem cống các quan Tây ngoài Hà Nội hai con voi. Toán lính dẫn voi qua địa phận Mê Trì, đi đường này chẳng đi lại dẫn xác vào hang hùm Kẻ Mả. Ông Tụ So cho quân ra buộc giẻ vào đuôi voi rồi châm lửa. Hai con voi té lung tung đi, thế là thẳng nịnh mất đồ lễ.

- Chuyện này cả tỉnh Kẻ Chợ biết rồi.

- Còn khúc nữa chưa ai biết. Mới vài hôm nay thôi. Quan tỉnh tức lắm, sai đề đốc Tại đi Kẻ Mả dẹp loạn Tụ So.

- À cái anh lãnh binh Đặng Văn Tại ra hàng Tây được thăng đề đốc, ai mà lạ!

- Hội nghĩa ta trên Sơn Tây đã bắn thủng một mắt nó đấy.

- Tỉnh sai đề Tại về triệt hạ làng Mê Trì.

- Thế thì sao?

- Thăng chột mắt đã mất nửa vía, nấn ná mãi, không dám đi.

- Thế rồi sao?

- Nhưng rồi sợ cũng phải đi. Cả vùng Kẻ Mây xông ra đánh đòn hội chợ. Đề Tái chết tươi ngay bên ao đình.

Một người nhấp bát rượu, gật gù.

- Cái ngày lãnh Tái chưa được thăng đề đốc, phải hội nghĩa trên Sơn Tây lấy mất một mắt, có ông thâm nho đã gửi đến mừng chửi nó đôi câu đối.

Gươm giặc trao tay, thiên hạ đổ dồn hai mắt lại

Dao găm để bụng, yêng hùng chỉ có một người thôi.

Người ta cười ré lên. Cái ông vọc vạch chữ nghĩa ấy ư ử ngâm to đôi câu đối lên một lần nữa. Chuyện đề đốc Tái bị người Mễ Trì đánh chết ồn ào một lúc rồi lại lan man sang mọi chuyện không đầu không đuôi khác.

Ở hàng cơm, quán trọ, cũng như trong bữa cỗ chia phần hàng phe hàng giáp, chòm xóm, những cuộc chén chú chén anh lâu ngày gặp nhau, mấy năm nay, thì chuyện quốc sự vẫn là hào hứng nhất, mặc dầu Tây đánh ra đánh vào, thuở giờ vẫn như thế, người các làng chẳng có gì đổi khác cả.

Những tích hội quân, lò rèn mã tấu, rồi mọi chuyện nghe ngóng thăng Tây các nơi hồi này thế nào, Tây có hồn có láo lăm không, Tây buôn phổ Mới, Tây đạo Nhà Chung, Tây lính Đồn Thủy. Chúng nó kéo nhau đi đánh những đâu. Rồi lại trở về chuyện Tây hạ thành, các quan ta trèo thành chạy ra mặt cắt không còn hạt máu. Rồi lại cùng nhau cười ha hả, đập chén ăn thề, chẳng có tang ma ai trong nhà mà cũng chít khăn trắng, khăn sô bảo là để tang mất nước. Rồi mỗi người lại bôn ba mỗi nơi, đem theo chí báo thù. Không phải những ông đề ông lãnh nào đâu, đây là những người nghĩa khí làng nào, xóm nào cũng có.

Mơ ước của những người muốn dọc ngang thiên hạ ấy, có khi lạ lùng đến hồn nhiên. Ước được ngồi ăn cỗ uống rượu rồi đi chơi đâu cũng được, chỗ nào cũng đánh bạn được, có cá, có gạo tám, có hội thả chim, hát xoan, đấu võ, quanh năm vùng này vùng khác. Nhưng chỉ là những ước ao để đấy. Rồi lại tối mắt trong mọi việc đồng áng quanh năm. Thế nhưng mỗi khi gặp nhau, lại những hẹn hò, thức suốt sáng cũng chưa hết chuyện bàn, chưa đi xong được miếng hiếm một đường khiên, một thế quyền...

Cũng là vận hội đất nước đến lúc. Người các lứa tuổi đi đâu cũng thấy, lúc nào cũng sôi nổi, coi sống chết như không. Gặp gỡ phương trời, thấy nhau một lần đã ra keo sơn. Như ông Xuất với ông Tư, với bố Đề Cụt, như bác Bếp, như bao nhiêu gái giả trai đi việc nước.

Từ ngày anh em bảo trở về mở lại hàng, bây giờ chỉ có một mình Đề Cụt xoay xỏa. Quán xá lèo tèo quá. Có hôm thịt con chó, khách đến phải xúm làm đỡ, xong lại bắc bếp thổi cơm. Có người hội nghĩa qua lại. Cũng khi những ông bợm rượu đã đôi ba chén cay rồi, hăng hái cùng với chủ quán cắt tiết, thui chó, làm lòng rồi luộc, cả nấu nôi sáo, ai nấy đều làm giúp coi như thường. Cũng chẳng sao. Nhiều khách vào hàng không phải vì miếng ăn - người có việc đến, thế nào cũng đến. Lâu dần, cái trẻ nãi suồng sã cũng đâm quen mắt. Khách quen không quan tâm tới quán hàng tên họ toàng. Niềm hiu quạnh của Đề Cụt cũng bớt một phần.

Đám khách gồng gánh vừa ra vãn, mẹ con bà Xuất bước vào. Cánh đồng dưới kia tan sương rồi bốc lên mù mịt từng mảng, vào đến trong cửa mới rõ mặt. Nghĩa bỗng thoáng ngại và có ý ngượng. Không biết mẹ có nói với anh ấy mình là con gái?. Có thể mẹ sắp nói. Có thể mẹ giữ kín. Nhưng nghĩ đến công việc mình cần phải gặp anh Đề Cụt, Nghĩa bình tĩnh lại.

Đề Cụt chạy ra, hớn hở:

- Kia mẹ! Kia chú! Vào đây, vào đây, đi từ gà gáy à?

Nghĩa bảo Đề Cụt:

- Có chuyện nói ngay với anh đã, rồi sau mới thông thả được.

Đề Cụt đã thuộc tính Nghĩa vốn gọn mà nhanh. Đề Cụt lặng lẽ vào theo Nghĩa.

Nghĩa ngồi xuống trước bếp, giơ tay vờ nài cơm còn đỏ than trên vòng rơm Đề Cụt vừa quần lên mặt vung. Đề Cụt ngồi ngoài, một tay để nguyên trên đầu gối, nhìn Nghĩa một cách kính cẩn. Đề Cụt đương nghĩ mình là quân của Xuất Nghĩa, của hội nghĩa làng Nha, Nghĩa cũng nghiễm nhiên có cảm tưởng ấy, đã quen.

Nghĩa nói nhỏ, không nhìn Đề Cụt, tự nhiên như chuyện nhà, nhưng giọng lạnh:

- Bác Bếp...

- Bác Bếp về nhà ta à?

- Bác Bếp về thu xếp việc ông lãnh Thầy Vồ hợp quân với ông chánh. Bác Bếp bảo ngày chợ Phùng này, bác lên. Anh ra Sơn Đồng thưa trước với ông Chánh, rồi sang ông Tự bên Sơn Lộ.

- Chú với mẹ về Ba Trại?

- Bác Bếp gặp anh rồi cũng lên Ba Trại. Em cũng về đấy gặp ông Chánh, ông Tự với bác Bếp. Chuyến này phải đặt nhiều hàng lắm. Người bên Bãi Sậy sang đơi. Em theo mẹ lên tảo mộ, nhưng cũng vì việc ấy nữa. Làng mình bây giờ có được đủ một cơ rồi, cũng phải sắm thêm. Mấy người ngồi ngoài hàng đương để ý chúng mình kia. Thế thôi nhé. Anh phải cẩn thận, chim mỗi chó săn ngoài đường bây giờ nhiều lắm.

Nghĩa bước ra. Đề Cụt đứng dậy, theo sau.

Bà Xuất vẫn ngồi ngoài ổ rơm, tay nải khoác vai, như lại sắp đi.

Đề Cụt chèo kéo:

- Mẹ với chú ăn cơm cái đã.

- Vừa buông bát thì lên đây mà. Thôi để đi cho được đường.

- Chú làm một bát nước cay cho ấm bụng. Còn sớm chán.

Nghĩa mỉm cười, không nói.

Bà Xuất đứng dậy.

- Hôm nào về đã. Nhớ mẹ con tôi không ưa cái thịt cầy đâu.

- Có sẵn đôi gà kia rồi ạ.

Mẹ con bà Xuất lại tất tả xuống đồng. Bây giờ sương đương tan xa, đã trông thấy hàng chân tre trước mặt.

Đám khách còn lại, lúc nãy thấp giọng xì xào thăm thì, bây giờ nhao nhao.

Một người đứng tuổi, áo vỏ dẻ, đầu cạo trọc bịt cái khăn nâu như một sư bác, vẻ quê kệch lam lũ, lúc ấy, cứ tủm tỉm cười, nhìn Đề Cụt rồi nói:

- Cái anh này mà có duyên thăm.

Đề Cụt lững lờ nói:

- Duyên với nợ gì, bá ngo cái lão sư phá giới này, từ giờ đừng nói lằng nhằng nhé.

Một người ra vẻ thạo, nhìn người vừa nói, có dáng nhà sư.

- Thế chứ ông chưa nghe tiếng Xuất Nghĩa à?

Người ngồi đằng đầu ghế, hỏi với lại:

- Xuất Nghĩa nổi quân ở làng Nha ấy a?

Câu trả lời hể hả:

- Xuất Nghĩa đấy! Xuất Nghĩa vừa đi ra đấy, phải không anh Đề? Ai ngờ được cái anh chàng mặt búng ra sữa ấy mà tài thế.

- Nhưng trông kỹ, mặt đẹp mà nghiêm. Người ấy có tướng cầm quân.

Cái bác có dáng nhà sư vừa tùm tùm cười nói trêu Đề Cụt lúc này bây giờ đứng đĩnh hỏi:

- Ông anh bảo Xuất Nghĩa nào?

- Cái người đẹp giai, trắng như con gái đi cùng với bà Xuất vào đây vừa ra.

Người nọ tròn mắt, đứng dậy, nói to:

- Bé cái nhảm! Bé cái nhảm!

Rồi cười khớ khớ, tưởng đến vỡ nhà.

- Chư ông chẳng biết gì ráo! Đây là con gái ông Tư Ba Trại mặc giả trai về làm dâu nhà bà Xuất Vần.

Rồi kể:

- Tôi còn biết tên nó là cái Trại.

Mọi người ngó ra. Cả cái quán bỗng lặng im một cách khác thường. Mãi sau mới có người hỏi nhỏ:

- Sao ông anh biết?

- Thì tôi là người ở Ba Trại. Tôi đến ăn cưới cái Trại hôm ấy mà. Cỗ cưới vắng chú rể. Thương thật, thương thật.

Nói thế rồi người ấy thông thả lắc đầu, nhắc ống tay áo quệt hàng nước mắt đương ứa ra.

Đề Cụt chỉ “à” một tiếng. Như coi chuyện ấy là thường, biết rồi. Thời loạn, gái giả trai có cả trăm người đi ngoài đường kia, không có gì phải xì xào. Nhưng thật trong lòng Đề Cụt đương băng khuâng, xao xuyến, bồi rối quá.

Tự dưng Đề Cụt nhớ lại năm trước, lúc chập tối, Nghĩa đến, có người kêu lên: ô con trai mà cười má lúm đồng tiền, khéo con gái... Lần ấy, đầu tiên Nghĩa tới đây...

Rồi Đề Cụt nhớ miên man... càng nhớ ra... càng nhớ ra, Đề Cụt càng ngượng, cứ luống cuống nói thầm một mình: thảo nào, thảo nào... Gẫm ra chỉ có mình thật là đụt. Mình giữ chân tai mắt cho các hội nghĩa, thế mà có điều ấy ngay trước mắt, sao bấy lâu mà không biết, không nhận ra.

Đề Cụt bước ra cửa nhìn cánh đồng. Sương đã tan hẳn. Trên lối đi về đàng ấy có những bụi hoa mua tím, hoa sim nở sớm, cánh đỏ hây. Không phải. Anh chàng nhìn nhằm những mô đất cạnh gốc rạ. Mùa này chưa mùa hoa sim.

Mẹ con bà Xuất đã đi khuất vào chân tre đàng kia từ lâu.

Nha Trang, 1978

PHỤ LỤC

NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ LỚN XẢY RA TRONG NƯỚC VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGHĨA QUÂN VÙNG HÀ NỘI TỪ 1873 TỚI 1898

1873

- Ngày 20 tháng Mười một, đại úy thủy quân Phơ-răng-xi Gác-ni-ê (Francis Garnier) chỉ huy quân Pháp đánh thành Hà Nội. Lái buôn Giăng Duy-puy (Jean Dupuis) thuê quân Cờ Vàng của thổ phỉ Tàu Hoàng Sùng Anh đem từ Lào Cai về chiếm phố Mới - phố Hàng Chiếu bây giờ. Thuyền Cờ Vàng qua bến Chèm, bị nghĩa quân phục đánh. Hai nghĩa quân tên là Tuyên và Hợp, người làng Chèm, tử trận.

Thành Hà Nội thất thủ. Kinh lược Nguyễn Tri Phương bị bắt rồi ông nhịn ăn, đến ngày 22 tháng Mười hai thì mất.

- Ngày 21 tháng Mười hai, Phơ-răng-xi Gác-ni-ê ra Cầu Giấy đánh nhau với quân ta do Dương Doãn Hải, Bắc Kỳ tán lý quân vụ đại thần phối hợp với Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc cùng nghĩa quân các làng tây bắc Hà Nội. Đại úy Phơ-răng-xi Gác-ni-ê, trung úy thủy quân Ban-ni Đa-ri-cua (Balny D'Arricourt) và hơn một trăm lính Pháp bị giết.

1874

- Ngày 15 tháng Ba, hòa ước Giáp Tuất của nhà Nguyễn và nước Pháp do chánh sứ Lê Tuấn ký với phó đề đốc Đuy-prê (Dupré) ở Sài Gòn, gồm 12 điều. Có những khoản bán nước, như sau: (Nguyên văn): Điều 2 - Tổng thống Pháp giúp hoàng đế nước Nam bảo vệ an ninh trong và ngoài nước. Điều 3 - Để đáp lại sự bảo hộ ấy, vua nước Nam từ nay chịu theo chính sách ngoại giao của nước Pháp... Điều 5 - Vua nước Nam công nhận chủ quyền hoàn toàn của nước Pháp ở 6 tỉnh Nam Kỳ và tỉnh Bình Thuận.

Ký xong hòa ước, Lê Tuấn tự vẫn chết.

1875

- Đồn Thủy, tên tắt gọi Đồn Thủy quân của ta ở bờ sông Hồng, đông nam Hà Nội, khu đất đầu tiên nhà Nguyễn bán cho Pháp khi Pháp mới đặt chân lên Hà Nội. Nhưng địa Đồn Thủy đối chiếu với bây giờ là khu vực từ quảng trường Nhà hát thành phố, Viện Bảo tàng lịch sử, Bệnh viện Hữu nghị, Bệnh viện 108.

Tình hình việc bán Đồn Thủy cho Pháp như sau: 1873, viện có lái buôn Giăng Duy-puy mâu thuẫn với các quan ta ở Hà Nội, Pháp phái đại úy Phơ-răng-xi Gác-ni-ê đem quân từ Sài Gòn ra. Đến Hà Nội, Gác-ni-ê được đóng tạm ở Trường Thi. Gác-ni-ê đánh thành Hà Nội rồi bị chết trận ở Cầu Giấy.

Pháp cử tướng Phi-lat (Philatre) ra Bắc dàn xếp và ký một số hiệp ước, thương ước quanh hòa ước 15 tháng Ba 1874. Theo điều 18 của hòa ước, Pháp được đặt lãnh sự ở Hà Nội. Rồi hiệp định 11 tháng Giêng 1875 quy định khu nhượng địa gồm: "vùng Đồn Thủy ven sông Hồng, sau này có thể mở rộng về xuôi, nếu cần thiết...".

Tháng bảy 1875, lãnh sự đầu tiên của Pháp ở Hà Nội là đại úy thủy quân Đơ Kê-ga-ra-đec (De Kergaradec) tạm đóng ở Trường Thi, đợi làm xong nhà. Một tháng sau, ra đời hiệp ước ký với các quan ta ở Hà Nội "Nhượng toàn bộ khu Đồn Thủy cho chính phủ Pháp, rộng 18 mẫu rưỡi". Lãnh sự Pháp ở Trường Thi dời về đóng trong Đồn Thủy, chỗ Viện bảo tàng lịch sử bây giờ.

Nhà lãnh sự này, về sau bọn công sứ Trung, Bắc kỳ là Pôn Be (Paul Bert), Vi-an (Vial), và các toàn quyền Đông Dương Công-săng (Constant), Ri-sô (Richaud) còn ở cho tới 1926 mới phá bỏ.

1882

- Ngày 3 tháng tư, trung tá thủy quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) từ Sài Gòn đem quân ra Hà Nội đóng ở Đồn Thủy. Ngày 25 tháng tư đánh thành Hà Nội. Tổng đốc Hoàng Diệu cưới voi đốc

trận đánh nhau đến khi lính Pháp tràn được vào thành, Hoàng Diệu thắt cổ chết.

- Ngày 19 tháng năm, Hăng-ri Ri-vi-e ra Cầu Giấy đánh nhau với quân của Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Đô đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc và nghĩa quân các làng ven nội. Hăng-ri Ri-vi-e chết trận phía trên Cầu Giấy, quãng giữa làng Dịch Vọng Trung và Dịch Vọng Tiền. Cùng chết trận với Hăng-ri Ri-vi-e còn hơn một trăm lính Pháp và 5 sĩ quan, trong đó có thiếu tá lính thủy đánh bộ Bec-tơ Đờ Vi-le (Berther de Villers), đại úy lính thủy đánh bộ Giắc-canh (Jacquin), trung úy Gơ-ra-vô (Gravaud).

- Đầu tháng năm, trước khi chết trận ở Cầu Giấy, thiếu tá Bec-tơ Đờ Vi-le còn đem quân sang Đốc Gạch (Gia Lâm) đánh nhau với nghĩa quân ta tập trung định sang đánh Đồn Thủy.

- Nghĩa quân các làng vào Hà Nội phá nhà cổ đạo Lan-đê (Landais) và cổ đạo Bec-tô (Bertaud). Quân ta bắn pháo thuyền Pháp đậu trên sông Hồng, bắn tòa lãnh sự Pháp và khu Đồn Thủy.

- Ngày 27 tháng năm, Pháp đánh Nam Định, Trung tá Ca-rô (Carreau) chết. Phía Việt Nam, đề đốc Lê Văn Diêm tử trận.

1883

- Ngày 25 tháng tám, tướng Hác-măng (Harmand) tấn công Huế. Vua nhà Nguyễn sai Chánh sứ Trần Đình Trúc điều đình với Hác-măng ký một thỏa ước. Trong thỏa ước có những điều cụ thể hơn về việc bán nước. Một số điều như sau (nguyên văn):

Điều 1 - Nước Nam nhận và chịu sự bảo hộ của nước Pháp. Nước Pháp chủ trương mọi sự giao thiệp của nước Nam với nước ngoài, nước Nam có giao thiệp ngoại giao với nước nào đều chỉ do nước Pháp môi giới..

Điều 12 - Ở Bắc Kỳ, có một quan thống sứ Pháp đóng ở Hà Nội. Ở Hải Phòng và tất cả các tỉnh đều đặt các quan chức Pháp dưới quyền quan công sứ..

Điều 25 - Nước Pháp sẽ coi người Nam ở khắp nơi là người được nước Pháp bảo hộ..

Chín giờ tối 12 tháng năm, hội nghĩa các làng huyện Thọ Xương tấn công tiêu diệt trạm lính gác tòa nhà thờ dựng tạm bằng gỗ ở phố Nhà Chung. Bọn lính sống sót phải chạy trốn sang vườn chùa Bà Đá.

- Ngày 15 tháng tám, đại tá Bi-sô (Bichaud) đem lính ra vùng sông Nhuệ đánh nhau với nghĩa quân từ phủ Hoài Đức đến Chèm, tấn công làng Phú Xá, nhưng không vào được.

- Ngày 1 tháng Chín, trung tướng Bu-ê (Bouet) đem quân ra vùng huyện Đan Phượng đánh nhau với nghĩa quân từ Phùng ra cửa sông Hát.

- Từ ngày 11 tới 16 tháng Mười hai, thủy sư đô đốc Cuôc-bê (Courbet) với 6000 quân, đánh Sơn Tây. Ngày 13, tấn công Phùng. Ngày 15, đánh chiếm lũy Phù Sa. Ngày 16 chiếm thành Sơn.

Bên ta, hầu hết nghĩa quân các làng đã ra chặn đánh địch. Sau 5 ngày đánh nhau, quân Pháp chết hơn ba trăm lính, 30 sĩ quan bị thương và 4 đại úy tử trận, đại úy Gô-đi-nê (Gaudinet), Du-xê (Doucet), Men (Mehl), Cu-ny (Couny).

- Ngày 27 tháng Mười hai, nghĩa quân đột nhập Đồn Thủy, đốt cháy toàn bộ kho đạn trong khu.

- Nghĩa quân Mễ Trì (Kẻ Mây) tiêu diệt toán quân hộ tống voi của tuần phủ Ninh Bình biểu công sứ Hà Nội. Đề đốc Đặng Văn Tại về đẹp, bị nghĩa quân đánh chết.

1884

- Ngày 6 tháng sáu, nhà Nguyễn lại ký hòa ước mới với Pháp, Phía Pháp, do Pa-te-nôt (Patenôtre), phía nhà Nguyễn do chánh sứ Nguyễn Văn Tường và Phạm Thận Duật, Tôn Thất Phan.

Với hòa ước sau cùng này, nước ta bị chia thành 3 kỳ. Những điều khoản trói buộc và cụ thể trong hòa ước thực dân Pháp đã thi hành cho tới ngày Pháp bị phát xít Nhật đảo chính (19-3-1945), phát xít Nhật lại tiếp tục các chính sách như của thực dân Pháp. Phải cho tới Cách mạng

tháng Tám 1945 thành công, nhân dân ta giành lại chính quyền, đất nước mới thực sự được độc lập tự do.

Hòa ước 1884 có 19 khoản. Có những điều chi tiết, như sau, (nguyên văn):

Điều 1 - Nước Nam nhận và chịu nước Pháp bảo hộ. Nước Pháp đại diện cho nước Nam trong các việc giao dịch với nước ngoài và bảo trợ cho người nước Nam ở trong cũng như ở ngoài nước.

Điều 2 - Quân đội Pháp đóng vĩnh viễn ở cửa Thuận An. Nam triều phải triệt bỏ đồn lũy từ Thuận An vào kinh đô.

Điều 3 - Nam triều được cai trị từ các tỉnh giáp giới tỉnh Biên Hòa của Nam Kỳ cho đến phần đất giáp giới tỉnh Ninh Bình của Bắc Kỳ...

Điều 5 - Khâm sứ Pháp tại kinh đô thay mặt Chính phủ Cộng hòa Pháp giữ việc ngoại giao của nước Nam và thi hành việc bảo hộ...

Điều 6 - Ở Bắc Kỳ, Chính phủ Cộng hòa Pháp đặt quan thống sứ ở Hà Nội và quan công sứ ở các tỉnh.

Điều 7 - Các quan khâm sứ, thống sứ, công sứ không dự các chi tiết việc cai trị dân sự của các quan lại An Nam nhưng được quyền kiểm soát và khi xin cách chức quan lại An Nam nào thì triều đình Huế phải chịu theo như điều xin...

Nghĩa quân ở Bãi Sậy nổi lên. Sách Đại Nam Thực lục Chính biên, đệ lục kỷ (Sử của Nam triều) chép đã bớt đi nhiều sự thực, nhưng đã phải viết (nguyên văn): “Bè lũ bọn giặc Sậy (Tục gọi Bãi Sậy, ở giáp giới Hưng Yên, Bắc Ninh) hợp bọn với các tên tội phạm trốn ở Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hòa, Thường Tín quấy nhiễu. Tổng đốc tỉnh Hà Nội, Ninh Bình là Lê Dĩnh phái lãnh binh Vũ Hữu Tín đem binh dũng đi dẹp, thất cơ phải rút lui. Giặc đốt phá phủ thành Thường Tín và đánh chiếm thành của ba huyện Thanh Trì, Phú Xuyên, Thanh Oai, các huyện viên đều trốn đi cả.”

Từ 1884 tới 1898

Nghĩa quân vùng tây bắc Hà Nội hoạt động, quân Pháp phải đánh dẹp khủng bố tới 1910 mới gọi là tạm yên.

Những vùng hoạt động và những thủ lĩnh chính của nghĩa quân: Ở Hồ Khẩu, có Quận Chử. Ở Tây Tựu: Đề Kiên. Cổ Nhuế: Lãnh Trứ, Đồ Tịch. Trích Sài: Xuất Nghĩa. Linh Chiểu: Quận Cồ. Xuân Vân: Đốc Ngữ. Nhân Lý: Quản Cự. Đại Đồng: Quản Nhếch. Sơn Đồng: Chánh Võ. Sơn Lộ: Tự So.

- 1887, quân Pháp ở Hà Nội bắt nguyên bố chính tỉnh Thái Nguyên là Nguyễn Cao.

Năm 1883, Nguyễn Cao làm bố chính ở Thái Nguyên chống nhau với Pháp. Khi Nam triều đã ký hòa ước hàng Pháp, Nguyễn Cao bỏ quan về dạy học ở xã Kim Giang, phủ Ứng Hòa. Bọn Pháp vẫn truy lùng những người chống Pháp và chúng đã bắt ông.

Bị giam ở Hà Nội, Nguyễn Cao đã lấy móng tay tự khoét lòi ruột. Pháp đem đi chữa khỏi. Nguyễn Cao lại cắn lưỡi và tuyệt thực. Pháp kêu án chém. Chúng khiêng Nguyễn Cao ra pháp trường ở bờ hồ Hoàn Kiếm. Nhưng đến nơi thì Nguyễn Cao đã tắt thở.

- 1888, Pháp tấn công nghĩa quân Quận Cồ tại Tây Đằng. Hai thiếu úy Mang-ganh (Manguin) và Du-xê (Doucet) chết trận.

- 1890, Quận Chử (Hồ Khẩu) đánh đồn Cầu Giấy. Lính Pháp thoát chết phải bỏ đồn, chạy về phủ Hoài Đức.

- Đêm ngày 5 rạng ngày 6 tháng Mười hai 1898, có cuộc khởi nghĩa đánh Hà Nội. Cuộc khởi nghĩa đã được chuẩn bị từ 1895, do nhà sư Trần Quốc Chính trụ trì chùa Long Ngọc Động (Chương Mỹ - Hà Đông) thủ xướng. Tới 1897 đã chọn được một số thủ lĩnh chỉ huy 5 cánh quân. Các thủ lĩnh là: Trương Công Xán (phố Hàng Đào), Nguyễn Hành tức Tú Thuật, Hoa Văn Trứ tức Tư Trứ (Cổ Nhuế), Nguyễn Văn Khuyến (Chèm), Đỗ Đắc Kiên tức Đề Kiên (Tây Tựu), Nguyễn Trang, sư chùa Hạ Mỗ, Lý Điểm (Bồng Lai), Trương Công Bình (Bách Sam - Hà Nam), Nguyễn

Quang Hoan (Thái Bình), Đinh Công Bạch (người Mường ngụ tại Hà Nội), Cử Đức (Mế Xá - Hưng Yên), Ngô Chấn, sư chùa Cát Trù - Vĩnh Yên, Nguyễn Đăng Quế (Nam Định).

Nghĩa quân định tấn công Sơn Tây và Hà Nội cùng một lúc. Nhưng kế hoạch hội quân không thành, đêm 5 chuyển về tập trung đánh Hà Nội. Một cánh tấn công chiếm được đồn Ngọc Hà và nhà đại tá Ca-xi-ê (Cassier). Nhưng vì không cắt được điện, không thống nhất nhận được lệnh tổng công kích, cuộc tấn công bị thất bại. Thực dân Pháp, sau đó, đã lùng bắt và làm án chém 50 người, xử tử tại bờ hồ Hoàn Kiếm - chỗ công viên Chí Linh bây giờ, và hơn ba trăm người bị đày đi Côn Đảo.

- Tả ngạn sông Hồng, đối diện với Hà Nội, trong địa phận ba tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, đề Văn Giang vỡ 21 năm liền, biến một vùng đồng ruộng thành bãi lau sậy lầy lội, hoang vu. Vùng Bãi Sậy, hơn mười năm, từ 1882 đã trở thành căn cứ nghĩa quân. Trong khu vực ấy có nhiều thủ lĩnh nghĩa quân nổi tiếng như: Nguyễn Thiện Thuật (Mỹ Hào), Tạ Hiện (Kẻ Sắt), Đề Tánh, Lãnh Diển, Đốc Quế (Khoái Châu), Đốc Văn (Bắc Ninh), Đốc Sung (Dịch Trì), Đốc Khoát, Đốc Quý, Ba Giang (Vĩnh Lại). Có những trận đánh đã phối hợp được tới hàng nghìn nghĩa quân có hơn năm trăm tay súng, như trận đánh Pháp ở Liên Trung (Yên Mỹ - Hưng Yên).

Cuối 1886, phía tây bắc Hà Nội, Đốc Ngũ và Quận Kiền tập hợp người Kinh, người Mường lập căn cứ vùng núi Ba Vì. Đánh Pháp nhiều trận ở làng Nại, Tiên Động, Rừng Già. Trận ngày 7 tháng 10-1890, ở Cẩm Đái, giết chết giám binh Mu-lanh (Moulin), trong trận Quảng Nạp (1890) giết chết thiếu úy Ê-rê ở đồn Ngọc Tháp (Bất Bạt) trận phá nhà tù Sơn Tây (1890) giải phóng 174 tù là nghĩa quân đã bị bắt. Và một trận lớn ở Quán Lập diệt nhiều lính và sĩ quan Pháp. 1892, nghĩa quân chiếm đồn Yên Lãng.

Nhiều thủ lĩnh nghĩa quân người Mường như Đinh Công Uy, Bùi Văn Kiệm, Đinh Công Nghiêm lập căn cứ ở núi Viên Nam. Năm 1891, tấn công chiếm tỉnh lỵ Hòa Bình ở Chợ Bờ, giết chết chánh sứ Pông-Vy (Ponvi) diệt nhiều quân Pháp, thu được hơn một trăm súng.

- 1909, tổng Khiêm, người Mường tấn công Hòa Bình, giết chết giám binh Se-nhô (Chaigneau).

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chú thích

[\[1\]](#) Thời nhà Nguyễn, nước ta chia thành 23 trấn. Các trấn Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hải Dương, Sơn Tây, Kinh Bắc, Thanh Hóa... ở ngoài Bắc thuộc về Bắc thành (Hà Nội).

[\[2\]](#) Đại úy thủy quân Pháp Phơ-răng-xi Gác-ni-ê (Francis Garnier) chết trận ở ô Cầu Giấy ngày 25 tháng Mười hai 1873. Gác-ni-ê tự xưng là An Nghiệp. Nhưng người thời ấy thường gọi là quan ba Ngạc Nhe.

[\[3\]](#) Lái buôn người Pháp tên là Giảng Duy-puy (Jean Dupuis).

[\[4\]](#) Bắc Kỳ tán ly quân vụ đại thần Dương Doãn Hải.

[\[5\]](#) Khâm sai Nguyễn Tri Phương.

[\[6\]](#) Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc.

[\[7\]](#) Tên những đạo quân giữ Hà Nội và Sơn Tây thời Nguyễn.

[\[8\]](#) Trung úy hải quân Ban-ny Đa-ri-cua (Balny d' Arricourt).

[\[9\]](#) Thống đốc Hoàng Tá Viêm.

[\[10\]](#) Thời nhà Nguyễn có 5 thứ quân chiến đấu và 5 đội quân không chiến đấu. 5 thứ quân chiến đấu: bộ binh, kỵ binh, pháo binh, thủy binh, tượng binh. Mỗi loại chia thành từng cơ (hoặc gọi là vệ), mỗi cơ 10 đội (50 người), mỗi đội 5 thập (2 ngũ), mỗi ngũ 5 người. 5 thứ quân không chiến đấu: thư lại (trông coi giấy tờ, lương bổng), đội tuần (canh gác, tuần phòng dinh thự, thành lũy), lính trạm (chạy công văn), lính nuôi ngựa nuôi voi, đội hà thanh (chuyên trồng dâu, nuôi tằm).

[\[11\]](#) Một thước ta dài 0,645m.

[\[12\]](#) Cao Bá Quát, giáo thụ phủ Quốc Oai (Sơn Tây) khởi nghĩa ở Mỹ Lương năm 1854.

[\[13\]](#) Thứ đồ chơi Tết mừng năm này gọi là “bùa túi” (bùa và túi). Người ta gọi nhầm là “bồ túi”, lâu thành tên.

[\[14\]](#) Lính người Ả Rập khoác áo choàng trắng, thực dân Pháp mộ ở các thuộc địa Bắc Phi. Người Hà Nội thời ấy gọi là “Tây mặc váy”

[\[15\]](#) Ở Tràng Tiền, cũng gọi là ô Trường Long, ô Cự Lâu hay Hậu Lâu - quãng giữa phố Tràng Tiền bây giờ. Năm 1886, Pháp mở rộng đường xây cổng, đổi tên là cửa Đại Pháp. Khi làm Nhà hát thành phố (1911) cửa đó mới bị phá bỏ.

[\[16\]](#) Khoa thi hương Hà Nội năm Bính Tý (1876).

[\[17\]](#) Đại úy Đờ Kéc-ga-ra-đéc (De Kergaradec) lãnh sự Pháp đầu tiên ở Hà Nội thời kỳ ấy.

[\[18\]](#) Hoàng Diệu, Tổng đốc tỉnh Hà Nội.

[\[19\]](#) Ấn sát Tôn Thất Bá.

[\[20\]](#) Đề đốc Lê Văn Trinh.

[\[21\]](#) Lãnh binh Lê Trực.

[22] Lãnh binh Nguyễn Đình Tường.

[\[23\]](#) Phó lãnh binh Hồ Văn Phong.

[\[24\]](#) Đúng cấp bậc, chỉ là thượng sĩ Giắc Canh (Jacquin) và trung sĩ Gờ-ra-vô (Gravot).

[\[25\]](#) Thống đốc Hoàng Tá Viêm.

[\[26\]](#) Đại úy lính thủy đánh bộ Duy Boóc (Duybord).

[\[27\]](#) Trích nhật ký “Ở Bắc Kỳ” của Đuy Boóc.

[\[28\]](#) Ngày 7 tháng Ba 1883, quân Pháp đánh thành Nam Định, Trung tá Ca-rô (Carreau) chết trận.

[29] Thượng thư Bùi Đức Kiên.

[\[30\]](#) Đề đốc Tôn Thất Trắc.

[\[31\]](#) Linh mục Lãng-Đe (Landais), linh mục Bec-Tô (Bertaud).

[\[32\]](#) Thiếu tá thủy quân lục chiến Béc tơ-đờ- Vin le (Berthe de Villers).

[\[33\]](#) Pháo hạm Le-o-pa (Léopard) và Ca-ra-bin (Carabine).

[\[34\]](#) Đại tá lục quân Bi-sô (Bichaud).

[\[35\]](#) Lính mộ những người ở ven sông, biển, quen bơi lội.

[\[36\]](#) Đại tá lục quân Bu-ê (Bouet).

[\[37\]](#) Thời nhà Nguyễn, binh lính chia ra 5 người một ngũ. 10 người một thập, 5 thập một đội, 5 đội một cơ, 5 cơ một vệ.

[\[38\]](#) Tên những con voi đi đánh trận có công, được phong tước.

[\[39\]](#) Thanh bên Trung Quốc, bắn xa chừng ba trăm mét.

[\[40\]](#) Một loại súng trường của quân nhà.

^[41] Theo cầu viện của triều Nguyễn, vua nhà Thanh phái bốn tướng Đường Cảnh Tùng, Mạc Đông Thanh, Giã Vạn Quý, Điều Phúc Chí đưa quân sang đóng ở một số vùng trung du miền Bắc Việt Nam.

[\[42\]](#) Tháng Mười hai 1882, Pháp đánh Hưng Hóa, thả ba quả khinh khí cầu do thám.